

Thế chiến quốc - Tổng quan - 2



Thế chiến quốc

05.10.2023

1. Mỹ, Trung và sự hưng thịnh, suy vong của các cường quốc
2. Sau một thập niên, Tập lại bất ngờ đề xuất chia đôi thế giới với Mỹ
3. Bá Quyền Kết Thúc Như Thế Nào – Sự Rã Rệu Của Quyền Lực Mỹ
4. Mỹ là một đế chế đang đi xuống nhưng không có nghĩa nó phải sụp đổ
5. Bất bình đẳng và dân chủ
6. Học thuyết Biden: Dân chủ, độc tài và cuộc cạnh tranh định hình thời đại
7. Chiến lược Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương của Hoa Kỳ nhằm xây dựng các kết nối trong và ngoài khu vực
8. Chiến lược Hợp tác của EU tại Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương
9. Diễn đàn Hợp tác Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương
10. Canada công bố chiến lược Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương, tập trung vào Trung Quốc
11. Hàn Quốc công bố Chiến lược Ấn Độ-Thái Bình Dương với tầm nhìn tự do, hòa bình và thịnh vượng
12. Chiến lược Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương mới của Mỹ có tên Việt Nam
13. Làm thế nào để quản lý rủi ro từ một Trung Quốc suy yếu?
14. Sức mạnh quân sự của Trung Quốc đang vươn ra toàn cầu
15. Căn cứ quân sự của Trung Quốc và Biển Đông: Thách thức mối quan hệ Việt Nam - Campuchia
16. Đối phó lâu dài với Tập Cận Bình
17. Ông Biden có đưa ra những hứa hẹn với ông Tập hay không?
18. Kế hoạch kiềm chế Trung Quốc ở Thái Bình Dương đã khởi động
19. Biển Đông sau QUAD và AUKUS
20. Thông điệp Bộ tứ gửi đến Trung Quốc
21. Từ AUKUS đến Bộ Tứ : Gọng kềm Mỹ đang siết lại với Trung Quốc ở Thái Bình Dương
22. Bộ Tứ - QUAD tuyên bố « không dung thứ » cho việc thay đổi nguyên trạng ở Châu Á – Thái Bình Dương
23. Cơ sở nào để khẳng định Việt Nam ủng hộ AUKUS?
24. Quỹ đạo quan hệ Việt Nam với “Bộ tứ”
25. RCEP – Khu vực mậu dịch tự do lớn nhất thế giới đã ra đời
26. Nguyên nhân nào gây ra cuộc chiến Ukraine?
27. Trò môi giới của Trung Quốc sẽ dẫn đến cái gì?

Mỹ, Trung và sự hưng thịnh, suy vong của các cường quốc

19/01/2018

Capture à partir de : nghiencuuquocte



Nguồn: Andrew Preston, "[The rise and fall of great powers](#)", *The Globe and Mail*, 29/12/2017.

Biên dịch: Văn Cường

Các phỏng đoán hiện nay nhìn chung đều cho rằng vị thế của Mỹ sẽ ngày càng suy giảm còn Trung Quốc tiếp tục nổi lên trở thành siêu cường số một thế giới. Nhưng cuộc soán ngôi này sẽ diễn ra như thế nào là câu hỏi không dễ trả lời và cũng khó xảy ra trên thực tế.

Khi thế giới ngày càng chia rẽ về vấn đề Triều Tiên, Tổng thống Mỹ Donald Trump đã làm những việc mà một người ở vị trí của ông cần phải làm: phô trương sức mạnh cơ bắp của nước Mỹ. Vào tháng 10/2017, ông đã ra lệnh triển khai 3 nhóm tàu sân bay đến vùng Tây Thái Bình Dương, đặt dưới sự chỉ huy của Hạm đội 7 đóng quân tại Nhật Bản. Đây là hạm đội hùng mạnh gấp nhiều lần so với hải quân của các nước khác. Một lần nữa, quân đội Mỹ lại giữ vai trò đội quân bảo vệ thế giới để trấn an các nước trong khu vực rằng mọi hành động hung hăng sẽ bị kiểm soát và khu vực xung quanh họ vẫn an toàn.

Hạm đội 7 đã trải qua một năm đầy khó khăn. Ngay từ tháng 1/2017, đơn vị này đã bị dính tới 6 vụ tai nạn, gồm 5 vụ tai nạn tàu và 1 vụ tai nạn máy bay. Đây không phải là tai nạn do đụng độ với tàu đối phương, mà là va chạm ngẫu nhiên với những phương tiện có ít nguy cơ hơn như tàu cá, tàu chở hàng, tàu chở dầu và tàu lai dắt. Thậm chí có vụ tàu chiến Mỹ còn bị mắc kẹt ở ngoài khơi bờ biển Nhật Bản. Những sự cố liên tục đã khiến Tư lệnh Hạm đội 7 nhanh chóng bị bãi nhiệm sau đó.

Trong khi Hạm đội 7 đang loay hoay, Trung Quốc bận rộn xây dựng một quần đảo mới ở Biển Đông. Các thực thể, chủ yếu được bồi đắp từ những bãi đá do Bắc Kinh tuyên bố chủ quyền song cũng đang có tranh chấp với năm quốc gia châu Á khác, sẽ là những cơ sở chiến lược quan trọng cho sức mạnh hải quân và không quân của Trung Quốc. Từ các thực thể này, Bắc Kinh hy vọng có thể triển khai hoạt động trên khắp vùng Tây Thái Bình Dương. Đó là một dự án khổng lồ gây ấn tượng, song cũng đem lại những phiền toái tương tự.

Thật khó để không nghĩ rằng tất cả những điều này là biểu hiện đối trọng sức mạnh địa chính trị giữa Mỹ và Trung Quốc. Trong khi Hạm đội 7 của Mỹ đang trầy trật ở vùng Tây Thái Bình Dương thì Trung Quốc đang tạo ra một khu liên hợp quân sự to lớn từ các bãi cát, mỏm san hô ngập nước và các rạn san hô.

Những diễn biến đó, cộng thêm rất nhiều sự kiện khác xảy ra trong cả năm qua, đã hình thành quan điểm khá phổ biến cho rằng sức mạnh của Mỹ đang suy giảm và một Trung Quốc đang nổi sẽ sớm thay thế Mỹ trong vai trò cường quốc hàng đầu thế giới. Nhưng thực tế này sẽ diễn ra như thế nào? Liệu năm 2018 có trở thành điểm khởi đầu cho một kỷ nguyên mới khi các cấu trúc trật tự thế giới không còn được giới chính trị gia, quân đội, kinh tế và văn hóa Mỹ ủng hộ? Tuy nhiên, lịch sử lại có cái nhìn khác.

Một thực tế không thể chối cãi là Mỹ hiện đang phải đối mặt với những thách thức nghiêm trọng trong việc duy trì vị thế thống trị

thế giới. Nền kinh tế Trung Quốc, hiện đã vươn lên hàng thứ hai thế giới, đang thu hẹp dần khoảng cách với nền kinh tế lớn nhất thế giới và Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) dự kiến sẽ vượt Mỹ trong chỉ hơn một thập kỷ tới. Hai cuộc chiến ở Afghanistan và Iraq, dài nhất trong lịch sử Mỹ, đã làm suy yếu danh tiếng và nguồn lực của Washington khi vừa tiêu tốn số tiền có lẽ lên tới hàng nghìn tỷ USD, vừa gây mất ổn định, an ninh.

Thế khó toàn diện của Mỹ cũng phần nào bắt nguồn từ chính tình hình nội bộ của nước này. Cuộc đại suy thoái nổi lên từ cuối năm 2008 đã nới rộng khoảng cách kinh tế xã hội vốn đã ở mức báo động. Nền chính trị đất nước rơi vào trạng thái tê liệt và phân cực, trong khi người dân bị chia rẽ theo nhiều cách khác nhau, nhất là trong vấn đề phân biệt chủng tộc. “Các cuộc chiến tranh văn hoá” bùng phát từ những năm 1990 đã không hề thuyên giảm như nhiều người hy vọng mà trên thực tế còn trở nên nghiêm trọng hơn. Hai vấn nạn chết người – thuốc phiện và bạo lực súng đạn – là biểu hiện của sự rối loạn và bất mãn xã hội.

Sự cộng hưởng của suy yếu sức mạnh bên ngoài và khủng hoảng văn hoá xã hội bên trong đã khiến nhiều người tự hỏi phải chăng chúng ta đang chứng kiến sự sụp đổ của thời đại Mỹ và sự ra đời của kỷ nguyên Trung Quốc. Các nhà lãnh đạo thế giới, do không chắc chắn có thể đặt niềm tin vào Washington, cảm thấy thực sự lo ngại, thậm chí một số đồng minh lâu năm còn tỏ ra nghi ngờ. Hồi tháng 5, sau cuộc gặp không mấy suôn sẻ với Tổng thống Donald Trump, Thủ tướng Đức Angela Merkel đã nói: “Người châu Âu chúng ta phải tự nắm lấy số phận của mình”.

Chỉ hơn một tuần sau đó, trong bài diễn văn đáng chú ý tại Hạ viện ở thủ đô Ottawa, Ngoại trưởng Canada Chrystia Freeland cũng cảnh báo rằng sự thoái lui của Mỹ trong trật tự thế giới buộc Canada phải tìm kiếm sự lãnh đạo ở nơi khác. Giống như

Thủ tướng Merkel, bà Freeland than phiền về chính sách bảo hộ của Tổng thống Trump. Lịch sử cho thấy “sự theo đuổi lợi ích quốc gia hẹp hòi... chẳng mang lại điều gì ngoài đổ vỡ và nghèo đói”. Vì thế, theo bà Freeland, Canada cần phải xem xét lại vai trò lãnh đạo toàn cầu của Mỹ do “bạn bè và đồng minh của chúng ta đặt câu hỏi về giá trị của điều này”.

Tờ The Economist cũng đã nhận thấy sự chuyển dịch quyền lực đang diễn ra. Trong một ấn phẩm xuất bản hồi tháng 10, tạp chí này đã cho đăng hình Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình với dòng chữ minh họa thường được dành cho Tổng thống Mỹ: “Người đàn ông quyền lực nhất thế giới”. Vài tuần sau đó, The Economist cho đăng hình một con đại bàng hói Bắc Mỹ kèm theo tiêu đề: “Cảnh báo: Tương lai nước Mỹ trong vai trò cường quốc toàn cầu”.

Có thể nước Mỹ đang trong giai đoạn suy giảm ảnh hưởng nhưng xu hướng này không hẳn không thể đảo ngược. Những người quan sát sát sao nhất sự khủng hoảng vai trò toàn cầu của Mỹ chính là người Trung Quốc. Ông Tập Cận Bình đã lấp đầy khoảng trống lãnh đạo do Tổng thống Trump để lại. Tại Diễn đàn Kinh tế Thế giới thường niên ở Davos, Thụy Sĩ, tháng 1 năm ngoái, nhà lãnh đạo Trung Quốc đã đưa ra biện pháp bảo vệ vững chắc tiến trình toàn cầu hóa và đưa Trung Quốc trở thành quốc gia lãnh đạo thay thế Mỹ đang ngày càng đi theo xu hướng bảo hộ. Ông Tập cũng đã lặp lại thông điệp này tại Hội nghị thượng đỉnh APEC vào cuối năm tại Việt Nam khi nhấn mạnh rằng toàn cầu hoá “đã trở thành xu hướng lịch sử không thể đảo ngược”. Những từ này vốn dĩ trước đây luôn phát ra từ miệng của các đời Tổng thống Mỹ, từ George Bush đến Barack Obama.

Khi Mỹ rút khỏi các cam kết toàn cầu về thương mại và biến đổi khí hậu, Trung Quốc cũng đã lập tức nhảy vào lấp chỗ trống bằng dự án “Vành đai và Con đường” nhằm nối liền Á-Âu với châu Phi, đồng thời thành lập Ngân hàng Đầu tư cơ sở hạ tầng

châu Á (AIB) để tài trợ cho các dự án phát triển. Rõ ràng đang có sự tương phản rõ rệt giữa “tầm nhìn nước Mỹ” của ông Trump với “giấc mộng Trung Hoa” của ông Tập Cận Bình, một mục tiêu đã được nhà lãnh đạo Trung Quốc chính thức đưa ra từ năm 2013. Theo như lời của nhà bình luận Antony Blinken làm cho tờ New York Times trong bài viết về cuộc gặp thượng đỉnh Trump-Tập gần đây ở Bắc Kinh, “thật khó để có cái nhìn khác về việc hai nhà lãnh đạo – và hai nước – đang đi theo hướng đi hoàn toàn khác nhau”. New York Times cho rằng trong cuộc cạnh tranh quyền lực hiện nay, Trung Quốc đã thắng.

Tất nhiên không ai nghi ngờ việc Mỹ có vấn đề. Nhưng có phải nước này đang thực sự suy giảm quyền lực? Không hẳn mọi việc đã là như vậy.

Có hai cách để đánh giá sự suy giảm: tuyệt đối và tương đối. Suy giảm tuyệt đối xảy ra khi các nguồn lực sức mạnh đất nước giảm dần theo thời gian, như kinh tế suy yếu, quân đội bị thu nhỏ... Suy giảm tương đối xảy ra khi một quốc gia có thể vẫn giữ, hay thậm chí mở rộng, quy mô kinh tế và sức mạnh quân đội nhưng lại không nhanh bằng các quốc gia đối thủ. Suy giảm tương đối có thể thay đổi hay thậm chí đảo ngược, vì sức mạnh của một quốc gia có thể tăng hay giảm theo thời gian và sức mạnh không bao giờ là thứ bất biến.

Về sức mạnh tuyệt đối, chắc chắn Mỹ không bị suy giảm. Chưa có bất kỳ nước nào đủ khả năng thách thức được sức mạnh kinh tế và quân sự của Mỹ. Hạm đội 7 tuy gặp rắc rối nhưng vẫn là lực lượng mạnh nhất ở Thái Bình Dương. Trong khi đó, nền văn hóa Mỹ vẫn sẽ luôn tạo sức hút lớn đối với người dân trên toàn thế giới.

Nhưng bức tranh sẽ thay đổi nếu nhìn vào sự suy giảm sức mạnh tương đối. Trong hơn 10 năm qua, sức mạnh của Mỹ đã giảm nhiều so với các nước khác. Quân đội Mỹ có thể vẫn hùng mạnh nhất thế giới và sở hữu những công nghệ tân tiến

nhất nhưng các nước khác, chứ không riêng Trung Quốc, cũng đang mạnh lên rất nhiều. Điều này từng xảy ra vài lần trong quá khứ. Mỹ đã có không ít lần bị suy giảm sức mạnh tương đối, cũng như mọi quốc gia khác trên thế giới. Đó là điều hoàn toàn bình thường. Sự bất thường duy nhất ở đây là mọi người đã nhầm lẫn sự suy giảm sức mạnh tương đối của Mỹ hiện nay thành suy giảm sức mạnh tuyệt đối và rằng điều đó là tất yếu, không thể đảo ngược. Nỗi ám ảnh này không xuất phát từ thực tế đang diễn ra, mà từ niềm tin cho rằng mọi thứ đang xấu đi. Và mỗi lần như thế, những lời phỏng đoán lại nhanh chóng được đưa ra, đầy gay gắt và không chuẩn xác.

Một phần lý do dẫn đến điều này là vì tiêu chuẩn sức mạnh Mỹ được thiết lập trong thời kỳ vàng son, giai đoạn từ năm 1941 đến những năm 1960. Phần lớn thế giới, bao gồm cả những đối thủ ngang hàng của Mỹ, đã bị suy yếu trong Chiến tranh thế giới thứ hai. Chỉ Mỹ là nước duy nhất thực sự phát triển mạnh trong thời kỳ này. Mỹ có hơn 400.000 người thiệt mạng trong chiến tranh nhưng con số đó không thấm vào đâu so với hàng triệu người chết ở các nước khác (nếu tính theo tỷ lệ dân số, thậm chí Canada cũng chịu thiệt hại nhiều hơn Mỹ). Một điều khác là lục địa Mỹ không hề có chiến tranh. Cuộc cách mạng công nghiệp bùng nổ và các cuộc chiến tranh đã kéo kinh tế Mỹ ra khỏi cuộc Đại suy thoái, thậm chí còn mang lại thịnh vượng lâu dài cho nước này. Ngay từ năm 1945, Mỹ đã chiếm một nửa GDP thế giới và thiết lập một trật tự kinh tế quốc tế lấy USD làm đồng tiền dự trữ của thế giới. Chẳng phải vô tình khi ông Trump đã gọi lại thời kỳ này khi ông tuyên bố muốn “làm cho nước Mỹ vĩ đại trở lại”.

Kết quả chiến tranh đã tạo cho người Mỹ ý thức sai lầm về ưu thế và coi đó là một trật tự hiển nhiên. Các nước khác chấp nhận điều này, hoặc ít ra cũng đã tuân theo trật tự do Mỹ xác lập. Một số tìm cách thu hẹp khoảng cách với Mỹ. Trong quá trình đó, bất kỳ sự suy giảm sức mạnh nào của Mỹ, hay chiến thắng nào của đối thủ, cũng đều bị phóng đại. Chủ nghĩa suy

tàn khiến nhiều người có thiên hướng tin tưởng một cách mù quáng vào sự suy giảm sức mạnh tuyệt đối của nước Mỹ.

Năm 1949, khi Liên Xô tiến hành thử nghiệm quả bom nguyên tử đầu tiên và Chủ tịch Mao Trạch Đông lên nắm quyền ở Trung Quốc, bầu không khí hoảng loạn lan tỏa khắp nước Mỹ và khơi dậy chủ nghĩa McCarthy (chính sách chống cộng điên cuồng tại Mỹ từ 1950-1954 do Thượng nghị sĩ Joseph McCarthy chủ xướng). Năm 1957, khi Liên Xô phóng vệ tinh Sputnik, người Mỹ cho rằng họ đã thua Liên Xô trong cuộc Chiến tranh Lạnh. Trong một chiến dịch vận động tranh cử tổng thống năm 1960, John F. Kennedy cảnh báo về một “khoảng cách tên lửa” khiến Mỹ dễ bị tổn thương trước nguy cơ tấn công hạt nhân của Liên Xô. Hai điều lo sợ này không chỉ không đúng, mà còn hoàn toàn sai lệch, bởi nước Mỹ vẫn có sức mạnh áp đảo trong suốt thời gian sau đó. Chính J.F.Kennedy đã phát hiện ra sau khi được bầu làm tổng thống, đúng là đã có một khoảng cách thực sự về trình độ phát triển tên lửa giữa Mỹ và Liên Xô như thực tế là ưu thế đang thuộc về Mỹ với tỷ lệ chênh lệch lên tới 10:1.

Thời kỳ chiến tranh Việt Nam có lẽ gần giống nhất với hoàn cảnh của Mỹ hiện nay. Khi đó, cũng như bây giờ, một cuộc chiến tàn khốc và vô nghĩa ở nước ngoài đã châm ngòi cho những rối loạn xã hội ở trong nước và gây bất ổn kinh tế do lạm phát đình đốn và phi công nghiệp hóa. Nhưng kể từ đầu những năm 1980, Mỹ đã bắt đầu khôi phục vị thế quốc tế của mình.

Tuy nhiên, vào cuối những năm 1980, một cơn khủng hoảng khác lại bao trùm nước Mỹ khi kinh tế có nguy cơ bị Nhật Bản soán ngôi và xã hội trải qua cuộc khủng hoảng nghiêm trọng do các chiến dịch trấn áp ma túy, tội phạm bạo lực và đại dịch AIDS. Rất may là Chiến tranh Lạnh đã kết thúc trong hòa bình, hoàn toàn theo các tính toán của Mỹ. Với sự bùng nổ kinh tế của Nhật Bản, chiến thắng vang dội của Mỹ ở Iraq và sự sụp đổ của Liên Xô, giai đoạn những năm 1990 đã mở ra một thời kỳ

thay đổi trong quan hệ quốc tế. Nước Pháp gọi Mỹ là “siêu cường” và thế giới chuyển sang hệ thống “đơn cực”. Nhưng rồi lại liên tiếp xảy ra các vụ 11/9, chiến tranh Afghanistan, cuộc xâm lược Iraq và nhiều sự kiện khác nữa.

Vấn đề là trước đây Mỹ cũng từng đối mặt với các cuộc khủng hoảng nghiêm trọng, khi thì ở trong nước, lúc thì ở nước ngoài và đôi lúc xảy ra đồng thời ở cả bên trong lẫn bên ngoài. Tuy nhiên, nước Mỹ luôn chứng tỏ được khả năng phục hồi đáng kinh ngạc. Trong khi đó, những quốc gia muốn nổi lên thay thế Mỹ – như Liên Xô hay Nhật Bản – sau đó đều bị suy giảm sức mạnh tuyệt đối một cách nghiêm trọng.

Hiện nay, nước Mỹ có thể đang ở trong giai đoạn suy giảm sức mạnh tương đối, nhưng sẽ rất đáng ngờ khi cho rằng xu hướng này không thể đảo ngược, và càng không thể dám chắc khi nói rằng chúng ta đang chứng kiến Mỹ suy giảm sức mạnh tuyệt đối. Trên thực tế, những sức mạnh căn bản của Mỹ vẫn đang rất tốt. Mặc dù bất bình đẳng là một vấn đề nghiêm trọng trong xã hội, nhưng kinh tế đang phát triển tốt. Nước Mỹ đang lãnh đạo thế giới về đổi mới công nghệ. Quân đội Mỹ duy trì ưu thế trên hầu hết các lĩnh vực. Kinh tế Mỹ đặt ra tiêu chuẩn cho toàn cầu và USD vẫn là đồng tiền chung của thế giới.

Trong khi đó, không đối thủ nào của Mỹ thực sự có sức mạnh như họ phô trương. Nước Nga thực ra rất yếu ớt. Chính sách đối ngoại của nước này đang che giấu sự lung lay cơ cấu tiềm ẩn. Trung Quốc dù tăng trưởng ấn tượng nhưng mọi tiến trình đẩy nhanh công nghiệp hóa đều phải đối mặt với một cuộc khủng hoảng xã hội ở trong nước. Trung Quốc đã thực thi cách mạng công nghiệp nhanh hơn và mạnh hơn bất kỳ cuộc cách mạng công nghiệp nào trong lịch sử thế giới. Hiện tại nước này chưa phải đối mặt với khủng hoảng trong nước nhưng các dấu hiệu đã manh nha xuất hiện. Khi khủng hoảng xảy ra, nó có thể sẽ gây ra những bất ổn nghiêm trọng cho Trung Quốc.

Tuy nhiên, có lẽ điều quan trọng nhất là xã hội Mỹ đã nhiều lần chứng tỏ được rằng nó có đủ khả năng thích ứng với các cú sốc hệ thống theo cách mà những nước khác không thể làm được. Liệu Trung Quốc có thể gánh được 3 cuộc chiến tranh hao tổn ở nước ngoài trong vòng 4 thập kỷ trong khi vừa phải trải qua hàng loạt cuộc khủng hoảng xã hội trong nước? Nước Mỹ đã trải qua tất cả những điều này, từ cuộc chiến tranh ở Việt Nam, Iraq tới Afghanistan, đến các cuộc khủng hoảng kinh tế và xã hội trong nước trong khi vẫn duy trì được sức mạnh tuyệt đối của mình. Ở một vài thời điểm nào đó, người ta có thể đặt câu hỏi về sức mạnh tương đối của Mỹ nhưng chưa bao giờ sức mạnh này hoàn toàn bị lật đổ. Liên Xô, khi ở đỉnh cao hơn nhiều so với vị thế của Nga hiện nay, cũng đã không thể chịu được chỉ một cuộc chiến ở Afghanistan, nói gì đến những điều khác.

Lá bài chốt trong toàn bộ ván cờ hiện nay là nước Mỹ đang được lãnh đạo bởi một trong những vị tổng thống kém năng lực nhất trong lịch sử. Sự yếu kém đáng ngạc nhiên của ông Trump về kỹ năng quản trị đất nước và việc ông từ chối lời khuyên của các nhân viên Bộ Ngoại giao có thể gây ra một cuộc khủng hoảng dẫn đến sụp đổ sức mạnh Mỹ và chôn ngòi cho một thời kỳ suy giảm mạnh mẽ. Tất nhiên, điều này không dễ gì xảy ra nhưng Trump luôn có thiên hướng tạo bất ngờ với khả năng gây sốc của mình.

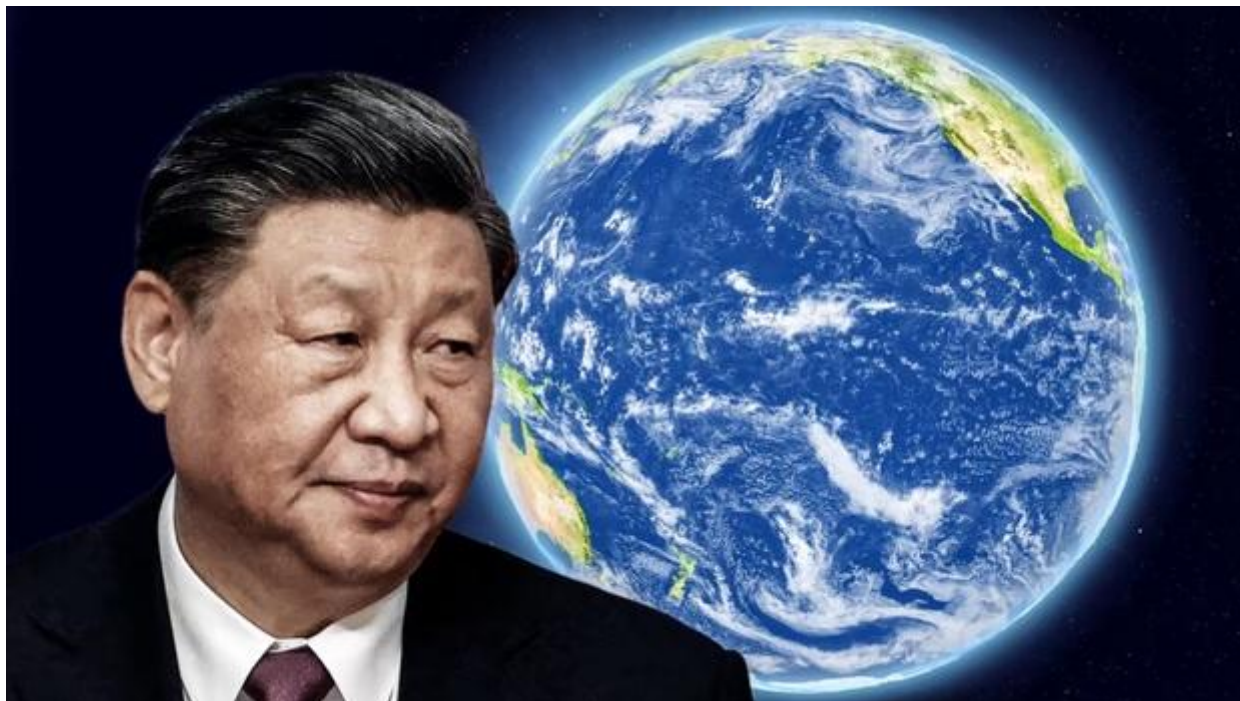
Andrew Preston là giáo sư chuyên ngành lịch sử Mỹ tại Đại học Cambridge.

Nguồn: [Nghiên cứu Biển Đông](#)

Sau một thập niên, Tập lại bất ngờ đề xuất chia đôi thế giới với Mỹ

27/06/2023

Capture à partir de : [nghiencuuquocte](#)



Nguồn: Katsuji Nakazawa, “ [After a decade, Xi floats ‘G2’ world with U.S. again](#),” *Nikkei Asia*, 22/06/2023

Biên dịch: Nguyễn Thị Kim Phụng

Chủ tịch Tập Cận Bình nói rằng Trái Đất đủ lớn cho cả Mỹ và Trung Quốc

Một trong những cụm từ chính mà Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình đã sử dụng khi gặp Ngoại trưởng Mỹ Antony Blinken tại Bắc Kinh là, “Hành tinh Trái Đất đủ lớn để đáp ứng sự phát triển và thịnh vượng chung của cả Trung Quốc và Mỹ.”

Đối với các nhà quan sát quan hệ Mỹ-Trung trong những năm qua, phát biểu này đã gợi nhắc về quá khứ. Tập từng đưa ra nhận xét tương tự cách đây 10 năm, trong chuyến thăm Mỹ lần đầu tiên với tư cách nhà lãnh đạo cao nhất của Trung Quốc.

Tháng 6/2013, ông đã gặp Tổng thống Mỹ khi đó là Barack Obama tại khu nghỉ mát Sunnylands ở California, và đề xuất “một quan hệ cường quốc kiểu mới” giữa hai nước.

Giải thích về khái niệm này, Tập nói với Obama, “Thái Bình Dương rộng lớn có đủ không gian cho cả hai nước lớn.”

Ý tưởng của Tập là muốn Mỹ chấp nhận sức mạnh kinh tế và quân sự đang lên của Trung Quốc, đồng thời hợp tác với Trung

Quốc để giải quyết các vấn đề toàn cầu và thậm chí chia đôi lợi ích.

Điều đó tương đương với việc đề xuất một Nhóm Hai nước, hay G2 – một khái niệm đang được thảo luận rộng rãi ở thời điểm đó.



Tổng thống Mỹ Barack Obama (phải) và Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình đi dạo trong khuôn viên The Annenberg Retreat tại Sunnylands ở Rancho Mirage, California vào ngày 8/6/2013. Tập phát biểu rằng Thái Bình Dương rộng lớn có đủ không gian cho cả hai nước.
© Reuters

Sau một thời gian cân nhắc đề xuất của Tập Cận Bình, chính quyền Obama đã quyết định nói không. Đối với người Mỹ, phân chia đại dương đồng nghĩa với một nỗ lực thay đổi hiện trạng và thách thức Mỹ.

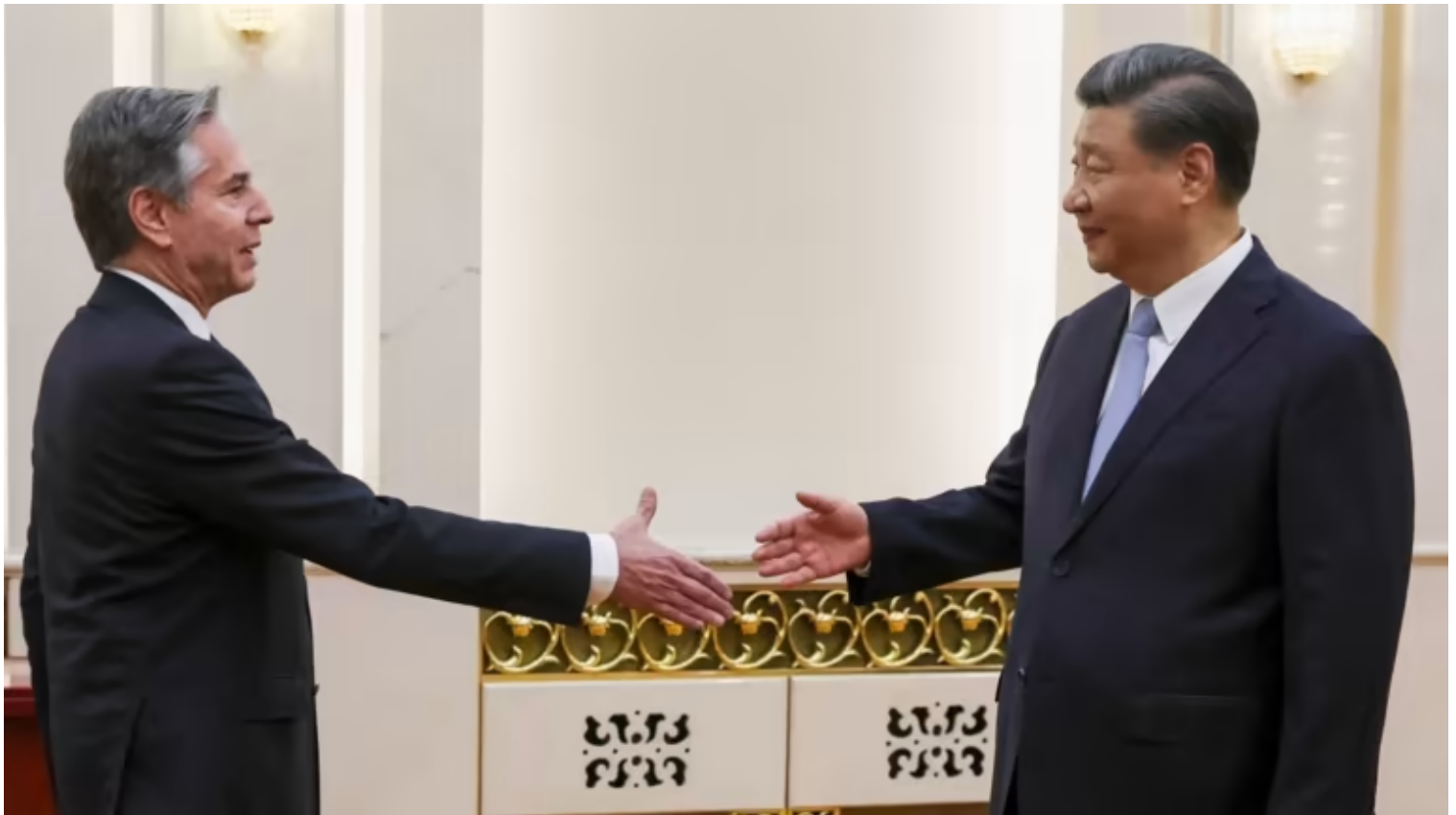
Tổng thống Mỹ hiện tại Joe Biden, khi đó là phó tổng thống của Obama, đã trực tiếp chứng kiến các diễn biến.

Khi nhìn lại, việc Obama từ chối đề xuất G2 là khởi đầu cho căng thẳng trong quan hệ Mỹ-Trung, vốn vẫn tiếp diễn cho đến nay. Vào thời điểm đó, Trung Quốc đang phô trương sức mạnh của mình, thực hiện các động thái hung hăng chưa từng có ở

Biển Đông và Biển Hoa Đông. Và Mỹ không thể chấp nhận mọi chuyện như một điều bình thường mới.

Câu nói của Tập với Blinken là sự lặp lại của nhận xét quan trọng, đã từng được sử dụng này. Giờ đây, thuật ngữ “Thái Bình Dương rộng lớn” đã được thay thế bằng “Hành tinh Trái Đất,” báo hiệu rằng phạm vi hiện tại đã lớn hơn đôi chút so với 10 năm trước.

Chưa bàn đến tính tốt xấu, thì tư duy cơ bản của Tập Cận Bình vẫn không hề thay đổi. Điều này không có gì đáng ngạc nhiên, xét đến việc đội ngũ cố vấn đối ngoại và an ninh của ông đều là những người đã làm việc từ một thập niên trước.



Antony Blinken đã nhận được sự tiếp đón nồng hậu mà Tập Cận Bình thường dành cho các nguyên thủ quốc gia. © AP

Một điểm khác biệt giữa đề xuất đầu tiên và đề xuất hiện tại là lần này Tập đã lưu ý rằng Trung Quốc và Mỹ có thể phát triển và đạt “thịnh vượng chung.”

Câu nói này nghe giống như lời đáp của Tập đối với phân tách Mỹ-Trung. Ông nhìn thấy một thế giới trong đó Trung Quốc và Mỹ có thể chia sẻ lợi ích và cùng tồn tại.

Để nhấn mạnh bản chất ôn hoà trong sự trỗi dậy của Trung Quốc, Tập nói với Blinken rằng Trung Quốc tôn trọng lợi ích của Mỹ và “không tìm cách thách thức hoặc thay thế” Mỹ

Nhưng ông lại thêm rằng, “Theo đó, Mỹ cũng cần tôn trọng Trung Quốc và không được làm tổn hại đến các quyền và lợi ích hợp pháp của Trung Quốc.”

Nếu quan ngại duy nhất giữa hai cường quốc là không xâm phạm lợi ích của nhau, thì nó cũng tương đương với việc chia đôi thế giới – khái niệm mà chính Obama đã bác bỏ.

Để tránh vô tình xảy ra đụng độ, thì việc hạ nhiệt cạnh tranh Mỹ-Trung là điều quan trọng, nhưng nếu mục tiêu cuối cùng của Tập là G2, thì về cơ bản, sẽ rất khó cải thiện quan hệ Mỹ-Trung.

Các phương tiện truyền thông Trung Quốc đã đưa tin cực kỳ chi tiết về chuyến thăm Bắc Kinh của Blinken. Các bản tin này khiến ta liên tưởng đến chuyến thăm của một tổng thống Mỹ. Kể từ khi Blinken đến Bắc Kinh vào Chủ nhật (18/06/2023), các mạng xã hội trực thuộc chính phủ Trung Quốc đã đưa tin về mọi động thái của ông.

Sau cuộc gặp kéo dài với Tần Cương, Ủy viên Quốc vụ viện kiêm Ngoại trưởng Trung Quốc, Blinken bước ra khỏi cổng Nhà khách Điều Ngự Đài ở Bắc Kinh vào lúc đêm muộn. Ngay cả cảnh quay chiếc xe của Blinken rời khỏi toà nhà cũng được phát sóng trực tiếp.



Sắp xếp chỗ ngồi để hạ nhục đối thủ? Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình gặp Ngoại trưởng Mỹ Antony Blinken tại Đại lễ đường Nhân dân vào ngày 19/6. © Reuters

Sự chú ý quá mức này có vẻ kỳ lạ, nếu xét đến các luận điểm hiếu chiến – gọi là chính sách ngoại giao “chiến lang” – thường được chĩa vào Mỹ

Nhưng Trung Quốc đang tìm kiếm một chiến thắng ngoại giao. Ấn tượng mà Bắc Kinh muốn để lại trong lòng công chúng là việc nhà ngoại giao hàng đầu của Mỹ cuối cùng đã đến thăm Bắc Kinh, quỳ gối và cúi đầu, trước khi được phép tiếp kiến Tập.

Trong cuộc họp của họ, Tập ngồi ở một đầu của chiếc bàn hội nghị dài, còn Blinken và những người khác ngồi ở hai bên, ngược nhìn ông, như thể một chủ tịch công ty đang nghe báo cáo từ cấp dưới.

Tuy nhiên, một chuyên gia về kinh tế và ngoại giao Trung Quốc lưu ý rằng tình trạng thực sự của Trung Quốc đã được hé lộ trong một cuộc gặp riêng khác của Tập.

Hôm thứ Sáu (16/06/2023), Chủ tịch Trung Quốc đã gặp Bill Gates và nói với người đồng sáng lập Microsoft rằng “Ông là người bạn Mỹ đầu tiên tôi gặp ở Bắc Kinh trong năm nay.”



Bill Gates là “người bạn Mỹ đầu tiên” mà Tập Cận Bình gặp ở Bắc Kinh trong năm nay, theo truyền thông nhà nước Trung Quốc. © Tân Hoa Xã/AP

Gates là một nhân vật nặng ký trong giới kinh doanh Mỹ và cũng quen thuộc với nền kinh tế Trung Quốc. Điều đáng chú ý là người gặp Gates lại là nhà lãnh đạo hàng đầu Tập Cận Bình, chứ không phải Thủ tướng Lý Cường, người phụ trách nền kinh tế.

Cuộc gặp đã diễn ra tại Nhà khách Điều Ngự Đài, nơi Trung Quốc dành để chiêu đãi các vị khách cấp nhà nước.

Hơn nữa, các quan chức ngồi cùng Tập trong cuộc gặp với Gates là Ngoại trưởng Tần Cương và nhà ngoại giao hàng đầu Vương Nghị.

Đây không phải là lần đầu tiên Tập ngồi lại với Gates. Cả hai từng gặp nhau trong một hội nghị thường niên của Diễn đàn Châu Á Bát Ngao ở tỉnh Hải Nam của Trung Quốc vào tháng 4/2013, ngay sau khi Tập trở thành chủ tịch nước.

Trong chuyến công du Mỹ năm 2015, Tập thậm chí đã đến thăm tư gia của Gates. Cựu Chủ tịch Trung Quốc Hồ Cẩm Đào cũng từng đến thăm ngôi nhà sang trọng này trong chuyến đi Mỹ năm 2006.

Nhưng kể từ năm 2015, Thủ tướng Trung Quốc Lý Khắc Cường, chứ không phải Tập, mới là người luôn gặp Gates mỗi khi ông trùm kinh doanh Mỹ đến thăm Bắc Kinh.



Elon Musk và Tân Cương, Ủy viên Quốc vụ viện kiêm Ngoại trưởng Trung Quốc, bắt tay nhau. (Ảnh chụp màn hình từ tài khoản Weibo của Bộ Ngoại giao Trung Quốc)

Cuộc họp Tập-Gates tuần trước có liên quan đến nền kinh tế đang suy yếu của Trung Quốc.

Tỷ lệ thất nghiệp trong giới trẻ Trung Quốc đã trở thành vấn đề lớn. Số liệu chính thức ghi nhận hơn 20%. Tình hình bây giờ còn nghiêm trọng hơn so với trước tháng 12, khi Trung Quốc huỷ bỏ chính sách zero-COVID hà khắc, vốn đã làm suy yếu nền kinh tế.

Nếu môi trường kinh tế xung quanh Trung Quốc ngày càng xấu đi do quan hệ căng thẳng với Mỹ, thì an ninh của Trung Quốc –

theo nghĩa rộng của thuật ngữ này, tức gồm “an ninh quốc gia” và “an ninh chế độ” – có thể bị ảnh hưởng.

Chế độ cộng sản cực kỳ coi trọng an ninh quốc gia và an ninh chế độ.

Dù là người phụ trách ngoại giao, Tần Cương mới đây cũng đã gặp một vị khách khác đến từ giới kinh doanh Mỹ – Giám đốc điều hành Tesla Elon Musk, vào ngày 30/5. Không lâu trước đây, một cuộc gặp kiểu này sẽ hoàn toàn nằm ngoài nhiệm vụ của Tần.

Nhưng các cuộc gặp gần đây cho thấy Gates và Musk là những nhân tố quan trọng đối với an ninh của Trung Quốc.

Trong khi đó, hôm Chủ nhật, Thủ tướng Lý Cường đã lên đường tới Đức và Pháp để duy trì quan hệ của Trung Quốc với hai thành viên chính của Liên minh châu Âu.



Thủ tướng Trung Quốc Lý Cường đến gặp Thủ tướng Đức Olaf Scholz tại Berlin, Đức vào ngày 19/6. © Reuters

Trong thời gian Lý vắng mặt, Tập đã đích thân thay thế ông, để giám sát mối quan hệ quan trọng nhất của Trung Quốc, quan hệ với Mỹ.

Đứng trước Blinken, Tập đã truyền đạt quan điểm của mình về thế giới và Mỹ. Những quan điểm này đã không thay đổi đáng kể trong thập niên vừa qua. Đây là lý do tại sao đề xuất chia đôi Thái Bình Dương năm 2013 của ông đã quay trở lại.

Trung Quốc đã bắt đầu khám phá khả năng hiện thực hóa cuộc gặp mặt trực tiếp giữa Tập và Biden, trước thêm hai hội nghị quốc tế lớn sẽ được tổ chức vào cuối năm nay. Hai nhà lãnh đạo đã gặp mặt trực tiếp lần đầu tiên tại Bali, Indonesia vào tháng 11 năm ngoái.

Một trong hai hội nghị đó là thượng đỉnh G20 ở New Delhi, Ấn Độ, vào tháng 9 này. Hội nghị còn lại là thượng đỉnh Diễn đàn Hợp tác Kinh tế châu Á-Thái Bình Dương APEC tại California, Mỹ, vào tháng 11.

Nhưng trước khi Tập và Biden có thể thảo luận về việc chia đôi thế giới, thì “Hành tinh Trái Đất,” vốn dĩ luôn là một chiến trường chính trị, sẽ còn tạo ra nhiều biến động.

Katsuji Nakazawa là nhà báo và biên tập viên cấp cao của Nikkei, hiện sinh sống tại Tokyo. Ông đã dành bảy năm làm phóng viên thường trú ở Trung Quốc và sau đó trở thành trưởng văn phòng Trung Quốc. Ông đã nhận Giải Nhà báo Quốc tế Vaughn-Ueda năm 2014.

Bá Quyền Kết Thúc Như Thế Nào – Sự Rã Rệu Của Quyền Lực Mỹ (Phần I)

Capture à partir de : [diendankhaiphong](https://diendankhaiphong.com)

Tác giả: Alexander Cooley và Daniel H. Nexon, Foreign Affairs, July/August 2020

Người dịch: Trần Ngọc Cư

ĐDKP giới thiệu: Ngay trong năm đầu tiên cầm quyền, TT Donald Trump đã tỏ ra từ chối việc sẵn sàng tiếp tục vai trò lãnh đạo thế giới của Mỹ. Điều này đã dấy lên nhiều lo ngại của các nhà quan sát uy tín, rằng Mỹ sẽ vì thế mà xuống dốc, vì các đồng minh phương Tây không còn xem Mỹ là một đối tác đáng tin

cậy. Trong thập kỷ 1970/1980, cũng đã có những phỏng đoán về sự xuống dốc tương tự, nhưng sự việc lại xảy ra trái ngược hoàn toàn. Lần này thì sao? Bài phân tích sau đây mô tả một viễn cảnh mới trong những năm tiếp theo. Tất nhiên, có thể phải cần cả 10 năm để có thể kiểm chứng ai đúng ai sai, nhưng bài bình luận sau đây với luận cứ chặt chẽ của tác giả rất đáng để chúng ta quan tâm.

Nhiều dấu hiệu cho thấy một cuộc khủng hoảng đang diễn ra trong trật tự toàn cầu. Phản ứng quốc tế thiếu phối hợp trong việc đối phó đại dịch COVID-19, suy thoái kinh tế tiếp sau đó, sự hồi sinh của chính trị dân tộc chủ nghĩa và chính sách cứng rắn về biên giới quốc gia hình như báo trước sự xuất hiện của một hệ thống quốc tế thiếu hợp tác và mong manh hơn. Theo nhiều nhà quan sát, những phát triển này nêu bật sự nguy hiểm của chính sách “nước Mỹ trước hết” của Tổng thống Hoa Kỳ Donald Trump và việc ông rút lui khỏi vai trò lãnh đạo toàn cầu.

Ngay cả trước khi xảy ra đại dịch coronavirus, Trump vẫn thường xuyên chỉ trích giá trị của các liên minh và các định chế như NATO, ủng hộ sự tan rã của Liên Minh Châu Âu, rút khỏi một loạt các hiệp định và tổ chức quốc tế, và quay sang chiu chuộng các nhà độc tài như Tổng thống Nga Vladimir Putin và lãnh đạo Triều Tiên Kim Jong Un. Ông đặt nghi vấn về giá trị của việc đưa các giá trị tự do như dân chủ và nhân quyền vào trung tâm của chính sách đối ngoại. Việc Trump rõ ràng dành ưu tiên cho chính trị giao dịch tổng số bằng không [có kẻ thắng người thua] chứng minh thêm khái niệm Mỹ đang từ bỏ cam kết thúc đẩy một trật tự quốc tế tự do.

Một số nhà phân tích tin rằng Hoa Kỳ vẫn còn có thể quay trở lại, bằng cách khôi phục các chiến lược mà Mỹ đã vận dụng, từ cuối Thế chiến II đến sau Chiến tranh Lạnh, để xây dựng và duy trì một trật tự quốc tế thành công. Nếu một nước Mỹ thời hậu Trump có thể nắm lại các trách nhiệm về quyền lực toàn cầu của mình, thì thời đại này — bao gồm cả đại dịch sẽ định tính cách cho nó — chỉ là một sự chệch hướng tạm thời chứ không phải là một bước trên con đường dẫn đến xáo trộn vĩnh viễn.

Dẫu sao, những dự đoán về sự xuống dốc của Mỹ và sự thay đổi trong trật tự quốc tế chẳng có gì mới lạ — và thường xuyên sai lầm. Vào giữa những năm 1980, nhiều nhà phân tích tin rằng sự lãnh đạo của Mỹ đang trên đường kết thúc. Hệ thống Bretton Woods đã sụp đổ vào những năm 1970; Hoa Kỳ phải đối mặt với sự cạnh tranh ngày càng gia tăng từ các nền kinh tế châu Âu và Đông Á, đặc biệt từ Tây Đức và Nhật Bản; và Liên Xô lúc bấy giờ trông giống như một thực thể trường tồn của chính trị thế giới. Tuy nhiên, đến cuối năm 1991, Liên Xô đã chính thức tan rã, Nhật Bản bước vào “thập kỷ mất mát” vì sự trì trệ kinh tế và nhiệm vụ hợp nhất tốn kém đã tiêu hết nguồn lực của một nước Đức thống nhất. Trong khi đó, Hoa Kỳ đã trải qua một thập kỷ bùng nổ đổi mới công nghệ và tăng trưởng kinh tế cao bất ngờ. Kết quả là điều mà nhiều người ca ngợi là “một thời điểm đơn cực” [a unipolar moment] của bá quyền Mỹ.

Nhưng lần này thực sự là khác. Chính các lực tác động làm cho bá quyền Mỹ trở nên vững vàng trước đây ngày nay đang thúc đẩy sự giải thể của nó. Có ba sự phát triển đã từng thúc đẩy trật tự hậu Chiến tranh Lạnh do Mỹ lãnh đạo. Một là, với sự thất bại của chủ nghĩa cộng sản, Mỹ không còn phải đối diện với một dự án ý thức hệ toàn cầu quan trọng nào có thể cạnh tranh với Mỹ. Hai là, với sự tan rã của Liên Xô và cơ sở hạ tầng của các định chế và quan hệ đối tác của chế độ Xô Viết, các quốc gia yếu hơn không còn lựa chọn đáng kể nào ngoài việc hướng tới Hoa Kỳ và các đồng minh phương Tây nhằm đảm bảo hậu thuẫn quân sự, kinh tế và chính trị. Và ba là, các nhà hoạt động và phong trào xuyên quốc gia đang truyền bá các giá trị và chuẩn mực tự do vốn đã củng cố trật tự tự do.

Ngày nay, những động lực tương tự đã quay lại chống Hoa Kỳ: một chu kỳ độc hại làm xói mòn quyền lực Mỹ đang thay thế chu kỳ tốt lành đã từng củng cố nó. Với sự trỗi dậy của các cường quốc như Trung Quốc và Nga, các dự án chuyên quyền và phi tự do đang cạnh tranh với hệ thống quốc tế tự do do Mỹ

lãnh đạo. Các nước đang phát triển, và thậm chí nhiều nước phát triển, có thể tìm kiếm những cường quốc bảo trợ mới thay vì tiếp tục phụ thuộc vào sự hào phóng và hậu thuẫn của phương Tây. Và các mạng lưới xuyên quốc gia phi tự do, thường là cánh hữu, đang ra sức chống lại các quy tắc và các tín lý của trật tự quốc tế tự do mà trước đây dường như không thể bị lung lạc. Nói tóm lại, vai trò lãnh đạo toàn cầu của Mỹ không chỉ thoái hoá, mà nó đang rã rệu. Và sự xuống dốc này không có tính chu kỳ mà là vĩnh viễn.

THỜI ĐIỂM ĐƠN CỰC ĐANG BIẾN MẤT

Thật có vẻ lạ lùng khi ta nói về một sự xuống dốc vĩnh viễn của Mỹ khi Mỹ chi tiêu một ngân sách quốc phòng nhiều hơn so với bảy đối thủ tiếp theo kết hợp lại và duy trì một mạng lưới các căn cứ quân sự vô song ở nước ngoài. Sức mạnh quân sự đóng một vai trò quan trọng trong việc tạo ra và duy trì thế ưu việt của Hoa Kỳ trong những năm 1990 và những năm đầu của thế kỷ này; không một quốc gia nào khác có thể nới rộng những bảo đảm an ninh đáng tin cậy trên toàn bộ hệ thống quốc tế. Nhưng sự thống trị của quân đội Mỹ ít phụ thuộc vào ngân sách quốc phòng — trên thực tế, chi tiêu quân sự của Mỹ đã giảm trong những năm 1990 và chỉ gia tăng đột biến sau vụ tấn công 11 tháng 9. Ưu thế quân sự của Mỹ phụ thuộc nhiều hơn vào một số yếu tố khác như sự biến mất của Liên Xô như một đối thủ cạnh tranh, sự gia tăng lợi thế công nghệ mà quân đội Mỹ hưởng được và việc hầu hết các cường quốc hạng hai trên thế giới sẵn sàng dựa vào sức mạnh Hoa Kỳ thay vì xây dựng lực lượng quân sự của riêng mình. Nếu sự trỗi dậy của Mỹ như một cường quốc đơn cực chủ yếu phụ thuộc vào sự giải thể của Liên Xô, thì sự kéo dài của tính đơn cực đó trong thập kỷ tiếp theo là do việc các đồng minh châu Á và châu Âu đồng tình chấp nhận vai trò bá quyền của Mỹ.

Nếu ta chỉ nói về khoảnh khắc đơn cực thì sẽ làm lu mờ thêm các đặc điểm quan trọng của chính trị thế giới đã hình thành nền tảng cho sự thống trị của Mỹ. Sự tan rã của Liên Xô cuối

cùng đã khép lại cánh cửa của dự án duy nhất về trật tự toàn cầu có thể cạnh tranh với chủ nghĩa tư bản. Chủ nghĩa Mác – Lênin (và các phó sản của nó) hầu hết đã biến mất như một nguồn cạnh tranh ý thức hệ. Cơ sở hạ tầng xuyên quốc gia liên hệ nó — các tổ chức, các tập quán và các mạng lưới, bao gồm Hiệp ước Warsaw, Hội đồng Tương trợ Kinh tế và chính bản thân Liên Xô—tất cả đều sụp đổ từ bên trong. Không có sự hỗ trợ của Liên Xô, hầu hết các quốc gia liên kết với Moscow, các nhóm nổi dậy và các phong trào chính trị phải quyết định hoặc bỏ cuộc hoặc gia nhập liên minh với Hoa Kỳ. Vào giữa những năm 1990, chỉ còn lại một khuôn khổ nổi bật cho các quy tắc và chuẩn mực quốc tế, đó là hệ thống các liên minh và định chế quốc tế tự do thả neo tại Washington.

Hoa Kỳ và các đồng minh của mình — được gọi tắt là phương Tây — cùng nhau hưởng độc quyền bảo trợ trên thực tế [a de facto patronage monopoly] trong thời kỳ đơn cực này. Với một số trường hợp ngoại lệ hiếm hoi, phương Tây đã cung ứng nguồn an ninh quan trọng duy nhất, các lợi ích kinh tế, hậu thuẫn chính trị và tính hợp pháp cho nhiều quốc gia. Các nước đang phát triển không còn có thể dùng đòn bẩy chính trị với Washington bằng cách đe dọa quay qua Moscow hoặc đưa ra nguy cơ bị cộng sản chiếm chính quyền để giúp họ khởi phát tiến hành cải cách trong nước. Sự bành trướng nhanh chóng sức mạnh và ảnh hưởng của phương Tây không có gì cản trở đến mức nhiều nhà hoạch định chính sách đã tin vào chiến thắng vĩnh viễn của chủ nghĩa tự do. Hầu hết các chính phủ đều thấy rõ không có một phương án thay thế khả thi nào khác.

Không có nguồn hỗ trợ nào khác, các nước càng có nhiều khả năng tuân thủ các điều kiện của viện trợ phương Tây mà họ nhận được. Các lãnh đạo độc tài phải đối mặt với sự chỉ trích quốc tế nghiêm khắc và các yêu sách nặng nề từ các tổ chức quốc tế do phương Tây kiểm soát. Vâng, các cường quốc dân chủ tiếp tục bảo vệ một số quốc gia chuyên chế (như Ả Rập Saudi giàu dầu mỏ) khỏi những yêu sách như vậy vì lý do chiến

lượng và kinh tế. Và các nền dân chủ hàng đầu, kể cả Hoa Kỳ, chính họ cũng vi phạm các quy tắc quốc tế liên quan đến nhân quyền, dân quyền và các quyền chính trị, đáng kể nhất là dưới hình thức tra tấn và giam giữ tù nhân một cách khác thường [ở những địa phương nằm ngoài luật pháp Mỹ] trong cái gọi là cuộc chiến chống khủng bố. Nhưng ngay cả những ngoại lệ đạo đức giả này cũng đã củng cố quyền bá chủ của trật tự tự do, bởi vì chúng châm ngòi cho sự lên án mạnh mẽ giúp khẳng định các nguyên tắc tự do và bởi vì chính các quan chức Hoa Kỳ cũng phải tiếp tục lên tiếng cam kết các quy tắc tự do.

Trong khi đó, số lượng mạng lưới xuyên quốc gia ngày càng mở rộng — thường được mệnh danh là “xã hội dân sự quốc tế” — đã chống đỡ cho một kiến trúc mới xuất hiện của trật tự quốc tế hậu Chiến tranh Lạnh. Các nhóm và cá nhân này đóng vai trò những người lính chân chính của bá quyền Mỹ bằng cách truyền bá các quy tắc và tập quán tự do rộng rãi. Sự sụp đổ của các nền kinh tế kế hoạch tập trung trong thế giới hậu cộng sản đã mở đường cho các làn sóng tư vấn và nhà thầu phương Tây giúp mang lại các cải cách thị trường, đôi khi có hậu quả tai hại, như ở Nga và Ukraine, nơi trị liệu sốc do phương Tây hậu thuẫn [Western-backed shock therapy] đã làm cho hàng chục triệu người trở nên bần cùng trong khi tạo ra một lớp đầu sỏ giàu có, những người đã biến tài sản nhà nước trước đây thành các đế chế cá nhân. Các tổ chức tài chính quốc tế, cơ quan quản lý chính phủ, ngân hàng trung ương và các nhà kinh tế đã nỗ lực xây dựng một sự đồng thuận của giới chóp bu [an elite consensus] ủng hộ thương mại tự do và sự chuyển dịch vốn qua các biên giới quốc gia.

Các nhóm xã hội dân sự cũng tìm cách lèo lái các nước hậu cộng sản và đang phát triển theo mô hình dân chủ tự do phương Tây. Các toán chuyên gia phương Tây đã tư vấn cho các chính phủ về việc thiết kế hiến pháp mới, cải cách pháp lý và hệ thống đa đảng. Các nhà quan sát quốc tế, hầu hết trong số họ đến từ các nền dân chủ phương Tây, đã theo dõi các

cuộc bầu cử ở các nước xa xôi. Các tổ chức phi chính phủ (NGO) ủng hộ việc mở rộng quyền con người, bình đẳng giới và bảo vệ môi trường, đã tạo được liên minh với các nhà nước và các cơ quan truyền thông có thiện cảm. Công việc của các nhà hoạt động xuyên quốc gia, các cộng đồng học thuật và các phong trào xã hội đã giúp xây dựng một dự án tự do bao trùm lên các nỗ lực hội nhập kinh tế và chính trị thế giới. Trong suốt những năm 1990, các lực lượng này đã giúp tạo ra một ảo tưởng về một trật tự tự do vô địch dựa trên bá quyền toàn cầu của Mỹ. Ảo ảnh đó bây giờ đã bị rách nát.

(Còn tiếp)

Giới thiệu tác giả:

ALEXANDER COOLEY là Giáo sư Chính trị học Ngạch Claire Tow tại Barnard College và là Giám đốc Viện Nghiên cứu Harriman tại Columbia University.

DANIEL H. NEXON là Phó Giáo sư tại Phân khoa Chính quyền tại Trường Nghiệp vụ Nước ngoài Edmund A. Walsh tại Đại học Georgetown.

Hai ông là tác giả cuốn “Exit From Hegemony: The Unraveling of the American Global Order” (Chấm dứt bá quyền: Sự rã rệu của trật tự toàn cầu Mỹ).

Các bài liên quan:

[Bá quyền kết thúc thế nào, Phần 1.](#)

[Bá quyền kết thúc thế nào, Phần 2.](#)

[Bá quyền kết thúc thế nào, Phần 3 kết luận.](#)

Nguyên bản tiếng Anh:

How Hegemony Ends

The Unraveling of American Power

By Alexander Cooley and Daniel H. Nexon

<https://www.foreignaffairs.com/articles/united-states/2020-06-09/how-hegemony-ends>

Bá Quyền Kết Thúc Như Thế Nào – Sự Rã Rệu Của Quyền Lực Mỹ (Phần II)

Capture à partir de : [diendankhaiphong](https://diendankhaiphong.com)

Tác giả: Alexander Cooley và Daniel H. Nexon, Foreign Affairs, July/August 2020

Người dịch: Trần Ngọc Cư

ĐDKP giới thiệu: Trong phần đầu của bài này tác giả chia ra hai phần rõ rệt để tạo nên một sự phân tích tổng thể. Phần một ([xem ở đây](#)) tác giả phân tích trên góc nhìn của thế giới phương Tây. Tiếp theo bài hai, tác giả nói về ý đồ và sức

ảnh hưởng của các nước đối lập để minh họa thêm cho những luận chứng ở phần một.

SỰ TÁI HIỆN CỦA CÁC ĐẠI CƯỜNG

Ngày nay, các đại cường khác đang đưa ra các quan niệm cạnh tranh về trật tự toàn cầu, thường là các cường quốc theo chế độ độc tài có sức thu hút đối với nhiều nhà lãnh đạo các quốc gia yếu hơn. Phương Tây không còn chủ trì độc quyền bảo trợ [a monopoly of patronage] . Các tổ chức khu vực mới nổi và các mạng lưới xuyên quốc gia phi tự do đang ra sức sự cạnh tranh ảnh hưởng với Hoa Kỳ. Những thay đổi dài hạn trong nền kinh tế toàn cầu, đặc biệt là sự trỗi dậy của Trung Quốc, là nguyên nhân của nhiều phát triển có tính cạnh tranh này. Những thay đổi này đã làm thay đổi cục diện địa chính trị.

Vào tháng 4 năm 1997, Chủ tịch Trung Quốc Giang Trạch Dân và Tổng thống Nga Boris Yeltsin đã cùng nhau cam kết “thúc đẩy đa cực hóa thế giới và thiết lập một trật tự quốc tế mới.” Trong nhiều năm, nhiều học giả và các nhà hoạch định chính sách phương Tây đã khinh thường hoặc bác bỏ những thách thức này, coi chúng là giọng điệu nói lấy được [wishful rhetoric]. Họ lập luận rằng Bắc Kinh vẫn cam kết tuân thủ các quy tắc và chuẩn mực của trật tự do Mỹ lãnh đạo, bằng cách chỉ ra rằng Trung Quốc tiếp tục hưởng lợi từ hệ thống hiện tại. Ngay cả khi Nga ngày càng trở nên quyết đoán trong việc lên án Hoa Kỳ trong thập kỷ đầu tiên của thế kỷ này và kêu gọi một thế giới đa cực hơn, các nhà quan sát không tin rằng Moscow có thể vận dụng được hậu thuẫn từ bất kỳ đồng minh quan trọng nào. Các nhà phân tích phương Tây đặc biệt không tin rằng Bắc Kinh và Moscow có thể vượt qua hàng thập kỷ ngờ vực và ganh đua nhau để hợp tác chống lại các nỗ lực của Mỹ để duy trì và ảnh hưởng trật tự quốc tế.

Sự hoài nghi này là có lý do vào thời cao điểm của bá quyền toàn cầu Mỹ trong những năm 1990 và thậm chí vẫn còn hợp lý trong suốt thập kỷ tiếp theo. Nhưng tuyên bố năm 1997 của hai

nhà lãnh đạo nói trên, bây giờ nhìn lại, thấy giống như một bản thiết kế cho đường lối theo đó Bắc Kinh và Moscow đã cố gắng sắp xếp lại chính trị quốc tế trong suốt 20 năm qua. Trung Quốc và Nga hiện đang trực tiếp thách thức các khía cạnh tự do của trật tự quốc tế, từ bên trong các định chế và diễn đàn của chính trật tự đó; đồng thời, họ đang xây dựng một trật tự thay thế thông qua các định chế và địa điểm mới, trong đó họ có ảnh hưởng lớn hơn và có thể coi nhẹ quyền con người và các quyền tự do dân sự.

Tại Liên Hợp Quốc, chẳng hạn, hai nước thường xuyên tham khảo ý kiến về phiếu bầu và các sáng kiến được đưa ra. Là thành viên thường trực của Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc, hai nước đã phối hợp sự chống đối của họ nhằm chỉ trích các can thiệp và các kêu gọi thay đổi chế độ do phương Tây đưa ra; hai nước đã phủ quyết các đề xuất về Syria và nỗ lực áp đặt các biện pháp trừng phạt đối với Venezuela và Yemen do phương Tây bảo trợ. Tại Đại hội đồng Liên Hợp Quốc, từ năm 2006 đến 2018, Trung Quốc và Nga đã bỏ phiếu giống nhau 86% thời gian, thường xuyên hơn so với 78% số lần bầu theo thỏa thuận hai bên từ năm 1991 đến 2005. Ngược lại, kể từ năm 2005, Trung Quốc và Hoa Kỳ đã đồng ý chỉ 21 phần trăm thời gian. Bắc Kinh và Moscow cũng đã dẫn đầu các sáng kiến của Liên Hợp Quốc nhằm thúc đẩy các chuẩn mực mới, đáng chú ý nhất là trong lĩnh vực không gian mạng, đặt ưu tiên chủ quyền quốc gia lên trên quyền cá nhân, hạn chế học thuyết về trách nhiệm bảo hộ [responsibility to protect] và hạn chế quyền lực của các nghị quyết nhân quyền do phương Tây bảo trợ.

Trung Quốc và Nga cũng đã đi đầu trong việc tạo ra các định chế quốc tế mới và các diễn đàn khu vực nhằm loại trừ Hoa Kỳ và phương Tây một cách rộng lớn hơn. Có lẽ nổi tiếng nhất trong số này là nhóm BRICS, bao gồm Brazil, Nga, Ấn Độ, Trung Quốc và Nam Phi. Từ năm 2006, nhóm này đã xuất hiện như một bối cảnh năng động nhằm thảo luận các vấn đề về trật tự quốc tế và lãnh đạo toàn cầu, bao gồm xây dựng các

phương án thay thế cho các định chế do phương Tây kiểm soát trong các lĩnh vực quản trị Internet, hệ thống thanh toán quốc tế và hỗ trợ phát triển. Năm 2016, các quốc gia BRICS đã tạo ra Ngân hàng Phát triển Mới [New Development Bank] chuyên về tài trợ cho các dự án cơ sở hạ tầng ở các nước đang phát triển.

Trung Quốc và Nga mỗi nước cũng đã thúc đẩy rất nhiều tổ chức an ninh khu vực mới — gồm Hội nghị về các biện pháp xây dựng niềm tin và tương tác ở châu Á, Tổ chức Hiệp ước an ninh tập thể, và Cơ chế điều phối và hợp tác tứ giác — gồm cả Ngân hàng Đầu tư Cơ sở hạ tầng châu Á (AIIB) do Trung Quốc điều hành và Liên minh kinh tế Á-Âu (EAEU) do Nga hậu thuẫn. Tổ chức Hợp tác Thượng Hải (SCO)—một tổ chức an ninh, thúc đẩy hợp tác giữa các dịch vụ an ninh và giám sát các cuộc tập trận quân sự hai năm một lần — được thành lập năm 2001 theo sáng kiến của cả Bắc Kinh và Moscow. Tổ chức Hợp tác Thượng Hải đã nhận thêm Ấn Độ và Pakistan làm thành viên đầy đủ vào năm 2017. Kết quả cuối cùng là sự xuất hiện của các cấu trúc song song của việc quản trị toàn cầu, những cấu trúc này bị chi phối bởi các quốc gia độc tài và cạnh tranh với các cấu trúc cũ hơn, tự do hơn.

Các nhà phê bình thường coi BRICS, EAEU và SCO là những “nơi nói chuyện suông”, trong đó các quốc gia thành viên không thực sự giải quyết vấn đề hoặc tham gia hợp tác có ý nghĩa. Nhưng hầu hết các tổ chức quốc tế khác cũng không khác bao nhiêu. Ngay cả khi chúng cho thấy không thể giải quyết các vấn đề tập thể, các tổ chức khu vực cho phép các thành viên khẳng định các giá trị chung và nâng cao tầm vóc của các cường quốc đủ sức triệu tập các diễn đàn này. Chúng tạo ra mối quan hệ ngoại giao dày đặc hơn giữa các thành viên của mình, do đó, giúp các thành viên này dễ dàng hơn trong việc xây dựng các liên minh quân sự và chính trị. Nói tóm lại, các tổ chức này tạo thành một phần quan trọng của cơ sở hạ tầng trật tự quốc tế, một cơ sở hạ tầng trước đây bị chi phối bởi các nước dân chủ phương Tây sau khi Chiến tranh Lạnh kết thúc. Thật vậy, mạng

mới này của các tổ chức không phải phương Tây [non-Western organizations] đã đưa các cơ chế quản trị xuyên quốc gia vào các khu vực như Trung Á, trước đây vốn thiếu kết nối với nhiều tổ chức quản trị toàn cầu. Từ năm 2001, hầu hết các quốc gia Trung Á đã tham gia Tổ chức Hợp tác Thượng Hải, Tổ chức Hiệp ước An ninh Tập thể do Nga đứng đầu, EAEU, AIIB và dự án đầu tư cơ sở hạ tầng của Trung Quốc được gọi là Sáng kiến Vành đai và Con đường (BRI).

Trung Quốc và Nga hiện cũng đang xâm lấn vào các khu vực có truyền thống được Hoa Kỳ và các đồng minh lãnh đạo; ví dụ, Trung Quốc triệu tập nhóm 17 + 1 với các quốc gia ở trung và đông Âu và Diễn đàn Trung Quốc-CELAC (Cộng đồng các quốc gia Mỹ Latinh và Caribbean) ở Mỹ Latinh. Các nhóm này cung cấp cho các quốc gia trong các khu vực này những đấu trường mới để giành lấy sự hợp tác và hỗ trợ đồng thời thách thức sự đoàn kết của các khối truyền thống phương Tây; chỉ vài ngày trước khi nhóm 16 + 1 mở rộng để bao gồm thành viên EU Hy Lạp vào tháng 4 năm 2020, Ủy ban châu Âu đã gọi Trung Quốc là “một đối thủ mang tính hệ thống” giữa những lo ngại cho rằng Sáng kiến một Vành đai-một Con đường [BRI] đang phá hoại các quy định và các chuẩn mực của Liên Âu.

Bắc Kinh và Moscow dường như đang quản lý thành công liên minh vì lợi ích trước mắt [alliance of convenience] của mình, bất chấp các dự đoán cho rằng họ sẽ không thể chịu đựng được các dự án quốc tế khác của nhau. Điều này thậm chí đã xảy ra trong các lĩnh vực mà lợi ích khác nhau của họ có thể dẫn đến căng thẳng đáng kể. Nga lên tiếng ủng hộ Sáng kiến một Vành đai-một Con đường của TQ, mặc dù đã xâm nhập vào Trung Á, nơi Moscow vẫn coi là sân sau của mình. Trên thực tế, kể từ năm 2017, luận điệu của Kremlin đã chuyển từ nói về “một phạm vi ảnh hưởng” rõ ràng của Nga ở khu vực Á-Âu [Eurasia] sang việc chấp nhận một khu vực “Đại Á Âu” [Greater Eurasia] rộng lớn hơn, trong đó đầu tư và hội nhập do Trung Quốc dẫn đầu phù hợp sít sao với những nỗ lực của Nga

nhằm ngăn chặn ảnh hưởng của phương Tây. Moscow theo mô hình tương tự khi Bắc Kinh lần đầu tiên đề xuất thành lập Ngân hàng Đầu tư Cơ sở hạ tầng châu Á (AIIB) vào năm 2015. Bộ Tài chính Nga ban đầu từ chối hỗ trợ ngân hàng, nhưng Kremlin đã thay đổi hướng đi sau khi thấy gió đang thổi theo chiều nào; Nga chính thức gia nhập ngân hàng vào cuối năm.

Trung Quốc cũng tỏ ra sẵn sàng đáp ứng những lo ngại và nhạy cảm của Nga. Trung Quốc đã cùng với các nước BRICS khác từ chối lên án Nga sáp nhập Crimea vào năm 2014, mặc dù làm như vậy rõ ràng đã đi ngược lại việc lâu nay Trung Quốc chống chủ nghĩa ly khai và các vi phạm sự vẹn toàn lãnh thổ. Hơn nữa, cuộc chiến tranh thương mại giữa chính quyền Trump với Trung Quốc đã mang lại cho Bắc Kinh thêm nhiều động lực để hỗ trợ các nỗ lực của Nga nhằm phát triển các lựa chọn thay thế cho hệ thống thanh toán quốc tế SWIFT do phương Tây kiểm soát và thương mại bằng đồng đô la, nhằm làm suy yếu phạm vi trừng phạt toàn cầu của Hoa Kỳ.

(Còn nữa)

Bá Quyền Kết Thúc Như Thế Nào – Sự Rã Rệu Của Quyền Lực Mỹ (Phần III, kết luận)

Capture à partir de : diendankhaiphong

Tác giả: Alexander Cooley và Daniel H. Nexon, Foreign Affairs, July/August 2020

Người dịch: Trần Ngọc Cư

ĐDKP giới thiệu: Sau phần 1 ([Thế đơn cực đang biến mất](#)) và phần 2 ([Sự tái hiện của các đại cường](#)), đã đến lúc tác giả đúc kết và đưa ra những kết luận riêng. Đúng hay sai thì tùy từng độc giả phán xét, nhưng điều quan trọng là toàn bài viết có thể góp phần trả lời một số câu hỏi thời sự như: chính sách “America first” mang lợi lộc hay tai hại cho Mỹ và cả thế giới phương Tây? Có phải Donald Trump đã làm suy yếu các thể chế cộng sản, hay đang tạo điều kiện cho Trung Quốc & Co. vươn lên vững vàng hơn? Vai trò của Mỹ trong thế giới phương Tây sẽ thế nào trong tương lai? Và một câu hỏi lớn hơn: trật tự thế giới sẽ thế nào trong tương lai?

CHẤM DỨT CHẾ ĐỘ ĐỘC QUYỀN BẢO TRỢ CỦA PHƯƠNG TÂY

Trung Quốc và Nga không phải là các quốc gia duy nhất đang tìm cách làm cho chính trị thế giới thuận lợi hơn đối với các chế độ phi dân chủ và ít chịu phục tùng bá quyền Mỹ. Kể từ 2007, việc cho vay của “các nhà tài trợ lừa đảo” trên thế giới, chẳng hạn như Venezuela giàu dầu mỏ đã đưa ra khả năng rằng sự hỗ trợ không ràng buộc như vậy có thể làm suy yếu các sáng kiến viện trợ của phương Tây vốn được thiết kế để khuyến khích các chính phủ thực hiện cải cách tự do.

Kể từ đó, các công ty cho vay của nhà nước Trung Quốc, như Ngân hàng Phát triển Trung Quốc, đã mở các dòng tín dụng đáng kể trên khắp Châu Phi và các nước đang phát triển. Do hậu quả của khủng hoảng tài chính năm 2008, Trung Quốc đã trở thành một nguồn cho vay và tài trợ khẩn cấp quan trọng cho các quốc gia không thể tiếp cận hoặc bị loại khỏi các tổ chức tài chính phương Tây. Trong cuộc khủng hoảng tài chính này, Trung Quốc đã đưa ra hơn 75 tỷ đô la cho các khoản vay trong các giao dịch năng lượng cho các quốc gia ở Mỹ Latinh — Brazil, Ecuador, và Venezuela— và cho Kazakhstan, Nga và Turkmenistan ở Khu vực Á-Âu.

Trung Quốc không phải là nước bảo trợ thay thế duy nhất. Sau Mùa xuân Ả Rập, các quốc gia vùng Vịnh như Qatar cho Ai Cập vay tiền, cho phép Cairo tránh chuyển sang Quỹ Tiền tệ Quốc tế trong thời gian hỗn loạn. Nhưng Trung Quốc cho đến nay vẫn là quốc gia tham vọng nhất về vấn đề này. Một nghiên cứu của AidData cho thấy tổng số viện trợ nước ngoài của Trung Quốc từ năm 2000 đến 2014 đạt 354 tỷ đô la, gần tổng số 395 tỷ đô la của viện trợ Mỹ. Trung Quốc kể từ đó đã vượt qua các khoản giải ngân viện trợ hàng năm của Hoa Kỳ. Hơn nữa, viện trợ của Trung Quốc làm suy yếu các nỗ lực của phương Tây để truyền bá các chuẩn mực tự do. Một số nghiên cứu cho thấy rằng mặc dù các quỹ của Trung Quốc đã thúc đẩy sự phát triển ở nhiều quốc gia, nhưng chúng cũng đã gây ra tham nhũng trắng trợn và các lễ thói của chế độ ô dù. Ở các quốc gia vừa

trỗi dậy từ chiến tranh, như Nepal, Sri Lanka, Sudan và Nam Sudan, viện trợ tái thiết và phát triển của Trung Quốc đã chảy vào các chính phủ chiến thắng, giúp họ tránh khỏi các áp lực quốc tế buộc họ phải đáp ứng các đòi hỏi của kẻ thù trong nước và áp dụng các mô hình hòa bình và hòa giải tự do hơn.

Sự kết thúc độc quyền bảo trợ của phương Tây đã chứng kiến sự trỗi dậy đồng thời của những người theo chủ nghĩa dân túy dân tộc chủ nghĩa cuồng nhiệt ngay cả ở các quốc gia được gắn chặt vào quỹ đạo kinh tế và an ninh của Hoa Kỳ. Những người như Thủ tướng Hungary Viktor Orban, Tổng thống Thổ Nhĩ Kỳ Recep Tayyip Erdogan và Tổng thống Philippines Rodrigo Duterte đã tự coi mình là những người bảo vệ chủ quyền trong nước chống lại sự phá hoại của thế giới tự do. Họ bác bỏ những lo ngại của phương Tây về sự sụp đổ dân chủ ở nước họ và nhấn mạnh tầm quan trọng ngày càng tăng của mối quan hệ kinh tế và an ninh của họ với Trung Quốc và Nga. Trong trường hợp của Philippines, Duterte gần đây đã chấm dứt một hiệp ước quân sự hai thập kỷ với Hoa Kỳ sau khi Washington hủy visa của cựu cảnh sát trưởng quốc gia, người bị cáo buộc vi phạm nhân quyền trong cuộc chiến tranh đẫm máu và gây tranh cãi của Philippines về vấn đề ma túy.

Tất nhiên, một số trong những thách thức cụ thể này đối với lãnh đạo Hoa Kỳ sẽ trở nên tồi tệ vì chúng xuất phát từ việc thay đổi hoàn cảnh chính trị và tính khí của các cá nhân lãnh đạo. Nhưng việc mở rộng các lựa chọn để thoát ra khỏi khu vực của các nước bảo trợ, tổ chức và các mô hình chính trị thay thế hiện nay dường như là một đặc điểm thường trực của chính trị quốc tế. Các chính phủ địa phương được rộng chỗ để điều động. Ngay cả khi các quốc gia này không chủ động chuyển đổi các thế lực bảo trợ, khả năng này có thể cung cấp cho họ đòn bẩy lớn hơn. Do đó, Trung Quốc và Nga có tự do hành động hơn để tranh giành quyền bá chủ của Hoa Kỳ và xây dựng các trật tự thay thế.

Các chế độ chuyên quyền đã tìm ra cách để hạn chế hoặc thậm chí loại bỏ tầm ảnh hưởng của mạng lưới vận động xuyên quốc gia của phe tự do và các tổ chức phi chính phủ có đầu óc cải cách. Cái gọi là các cuộc cách mạng màu trong thế giới hậu Xô Viết trong thập kỷ đầu tiên của thế kỷ này và Mùa xuân Ả Rập những năm 2010-11 ở Trung Đông đã đóng một vai trò quan trọng trong quá trình này. Chúng gây báo động cho các chính phủ độc tài và phi tự do vốn ngày càng coi việc bảo vệ nhân quyền và thúc đẩy dân chủ là mối đe dọa đối với sự sống còn của họ. Đáp lại, các chế độ này đã ngăn chặn ảnh hưởng của các tổ chức phi chính phủ có liên hệ nước ngoài. Họ áp đặt các hạn chế chặt chẽ trong việc nhận tiền từ nước ngoài, cấm các hoạt động chính trị khác nhau và chụp mũ một số nhà hoạt động nhất định là “tay sai nước ngoài.”

Một số chính phủ hiện tài trợ cho các tổ chức phi chính phủ của riêng mình vừa để ngăn chặn áp lực tự do hóa trong nước vừa thi đua với trật tự tự do từ ngoài. Chẳng hạn, để đáp lại sự ủng hộ của phương Tây đối với các nhà hoạt động trẻ tuổi trong các cuộc cách mạng màu, Điện Kremlin đã thành lập nhóm thanh niên Nashi để vận động thanh niên ủng hộ nhà nước. Hiệp hội Chữ thập đỏ Trung Quốc, tổ chức phi chính phủ lâu đời nhất Trung Quốc, đã cung cấp vật tư y tế cho các nước châu Âu giữa đại dịch COVID-19 như một phần của chiến dịch quan hệ công chúng theo bài bản cẩn thận. Các chế độ này cũng sử dụng các nền tảng kỹ thuật số và phương tiện truyền thông xã hội để phá vỡ cuộc vận động và hô hào chống chính phủ. Một cách tương tự, Nga cũng đã triển khai các công cụ như vậy ở nước ngoài trong các hoạt động thông tin và xâm nhập phá hoại các cuộc bầu cử tại các quốc gia dân chủ.

Hai sự phát triển đã giúp thúc đẩy bước ngoặt phi tự do ở phương Tây: Cuộc Đại suy thoái năm 2008 và cuộc khủng hoảng tị nạn ở châu Âu năm 2015. Trong thập kỷ qua, các mạng lưới phi tự do — nói chung chứ không phải chỉ cánh Hữu — đã thách thức sự đồng thuận của giới cầm quyền ở phương

Tây. Một số tổ chức và nhân vật chính trị đặt nghi vấn về giá trị của việc tiếp tục làm thành viên trong các tổ chức lớn của trật tự tự do, như Liên minh châu Âu và NATO. Nhiều phong trào cánh hữu ở phương Tây nhận được cả sự hỗ trợ về tài chính lẫn khuyến khích tinh thần từ Moscow, vốn ủng hộ các hoạt động “kinh tài đen tối” nhằm thúc đẩy các lợi ích đầu sỏ hẹp hòi ở Mỹ và các đảng chính trị cực hữu ở châu Âu với hy vọng làm suy yếu các chính phủ dân chủ và nuôi dưỡng các đồng minh tương lai. Tại Ý, đảng chống nhập cư Lega hiện là đảng được lòng dân nhất bất chấp những tiết lộ về âm mưu giành sự hỗ trợ tài chính bất hợp pháp từ Moscow. Ở Pháp, Tập hợp Dân tộc, vốn có lịch sử ủng hộ Nga, vẫn là một thế lực mạnh mẽ của chính trị trong nước.

Những sự phát triển này lặp lại đường lối mà các phong trào “chống lại trật tự” đã giúp thúc đẩy sự xuống dốc của các thế lực bá quyền trong quá khứ. Các mạng lưới xuyên quốc gia đóng vai trò quan trọng trong cả việc duy trì lẫn thách thức các trật tự quốc tế trước đó. Ví dụ, các mạng lưới Tin lành đã giúp làm xói mòn sức mạnh của Tây Ban Nha khi châu Âu bắt đầu bước vào thời kỳ hiện đại, đáng chú ý nhất là bằng cách hỗ trợ cuộc nổi dậy của Hà Lan trong thế kỷ XVI. Các phong trào tự do và cộng hòa, đặc biệt là trong bối cảnh các cuộc cách mạng trên khắp châu Âu vào năm 1848, đã góp phần phá hoại Đồng thuận Châu Âu [the Concert of Europe], theo đó các Đại cường cố gắng quản lý trật tự quốc tế trên lục địa này trong nửa đầu thế kỷ XIX. Sự trỗi dậy của các mạng lưới xuyên quốc gia phát xít và cộng sản đã giúp tạo ra cuộc đấu tranh quyền lực toàn cầu trong Thế chiến II. Các phong trào chống trật tự đã đạt được quyền lực chính trị ở các quốc gia như Đức, Ý và Nhật Bản, khiến các quốc gia này phá vỡ hoặc ra sức tấn công các cấu trúc hiện hữu của trật tự quốc tế. Nhưng ngay cả các phong trào chống trật tự ít thành công hơn vẫn có thể làm suy yếu sự gắn kết của các thế lực bá quyền và các đồng minh của họ.

Không phải mọi phong trào phi tự do hay cánh hữu phản đối trật tự do Hoa Kỳ lãnh đạo đều tìm cách thách thức sự lãnh đạo của Hoa Kỳ hoặc quay sang coi Nga như một tấm gương của chủ nghĩa bảo thủ văn hóa mạnh mẽ. Tuy nhiên, các phong trào này đang giúp phân cực hóa chính trị trong các nền dân chủ công nghiệp tiên tiến và làm suy yếu sự hỗ trợ cho các định chế của trật tự quốc tế. Một trong số những phong trào này thậm chí đã chiếm được Nhà Trắng: Chủ nghĩa Trump, một xu hướng được hiểu rõ ràng nhất là một phong trào phản đối trật tự với một phạm vi xuyên quốc gia nhắm vào các liên minh và quan hệ đối tác có vị trí trung tâm đối với bá quyền Hoa Kỳ.

BẢO HÀNH HỆ THỐNG QUYỀN LỰC MỸ

Cuộc tranh giành quyền lực giữa các đại cường, việc chấm dứt độc quyền bảo trợ của phương Tây và sự xuất hiện của các phong trào phản đối hệ thống quốc tế tự do đã làm thay đổi trật tự toàn cầu mà Washington đã chủ trì kể từ khi kết thúc Chiến tranh Lạnh. Trong nhiều khía cạnh, đại dịch COVID-19 dường như đang đẩy nhanh hơn nữa sự xói mòn của bá quyền Hoa Kỳ. Trung Quốc đã gia tăng ảnh hưởng của mình trong Tổ chức Y tế Thế giới và các tổ chức toàn cầu khác do hậu quả của việc chính quyền Trump cắt tài trợ và đổ lỗi cho cơ quan y tế công cộng này. Bắc Kinh và Moscow đang mô tả chính mình là các nhà cung cấp hàng hóa khẩn cấp và vật tư y tế, đến các nước châu Âu như Ý, Serbia và Tây Ban Nha, và thậm chí đến cả Hoa Kỳ. Các chính phủ phi tự do trên toàn thế giới đang sử dụng đại dịch để che đậy việc hạn chế tự do truyền thông và trấn áp phe đối lập chính trị và xã hội dân sự. Mặc dù Hoa Kỳ vẫn còn hưởng thế ưu việt quân sự của mình, nhưng địa vị thống trị ấy của Hoa Kỳ đặc biệt không phù hợp để đối phó với cuộc khủng hoảng toàn cầu hiện nay và các hậu quả dây chuyền của nó.

Ngay cả khi cốt lõi của hệ thống bá quyền Mỹ, bao gồm hầu hết các đồng minh lâu đời tại châu Á và châu Âu và dựa trên các quy tắc và định chế được phát triển trong Chiến tranh Lạnh,

vẫn còn vững mạnh, và như nhiều người bên vực trật tự tự do sẽ đề xuất, ngay cả khi Hoa Kỳ và Liên minh châu Âu có thể vận dụng sức mạnh tổng hợp kinh tế và quân sự để tạo lợi thế cho mình, thực tế là Washington sẽ phải làm quen với một trật tự quốc tế ngày càng cạnh tranh và phức tạp. Không có cách sửa chữa dễ dàng cho việc này. Không có khoản chi tiêu quân sự nào có thể đảo ngược các quá trình thúc đẩy sự rã rệu của bá quyền Mỹ. Ngay cả khi Joe Biden, ứng cử viên Dân chủ giả định, đánh bại Trump trong cuộc bầu cử tổng thống vào cuối năm nay, hoặc nếu Đảng Cộng hòa chịu từ bỏ chủ nghĩa Trump, sự tan rã vẫn còn tiếp tục.

Các câu hỏi chủ yếu hiện nay liên quan đến tình trạng tan rã là nó sẽ lan rộng bao xa. Liệu các đồng minh cốt lõi sẽ tách rời khỏi hệ thống bá quyền Mỹ hay không? Hoa Kỳ có thể duy trì sự thống trị tài chính và tiền tệ đến bao lâu, và ở mức độ nào? Kết quả thuận lợi nhất sẽ đòi hỏi phải dứt khoát từ bỏ chủ nghĩa Trump ở Hoa Kỳ và cam kết xây dựng lại các định chế dân chủ tự do từ cốt lõi. Ở cả cấp độ trong nước lẫn quốc tế, những nỗ lực như vậy sẽ đòi hỏi phải có các liên minh giữa các đảng và các mạng lưới chính trị trung hữu, trung tả và tiến bộ.

Những gì các nhà hoạch định chính sách Hoa Kỳ có thể làm là lên kế hoạch cho một thế giới sau khi mất vai trò bá quyền toàn cầu. Nếu họ giúp duy trì được phần cốt lõi của hệ thống quyền lực Mỹ, các quan chức Hoa Kỳ có thể đảm bảo rằng Hoa Kỳ lãnh đạo liên minh kinh tế và quân sự mạnh nhất trong một thế giới của nhiều trung tâm quyền lực, thay vì đứng về phía thua cuộc trong hầu hết các cuộc thi đua về hình dạng của trật tự quốc tế mới. Để đạt được mục đích này, Hoa Kỳ phải phục hồi lại Bộ Ngoại giao đang gặp nhiều khó khăn và thiếu nhân viên, xây dựng lại và sử dụng hiệu quả hơn các nguồn lực ngoại giao của mình. Tài lãnh đạo quốc gia thông minh sẽ giúp lèo lái một đại cường qua một thế giới được xác định bằng các cạnh tranh lợi ích và thay đổi liên minh.

Hoa Kỳ thiếu cả ý chí lẫn nguồn lực để qua mặt Trung Quốc và các cường quốc mới nổi khác trong việc mua chuộc sự trung thành của các chính phủ. Hoa Kỳ sẽ không thể đảm bảo sự cam kết của một số quốc gia đối với các viễn kiến của mình về trật tự quốc tế. Nhiều chính phủ trong số đó đã xem trật tự do Hoa Kỳ lãnh đạo là mối đe dọa đối với quyền tự chủ, nếu không phải là sự sống còn của họ. Và một số chính phủ vẫn còn hoan nghênh một trật tự tự do do Hoa Kỳ lãnh đạo hiện đang tranh đấu với chủ nghĩa dân túy và các phong trào phi tự do khác đang phản đối trật tự này.

Ngay cả ở đỉnh cao của thời điểm đơn cực, Washington không luôn luôn muốn làm gì thì làm. Bây giờ, để mô hình chính trị và kinh tế của Hoa Kỳ duy trì sức hấp dẫn đáng kể, Hoa Kỳ trước tiên phải tổ chức lại việc nhà của mình. Trung Quốc sẽ phải đối mặt với những trở ngại của chính mình trong việc tạo ra một hệ thống thay thế; Bắc Kinh có thể gây khó chịu cho các đối tác và các nước lệ thuộc bằng các chiến thuật gây áp lực và các hợp đồng thiếu minh bạch và thường xuyên tham nhũng. Một bộ máy chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ được hồi sinh sẽ có thể thực hiện ảnh hưởng đáng kể đến trật tự quốc tế ngay cả khi không có quyền bá chủ toàn cầu. Nhưng để thành công, Washington phải công nhận rằng thế giới không còn giống với thời kỳ khác thường trong lịch sử những năm 1990 và thập kỷ đầu tiên của thế kỷ này. Thời khắc đơn cực đã trôi qua, và nó không quay trở lại./.

Mỹ là một đế chế đang đi xuống nhưng không có nghĩa nó phải sụp đổ

14/09/2023

Capture à partir de : [nghiencuuquocite](https://www.nghiencuuquocite.com)



Nguồn: John Rapley, "[America Is an Empire in Decline. That Doesn't Mean It Has to Fall.](#)," *New York Times*, 04/09/2023

Biên dịch: Nguyễn Thị Kim Phụng

Nước Mỹ thích nghĩ về mình bằng những cái tên thật bóng bẩy. Thành phố tỏa sáng trên ngọn đồi. Dân tộc không thể thiếu. Vùng đất của tự do. Tất nhiên, mỗi cái tên đều có phần đúng. Nhưng còn một cụm từ khác, không phải lúc nào cũng có tính tăng bốc như vậy, có thể áp dụng cho Mỹ: đế chế toàn cầu.

Không giống như những tên gọi khác, vốn bắt nguồn từ thuở khai sinh của nền Cộng hòa, "đế chế toàn cầu" xuất hiện từ sau giai đoạn cuối của Thế chiến II. Tại Hội nghị Bretton Woods nổi tiếng, Mỹ đã phát triển một hệ thống tài chính và thương mại quốc tế mà trên thực tế hoạt động như một nền kinh tế đế quốc, mang những thành quả của tăng trưởng toàn cầu đến tay người dân phương Tây một cách không cân xứng.

Ngoài ra, Mỹ còn thành lập NATO (để cung cấp chiếc ô an ninh cho các đồng minh) và các tổ chức khác như Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế OECD (nhằm xây dựng các chính sách chung). Trong nửa sau của thế kỷ, hệ thống này đã đạt được mức độ thống trị thế giới mà chưa một đế chế nào trước đây từng biết đến.

Tuy nhiên, trong hai thập niên vừa qua, Mỹ đã liên tục đi xuống. Hồi đầu thiên niên kỷ, phương Tây chiếm 4/5 sản lượng kinh tế toàn cầu. Ngày nay, tỷ lệ đó giảm xuống còn 3/5 và vẫn tiếp tục giảm. Trong khi các nước phương Tây chật vật khôi phục lại sự năng động của mình, thì các nước đang phát triển hiện có nền kinh tế tăng trưởng nhanh nhất thế giới. Thông qua các tổ chức như BRICS và OPEC, cùng với sự khuyến khích từ Trung Quốc, họ đang chuyển đổi sức mạnh kinh tế ngày càng tăng của mình thành quyền lực chính trị.

Từ góc nhìn này, dường như Mỹ đang đi theo con đường của tất cả các đế quốc: chắc chắn sẽ suy tàn và cuối cùng là sụp đổ. Đúng là nước Mỹ sẽ không bao giờ được hưởng lại mức độ thống trị về kinh tế và chính trị toàn cầu như họ đã từng có trong những thập niên sau chiến tranh. Nhưng với những lựa chọn đúng đắn, nước này có thể hướng tới một tương lai nơi họ vẫn là quốc gia hàng đầu thế giới.

Chắc chắn, việc gọi nước Mỹ là một đế chế gây ra nhiều tranh cãi hoặc chí ít cũng gây nhầm lẫn. Rốt cuộc thì Mỹ chưa từng tuyên bố thống trị bất kỳ quốc gia nào, và thậm chí còn thúc giục các đồng minh của mình từ bỏ thuộc địa của họ. Nhưng có một tiền lệ nổi bật cho loại dự án đế quốc mà Mỹ đã thực hiện sau Thế chiến II: Đế chế La Mã.

Tính đến thế kỷ thứ tư, La Mã đã phát triển từ một quốc gia chuyên chinh phạt thành một nơi mà Thành phố Vĩnh cửu [Rome] vẫn là trung tâm tôn giáo, nhưng quyền lực thực sự đã được chia sẻ khắp các tỉnh, với hai trung tâm quyền lực đế quốc: một ở phía đông và một ở phía tây. Để đổi lại việc thu thuế, giới tinh hoa sở hữu đất đai ở các tỉnh sẽ được hưởng sự bảo vệ của các quân đoàn; lòng trung thành của họ với đế chế được củng cố bằng sự chia sẻ lợi ích thực sự, điều mà nhà sử học Peter Heather gọi là nền văn hóa La Mã thống nhất, các thị trấn và giới tinh hoa (togas).

Giống như nước Mỹ hiện đại, Rome đã đạt được mức độ thống trị chưa từng có vào thời đó. Nhưng nghịch lý của các hệ thống đế quốc lớn là chúng thường gieo mầm mống cho sự sụp đổ của chính mình. Khi La Mã trở nên giàu có và hùng mạnh nhờ khai thác kinh tế ở các vùng ngoại vi, nó đã vô tình thúc đẩy sự phát triển của các vùng lãnh thổ bên ngoài biên giới châu Âu. Theo thời gian, các liên minh lớn hơn và chặt chẽ hơn về mặt chính trị xuất hiện và có khả năng ngăn chặn – và cuối cùng là khả năng đẩy lùi – sự thống trị của đế quốc.

Tương tự, sự đi xuống của nước Mỹ là sản phẩm từ sự thành công của nước này. Dù các nước đang phát triển tăng trưởng chậm hơn so với các nước phương Tây trong thời kỳ hậu thế chiến, nhưng họ vẫn đang tăng trưởng. Đến cuối thế kỷ này, họ sẽ bắt đầu chuyển đổi sức mạnh kinh tế đang mở rộng đó thành quyền lực chính trị và ngoại giao. Họ không chỉ bắt đầu có được khả năng đàm phán các hiệp định tài chính và thương mại tốt hơn, mà còn có lợi thế thương lượng quan trọng dưới dạng hai nguồn lực mà các doanh nghiệp phương Tây đang cần: thị trường đang phát triển và nguồn cung lao động dồi dào.

Một trong những dấu hiệu sớm nhất của một “vùng ngoại vi quyết đoán hơn” xuất hiện tại hội nghị năm 1999 của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) ở Seattle. Một nhóm các nước đang phát triển đã hợp lực để tạm dừng các thủ tục, chấm dứt thông lệ lâu đời của một số đồng minh phương Tây là soạn thảo một dự thảo thỏa thuận rồi đơn giản trình bày trước các đại biểu. Kể từ đó, các nước đang phát triển đã giảm dần sự phụ thuộc vào Ngân hàng Thế giới và Quỹ Tiền tệ Quốc tế, tự thành lập các tổ chức cho vay và bắt đầu thử nghiệm các thỏa thuận thương mại giúp giảm bớt sự phụ thuộc vào đồng đô la.

Chuyện kể rằng Rome đã bị lật đổ bởi cái gọi là những cuộc xâm lược của các man tộc. Nhưng sự thật phức tạp hơn nhiều. Chỉ trong một thế hệ hỗn loạn ở những năm 400, nhiều người nhập cư đã xâm nhập nửa phía tây của đế chế. Và khi sống

trên đất La Mã, những người nhập cư này đã tự lập thành những liên minh lớn hơn – như người Visigoth và Vandal – những liên minh quá mạnh để đế chế có thể đánh bại.

Một số nhà bình luận đã đúng khi xem việc di cư thời hiện đại sang phương Tây là một lực lượng có sức tàn phá không kém. Nhưng đó là bài học sai lầm rút ra từ lịch sử La Mã. Nền kinh tế của đế chế này chủ yếu dựa trên nông nghiệp. Nếu quyền lực mới trỗi dậy thì quyền lực cũ phải suy tàn, vì không thể mở rộng cơ sở tài nguyên để hỗ trợ cả hai. Khi La Mã không còn có thể đánh bại các đối thủ mới, họ đã mất đi nguồn thuế mà không thể phục hồi được.

Nhưng tình hình ngày nay hoàn toàn khác. Nhờ các thay đổi công nghệ, tăng trưởng kinh tế không còn là trò chơi có tổng bằng 0, có thể xảy ra ở nơi này nhưng không thể ở nơi khác. Dù các nước phương Tây không còn thống trị về sản xuất và dịch vụ, họ vẫn giữ được lợi thế trong các ngành thâm dụng tri thức như trí tuệ nhân tạo và dược phẩm, hoặc những ngành đã xây dựng được giá trị thương hiệu như hàng xa xỉ, thể thao, và giải trí. Tăng trưởng kinh tế – ngay cả khi chậm hơn so với vùng ngoại vi – vẫn có thể tiếp tục ở phương Tây.

Nhưng điều đó đòi hỏi phải có nhân công. Với tỷ lệ sinh giảm và dân số già đi, các xã hội phương Tây không thể sản xuất đủ nhân công, nên nguồn nhân lực sẽ phải đến từ vùng ngoại vi toàn cầu – từ cả những người nhập cư sang phương Tây lẫn những người ở lại quê nhà nhưng làm việc trong các doanh nghiệp phục vụ chuỗi cung ứng phương Tây. Di cư có thể đã làm xói mòn sự giàu có của Đế chế La Mã. Nhưng giờ đây, nó chính là điều đang ngăn chặn phương Tây rơi vào suy thoái kinh tế tuyệt đối.

Những điểm khác có sự tương đồng trực tiếp hơn với lịch sử La Mã. Nửa phía đông của Đế chế La Mã đã vượt qua sự sụp đổ của phía tây vào thế kỷ thứ năm, và thậm chí còn có thể thiết lập vị thế bá quyền đối với các vương quốc mới ở các

vùng lãnh thổ phía tây đã mất. Tình trạng này có thể tồn tại vô thời hạn nếu đế chế La Mã phương đông này không tiêu tốn các nguồn lực quan trọng trong một cuộc xung đột không cần thiết với đối thủ Ba Tư bắt đầu từ cuối thế kỷ thứ sáu. Sự kiêu ngạo của đế chế đã đẩy nó vào một loạt những cuộc chiến mà sau hai thế hệ đã khiến cả hai đế quốc trở nên dễ bị tổn thương trước một thách thức sẽ áp đảo họ chỉ sau vài thập niên: một thế giới Ả Rập mới, thống nhất.

Đối với Mỹ, đây là một câu chuyện cảnh báo. Để đối phó với sự trỗi dậy không thể tránh khỏi của Trung Quốc, Mỹ cần tự hỏi bản thân mối đe dọa nào là sống còn và mối đe dọa nào chỉ đơn thuần gây khó chịu. Có những mối nguy cấp bách mà cả phương Tây và Trung Quốc phải đối mặt, chẳng hạn như bệnh tật và biến đổi khí hậu – và chúng sẽ tàn phá toàn nhân loại trừ phi các quốc gia cùng nhau giải quyết chúng. Đối với tình trạng quân sự hóa và sự hiếu chiến ngày càng tăng của Trung Quốc, Mỹ phải xem xét liệu nước này có thực sự đang đối mặt với bầy Thucydides về một cường quốc đang lên, hay chỉ đơn giản là một quốc gia đang bảo vệ lợi ích ngày càng mở rộng của mình.

Nếu Mỹ phải đối đầu với Trung Quốc, dù về mặt quân sự, hay như người ta hy vọng là chỉ về mặt ngoại giao, thì nước này sẽ thừa hưởng những lợi thế lớn từ di sản đế quốc của mình. Mỹ vẫn có những nguồn sức mạnh mà không ai có thể sánh bằng: một loại tiền tệ không phải đối mặt với mối đe dọa nghiêm trọng nào trong vai trò là phương tiện trao đổi của thế giới, nguồn vốn khổng lồ được quản lý ở Phố Wall, quân đội hùng mạnh nhất thế giới, quyền lực mềm được quảng bá nhờ các trường đại học, và sức hấp dẫn to lớn của nền văn hóa. Và nước Mỹ luôn có thể kêu gọi bạn bè trên toàn cầu của mình. Tóm lại, họ vẫn có khả năng huy động các nguồn tài nguyên dồi dào để duy trì vị thế cường quốc dẫn đầu thế giới.

Tuy nhiên, để làm được điều đó, nước Mỹ sẽ cần phải từ bỏ việc cố gắng khôi phục lại vinh quang trong quá khứ thông qua

cách tiếp cận đơn độc, Nước Mỹ trên hết. Chính động lực đó đã đẩy Đế quốc La Mã vào cuộc phiêu lưu quân sự và cuối cùng dẫn đến sự hủy diệt. Nền kinh tế thế giới đã thay đổi và Mỹ sẽ không bao giờ có thể thống trị hành tinh này như trước. Nhưng khả năng xây dựng một thế giới mới từ liên minh của những người cùng chí hướng là một điều xa xỉ mà Rome chưa bao giờ có được. Nước Mỹ, dù họ tự gọi mình là gì, cũng nên biết nắm bắt cơ hội.

John Rapley là nhà kinh tế chính trị tại Đại học Cambridge và là đồng tác giả, cùng với Peter Heather, của cuốn sách "Why Empires Fall: Rome, America and the Future of the West."

Bất bình đẳng và dân chủ

Capture à partir de : [kimthemdo](https://www.kimthemdo.com)

[Project-Syndicate](#)

[Joseph E. Stiglitz](#)

Đỗ Kim Thêm dịch



Robyn Beck/AFP via Getty Images

Với những cải cách chính trị đúng đắn, các nền dân chủ có thể trở nên kết hợp toàn diện hơn, đáp ứng nhiều hơn cho dân chúng và ít đáp ứng hơn cho các doanh nghiệp và cá nhân giàu

có hiện đang nắm giữ tiền trong tay. Nhưng cứu vãn nền chính trị dân chủ cũng sẽ đòi hỏi những cải cách kinh tế sâu rộng.

Đã có nhiều cuộc tranh cãi về sự thoái trào của nền dân chủ và sự trỗi dậy của chủ nghĩa độc tài trong những năm gần đây và vì lý do chính đáng. Từ Thủ tướng Hungary Viktor Orbán đến cựu Tổng thống Brazil Jair Bolsonaro và cựu Tổng thống Mỹ Donald Trump, chúng ta có một danh sách ngày càng tăng của những người độc tài và sẽ là những kẻ chuyên quyền, những người truyền tải một hình thức gây tò mò về chủ trương dân túy cánh hữu. Mặc dù họ hứa hẹn sẽ bảo vệ những thường dân và bảo tồn các giá trị lâu đời của quốc gia, họ theo đuổi các chính sách bảo vệ các chuẩn mực lâu đời không giá trị và đầy quyền lực và khiến cho thành phần còn lại của chúng ta cố gắng giải thích sự thu hút của họ.

Trong khi có nhiều cách giải thích, một trong những giải thích nổi bật là sự bất bình đẳng gia tăng, một vấn đề bắt nguồn từ chủ nghĩa tư bản tân tự do hiện đại, mà nó cũng có thể được liên kết theo nhiều cách với sự xói mòn của nền dân chủ. Tình trạng bất bình đẳng về kinh tế chắc chắn dẫn đến bất bình đẳng về chính trị, mặc dù ở các mức độ khác nhau giữa các quốc gia. Ở một đất nước như Hoa Kỳ, nơi hầu như không có ràng buộc nào về việc đóng góp cho chiến dịch tranh cử, „một người, một phiếu bầu“ đã biến thành „một đô la, một phiếu bầu“.

Sự bất bình đẳng chính trị này đang tự củng cố, dẫn đến các chính sách tiếp tục củng cố bất bình đẳng về kinh tế. Các chính sách về thuế có lợi cho người giàu, hệ thống giáo dục ủng hộ những người vốn dĩ đã có đặc quyền, và quy định chống độc quyền được thiết kế và thực thi không đầy đủ có xu hướng cho phép các doanh nghiệp tự do tích lũy và khai thác sức mạnh thị trường.

Hơn nữa, vì các phương tiện truyền thông bị chi phối bởi các doanh nghiệp tư nhân thuộc quyền sở hữu của các nhà tài

phiệt như Rupert Murdoch, phần lớn các diễn ngôn chính thống có xu hướng cố thủ các xu hướng tương tự. Do đó, người tiêu dùng tin tức từ lâu đã được bảo rằng đánh thuế người giàu gây hại cho việc tăng trưởng kinh tế và các loại thuế thừa kế là thuế đánh vào cái chết, v.v.

Gần đây, các phương tiện truyền thông lâu đời do giới siêu giàu kiểm soát đã được các doanh nghiệp truyền thông xã hội tham gia, giới này bị giới siêu giàu kiểm soát, ngoại trừ việc giới đại gia còn ít bị hạn chế hơn trong việc truyền bá thông tin sai lệch. Nhờ Mục 230 của Đạo luật Communications Decency Act năm 1996, các doanh nghiệp có trụ sở tại Hoa Kỳ không thể chịu trách nhiệm về nội dung của bên thứ ba được lưu trữ trên nền tảng của họ – hoặc cho hầu hết các tác hại xã hội khác mà họ gây ra (không chỉ đối với các nữ giới còn vị thành niên).

Trong bối cảnh của chủ nghĩa tư bản mà không có trách nhiệm giải trình, chúng ta nên ngạc nhiên khi có rất nhiều người nhìn sự tập trung của cải ngày càng tăng với sự nghi ngờ, hay họ tin rằng hệ thống bị gian lận? Cảm giác phổ biến cho rằng nền dân chủ đã mang lại kết quả không công bằng mà nó đã làm suy yếu niềm tin nơi nền dân chủ và khiến một số người kết luận rằng các hệ thống tương ứng thay thế có thể tạo ra các kết quả tốt hơn.

Đây là một cuộc tranh luận cũ. Bảy mươi lăm năm trước, nhiều người tự hỏi liệu các nền dân chủ có thể phát triển nhanh như các chế độ độc tài không. Hiện nay, nhiều người đang đặt câu hỏi tương tự về hệ thống nào „mang lại“ sự công bằng hơn. Tuy nhiên, cuộc tranh luận này đang diễn ra trong một thế giới nơi mà những người rất giàu có các công cụ để định hình tư duy cho quốc gia và toàn cầu, đôi khi với những lời nói dối trắng trợn („Cuộc bầu cử đã bị đánh cắp!“ „Các máy bỏ phiếu đã bị gian lận!“ – một sự giả dối khiến cho đài truyền hình Fox News phải mất 787 triệu đô la).

Một trong những kết quả là sự phân hoá ngày càng nghiêm trọng, nó làm cản trở hoạt động của nền dân chủ – đặc biệt là ở các quốc gia như Mỹ, với các cuộc bầu cử giành chiến thắng tất cả. Vào thời điểm Trump được bầu vào năm 2016 với thiểu số phiếu phổ thông, nền chính trị Mỹ, từng ủng hộ giải quyết vấn đề thông qua thỏa hiệp, đã trở thành một cuộc đấu tranh quyền lực đảng phái không biết xấu hổ là gì, một trận đấu đò vật mà ít nhất một bên dường như tin rằng không nên có quy tắc.

Khi sự phân hoá trở nên quá mức, thường sẽ có vẻ như các thành phần có liên quan nhiều thừa nhận bất cứ điều gì. Thay vì tìm kiếm điểm chung, những người cầm quyền sẽ sử dụng các phương tiện theo ý của họ để củng cố vị trí của chính họ – như đảng Cộng hòa đã làm công khai thông qua các biện pháp ngăn chặn cử tri đi bầu.

Các nền dân chủ hoạt động tốt nhất khi các thành phần có liên quan nhận thức không quá thấp cũng không quá cao (nếu chúng quá thấp, mọi người sẽ cảm thấy ít cần phải tham gia vào tiến trình dân chủ). Có những lựa chọn thiết kế mà các nền dân chủ có thể thực hiện để cơ hội cải thiện được phương tiện hạnh phúc này. Ví dụ, các hệ thống đại nghị khuyến khích việc xây dựng liên minh và thường trao quyền lực cho những người theo chủ nghĩa trung dung, thay vì cho giới cực đoan. Bỏ phiếu lựa chọn bắt buộc và có xếp hạng cũng đã được chứng minh là giúp ích trong khía cạnh này, cũng như sự hiện diện của một việc phục vụ công cho dân được cam kết và bảo vệ.

Từ lâu, Hoa Kỳ đã tự coi mình là một ngọn hải đăng cho dân chủ. Mặc dù luôn có tình trạng đạo đức giả, thí dụ như việc Ronald Reagan gây thân thiện với Augusto Pinochet đến việc Joe Biden không tạo khoảng cách với Ả Rập Saudi hoặc tố cáo sự cố chấp chống Hồi giáo của chính phủ Thủ tướng Ấn Độ Narendra Modi, ít nhất Mỹ là hiện thân của một tập hợp các giá trị chính trị chung.

Nhưng hiện nay, tình trạng bất bình đẳng kinh tế và chính trị đã phát triển đến mức cực đoan mà nhiều người đang phủ nhận nền dân chủ. Đây là mảnh đất màu mỡ cho chủ nghĩa độc tài, đặc biệt là đối với loại chủ thuyết dân túy theo cánh hữu mà Trump, Bolsonaro và phần còn lại đại diện. Nhưng những nhà lãnh đạo như vậy đã cho thấy rằng họ không có câu trả lời nào mà các giới cử tri bất mãn đang tìm kiếm. Ngược lại, các chính sách mà họ ban hành khi được trao quyền chỉ làm cho vấn đề tồi tệ hơn.

Thay vì tìm kiếm các lựa chọn nào khác cho việc tương ứng thay thế, chúng ta cần nhìn vào nội tình trong hệ thống của chính chúng ta. Với những cải cách đúng đắn, các nền dân chủ có thể trở nên kết hợp toàn diện hơn, đáp ứng nhiều hơn cho dân chúng và ít đáp ứng hơn cho các doanh nghiệp và cá nhân giàu có hiện đang nắm giữ túi tiền cho riêng mình. Nhưng cứu vãn nền chính trị của chúng ta cũng sẽ đòi hỏi những cải cách về kinh tế mạnh mẽ không kém. Chúng ta có thể bắt đầu nâng cao phúc lợi của mọi người dân một cách công bằng – và đẩy luồng gió ra khỏi cánh buồm của những người theo chủ trương dân túy – chỉ khi chúng ta bỏ lại chủ nghĩa tự bản tâm tự do phía sau và làm tốt hơn nhiều trong việc tạo ra sự thịnh vượng chung mà chúng ta hoan nghênh.

Joseph E. Stiglitz đoạt giải Nobel kinh tế, Giáo sư Đại học Columbia, Cựu kinh tế trưởng của Ngân hàng Thế giới (1997-2000), Chủ tịch Hội đồng Cố vấn Kinh tế của Tổng thống Hoa Kỳ và đồng chủ tịch Ủy ban Cấp cao về Giá Carbon, Đồng Chủ tịch của Ủy ban độc lập về cải cách thuế doanh nghiệp quốc tế và là tác giả chính của Đánh giá khí hậu IPCC năm 1995.

Học thuyết Biden: Dân chủ, độc tài và cuộc cạnh tranh định hình thời đại

06/07/2021

Capture à partir de : [nghiencuuquocite](https://www.nghiencuuquocite.com)



Nguồn: Hal Brands, "[The Emerging Biden Doctrine](#)", *Foreign Affairs*, 29/06/2021.

Biên dịch: Ngô Việt Nguyên

Trong chuyến thăm châu Âu gần đây trong khuôn khổ hội nghị thượng đỉnh G7, Tổng thống Joe Biden nhấn mạnh chủ đề chính trong chính sách ngoại giao của mình. Theo ông, cuộc đối đầu giữa Mỹ và Trung Quốc là một phần của cuộc đấu quy mô lớn chống lại các “nhà độc tài” để chứng minh “tính cạnh tranh của các nền dân chủ trong thế kỷ 21 đầy biến động.” Nó không chỉ là lời nói suông. Biden đã liên tục lập luận rằng thế giới đã đi đến “bước ngoặt” phân định việc thế kỷ này sẽ là thế kỷ mà dân chủ sẽ thống trị hay là thời đại mà các nền chuyên chế trỗi dậy. Biden dự báo rằng các nhà sử học tương lai sẽ “viết luận án tiến sĩ phân tích ai thành công, các nền độc tài chuyên chế hay các nền dân chủ?”

Trước giờ Biden không luôn có thế giới quan như vậy. Hồi năm 2019, ông bác bỏ lập luận rằng Trung Quốc là đối thủ lớn, đừng nói đến việc Trung Quốc là đầu tàu cho những thách thức hệ tư tưởng của thời đại này. Nhưng tuyên bố của ông rằng sự cạnh tranh trọng tâm nhất của thời đại là sự cạnh tranh giữa hệ thống dân chủ và chuyên chế tỏ ra là một tuyên bố thật lòng, và

điều này có hệ quả rộng khắp với chính sách ngoại giao và địa chính trị của Mỹ.

Với chính quyền Biden, suy nghĩ này đang tác động đến động lực của quan hệ giữa Mỹ và các đối thủ chính cũng như những gì sẽ bị ảnh hưởng bởi điều đó. Suy nghĩ này liên kết cạnh tranh nước lớn với việc phục hồi nền dân chủ Mỹ và cuộc chiến chống các mối đe dọa xuyên quốc gia, như tham nhũng và đại dịch Covid-19. Và nó hướng Mỹ đến một đại chiến lược thực thụ nhằm củng cố sức mạnh của các nền dân chủ chống lại những mối đe dọa nghiêm trọng nhất mà các nền dân chủ phải đối mặt trong nhiều thế hệ.

Câu hỏi bây giờ là nếu chính quyền Biden có thể biến viễn kiến này thành hiện thực hay không. Biden đã xác định thách thức chiến lược mang tính định hình thế kỷ 21, nhưng các vấn đề, dù mang tính hệ thống hay tự tạo, đều là các vấn đề nan giải.

Một thế giới an toàn cho chủ nghĩa chuyên chế

Tổng thống Donald Trump đã hướng Washington vào cạnh tranh nước lớn, nhưng Biden đã đặt vấn đề đó trong một bộ khung chiến lược lớn hơn. Trước khi thế giới bị nhấn chìm bởi đại dịch, Trump chủ yếu xem cạnh tranh Mỹ – Trung như một cuộc xung đột thương mại. Trong khi đó, Biden coi cạnh tranh giữa hai bên là một phần của “cuộc tranh luận mang tính nền tảng” giữa những ai tin rằng “chủ nghĩa chuyên chế là hướng đi tốt nhất” và những ai tin rằng “dân chủ sẽ thắng và phải thắng.”

Cộng đồng các nước dân chủ phải đối mặt với ba thách thức có liên quan lẫn nhau. Thứ nhất là mối đe dọa từ các nền chuyên chế như Nga và đặc biệt là Trung Quốc. Các quốc gia nói trên đang cạnh tranh quyền lực với Mỹ trên khắp thế giới và đe dọa các nền dân chủ từ Đông Âu đến eo biển Đài Loan. Những thách thức này mang tính tư tưởng lẫn địa chính trị. Các mô hình chính trị trong nước sản sinh ra các phiên bản khác biệt trên trường thế giới. Nga và Trung Quốc muốn làm suy yếu, phân mảnh, và thay đổi hệ thống quốc tế hiện hữu bởi vì các

quy tắc tự do nền tảng đối nghịch hoàn toàn với cách điều hành phi tự do của họ. Mỗi nguy sẽ đến từ việc Moskva và Bắc Kinh biến thế giới trở nên an toàn cho các nhà độc tài theo những cách sẽ làm thế giới trở nên nguy hiểm cho các nền dân chủ.

Nga đang dùng việc tấn công mạng và tung tin giả nhằm gây bất ổn và xung đột nội bộ trong các nền dân chủ, ngay lúc mà các xã hội tự do ngày càng trở nên phân cực. Trung Quốc thì đang dùng sức mạnh kinh tế để trừng phạt sự chỉ trích, hay nói cách khác là tự do ngôn luận, đến từ các nền dân chủ từ châu Âu đến Úc, cung cấp cho các nhà độc tài dụng cụ và phương pháp đàn áp, và viết lại luật lệ của các tổ chức quốc tế để bảo vệ và thậm chí ưu ái chủ nghĩa chuyên chế. Nguy hiểm hơn là việc Bắc Kinh chi tiêu rất nhiều cho các công nghệ nền tảng, như 5G và trí thông minh nhân tạo, để truyền bá ảnh hưởng chuyên chế của Trung Quốc và giúp họ dẫn trước các đối thủ dân chủ. Nói tóm lại là một thế giới được dẫn dắt bởi các nhà độc tài quyền lực và hung hăng sẽ là một thế giới “tồi tàn và nguy hiểm” đối với những ai quý trọng tự do, như lời cảnh báo của Tổng thống Franklin Roosevelt.

Mối đe dọa thứ hai đến từ các vấn đề xuyên quốc gia, những vấn đề trở nên nghiêm trọng hơn khi đặt trong bối cảnh cạnh tranh hệ thống. Covid-19 không chỉ là một đại dịch chỉ xảy ra một lần trong một thế kỷ, nó còn thách thức ý tưởng rằng các nền dân chủ có thể phản ứng hiệu quả để giải quyết những mối nguy lớn mà người dân phải đối mặt. Tham nhũng xuyên biên giới không chỉ đe dọa sự hiệu quả của chính quyền, mà còn là một công cụ mà Moskva, Bắc Kinh, và các nền độc tài khác có thể tận dụng để mở rộng ảnh hưởng và làm suy yếu các đối thủ. Sự phân tách giữa hai vấn đề cạnh tranh nước lớn và các vấn đề xuyên quốc gia là điều không nên, vì các nền dân chủ không thể thắng thế trong vấn đề cạnh tranh nước lớn nếu không giải quyết được các vấn đề xuyên quốc gia.

Mối đe dọa thứ ba là sự xói mòn từ bên trong các nền dân chủ. Trong những năm gần đây, nước Mỹ đã chứng kiến việc bầu cử một tổng thống có bản tính phi tự do và một nỗ lực ngang ngược nhằm lật đổ kết quả của một cuộc bầu cử dân chủ. Xuyên suốt các nền dân chủ, tư tưởng phi dân chủ và sự bất mãn với các bộ máy nhà nước dân cử đã lên đến mức cao chưa từng thấy kể từ Thế chiến thứ hai. Các xu hướng này rất nguy hiểm vì chúng khiến nước Mỹ và đồng minh dễ bị tổn thương trước các âm mưu của các nhà độc tài. Có thể nói, khủng hoảng dân chủ ở trong nước cũng tương tự như khủng hoảng của ảnh hưởng dân chủ trên thế giới.

Học thuyết Biden

Ba thách thức trên cần biện pháp giải quyết ba bước – những điều phần nào đã được nhìn thấy trong các bước đi đầu tiên của chính quyền Biden. Thứ nhất, nước Mỹ phải củng cố sự liên kết và dẻo dai để chống lại các đối thủ chuyên chế và biến sự đoàn kết giữa các nền dân chủ trở nên mang tính toàn cầu vì nhiều phương diện của các mối đe dọa cần một phản ứng toàn cầu để có thể giải quyết. Thứ hai, Mỹ phải lãnh đạo các nền dân chủ thế giới giải quyết các vấn đề xuyên quốc gia mà không nước nào có thể tự mình giải quyết. Và Mỹ phải xây dựng “thế mạnh” để sẵn sàng cạnh tranh toàn cầu bằng việc tái đầu tư vào năng lực cạnh tranh của chính mình và cho thấy rằng các nền dân chủ vẫn có thể mang lại lợi ích cho người dân.

Chính sách ngoại giao của Biden đã tập trung vào việc áp dụng khái niệm tổng quát về chiến lược Mỹ, có nguồn gốc từ sự thật không thể chối cãi rằng sự thượng tôn dân chủ gặp nhiều thách thức chưa từng thấy trong nhiều thế hệ. Trong khi các mối quan hệ ngoại giao tồi tệ nhất của Trump là với các đồng minh thân cận nhất của Mỹ, thì Biden đã chủ trương hàn gắn các liên minh như là những tấm khiên bảo vệ hàng ngũ các nền dân chủ. Ông đã tìm cách xoa dịu các tranh chấp ngoại giao và thương mại với châu Âu để giúp tạo nên một mặt trận thống

nhất chống lại Nga và Trung Quốc, đồng thời hợp tác với các đồng minh ở Châu Âu và khu vực Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương để ra hiệu với Đảng Cộng sản Trung Quốc rằng những khiêu khích chống lại Đài Loan sẽ buộc họ phải trả giá đắt. Một cuộc gặp thượng đỉnh sớm của nhóm G7 đã đạt được tiếng nói chung về mối đe dọa từ Trung Quốc và các kế hoạch cho một chương trình phát triển hạ tầng ưu tiên phát triển các dự án chất lượng cao và minh bạch cho các nước đang phát triển. Đây có thể xem là câu trả lời của các nền dân chủ đối với Sáng kiến Vành đai và Con đường của Bắc Kinh.

Chính quyền Biden cũng đã xây dựng các trọng tâm nhằm đối diện với các thách thức toàn cầu. Dưới chính quyền Biden, Bộ Tư và nhóm G7 đã ra tuyên bố phân phối gần hai tỷ liều vắc-xin Covid-19 cho các nước đang phát triển. Chính quyền Biden đang chuẩn bị thúc đẩy hợp tác đa phương chống lại tham nhũng và các dòng tiền phi pháp mà Tổng thống Nga Vladimir Putin, cùng những nhà độc tài khác, đã sử dụng thành thạo như một vũ khí. Mặc dù Biden đã đề xuất một “hội nghị thượng đỉnh các nền dân chủ” toàn cầu để giải quyết các vấn đề nói trên và những vấn đề khác, hiện tại ông đang tận dụng các nhóm nhỏ hơn nhưng có sẵn để đạt được những thành quả cụ thể trong ngắn hạn nhằm tạo tiền đề cho các nỗ lực lớn hơn sau này.

Biden đã áp dụng cách tiếp cận tương tự trong phương diện cạnh tranh công nghệ. Hiện tại chính quyền Biden đã bớt quan tâm đến việc tạo ra nhóm D-10 hay T-12, hay là các liên minh dân chủ chính thức để chống lại các ảnh hưởng của các nước chuyên chế trong mảng công nghệ. Họ hiện đang làm việc với các quốc gia và nhóm riêng biệt, bao gồm Hàn Quốc về công nghệ bán dẫn, 5G, và 6G, với EU trong việc liên kết công nghệ và chính sách thương mại, với Nhật để đảm bảo hệ thống internet toàn cầu mở, và với NATO để chống tấn công mạng và thông tin giả. Những điều này nhằm giúp xây dựng hợp tác dân chủ từ dưới lên.

Cùng lúc đó, chính quyền Biden đã phản kháng, đôi khi thông qua các kênh đa phương, chống lại những hình thức đàn áp nghiêm trọng nhất của các nhà độc tài. Biden được cho là đã cảnh báo Putin về những hậu quả nghiêm trọng nếu việc Nga tấn công các hệ thống cơ sở hạ tầng thiết yếu vẫn tiếp diễn. Washington cùng tham gia với Liên minh Châu Âu trừng phạt Belarus sau khi chính quyền Tổng thống Alexander Lukashenko buộc một chuyến bay quốc tế phải hạ cánh nhằm bắt giữ một nhà bất đồng chính kiến bị truy nã. Đây là một ví dụ của sự đàn áp ở nước ngoài mà Nga, Trung Quốc, và các nền độc tài chuyên chế khác đang dùng để săn tìm những người chỉ trích và củng cố quyền lực. Chính quyền Biden cũng làm việc với Canada, Anh, và EU để trừng phạt các quan chức Đảng Cộng sản Trung Quốc liên quan đến sự đàn áp đáng ghê tởm ở Tân Cương. Điều này đã kích động phản ứng “ngoại giao chiến lang” từ Trung Quốc và phá vỡ một thỏa thuận đầu tư được ký giữa Trung Quốc và EU chỉ vài tháng trước.

Ở trong nước, Biden đã theo đuổi đầu tư cho nghiên cứu và phát triển khoa học, cơ sở hạ tầng vật lý lẫn công nghệ số, và những mảng khác để cải thiện khả năng cạnh tranh và giải quyết sự bất mãn của tầng lớp lao động và trung lưu. Lời hứa của Biden về “chính sách ngoại giao cho giới trung lưu” được dùng để cho người dân thấy rằng việc can dự với thế giới sẽ có lợi cho các gia đình trung lưu. Các quan chức chính quyền Biden cũng lập luận rằng việc thúc đẩy mức thuế tối thiểu toàn cầu sẽ giúp các nền dân chủ đầu tư nhiều hơn cho người dân. Từ góc nhìn của Biden, các biện pháp này đại diện cho “khoản đặt cọc” nhằm cải cách và hồi sinh trong nước, điều từng giúp các nền dân chủ chiến thắng trong Chiến tranh Lạnh.

Những thách thức đối với chính quyền Biden

Nhưng khi những đường nét đầu tiên của một chiến lược đang được định hình, thì những thách thức và hạn chế cũng dần xuất hiện. Điều rõ ràng nhất là những định hướng của Biden sẽ nhận được những phản hồi trái chiều. Chiến lược Biden có tiền

đề dựa trên việc Mỹ có thể ngăn cản bước tiến của các chế độ chuyên chế thông qua liên kết chặt chẽ hơn với các nước dân chủ. Nhưng việc hạn chế quyền lực của Trung Quốc và Nga về phương diện quân sự và chính trị cũng cần sự hợp tác với các chính quyền bán dân chủ hay chuyên chế như ở Ba Lan, Thổ Nhĩ Kỳ, Việt Nam, và Philippines. Đây không phải là vấn đề chết người, vì Washington đã từng lấy việc liên minh với các nền dân chủ làm chiến lược nền tảng trong Chiến tranh Lạnh trong khi vẫn xây dựng các mối quan hệ hiệu quả, tuy mang tính “đổi chác” với các chính quyền bán dân chủ hay thậm chí với các quốc gia độc tài. Nhưng điều này nhấn mạnh sự thật rằng không có một giải pháp duy nhất để có thể xây dựng được tất cả các liên minh, và các chiến lược có nguyên tắc vẫn cần đi kèm các thỏa hiệp thực dụng.

Thậm chí với các đồng minh dân chủ, việc đạt được đồng thuận có thể khó khăn hơn những dự báo của chính quyền Biden. Biden có thể nhanh chóng đạt được lợi ích bằng việc ngừng các cuộc thương chiến với EU hay ngừng ca ngợi nhà độc tài ở Nga. Đặc biệt với châu Âu, khả năng hợp tác là rất rõ ràng trong những vấn đề như sàng lọc các nguồn đầu tư. Nhưng việc đạt được đồng thuận giữa các nền dân chủ vẫn là thách thức. Các quốc gia mạnh về xuất khẩu ở Châu Âu đang đánh cược phục hồi kinh tế hậu đại dịch dựa vào người tiêu dùng Trung Quốc. Thêm vào đó, vẫn có những chia rẽ giữa hai bờ Đại Tây Dương về quyền riêng tư, dữ liệu, và các vấn đề khác về công nghệ. Việc ra tuyên bố chung về việc Trung Quốc gây hấn với Đài Loan hay việc Trung Quốc cưỡng bức kinh tế với Úc là điều tương đối dễ dàng. Cái khó là việc đạt được các biện pháp rõ ràng và mang tính đa phương. Và việc chuẩn bị thể giới tự do chống lại một mối đe dọa này sẽ làm việc phản ứng chống lại các mối đe dọa khác trở nên yếu hơn. Một ví dụ cụ thể là việc chính quyền Biden ngừng phản đối đường ống Dòng chảy Phương Bắc 2 để lôi kéo Đức đồng thuận về vấn đề

Trung Quốc, nhưng điều này sẽ cho phép Nga gia tăng sức ép với các nền dân chủ ở Đông Âu.

Việc tập trung giải quyết vấn đề tự do và công nghệ cũng có thể làm chính quyền Biden lãng quên các mối nguy quân sự. Nước Mỹ vẫn có thể thua cuộc cạnh tranh hệ thống nếu thất bại trong việc kiềm chế các nhà chuyên chế hung hăng và bảo vệ các tiền đồn dân chủ ở Đông Âu và Tây Thái Bình Dương. Một ủy ban lưỡng đảng về chiến lược quốc phòng Mỹ cảnh báo vào năm 2018 rằng nước Mỹ đơn giản là không có đủ sức mạnh quân sự để thỏa mãn các cam kết quân sự ở khu vực rìa Á – Âu. Lâu Năm Góc cũng đang đối diện với những điểm yếu quân sự ngày càng tăng ở eo biển Đài Loan. Nhưng chính quyền Biden chưa cho thấy sự cấp bách trên phương diện quân sự. Ngân sách quốc phòng đầu tiên của chính quyền Biden vẫn đi ngang và làm suy yếu các biện pháp ngắn hạn để củng cố vị thế quân sự của Mỹ ở Thái Bình Dương. Dù sự cạnh tranh hiện tại bao hàm không chỉ khía cạnh sức mạnh quân sự, nhưng các giá trị dân chủ không đủ để bảo vệ thế giới tự do trong một cuộc đấu súng.

Cuối cùng, sự liên kết giữa phương diện đối ngoại và đối nội của chiến lược Biden không liền mạch như tuyên bố của chính quyền Biden. Theo quan điểm của Biden, cải thiện tình cảnh kinh tế cho giới trung lưu là một biện pháp chống lại sự trỗi dậy của chủ nghĩa Trump và là một cách nhằm củng cố nền tảng nội địa của chính sách ngoại giao Mỹ. Nhưng trong số các biện pháp thực tế đang có cả chính sách “mua hàng Mỹ”, điều không khác so với chính sách “nước Mỹ trên hết” của Trump, và một chính sách thương mại không thuyết phục làm nhiều quốc gia, đặc biệt là ở Châu Á, băn khoăn liệu có phải nước Mỹ đã thật sự quay lại hay chưa. Nếu chiến lược của chính quyền Biden không hỗ trợ cho một định nghĩa về sự giàu có mở rộng và tham vọng, thì nó sẽ không có nhiều ảnh hưởng đối với sự liên kết và quyền lực của thế giới tự do.

Nhưng ít nhất chúng ta phải thừa nhận là Biden đã nhận biết được chính xác thách thức bao trùm nhất của thời đại này. Bây giờ mới đến phần khó khăn. Ông phải thực thi chiến lược, và phải làm sao để nó hoạt động hiệu quả.

Hal Brands là giáo sư tại Trường Nghiên cứu Quốc tế thuộc Đại học John Hopkins, nhà nghiên cứu thuộc viện American Enterprise Institute, và là một ký giả của Bloomberg Opinion.

Chiến lược Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương của Hoa Kỳ nhằm xây dựng các kết nối trong và ngoài khu vực

Indo-Pacific Defense Forum

Tháng Ba 12, 2022

Capture à partir de : [ipdefenseforum](https://ipdefenseforum.com)



Nhân viên của DIỄN ĐÀN

Xây dựng năng lực tập thể là chìa khóa để nâng cao vị thế của Hoa Kỳ và các đối tác Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương khi họ thích ứng với các thách thức đang hình thành và nắm bắt những cơ hội để duy trì một khu vực Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương Tự do và Rộng mở. Chiến lược Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương của Hoa Kỳ, được cập nhật vào tháng 2 năm 2022, hứa hẹn sẽ đáp ứng các nhu cầu này thông qua việc mở rộng và làm sâu sắc liên minh gồm các quốc gia cùng chí hướng trong khu vực, tăng cường quan hệ đối tác đang định

hình và xây dựng các kết nối trong và ngoài khu vực Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương.

“Một Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương Tự do và Rộng mở chỉ có thể đạt được nếu chúng ta xây dựng năng lực tập thể cho một thời đại mới; giờ đây hành động cùng nhau là một yếu tố không thể thiếu về mặt chiến lược”, theo Chiến lược Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương của Hoa Kỳ. “Các liên minh, tổ chức và quy tắc mà Hoa Kỳ và các đối tác của chúng tôi đã giúp xây dựng phải được điều chỉnh; khi cần thiết, chúng ta phải cùng nhau chỉnh sửa chúng. Chúng tôi sẽ theo đuổi điều này thông qua một mạng lưới các liên minh mạnh mẽ và củng cố lẫn nhau”.

Hoa Kỳ dự định trước tiên sẽ tập trung vào những cách thức sáng tạo để làm việc với các liên minh và quan hệ đối tác thân cận nhất. Ngoài việc làm sâu sắc thêm các liên minh hiệp ước trong khu vực của riêng mình, Hoa Kỳ sẽ khuyến khích các đồng minh và đối tác tăng cường mối quan hệ giữa các nước với nhau. “Chúng tôi sẽ hỗ trợ và tạo điều kiện cho các đồng minh và đối tác khi họ đảm nhận những vai trò lãnh đạo trong khu vực, và chúng tôi sẽ làm việc trong những nhóm linh hoạt mà quy tụ sức mạnh tập thể để đối mặt với những vấn đề có tính chất quyết định của thời đại chúng ta”.

Một hình thức hợp tác quan trọng để giải quyết những vấn đề có tính chất quyết định này là Đối thoại An ninh Bộ tứ (Quadrilateral Security Dialogue), hay còn gọi là Bộ tứ (Quad). Nhóm này gồm Úc, Ấn Độ, Nhật Bản và Hoa Kỳ. Bộ tứ hợp tác về y tế toàn cầu, biến đổi khí hậu, công nghệ quan trọng và đang phát triển, cơ sở hạ tầng, mạng, giáo dục và năng lượng sạch.

Chiến lược Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương của Hoa Kỳ cũng nhấn mạnh mối quan hệ của Hoa Kỳ với Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN), cam kết sẽ hợp tác với ASEAN để xây dựng sự tin nhiệm của hiệp hội này trong vai trò là một thể chế

hàng đầu trong khu vực và tìm hiểu các cơ hội để ASEAN hợp tác với Bộ tứ.

“Những mối quan hệ của chúng ta không chỉ kết nối các chính phủ của chúng ta, mà còn là cầu nối giữa các dân tộc,” Chiến lược Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương của Hoa Kỳ cho biết.

Việc xây dựng năng lực tập thể trong và ngoài khu vực, theo Chiến lược Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương, bao gồm:

- Làm sâu sắc thêm năm liên minh hiệp ước trong khu vực mà Hoa Kỳ có với Úc, Nhật Bản, Philippines, Hàn Quốc và Thái Lan.
- Tăng cường mối quan hệ với các đối tác hàng đầu trong khu vực, bao gồm Ấn Độ, Indonesia, Malaysia, Mông Cổ, New Zealand, Singapore, Đài Loan, Việt Nam và các đảo ở Thái Bình Dương.
- Góp phần xây dựng một ASEAN mạnh mẽ và thống nhất.
- Cùng cố Bộ tứ và thực hiện các cam kết của nhóm này.
- Hỗ trợ Ấn Độ tiếp tục vươn lên và lãnh đạo khu vực.
- Hợp tác để xây dựng khả năng phục hồi ở các đảo Thái Bình Dương.
- Vun đắp những kết nối giữa khu vực Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương và khu vực châu Âu-Đại Tây Dương.
- Mở rộng sự hiện diện về phương diện ngoại giao của Hoa Kỳ ở Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương, đặc biệt là ở Đông Nam Á và các đảo Thái Bình Dương.

Theo Chiến lược Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương, dưới thời Tổng thống Hoa Kỳ Joe Biden, “Hoa Kỳ quyết tâm củng cố vị thế lâu dài cũng như cam kết của chúng tôi đối với khu vực Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương”. “Trong một bối cảnh chiến lược đang thay đổi nhanh chóng, chúng tôi hiểu rằng những quyền lợi của Hoa Kỳ chỉ có thể được nâng cao nếu chúng tôi định vị

Hoa Kỳ một cách vững vàng trong khu vực Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương đồng thời củng cố sức mạnh cho khu vực, cùng với các đồng minh và đối tác thân thiết nhất của chúng tôi”.

Đọc toàn bộ Chiến lược Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương của Hoa Kỳ tại <https://www.whitehouse.gov/wp-content/uploads/2022/02/U.S.-Indo-Pacific-Strategy.pdf>.

Chiến lược Hợp tác của EU tại Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương

eeas.europa.eu

19.04.2021

EU và các quốc gia thành viên từ lâu đã có mối quan hệ rộng khắp và toàn diện với các đối tác của mình ở Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, một khu vực trải dài từ bờ biển phía đông của châu Phi đến các quốc đảo Thái Bình Dương. Ngày nay, Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương là tâm điểm chú ý của thế giới khi mà quá trình phục hồi kinh tế-xã hội hậu đại dịch COVID-19 đang diễn ra trong bối cảnh sự bất ổn địa chiến lược trong khu vực gia tăng.



Kết luận của Hội đồng về Chiến lược Hợp tác của EU ở Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương được 27 Bộ trưởng Ngoại giao của các nước thành viên EU thông qua hôm nay **thể hiện sự nhận thức của EU về tầm quan trọng ngày càng tăng của khu vực này và cam kết củng cố vai trò của mình trong hợp tác với các đối tác tại đây.**

Khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương đại diện cho một trung tâm kinh tế và chiến lược của thế giới. Đây là nơi sinh sống của 60% dân số thế giới, tạo ra 60% GDP toàn cầu, đóng góp cho 2/3 sự tăng trưởng toàn cầu hiện nay. Đến năm 2030, phần lớn (90%) trong tổng số 2,4 tỷ thành viên mới của tầng lớp trung lưu gia nhập nền kinh tế toàn cầu sẽ sống ở Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương.

Sự hợp tác trong khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương vô cùng quan trọng trong việc thực hiện nghị trình toàn cầu của cộng đồng quốc tế, bao gồm cả việc đạt được các **Mục tiêu Phát triển Bền vững của Liên hợp quốc.** Trong những năm qua, **EU đã liên tục có những đóng góp đáng kể** trong khu vực về hợp tác phát triển và hỗ trợ nhân đạo, giải quyết vấn đề biến đổi khí hậu, tình trạng mất đa dạng sinh học và ô nhiễm, đồng thời góp phần duy trì luật pháp quốc tế, bao gồm cả vấn đề quyền con người và tự do hàng hải.

Do vậy, **EU có một lợi ích lớn tại khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương** và có mọi lợi ích trong việc **duy trì một cấu trúc khu vực cởi mở và dựa trên luật lệ.** Tuy nhiên, những biến động hiện tại ở Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương đã làm nảy sinh sự **cạnh tranh địa chính trị gay gắt**, làm gia tăng áp lực lên thương mại và các chuỗi cung ứng cũng như những căng thẳng trong các lĩnh vực công nghệ, chính trị và an ninh. Tính phổ quát của quyền con người cũng đang bị thách thức. 60% thương mại đường biển thế giới đi qua các đại dương của khu vực, trong đó một phần ba là đi qua Biển Đông. Các tuyến đường của khu vực này cần phải được duy trì sự tự do và cởi mở.

Đây là lý do vì sao các Bộ trưởng Ngoại giao EU đã quyết định **củng cố trọng tâm chiến lược, sự hiện diện và các hành động của EU ở Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương**. Cách tiếp cận và sự can dự sẽ được thực hiện dựa trên một quan điểm dài hạn, với mục tiêu đóng góp vào sự ổn định, an ninh, thịnh vượng và phát triển bền vững của khu vực trên cơ sở thúc đẩy dân chủ, pháp quyền, nhân quyền và luật pháp quốc tế.

Cam kết mới đối với khu vực này **bao trùm tất cả các đối tác** có mong muốn hợp tác với EU. Chiến lược này mang tính thực tế, linh hoạt và đa diện một cách có chủ đích, cho phép EU thích ứng và xây dựng mối quan hệ hợp tác của mình theo các lĩnh vực chính sách cụ thể mà ở đó các đối tác có thể tìm thấy điểm đồng dựa trên các nguyên tắc, giá trị cùng chia sẻ hoặc lợi ích chung.

EU sẽ tăng cường sự can dự sâu hơn tại Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, **đặc biệt là với những đối tác đã công bố các cách tiếp cận Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương của riêng họ**.

Việc thông qua Kết luận của Hội đồng cho phép EU **tăng cường hợp tác hơn nữa** trong nhiều lĩnh vực như quản trị đại dương, y tế, nghiên cứu và công nghệ, an ninh và quốc phòng, kết nối và củng cố hợp tác cùng nhau trong việc giải quyết các thách thức toàn cầu như biến đổi khí hậu.

EU mong muốn được hợp tác với mọi đối tác của mình trong tất cả các lĩnh vực này, đặc biệt là thực hiện nhiệm vụ chung trong giải quyết **các tác động to lớn về kinh tế và con người của cuộc khủng hoảng COVID-19**, đảm bảo một **sự phục hồi kinh tế-xã hội xanh, bền vững và bao trùm đồng thời tạo ra các hệ thống y tế có sức chống chịu tốt hơn**.

Xem thêm

- [EU Strategy for Cooperation in the Indo-Pacific - Factsheet](#)
- [Indo-Pacific: Council adopts conclusions on EU strategy for cooperation](#)

Diễn đàn Hợp tác Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương

22.02.2022

Capture à partir de : eeas.europa.eu

Ngày 22 tháng Hai năm 2022, Chủ tịch Hội đồng Liên minh châu Âu (nhiệm kỳ của Pháp) cùng Đại diện Cấp cao về Chính sách An ninh và Đối ngoại kiêm Phó Chủ tịch Ủy ban châu Âu, Josep Borrell Fontelles, đã đồng tổ chức tại Paris, Diễn đàn Bộ trưởng Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, quy tụ 27 Bộ trưởng Ngoại giao EU và khoảng 30 Bộ trưởng Ngoại giao từ khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, cũng như Đại diện của các tổ chức khu vực. Sự kiện được tổ chức nhân nhiệm kỳ Chủ tịch Hội đồng EU của Pháp và trong bối cảnh **Chiến lược Hợp tác của EU ở Khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương** đã được thông qua vào tháng Chín năm 2021.

Diễn đàn Bộ trưởng được đồng chủ trì bởi Ông Jean-Yves Le Drian, Bộ trưởng Ngoại giao Pháp, và Ông Josep Borrell, Đại diện Cấp Cao về Chính sách An ninh và Đối ngoại / Phó Chủ tịch Ủy ban châu Âu.

Những thảo luận tại sự kiện đã giúp xác định ý tưởng và hướng hợp tác giữa EU và các đối tác Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương dựa trên Chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương của EU và Chiến lược Cửa ngõ Toàn cầu đã được thông qua gần đây.

Diễn đàn Bộ trưởng Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương làm rõ mong muốn chung giữa những thành viên tham gia, hướng đến:

Hợp tác vì hòa bình, thịnh vượng, sự phát triển bền vững và mang tính bao trùm ở châu Âu và khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương;

Tái khẳng định cam kết vì một trật tự thế giới được xây dựng trên luật lệ, các giá trị và nguyên tắc dân chủ, cũng như tăng cường chủ nghĩa đa phương và pháp quyền, sự tôn trọng luật

pháp quốc tế và tự do hàng hải, phù hợp với Công ước của Liên hợp quốc về Luật đường Biển (UNCLOS);

Thúc đẩy sự phát triển của khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương và tăng cường quan hệ giữa EU và các đối tác Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương thông qua các hành động hợp tác và đoàn kết với nền tảng là các cam kết chung của chúng ta, bao gồm Chương trình nghị sự 2030; Tăng cường hợp tác trong một số lĩnh vực và tiếp tục trao đổi dựa trên các lộ trình đã xác định, đặc biệt, trong khuôn khổ ba bàn tròn được tổ chức trong Diễn đàn Bộ trưởng, về: i) kết nối và các vấn đề kỹ thuật số; ii) các vấn đề toàn cầu như cuộc chiến chống lại sự nóng lên toàn cầu và công tác bảo tồn đa dạng sinh thái; và iii) an ninh và quốc phòng.

Các đại diện EU tham gia Diễn đàn tái khẳng định tầm quan trọng của khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương đối với châu Âu, và nhấn mạnh sự ủng hộ của họ cho sự hợp tác tăng cường và lâu dài của EU và các Quốc gia Thành viên, thông qua những hành động cụ thể. Ở khía cạnh này, vai trò của các khu vực ngoại vi và các quốc gia và vùng lãnh thổ hải ngoại của châu Âu ở Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương đã được đề cao.

Trong lĩnh vực an ninh và quốc phòng, EU thông báo mở rộng khái niệm về hiện diện hàng hải chung ở khu vực tây bắc Ấn Độ Dương. Điều này sẽ cho phép EU đẩy mạnh hỗ trợ cho sự ổn định và an ninh ở khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, tối ưu hóa việc triển khai hải quân, thúc đẩy hành động nhất quán của châu Âu và tạo thuận lợi cho sự trao đổi thông tin với các đối tác ở Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương. Hơn nữa, EU tái khẳng định quyết tâm tăng cường gắn kết trong lĩnh vực an ninh và quốc phòng với các đối tác trong khu vực, ví dụ thông qua tăng cường đối thoại và các mối quan hệ song phương. Ngoài ra, EU tái khẳng định cam kết của mình đối với các nội dung sau:

- tăng cường các chương trình hợp tác hiện có, nhằm triển khai các hoạt động nâng cao năng lực với các đối tác Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, đặc biệt thông qua chương trình ESIWA (Tăng cường An ninh Trong và Với Châu Á), trong lĩnh vực chống khủng bố, không gian mạng, an ninh hàng hải và quản lý khủng hoảng;
- thúc đẩy nhận thức về lĩnh vực hàng hải, đặc biệt thông qua nền tảng trao đổi thông tin IORIS của dự án CRIMARIO (Các Tuyến đường Hàng hải Quan trọng ở khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương); khả năng mở rộng dự án này đến khu vực Thái Bình Dương sẽ được nghiên cứu trong những tháng tới.

Về **an ninh mạng**, tầm quan trọng của Công ước Budapest về Tội phạm mạng và công tác tăng cường năng lực chống chịu trên không gian mạng đã được thảo luận; nhân dịp này EU cũng quảng bá bộ công cụ 5G của mình và triển vọng hợp tác với các quốc gia Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương mà bộ công cụ cung cấp.

Trong **lĩnh vực kết nối**, các đại biểu tái khẳng định tầm quan trọng của cách tiếp cận bền vững, bao trùm và dựa trên quy tắc, cũng như nhu cầu tăng cường hợp tác trên các khuôn khổ quy định trung ương, và công tác triển khai các cơ sở hạ tầng vật chất an toàn và có sức chống chịu.

EU sẽ đặt mục tiêu tăng cường tất cả các khía cạnh của tính kết nối với các đối tác Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương theo một phương thức chiến lược được xây dựng dựa trên Cổng Toàn cầu, Chiến lược của EU về hợp tác ở Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, cũng như Chiến lược của EU về Kết nối châu Âu và châu Á. **Cổng Toàn cầu** dựa trên các nguyên tắc quản trị tốt (minh bạch, bền vững tài chính, cạnh tranh bình đẳng, v.v.) và tham vọng xanh (thông qua sự hỗ trợ hướng đến cơ sở hạ tầng sạch hơn, đánh giá môi trường và chuyển đổi công bằng sang trạng thái cân bằng khí hậu). Cổng Toàn cầu

sẽ hỗ trợ việc triển khai cơ sở hạ tầng an toàn và bền vững, thúc đẩy khả năng phục hồi của chuỗi cung ứng toàn cầu và tăng cường quyền tự chủ ra quyết định của các đối tác của EU.

EU nhấn mạnh tầm quan trọng của việc đảm bảo các điều kiện để khởi động thành công **Sáng kiến Nhóm Châu Âu về Kết nối Bền vững trong khu vực ASEAN**, nhằm phát triển các dự án cụ thể thông qua hợp tác với các đối tác Đông Nam Á.

Bên cạnh đó, **Hiệp định Vận tải Hàng không Toàn diện (CATA) giữa EU và các Quốc gia Thành viên ASEAN** đã được trình bày như một ví dụ về một sáng kiến quan trọng sẽ tăng cường kết nối từ cá nhân đến cá nhân của hai khu vực và tạo ra các cơ hội kinh doanh mới cho các tác nhân kinh tế của họ. EU hoan nghênh việc kết thúc đàm phán và bày tỏ hy vọng rằng hiệp định sẽ sớm được ký kết. Tiềm năng đa dạng hóa và giúp các quan hệ thương mại của EU ở Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương trở nên sâu sắc hơn đã được ghi nhận, đặc biệt là dựa trên mạng lưới hiện tại của các hiệp định thương mại tự do đầy tham vọng và mang những lợi ích chung.

Vai trò quan trọng của **giáo dục** và **thanh niên** ở cả hai khu vực cũng được đề cao. Chương trình trao đổi cấp đại học **Erasmus+** của EU, chương trình **Marie Skłodowska-Curie Actions** và các khoản tài trợ và học bổng của họ sẽ tăng cường tính kết nối và mối quan hệ lâu dài giữa EU và khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương. (EAC) Từ năm 2014 đến năm 2020, hơn 50.000 người được hưởng lợi từ các hỗ trợ du học của Erasmus+ giữa EU và các nước Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương. Các dự án hợp tác giáo dục đại học của Erasmus+ sẽ tiếp tục phát triển năng lực, kỹ năng và kiến thức để giải quyết các vấn đề toàn cầu quan trọng đối với Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương.

Trong lĩnh vực **ngiên cứu** và **sáng chế (R&I)**, tầm quan trọng của việc tuân thủ các giá trị R&I chính yếu đã được nhấn mạnh để đảm bảo hợp tác một cách công bằng và mang tính tương

tác, như sẽ được xem xét vào tháng Ba năm 2022 tại Hội nghị Marseille về Cách tiếp cận Toàn cầu trong R&I, trong khuôn khổ nhiệm kỳ Chủ tịch Liên minh châu Âu của Pháp. Công tác này có vai trò quan trọng nhằm lan tỏa lợi ích từ các nghiên cứu và sáng chế thuộc chương trình Horizon Europe, vốn mang đến nhiều cơ hội hợp tác cho Khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương.

Phù hợp với Phương pháp Tiếp cận Toàn cầu về hợp tác quốc tế trong lĩnh vực R&I và Chiến lược Công Toàn cầu, việc ra mắt Nền tảng Sáng chế Toàn cầu đang được xem xét, nhằm mục đích kết nối các nhà sáng chế từ khắp nơi trên thế giới để đưa ra các giải pháp hỗ trợ cho những thách thức toàn cầu. Một nền tảng như vậy sẽ giúp thúc đẩy tính sáng chế tại các nước Châu Âu và trong khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương.

Về lĩnh vực hợp tác số, Diễn đàn Bộ trưởng đã thảo luận về

Về các vấn đề số, Diễn đàn Bộ trưởng đã thảo luận về đóng góp của kinh tế số, cơ sở hạ tầng và giáo dục đối với sự chuyển đổi của nền kinh tế và xã hội. Các đại biểu cũng đã trao đổi về sự cần thiết của một mạng internet mở, an toàn, bảo mật và lấy con người làm trung tâm. Các vấn đề an ninh mạng, đặc biệt là những vấn đề liên quan đến 5G, đã được thảo luận và sự cần thiết phải áp dụng các tiêu chuẩn bảo mật cao nhất đã được tái khẳng định. EU đã công bố ý định triển khai Trung tâm phát triển kỹ thuật số ở khu vực Châu Á - Thái Bình Dương, nhằm thúc đẩy hợp tác kỹ thuật số giữa EU và các Quốc gia thành viên cũng như các đối tác trong khu vực để hỗ trợ chuyển đổi kỹ thuật số bền vững và toàn diện. Diễn đàn Bộ trưởng tái khẳng định tầm quan trọng của việc đảm bảo mức độ bảo vệ cao đối với dữ liệu cá nhân [*như được phản ánh trong Tuyên bố giữa EU và X các nước Ấn Độ-Thái Bình Dương về quyền riêng tư và bảo vệ dữ liệu cá nhân, nhằm củng cố niềm tin vào nền kinh tế kỹ thuật số*]. Diễn đàn Bộ trưởng cũng bày tỏ ủng hộ việc nhanh chóng khởi động đàm phán quan hệ đối

tác kỹ thuật số giữa EU với Nhật Bản, Singapore và Hàn Quốc, dựa trên các giá trị chung và cách tiếp cận chung về chuyển đổi kỹ thuật số lấy con người làm trung tâm.

Về các vấn đề toàn cầu, các cuộc thảo luận bàn tròn đề cập đến ba ưu tiên chính:

Về **cuộc chiến chống biến đổi khí hậu** và liên quan đến **chuyển đổi năng lượng bền vững**, các cuộc thảo luận tập trung vào các phương tiện cần thiết để đạt được các hành động giảm thiểu đầy tham vọng, về cách thực hiện một quá trình chuyển đổi năng lượng công bằng và về tính dễ bị tổn thương của nhiều quốc gia trong khu vực Ấn Độ - Thái Bình Dương. Các đối tác EU và Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương đã thể hiện cam kết chung để giải quyết hiệu quả các thách thức bền vững chung và trong tương lai, tiếp tục chia sẻ các thực tiễn tốt nhất về quy định và đổi mới, tập trung vào công nghệ xanh và cơ chế định giá carbon. Các công cụ định hướng hợp tác như Sáng kiến Đội ngũ Châu Âu xanh hợp tác với ASEAN / Đông Nam Á cũng có thể được tận dụng để hỗ trợ đạt được những chuyển đổi năng lượng đầy tham vọng và công bằng trong khu vực Ấn Độ - Thái Bình Dương. (PCOM Cab) Sự quan tâm đến việc tham gia, cùng với các đối tác quốc tế, trong các dự án tương tự như phương pháp tiếp cận “Quan hệ Đối tác Chuyển tiếp Năng lượng Chỉ với Nam Phi” ở khu vực Ấn Độ - Thái Bình Dương cũng đã được nhấn mạnh.

Hơn nữa, vai trò của các thành phố với tư cách là động lực thúc đẩy hành động khí hậu và chuyển đổi năng lượng sạch được nhấn mạnh và các đại biểu EU hoan nghênh sự hỗ trợ liên tục của Ủy ban Châu Âu đối với Hiệp ước Thị trường Toàn cầu về Khí hậu và Năng lượng (GCoM) ở khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương.

Về lĩnh vực **bảo tồn đa dạng sinh học** và **bảo vệ đại dương**, tiếp theo Hội nghị Thượng đỉnh Quốc tế One Ocean vào ngày 11 tháng 2, các cuộc thảo luận đã tập trung vào Các cuộc thảo

luận tập trung vào việc các quốc gia trong khu vực thông qua các mục tiêu chính về đa dạng sinh học, chẳng hạn như bảo vệ 30% diện tích đất và biển vào năm 2030, nhằm thúc đẩy việc sử dụng bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên trong một khu vực có nền kinh tế phụ thuộc nhiều vào tài nguyên thiên nhiên và hợp tác với EU để thông qua Khung đa dạng sinh học toàn cầu đầy tham vọng trong bối cảnh của Công ước Đa dạng sinh học COP 15.

Về khía cạnh này, EU nhấn mạnh tầm quan trọng của việc hợp nhất các Sáng kiến Nhóm Châu Âu như Liên minh Xanh-Xanh cho Thái Bình Dương và Đông Timor. EU cũng tuyên bố tăng cường đóng góp cho sáng kiến KIWA mà các nước Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương (Australia, New Zealand) đã và đang đóng góp, nhằm tăng cường khả năng thích ứng của các vùng lãnh thổ trước những tác động bất lợi của biến đổi khí hậu và bảo tồn các đặc điểm của đa dạng sinh học ở Thái Bình Dương. Các Bộ trưởng và đại diện EU tham dự đã nêu bật dự án Varuna và sáng kiến MarEco, cả hai đều được hỗ trợ bởi Cơ quan Phát triển Pháp, cho phép quản lý tốt hơn các hệ sinh thái và tài nguyên biển, cũng như thúc đẩy một nền kinh tế xanh bền vững.

Việc EU tuyên bố trở thành thành viên của Ủy ban Nghề cá Bắc Thái Bình Dương, tùy thuộc vào việc hoàn tất thành công thủ tục gia nhập đang diễn ra, thể hiện sự sẵn sàng đóng một vai trò lớn hơn trong quản lý đại dương. Để chống lại việc đánh bắt bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU) cũng như đóng góp vào việc quản lý và bảo tồn bền vững các nguồn tài nguyên biển, EU đã nhắc lại cuộc đối thoại với các nước ven biển và ủng hộ các sáng kiến nhằm tăng cường hợp tác quốc tế cũng như hệ thống quản lý và kiểm soát nghề cá, đặc biệt là bằng cách đóng góp vào sự phát triển của "Mạng lưới IUU ASEAN".

Trong lĩnh vực hợp tác y tế, các cuộc thảo luận tập trung vào việc tăng cường năng lực và chủ quyền y tế của các đối tác Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương bằng cách thúc đẩy hợp tác đa phương trong lĩnh vực nghiên cứu và đổi mới, và các chính sách công nghiệp để phát triển năng lực sản xuất dược phẩm trong khu vực, bao gồm cả vắc xin dựa trên công nghệ mRNA. Các triển vọng về quan hệ đối tác nhằm tăng cường các thể chế và tổ chức khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương trong việc chuẩn bị và ứng phó với đại dịch, chẳng hạn như Trung tâm ASEAN về các trường hợp khẩn cấp và bệnh mới nổi (ACPHEED), đã được nêu ra.

Một số quốc gia đã tuyên bố quan tâm đến việc tham gia sáng kiến PREZODE quốc tế, nhằm tăng cường hợp tác và thiết lập mạng lưới nghiên cứu trên quy mô toàn cầu để thực hiện phương pháp "Một sức khỏe". EU đã nêu bật sự hỗ trợ của mình trong cuộc chiến chống lại COVID-19, đặc biệt là bằng cách đóng góp 117 triệu liều vắc xin (đã được phân phối cho đến nay) cho các nước trong khu vực Ấn Độ - Thái Bình Dương thông qua COVAX.

Ngoài ra, một số quốc gia và vùng lãnh thổ, bao gồm New Zealand, Singapore, Thái Lan, Đài Loan, Indonesia, Malaysia, Philippines và Việt Nam, đã kết nối hoặc đang trong quá trình kết nối hệ thống chứng chỉ COVID kỹ thuật số của họ với Đề án của EU và nhấn mạnh lợi ích của việc sử dụng xuyên biên giới Chứng chỉ COVID kỹ thuật số.

Những lĩnh vực hợp tác này sẽ được hưởng lợi từ các chương trình hợp tác châu Âu Toàn cầu đang diễn ra cũng như sự phối hợp giữa các ngân hàng phát triển châu Âu và các tổ chức tài chính khác đang hoạt động trong khu vực trong các lĩnh vực được thảo luận tại diễn đàn.

Diễn đàn Bộ trưởng về Hợp tác ở khu vực Ấn độ dương – Thái Bình Dương là nơi phản ánh và trao đổi nhằm **xây dựng tầm nhìn chung giữa Liên minh Châu Âu, các Quốc gia thành**

viên và các nước trong khu vực Ấn Độ - Thái Bình Dương, dựa trên các nguyên tắc bền vững và cởi mở. Bộ trưởng Le Drian và Đại diện Ngoại giao cấp cao EU Borrell hoan nghênh Cộng hòa Séc sẵn sàng đưa Ấn Độ - Thái Bình Dương trở thành ưu tiên trong nhiệm kỳ Chủ tịch luân phiên của Hội đồng EU, một cam kết được tất cả các bên tham gia châu Âu hoan nghênh.

Canada công bố chiến lược Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương, tập trung vào Trung Quốc

28 tháng 11 2022

Capture à partir de :[BBC](#)



Nguồn hình ảnh, Reuters

Thủ tướng Canada Justin Trudeau thăm các binh sĩ Canada tại căn cứ quân sự Adazi ở Latvia vào ngày 08/03 năm nay

Ngày 27/11, Canada đã công bố chiến lược Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương, vốn được chờ đợi đã lâu, trong đó có bao gồm cam kết đối phó với một Trung Quốc "gây vấn đề".

Chiến lược phác thảo số tiền 2,3 tỷ đôla Canada (tương đương 1,7 tỷ USD) trong mức chi tiêu nhằm tăng cường an ninh mạng và quân sự trong khu vực, và cam kết đối phó với một Trung

Quốc "gây vấn đề", bên cạnh cùng làm việc với Bắc Kinh đối với các vấn đề biến đổi khí hậu và thương mại.

Bản kế hoạch được nêu chi tiết trong tài liệu dài 26 trang, có nội dung Canada sẽ siết chặt các điều luật đầu tư nước ngoài để bảo vệ tài sản trí tuệ và ngăn chặn các doanh nghiệp nhà nước Trung Quốc thu gom ồ ạt nguồn khoáng sản quan trọng.

Canada đang tìm cách làm sâu sắc thêm mối quan hệ với khu vực Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương gồm 40 quốc gia, chiếm gần 50 ngàn tỷ đôla Canada trong hoạt động kinh tế. Nhưng mối tập trung là Trung Quốc, được đề cập đến hơn 50 lần, vào thời điểm mà mối quan hệ song phương đang trở nên nguội lạnh.

Bốn bộ trưởng nội các Canada trong cuộc họp báo tại Vancouver đã luân phiên nêu chi tiết của kế hoạch mới, và cho biết chiến lược này rất quan trọng đối với nền an ninh và khí hậu của Canada cũng như các mục tiêu kinh tế.

"Chúng tôi sẽ có sự tham gia về mặt ngoại giao vì ngoại giao là sức mạnh, cùng lúc đó, chúng tôi sẽ kiên định và đó là lý do chúng tôi hiện có một kế hoạch rất rõ ràng để tham gia cùng Trung Quốc," Ngoại trưởng Canada Melanie Joly nói.

Chính quyền do Đảng Tự do của Thủ tướng Canada Justin Trudeau muốn đa dạng hóa các mối quan hệ thương mại và kinh tế, vốn rất phụ thuộc vào Mỹ. Các số liệu chính thức vào tháng 9 cho thấy thương mại song phương với Trung Quốc chiếm chưa đến 7%, so với mức 68% đối với Mỹ.

Việc Canada tiếp cận các đồng minh châu Á diễn ra trong bối cảnh Washington cũng có cho thấy các dấu hiệu ngày càng ngờ vực về thương mại tự do trong những năm gần đây.

Tài liệu này cũng nhấn mạnh đến thế tiến thoái lưỡng nan của Canada trong việc thắt chặt các mối quan hệ với Trung Quốc, vốn mang lại những cơ hội đáng kể cho các nhà xuất khẩu Canada, thậm chí khi Bắc Kinh đang hướng đến việc định hình

một trật tự quốc tế để hướng đến "một môi trường dễ chấp nhận hơn đối với các lợi ích và giá trị ngày càng khác biệt so với của chúng ta", theo nội dung nêu trong chiến lược.

[G20: Chủ tịch Trung Quốc phê phán công khai Thủ tướng Canada](#)

[Sau G20, Mỹ có thực sự trở lại và Trung Quốc muốn gì?](#)

[Philippines cáo buộc tàu TQ cưỡng đoạt vật thể nghi là mảnh vỡ tên lửa ở Biển Đông](#)

'Thách thức Trung Quốc'



Nguồn hình ảnh, Getty Images

Tàu frigate HMCS Vancouver của Canada

Mặc dù vậy, tài liệu cũng cho biết sự hợp tác với nền kinh tế lớn thứ hai thế giới là cần thiết để giải quyết một số "áp lực hiện hữu của thế giới", bao gồm biến đổi khí hậu, y tế toàn cầu và phổ biến vũ khí hạt nhân.

"Trung Quốc đang ngày càng trở thành một cường quốc toàn cầu gây vấn đề," chiến lược này cho biết. "Cách tiếp cận của

chúng ta... được định hình bằng sự phân tích thực tế và rõ ràng về Trung Quốc của ngày nay. Trong các khu vực có bất đồng sâu sắc, chúng ta sẽ thách thức Trung Quốc."

Căng thẳng giữa Canada và Trung Quốc dâng cao hồi cuối năm 2018 khi Canada bắt giữ Giám đốc tài chính của tập đoàn công nghệ Huawei, Mạnh Văn Châu và Bắc Kinh bắt giữ hai công dân Canada với cáo buộc gián điệp. Tất cả ba người này đều sau đó đã được trả tự do nhưng cho đến nay mối quan hệ hai bên vẫn còn nguội lạnh.

Canada hồi đầu tháng này đã yêu cầu ba công ty Trung Quốc bán các khoản đầu tư vào thị trường khoáng sản quan trọng của Canada, viện dẫn lý do an ninh quốc gia.

Tài liệu này, trong phần đề cập đến Trung Quốc, có nói Ottawa sẽ xem xét và cập nhật điều luật, cho phép Canada có thể hành động "quyết đoán khi các khoản đầu tư từ những doanh nghiệp nhà nước và các thực thể nước ngoài khác đe dọa đến nền an ninh quốc gia, bao gồm chuỗi cung ứng khoáng sản quan trọng của chúng ta."

"Bởi vì khu vực [Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương] đều to lớn và đa dạng, một kích cỡ không thể phù hợp tất cả," Chủ tịch Phòng Thương mại Canada Perrin Beatty nêu trong một tuyên bố, nói thêm các ưu tiên của Canada sẽ cần phải hơi khác biệt giữa hoặc bên trong các quốc gia.

Tài liệu cũng cho biết Canada sẽ tăng cường sự hiện diện hải quân trong khu vực Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương và "tăng cường năng lực tham gia quân sự và tình báo cũng như các phương tiện để giảm thái độ mang tính cưỡng ép và những đe dọa đến nền an ninh trong khu vực."

Điều này sẽ bao gồm việc huy động thường niên ba tàu frigate đến khu vực, từ hiện tại hai tàu, cũng như sự tham gia của các phi công và binh lính Canada trong các cuộc tập trận quân sự

của khu vực, Bộ trưởng Quốc phòng Canada Anita Anand phát biểu trong một cuộc họp báo riêng.

Canada thuộc nhóm G7, vốn muốn có các biện pháp đáng kể hơn nhằm đáp trả trước các vụ thử tên lửa của Bắc Hàn.

Tài liệu này cũng cho biết Ottawa đang tham gia trong khu vực cùng các đối tác như Mỹ và Liên minh châu Âu.

Theo chiến lược này thì Canada cần trao đổi với các quốc gia có những bất đồng mang tính nền tảng, nhưng không nêu tên quốc gia nào.

[Trung Quốc: Biểu tình phản đối Covid lan rộng, Tập Cận Bình đối mặt thách thức chưa từng có](#)

[Zero Covid ở TQ: Người biểu tình dựng độ cảnh sát tại nhà máy sản xuất iPhone lớn nhất thế giới](#)



Chụp lại video

Chủ tịch Trung Quốc phê phán công khai Thủ tướng Canada

Hàn Quốc công bố Chiến lược Ấn Độ-Thái Bình Dương với tầm nhìn tự do, hòa bình và thịnh vượng

BS WORLD Vietnamese

Write: 2022-12-28 14:08:31/Update: 2022-12-28 14:08:50

Capture à partir de : world.kbs.co.kr



Photo : YONHAP News

Chánh Văn phòng an ninh quốc gia Văn phòng Tổng thống Kim Sung-han ngày 28/12 đã công bố báo cáo cuối cùng về Chiến lược Ấn Độ-Thái Bình Dương của Hàn Quốc.

Kể từ sau Hội nghị thượng đỉnh Hàn-Mỹ vào ngày 21/5 năm nay, Chính phủ Hàn Quốc đã chuẩn bị cho việc lập Chiến lược Ấn Độ-Thái Bình Dương. Tại Hội nghị thượng đỉnh Hàn Quốc-Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) diễn ra tại Campuchia vào ngày 11/11 vừa qua, Tổng thống Yoon Suk-yeol đã công bố khung phác thảo chiến lược, với ba tầm nhìn là tự do, hòa bình, thịnh vượng, và ba nguyên tắc hợp tác là bao trùm, tin tưởng và cùng có lợi.

Trong báo cáo dài 37 trang được công bố cùng ngày, Chính phủ cụ thể hóa các tầm nhìn và nguyên tắc này, cùng 9 bài toán xúc tiến trọng điểm. 9 bài toán bao gồm: thiết lập trật tự dựa trên chuẩn mực và quy tắc; hợp tác thúc đẩy pháp quyền và nhân quyền; tăng cường hợp tác không phổ biến hạt nhân và chống khủng bố; mở rộng hợp tác an ninh toàn diện; mở rộng mạng lưới an ninh kinh tế; tăng cường hợp tác ở lĩnh vực khoa học công nghệ cao và góp phần thu hẹp khoảng cách số trong khu vực; đi đầu trong hợp tác khu vực liên quan tới biến đổi khí hậu và an ninh năng lượng; đóng góp tích cực về ngoại giao

bằng cách tăng cường hợp tác phát triển và quan hệ đối tác; tăng cường hiểu biết lẫn nhau và giao lưu văn hóa, nhân lực.

Chiến lược này cũng bao gồm nhận định về tầm quan trọng chiến lược của khu vực Ấn Độ-Thái Bình Dương, phương hướng hợp tác mà Hàn Quốc hướng tới, phương án xúc tiến quan hệ với các bên trong khu vực như Bắc Thái Bình Dương, Đông Nam Á, Nam Á, châu Đại Dương, các nước châu Phi giáp Ấn Độ Dương, châu Âu, Trung Nam Mỹ.

Chánh Văn phòng Kim cho biết chiến lược này phản ánh giá trị tự do và đoàn kết, điều mà Tổng thống Yoon Suk-yeol luôn nhấn mạnh, đối với khu vực Ấn Độ-Thái Bình Dương. Chiến lược đề ra phương hướng hợp tác cụ thể với khu vực này, nhằm đẩy cao tối đa lợi ích quốc gia. Ý tưởng của Chính phủ đương nhiệm là mở rộng tầm nhìn sang toàn bộ khu vực Ấn Độ-Thái Bình Dương, thay vì chỉ giới hạn ở vấn đề bán đảo Hàn Quốc, Đông Bắc Á, hay các sáng kiến khu vực bó hẹp ở lĩnh vực hợp tác kinh tế, thương mại như các Chính phủ tiền nhiệm; từ đó tăng cường hợp tác chiến lược tích cực hơn nữa trong các vấn đề song phương, khu vực và toàn cầu.

Các yếu tố trọng tâm mà Chính phủ đề ra là tự do, pháp trị và nhân quyền, được phân tích là nhằm bắt kịp chiến lược Ấn Độ-Thái Bình Dương của Mỹ. Trong đó, báo cáo nêu rõ Hàn Quốc sẽ thúc đẩy và tăng cường trật tự khu vực dựa trên quy tắc và giá trị phổ quát, với nền tảng là sự liên minh với các quốc gia cùng chia sẻ giá trị này; tuyên bố Hàn Quốc phản đối việc thay đổi hiện trạng đơn phương bằng sức mạnh.

Seoul cũng tuyên bố sẽ đẩy mạnh hợp tác an ninh hàng hải trong khu vực, nhấn mạnh hòa bình, ổn định, tự do hàng hải và hàng không phải được tôn trọng trên vùng biển Hoa Nam (mà Việt Nam gọi là biển Đông), một kênh giao thông đường biển quan trọng. Ngoài ra, hòa bình và ổn định tại eo biển Đài Loan có ý nghĩa quan trọng với hòa bình và ổn định bán đảo Hàn Quốc, và khu vực Ấn Độ-Thái Bình Dương.

Trong báo cáo trên, Hàn Quốc tuyên bố theo đuổi lợi ích chung với Trung Quốc, một đối tác hợp tác lớn của Hàn Quốc, trên nền tảng tôn trọng lẫn nhau và đôi bên cùng có lợi, dựa trên chuẩn mực và quy tắc quốc tế, phát triển quan hệ Hàn-Trung lành mạnh và chín muồi.

Báo cáo khẳng định tầm nhìn Ấn Độ-Thái Bình Dương của Hàn Quốc là một sáng kiến bao trùm, không nhắm đến hay loại trừ một quốc gia nào, được phân tích là nhằm nhấn mạnh sự khác biệt với chiến lược Ấn Độ-Thái Bình Dương của Mỹ, coi Trung Quốc là một thế lực thách thức quy chuẩn hiện hành, thay đổi hiện trạng thế giới.

Chiến lược Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương mới của Mỹ có tên Việt Nam

14/02/2022

VOA Tiếng Việt

Capture à partir de : [voatiengviet](https://www.voatiengviet.com)



Ngoại trưởng Mỹ Antony Blinken tại một buổi giới thiệu về Chiến lược Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương của Chính quyền Biden ở Jakarta, Indonesia, hồi tháng 12 năm ngoái. Nhà Trắng vừa công bố chiến lược này hôm 11/2.

Việt Nam được nhắc tới như là một trong các đối tác dẫn đầu ở khu vực mà Mỹ sẽ tăng cường mối quan hệ trong Chiến lược Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương mới được Chính quyền Tổng thống Joe Biden công bố.

Chính quyền Biden công bố [chiến lược](#) được mong đợi từ lâu hôm 11/2, một kế hoạch dựa nhiều vào liên minh, rắn đe quân sự và sự hiện diện mạnh mẽ hơn ở Đông Nam Á, được xem là để chống lại sự ảnh hưởng ngày càng lớn của Trung Quốc trong khu vực và toàn cầu.

Dù các quan chức Mỹ nhấn mạnh rằng Trung Quốc không phải là trọng tâm duy nhất trong các sáng kiến khu vực của Hoa Kỳ, nhưng nhiều điều khoản của chiến lược – bao gồm tăng cường liên minh và hiện diện quốc phòng cũng như mở rộng các mối liên kết thương mại, kinh tế và cơ sở hạ tầng khu vực mạnh mẽ hơn – dường như nhằm chống lại ảnh hưởng kinh tế, sức mạnh quân sự và sáng kiến Vành đai Cong đường của Trung Quốc, theo nhận định của truyền thông quốc tế.

Trung Quốc bị Chính quyền Biden xem là “mối đe dọa an ninh” lớn nhất của Mỹ.

“Chiến lược này đề ra tầm nhìn của Tổng thống Biden nhằm củng cố vững chắc hơn vị trí của Hoa Kỳ ở khu vực Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương, đồng thời cũng tăng cường sức mạnh cho cả khu vực trong quá trình đó,” theo bản chiến lược được Nhà Trắng công bố. “Trọng tâm chính của Chiến lược là sự hợp tác bền vững và sáng tạo cùng với các nước đồng minh, đối tác, cũng như các thể chế cả trong và ngoài khu vực.”

Sáng kiến mới nói rằng Hoa Kỳ sẽ theo đuổi mục tiêu xây dựng một khu vực Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương tự do và rộng mở, kết nối, thịnh vượng, an ninh và có sức chịu đựng.

Trong điều khoản kết nối của chiến lược, chính quyền Biden nói: “Chúng tôi sẽ xây dựng năng lực tập thể cả trong và ngoài khu vực” thông qua việc “tăng cường quan hệ với các đối tác

hàng đầu trong khu vực, bao gồm Ấn Độ, Indonesia, Malaysia, Mông Cổ, New Zealand, Singapore, Đài Loan, Việt Nam và các quốc đảo ở Thái Bình Dương”, với thứ tự các nước được nêu theo vần của tên trong tiếng Anh.

Việt Nam, cùng với Singapore và New Zealand, cũng đã [được nhắc tới](#) trong Hướng dẫn Tạm thời về Chiến lược An ninh Quốc gia mà Nhà Trắng công bố hồi đầu tháng 3 năm ngoái, không lâu sau khi ông Biden lên nhậm chức tổng thống. Trong tài liệu này, Chính quyền Biden nhắc đến Việt Nam như là một đối tác được Washington nhắm tới để “làm sâu sắc hơn” trong hợp tác an ninh khu vực. Các nhà quan sát cho rằng Việt Nam nổi lên như một nhân tố mới trong chiến lược an ninh quốc gia của Mỹ dưới chính quyền Biden, bên cạnh các đồng minh truyền thống của Washington.

Với tầm quan trọng chiến lược và cùng chia sẻ các lợi ích chung với Washington, Mỹ ngày càng có quan hệ thân thiết hơn với Việt Nam trong nhiều lĩnh vực, từ an ninh tới thương mại, trong khi Washington tìm cách tăng cường sự gắn kết với khu vực Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương để kiềm chế sự ảnh hưởng của Bắc Kinh.

Việt Nam và Singapore cũng là hai quốc gia duy nhất ở châu Á được đón tiếp cả Bộ trưởng Quốc phòng Lloyd Austin và Phó Tổng thống Kamala Harris trong hai chuyến thăm liên tiếp trong vòng chưa đầy một tháng vào năm ngoái.

Chiến lược Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương mới của Mỹ nói rằng Hoa Kỳ đã duy trì sự hiện diện quốc phòng mạnh mẽ trong khu vực suốt 75 năm qua và đang mở rộng cũng như hiện đại hoá vai trò này. Chiến lược còn cho biết Mỹ, dưới thời Chính quyền Biden, sẽ “nâng cao khả năng của mình trong việc bảo vệ lợi ích của chúng tôi, cũng như ngăn chặn bất kỳ hành vi đe dọa tới lãnh thổ Hoa Kỳ, hay đe dọa các đồng minh và đối tác chúng tôi.

“Chúng tôi sẽ tăng cường an ninh khu vực Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương, sử dụng tất cả các công cụ sức mạnh của mình để ngăn chặn hành vi gây hấn, chống lại những hành vi cưỡng ép,” chiến lược mới của Chính quyền Biden cho biết. Dù không nhắc đến tên Trung Quốc, nhưng sáng kiến này nhắc đến việc duy trì hoà bình và ổn định ở khu vực eo biển Đài Loan, Biển Đông và mở rộng sự hiện diện của Tuần duyên Hoa Kỳ để chống lại các mối đe dọa xuyên quốc gia.

Việt Nam chưa lên tiếng trước việc Nhà Trắng công bố Chiến lược Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương nhưng đã “hoan nghênh các sáng kiến ở khu vực góp phần vào hoà bình, ổn định, hợp tác và phát triển” theo luật lệ và tôn trọng luật pháp quốc tế ngay sau khi Chính quyền Biden đưa ra Hướng dẫn Chiến lược An ninh Tạm thời đầu năm ngoái.

Làm thế nào để quản lý rủi ro từ một Trung Quốc suy yếu?

26/12/2022

Capture à partir de : [nghiencuuquocte](https://www.nghiencuuquocte.org)



Nguồn: Jonathan Tepperman, “[China’s Dangerous Decline](#),” *Foreign Affairs*, 19/12/2022

Biên dịch: Nguyễn Thị Kim Phụng

Washington cần có sự điều chỉnh khi những rắc rối của Bắc Kinh ngày một gia tăng.

Hai tháng vừa qua là một trong những thời điểm quan trọng nhất trong lịch sử Trung Quốc đương đại. Dấu mốc đầu tiên là Đại hội Đảng lần thứ 20, sự kiện được Chủ tịch Tập Cận Bình sử dụng để loại bỏ những đối thủ duy nhất còn sót lại của mình. Sau đó vài tuần, tại Trung Quốc nổ ra làn sóng biểu tình lan rộng nhất mà nước này từng chứng kiến kể từ các cuộc biểu tình rầm rộ ở Quảng trường Thiên An Môn và nhiều nơi khác vào năm 1989. Thế rồi, chưa đầy một tuần sau, một hồi kết đáng kinh ngạc đã xuất hiện: trong một hành động nhượng bộ hiếm hoi (và không được thừa nhận), Bắc Kinh tuyên bố họ đang nói lỏng một số chính sách “zero COVID” đã khiến rất nhiều người tức giận xuống đường.

Đây thực sự là một chuỗi sự kiện quay cuồng, ngay cả khi xét theo tiêu chuẩn hỗn loạn của Trung Quốc đương đại. Tuy nhiên, bên dưới những ồn ào ấy, tất cả các sự kiện đều mang cùng một tín hiệu: rằng Trung Quốc không phải là gã khổng lồ đang trỗi dậy, như cách mà truyền thông Mỹ và các nhà lãnh đạo Mỹ thường mô tả, mà là kẻ đang chới với bên bờ vực thẳm. Mười năm “cải cách” của Tập – thường được phương Tây xem như chiến thắng trong những trò chơi quyền lực – đã làm cho đất nước trở nên yếu ớt và mong manh, làm trầm trọng thêm những vấn đề sẵn có, đồng thời làm nảy sinh những vấn đề mới. Dù ngày càng có nhiều nhà phân tích phương Tây – gồm Michael Beckley, Jude Blanchette, Hal Brands, Robert Kaplan, Susan Shirk, và Fareed Zakaria – nhấn mạnh đến thực tế này, nhiều nhà bình luận Mỹ và hầu hết các chính trị gia (từ cựu Ngoại trưởng Mike Pompeo tới Tổng thống Joe Biden), vẫn định hình cuộc cạnh tranh giữa Mỹ và Trung Quốc dựa trên sự trỗi dậy của Bắc Kinh. Ngay cả khi thừa nhận các cuộc khủng hoảng đang dâng cao ở Trung Quốc, họ cũng xem đó là những diễn biến bình thường hoặc tích cực đối với Mỹ.

Đúng ra phải là điều ngược lại. Thay vì là tin tốt lành, một Trung Quốc yếu kém, trì trệ, hoặc đang sụp đổ thậm chí còn nguy hiểm hơn một Trung Quốc thịnh vượng – không chỉ đối với bản thân nước này, mà còn đối với thế giới. Do đó, đối với người Mỹ, đối phó với một Trung Quốc thất bại còn khó khăn hơn đối phó với một Trung Quốc đang lên. Nếu Washington muốn đạt được thành công – hoặc ít nhất là chống đỡ được hậu quả tồi tệ nhất – thì họ cần phải nhanh chóng định hướng lại trọng tâm của mình.

Thành tích của Washington trong việc đối phó với các đối thủ đang suy tàn không có gì hứa hẹn, và việc đưa ra một chính sách mới để quản lý sự suy yếu của Trung Quốc là điều không dễ dàng. Tệ hơn, chưa rõ liệu chính quyền Biden đã bắt đầu giải quyết vấn đề hay chưa. Nhưng đó không phải là lý do để tuyệt vọng. Có một vài thay đổi mà Mỹ có thể thực hiện tương đối dễ dàng để cải thiện đáng kể khả năng thành công của họ – đặc biệt nếu họ bắt đầu thực hiện chúng từ sớm.

BỘ QUẦN ÁO CỦA HOÀNG ĐẾ

Nhiều năm sau cái chết của Mao Trạch Đông, Trung Quốc đã trở thành một chế độ chuyên chế đặc biệt của thế giới: quốc gia chuyên chế rộng lớn này dường như đi ngược lại mọi quy luật về chính trị và kinh tế. Bắt đầu từ cuối thập niên 1970, dưới thời người kế nhiệm Mao, Đặng Tiểu Bình, Trung Quốc dần mở cửa thị trường, phân bổ quyền hành pháp, áp đặt giám sát nội bộ, thúc đẩy tranh luận nội bộ, sử dụng dữ liệu để đưa ra quyết định, khen thưởng các quan chức đạt kết quả tốt, và theo đuổi một chính sách đối ngoại nhìn chung không mang tính đe dọa. Những cải cách này cho phép đất nước tránh được số phận ảm đạm mà hầu hết các chế độ đàn áp phải gánh chịu – bao gồm cả nạn đói và sự bất ổn mà chính Trung Quốc đã trải qua dưới thời kỳ cầm quyền lâu dài của Mao. Dưới thời Đặng Tiểu Bình và những người kế nhiệm ông, Giang Trạch Dân và Hồ Cẩm Đào, Trung Quốc không đơn thuần chỉ thoát được khó khăn; nước này đã phát triển mạnh mẽ, tăng trưởng kinh tế trung

bình gần 10% mỗi năm từ năm 1978 đến năm 2014, đưa khoảng 800 triệu người thoát khỏi đói nghèo (và còn đạt nhiều thành tựu khác).

Tuy nhiên, kể từ khi lên nắm quyền vào năm 2012, Tập Cận Bình, với mục đích duy nhất là theo đuổi quyền lực cá nhân, đã hủy bỏ một cách có hệ thống mọi cải cách vốn được thiết lập nhằm ngăn chặn sự trỗi dậy của một Mao Trạch Đông mới – hay ngăn chặn điều mà Francis Fukuyama gọi là vấn đề “Hoàng đế tồi” (Bad Emperor). Thật không may cho Trung Quốc, những cải cách mà Tập muốn hủy bỏ lại chính là những cải cách đã giúp nước này thành công rực rỡ. Trong vòng 10 năm, Tập đã củng cố quyền lực vào tay mình, đồng thời loại bỏ các biện pháp khuyến khích bộ máy hành chính dám nói ra sự thật và làm việc hiệu quả, thay thế chúng bằng một hệ thống chỉ khen thưởng một điều duy nhất: lòng trung thành. Cùng lúc đó, ông cho áp đặt các luật an ninh mới hà khắc và một hệ thống giám sát công nghệ cao, trấn áp những người bất đồng chính kiến, nghiền nát các tổ chức phi chính phủ độc lập (kể cả những tổ chức phù hợp với chính sách của ông), ngăn người Trung Quốc tiếp cận các tư tưởng nước ngoài, và biến vùng lãnh thổ phía tây Tân Cương thành một trại tập trung khổng lồ dành cho người Duy Ngô Nhĩ theo đạo Hồi. Năm ngoái, ông phát động một cuộc chiến chống lại các tỷ phú Trung Quốc, dồn dập tấn công các công ty công nghệ hàng đầu của đất nước, đồng thời tăng cường quyền lực và tài chính cho các doanh nghiệp nhà nước hoạt động kém hiệu quả – theo đó đẩy các doanh nghiệp tư nhân vào tình trạng đói vốn.

Đại hội đảng gần đây chỉ là bề nổi của tảng băng trôi. Tập đã sử dụng sự kiện này để làm bề mặt Hồ, người tiền nhiệm của ông và là nhà lãnh đạo Trung Quốc cuối cùng được chọn bởi Đảng. Ông cũng thay thế Thủ tướng Lý Khắc Cường, và lấp đầy Bộ Chính trị cùng Ban Thường vụ đầy quyền lực bằng những phụ tá trung thành (hầu hết trong số họ xuất thân từ ngành an ninh, không phải kỹ trị). Thay vì thể hiện sự vĩ đại của

Trung Quốc, đại hội đảng lại làm nổi bật những khuyết điểm đang lớn dần của nước này. Đó là lễ đăng quang của Tập với tư cách là Hoàng đế tồi mới nhất của Trung Quốc.

Thiệt hại mà Tập gây ra đã bắt đầu hiển hiện theo nhiều cách. Nền kinh tế Trung Quốc đã sụp đổ sau những can thiệp thất thường của ông và sức nặng của chính sách zero-COVID (gần đây, đã có hơn 313 triệu người đã bị phong tỏa theo cách này hay cách khác). Thời của tốc độ tăng trưởng GDP hàng năm 10% đã qua lâu rồi. Chính phủ Trung Quốc tuyên bố sẽ đạt tăng trưởng 5,5% trong năm nay, nhưng nhiều nhà phân tích cho rằng đạt được một nửa con số đó đã là rất may rồi. Giá trị của đồng nhân dân tệ vừa chạm mức đáy 14 năm, còn doanh số bán lẻ, lợi nhuận doanh nghiệp, sản lượng công nghiệp, và đầu tư bất động sản đều giảm. Trong khi đó, tỷ lệ thất nghiệp đã tăng vọt, lên tới 20% trong giới trẻ trong mùa hè vừa qua. Ước tính có khoảng 4,4 triệu doanh nghiệp nhỏ đã buộc phải đóng cửa vào năm ngoái. Dữ liệu không chính thức (không có dữ liệu thống kê chính thức) cho thấy đất nước cũng đang bị chảy máu chất xám ồ ạt khi các gã khổng lồ công nghệ, các tỷ phú, và các chuyên gia thuộc tầng lớp trung lưu đổ xô rời khỏi đất nước.

Nhiều khả năng tình hình sẽ còn tồi tệ hơn nhiều. Khi Trung Quốc chững lại, nước này ngày càng khó có thể vượt qua Mỹ để trở thành nền kinh tế lớn nhất thế giới. Thay vào đó, với sự đổi mới và tinh thần kinh doanh bị kìm hãm, cùng với năng suất giảm dần, Trung Quốc sẽ sa lầy trong bẫy thu nhập trung bình. Mức sống trong nước có thể đi ngang hoặc giảm xuống. Ngân sách ít hơn cùng với một bộ máy hành chính thiếu khả năng sẽ khiến Bắc Kinh gặp khó khăn trong việc giải quyết nhiều vấn đề nghiêm trọng đã tồn tại từ trước: dân số già đi nhanh chóng, những khoản nợ khổng lồ, khan hiếm tài nguyên thiên nhiên (gồm cả năng lượng và nước sạch), và thị trường bất động sản bong bóng mà sự tan vỡ của nó có thể kéo toàn bộ nền kinh tế

đi xuống. (Hơn 2/3 số tiền tiết kiệm của các hộ gia đình Trung Quốc đang được đầu tư vào bất động sản.)

Khi tình hình trở nên tồi tệ hơn và “Giấc mộng Trung Hoa” ngày càng xa rời tầm tay, người dân có thể sẽ tiếp tục nổi giận, như đã xảy ra vào tháng trước. Rất ít học giả Trung Quốc dự đoán một cuộc cách mạng toàn diện, vì bộ máy đàn áp của Bắc Kinh có vẻ đang hoạt động quá hiệu quả. Kịch bản khả thi hơn sẽ là sự bất đồng quan điểm trong giai cấp thống trị của Trung Quốc, như Thái Hà, cựu giáo sư tại Trường Đảng Trung ương của Đảng Cộng sản Trung Quốc, đã cảnh báo. Đúng là cho đến nay, Tập đã loại bỏ hầu hết các đối thủ và chứng tỏ mình là chiến binh mạnh nhất trong trò chơi quyền lực. Nhưng các cuộc thanh trừng của ông đã trừng phạt và sỉ nhục tới năm triệu quan chức – một số lượng kẻ thù quá lớn đối với bất kỳ nhà độc tài nào, kể cả những kẻ tàn nhẫn nhất.

Trong quá trình đó, Tập cũng sẽ phải đối mặt với các vấn đề đối ngoại trên hầu hết các khía cạnh – một lần nữa, phần lớn nguyên nhân là do chính ông. Sau khi từ bỏ chiến lược “ẩn mình chờ thời” của Đặng, Tập đã chuyển hướng sang đối đầu. Điều đó có nghĩa là đẩy nhanh việc chiếm đất ở Biển Đông và Biển Hoa Đông, đe dọa Đài Loan, sử dụng các khoản vay nặng lãi dưới danh nghĩa Sáng kiến Vành đai và Con đường để giành quyền kiểm soát cơ sở hạ tầng nước ngoài, khuyến khích các đại sứ Trung Quốc tham gia vào ngoại giao “chiến lang,” và gần đây nhất, là đứng về phía Nga trong cuộc chiến bất hợp pháp và không được ủng hộ ở Ukraine. Hậu quả cũng dễ đoán: trên khắp thế giới, vị thế của Bắc Kinh đã giảm xuống gần như thấp nhất hoặc thấp nhất mọi thời đại, trong khi các nước thuộc vùng ngoại vi của Trung Quốc vội vã đổ tiền vào quân đội của họ, chen chúc dưới chiếc ô an ninh của Washington, và thúc đẩy các hiệp ước an ninh mới như Đối thoại An ninh Bốn bên (liên kết Australia, Ấn Độ, Nhật Bản, và Mỹ) và AUKUS (một hiệp ước an ninh ba bên giữa Australia, Anh, và Mỹ).

Trong những năm tới, các vấn đề của Trung Quốc sẽ tiếp tục nhiều thêm – và tệ hơn, chúng có thể sẽ khiến Tập bất ngờ, vì, trong hệ thống toàn trị của ông, các quan chức cấp thấp sẽ bị trừng phạt nếu dám mang tin xấu đến cấp trên. Như Shirk, cựu phó trợ lý bộ trưởng ngoại giao Mỹ và là tác giả của cuốn *Overreach: How China Derailed Its Peaceful Rise*, nói: “Chẳng ai dám nói với Tập những nhược điểm và cái giá thực sự của các chính sách của ông ta, cũng như các vấn đề mà chúng tạo ra.” Ngay cả những liên lạc quan trọng giữa các chính phủ với nhau cũng không đến được tai Tập, điều làm gia tăng đáng kể nguy cơ vô tình xảy ra xung đột. Như Matthew Pottinger, cố vấn hàng đầu về Trung Quốc của Tổng thống Mỹ Donald Trump, gần đây đã giải thích: “Dưới thời Chính quyền Trump, chúng tôi đã đi đến kết luận rằng các thông điệp chúng tôi gửi đi qua các kênh ngoại giao đã không đến được với Tập. Chính quyền Biden cũng có kết luận tương tự.”

CÂN THẬN VỚI ĐIỀU BẠN MONG ƯỚC

Phe điều hậu ở Mỹ sẽ muốn ăn mừng khi thấy Trung Quốc gặp khó khăn. Nhưng họ nên hoãn bữa tiệc của mình lại, vì một Trung Quốc đang suy yếu có thể còn nguy hiểm hơn nhiều so với một Trung Quốc đang trỗi dậy. Xét đến sự phụ thuộc lẫn nhau giữa Mỹ và Trung Quốc, một nền kinh tế Trung Quốc yếu hơn – đặc biệt là nền kinh tế phải chịu gánh nặng bởi cơn sóng thần lây nhiễm không thể tránh khỏi, sẽ ập đến khi Bắc Kinh nói lỏng các quy định về COVID – đồng nghĩa với một nền kinh tế Mỹ yếu hơn. (Chỉ cần cân nhắc đến các vấn đề toàn cầu mà Apple phải gánh chịu gần đây, khi khu phức hợp Trịnh Châu của Foxconn nổ ra tranh chấp lao động.) Dù một số học giả cho rằng nếu gặp phải vấn đề trong nước, Trung Quốc có xu hướng hướng vào trong, nhưng sự suy tàn có thể và đã từng khiến các quốc gia khác hướng ra ngoài, khiến họ trở nên khó lường và hiếu chiến hơn. Chẳng hạn, Brands đã lấy ví dụ về nước Đức trước Thế chiến I và quyết định của Nhật khi tấn công Mỹ trong Thế chiến II để lập luận rằng “nguy hiểm có thể xuất hiện

khi một quốc gia đang trỗi dậy, đang háo hức chờ đến thời của mình, đạt đến đỉnh cao và bắt đầu suy yếu trước khi lợi ích của nó được đáp ứng.”

Rủi ro là đặc biệt lớn khi nhà lãnh đạo của đất nước đó gắn uy tín cá nhân vào những lời hứa hẹn lớn lao mà ông ta cảm thấy mình phải thực hiện, giống như trường hợp của Tập Cận Bình. Ngày càng mong muốn củng cố uy tín của mình – đặc biệt là sau thất bại công khai và đáng xấu hổ khi phải đảo ngược chính sách zero-COVID của ông – và vì không thể dựa vào tăng trưởng kinh tế để đảm bảo tính chính danh của mình (như các nhà lãnh đạo Trung Quốc trước đây đã làm), ông có thể dùng đến một vũ khí khác trong kho vũ khí của nhà độc tài: chủ nghĩa dân tộc. Nếu ông làm vậy, kết quả sẽ là một Trung Quốc với diện mạo và lối hành xử như Triều Tiên, nhưng ở cấp độ siêu lớn: một chế độ đàn áp, thiếu tiền, sẵn sàng khiêu khích và đe dọa các đối thủ của mình để đạt được nhượng bộ, đánh bóng lòng kiêu hãnh, và đánh lạc hướng công chúng.

Tất nhiên, mối nguy lớn nhất sẽ là một động thái quân sự đối với Đài Loan. Sự so sánh với Tổng thống Nga Vladimir Putin và cuộc chiến thảm khốc của ông ở Ukraine thật đáng sợ. Như Blanchette đã viết, “một môi trường trong đó nhà lãnh đạo chuyên chế chỉ có một mục tiêu duy nhất và không muốn nghe những sự thật khó chịu là công thức dẫn đến thảm họa.” Đáng tiếc, đó chính là loại hệ thống mà Tập đã tạo ra.

HÃY BIẾT KHIÊM TỐN

Một chính sách Mỹ-Trung có tính đến tất cả những mối nguy này sẽ đòi hỏi một số thay đổi trong cách tiếp cận hiện tại của Washington. Đầu tiên, Mỹ nên làm mọi thứ có thể để đảm bảo mô hình của họ càng hấp dẫn càng tốt. Khi mà một Trung Quốc thất bại trở nên ít hấp dẫn đối với các nước khác, Mỹ càng phải thể hiện sức hấp dẫn của chính mình. Một điểm khởi đầu lý tưởng là giải quyết tình trạng rối loạn chức năng chính trị của

Mỹ. Nhưng hiện tại, triển vọng để làm vậy và khôi phục niềm tin vào các thể chế của Mỹ có vẻ rất mờ mịt.

Một mục tiêu khả thi hơn sẽ là tránh phản ứng với các hành động khiêu khích của Trung Quốc theo cách phản bội lại các giá trị của Mỹ. Như nhà khoa học chính trị và cựu quan chức của chính quyền Biden, Jessica Chen Weiss, lập luận, bằng cách làm những việc như chặn truyền thông Trung Quốc và hạn chế thị thực Trung Quốc, “Mỹ đã rời xa các nguyên tắc cởi mở và không phân biệt đối xử vốn từ lâu đã là một lợi thế so sánh của họ.”

Ngoài ra, các chính trị gia Mỹ cũng nên dừng việc gây hấn với Trung Quốc vì những mục đích chính trị cục bộ trong nước. Việc ám chỉ rằng Washington đang tìm cách thay đổi chế độ ở Bắc Kinh, như các phụ tá của Trump đã làm trong rất nhiều dịp, chẳng giúp ích gì ngoài việc làm gia tăng sự bất an của Trung Quốc. Kết luận này cũng đúng với những cử chỉ mang tính biểu tượng và kích động thuần túy, chẳng hạn như chuyến đi của Chủ tịch Hạ viện Nancy Pelosi tới Đài Loan hồi tháng 8.

Bắc Kinh càng đi theo chủ nghĩa dân tộc, thì Tập Cận Bình càng muốn gây chiến – vì vậy Mỹ nên tránh kích động ông ta. Nhưng, sở dĩ “chọc tức con rồng” là một truyền thống lâu đời của Mỹ, là vì nó tạo ra lợi thế về chính trị trong nước. Do đó, sẽ không dễ thay đổi cách tiếp cận này, đặc biệt là khi Mỹ chuẩn bị bước vào cuộc bầu cử tổng thống. Nhưng tránh khiêu khích vô cớ không phải là dấu hiệu của sự yếu đuối hay nhân nhượng. Để làm rõ điều đó, Washington nên tăng cường rõ rệt khả năng kiềm chế một Trung Quốc đang trỗi dậy, thẳng thừng vạch ra lằn ranh đỏ và chấm dứt chính sách “mơ hồ chiến lược” đối với Đài Loan (mà nhà khoa học chính trị Richard Haass và những người khác đã ủng hộ), đồng thời nhấn mạnh lại rằng Washington sẽ phản đối bất kỳ động thái hướng tới độc lập nào của Đài Loan. Tuy nhiên, Mỹ nên lặng lẽ gửi đi những thông điệp phản đối đó – trong các cuộc đàm phán trực tiếp với Đài

Bắc và Bắc Kinh – để tránh đưa ra một thách thức công khai mà Tập cảm thấy buộc phải đáp trả. Để tiếp tục thay đổi tính toán của mình, Washington cũng nên tăng cường sức mạnh quân sự của Mỹ ở những khu vực có thể xảy ra đối đầu, chẳng hạn như Tây Thái Bình Dương, và nên làm tất cả những gì có thể để biến Đài Loan thành một mục tiêu khó chiếm hơn (một dự án đã quá hạn từ lâu, nhưng cuối cùng cũng đang được tiến hành).

Tất nhiên, cần phải có phương tiện để gửi đi những thông điệp thâm lặng đó. Vì vậy, chính quyền Biden nên thiết lập lại một kênh để liên lạc trong khủng hoảng, và tái can dự với Trung Quốc về mặt ngoại giao theo cách mà Mỹ hầu như đã tránh né trong sáu năm qua – không phải để thưởng cho Trung Quốc vì những hành vi xấu, nhưng để đảm bảo rằng hai chính phủ có thể nói chuyện khi họ cần.

Còn về khía cạnh kinh tế, chính quyền Biden xứng đáng được công nhận vì các động thái gần đây của họ, như thông qua Đạo luật Khoa học và CHIPS, cũng như thiết lập các biện pháp kiểm soát xuất khẩu nhằm hạn chế khả năng Trung Quốc tiếp cận chất bán dẫn và các vật liệu cần thiết để sản xuất chúng. Những bước đi này sẽ làm giảm sự phụ thuộc về kinh tế và chiến lược của Mỹ, đồng thời làm chậm bước tiến quân sự của Trung Quốc mà không khiêu khích nước này quá mức. Nhưng Washington nên suy nghĩ kỹ hơn về những đánh đổi liên quan đến việc tiếp tục phân tách kinh tế. Dù những động thái này có thể giúp bảo vệ nền kinh tế Mỹ, nhưng chúng cũng có thể được hiểu là thúc đẩy chủ nghĩa bảo hộ và gây ra vấn đề cho chính sách đối ngoại của Mỹ khi giảm đòn bẩy của Washington và động cơ hợp tác của Bắc Kinh.

Những khó khăn liên quan đến việc đạt được cân bằng đã dẫn đến nguyên tắc cuối cùng: khi Washington định hướng lại chính sách Trung Quốc của mình, chính sách đó cần phải khiêm tốn, theo hai nghĩa quan trọng. Đầu tiên, nếu và khi Trung Quốc bắt

đầu suy yếu rõ rệt, Mỹ phải tránh thái độ đắc thắng vốn từng đi kèm với sự sụp đổ của Liên Xô (bất chấp những nỗ lực của Tổng thống George H. W. Bush nhằm tránh làm nhục nhà lãnh đạo Liên Xô Mikhail Gorbachev). Công khai hạ thấp một đối thủ đang gặp khó khăn nghe thật hấp dẫn, nhưng việc làm đó chẳng phục vụ lợi ích của ai. Dù rất háo hức muốn ghi điểm ở trong nước, các chính trị gia Mỹ phải nhớ rằng khi Trung Quốc suy yếu, các động cơ chính trị để Tập gây chiến sẽ có thể tăng lên – nhưng các động cơ kinh tế để ông hợp tác cũng tăng lên, vì Bắc Kinh không có đủ tiền của và sự chú ý để giải quyết vấn đề. Washington vẫn cần sự hợp tác của Bắc Kinh trong một loạt vấn đề, chẳng hạn như chống biến đổi khí hậu và ngăn chặn các đại dịch trong tương lai, và họ nên tạo điều kiện thuận lợi nhất có thể để Tập chấp nhận hợp tác. Điều đó có nghĩa là giảm bớt những lời lẽ gay gắt vô cớ. Và, như Shirk gợi ý, điều đó có nghĩa là cho “Tập có lý do để tin rằng nếu ông tiết chế các chính sách của mình, Mỹ sẽ chú ý, thừa nhận điều đó, và đáp lại theo những cách có lợi cho Trung Quốc.”

Hình thức khiêm tốn thứ hai liên quan đến việc ghi nhớ rằng một Trung Quốc thất bại sẽ gây ra khó khăn lớn đến mức nào – và Mỹ từng giải quyết vấn đề đó tệ đến mức nào trong quá khứ. Hãy xem lại cách Mỹ giải quyết vấn đề Triều Tiên. Đúng là Washington đã thành công trong việc ngăn chặn tình huống xấu nhất: dù có rất nhiều lời đe dọa, vài cuộc giao tranh nhỏ lẻ và nhiều vụ thử tên lửa, chế độ của dòng họ Kim đã kiềm chế không phát động một cuộc chiến tranh thực sự với bất kỳ nước nào kể từ năm 1950. Nhưng đồng thời, Washington đã thất bại trong việc ngăn chặn Bình Nhưỡng làm khổ người dân của chính họ; xuất khẩu ma túy, đồ la giả và vũ khí; và quan trọng nhất, phát triển một kho vũ khí hạt nhân đáng kể. Nguyên nhân không phải là người Mỹ đã không cố gắng. Chí ít là từ thời Bill Clinton, các tổng thống Mỹ đã dành rất nhiều thời gian và công sức để cố gắng tránh những kết quả này. Nhưng tất cả họ đều thất bại – qua đó cho thấy độ khó của vấn đề. Bây giờ, hãy nhớ

rằng dân số của Trung Quốc lớn hơn khoảng 54 lần dân số của Triều Tiên, và GDP của Trung Quốc lớn hơn khoảng 1000 lần GDP của Triều Tiên. Cần phải chú trọng đến quy mô của vấn đề. Quản lý sự suy yếu của Trung Quốc sẽ là một quá trình lâu dài, khó khăn, với những đánh đổi đau đớn; trên thực tế, có lẽ không có cách nào toàn diện để bảo vệ Mỹ và phần còn lại của thế giới khỏi những rắc rối mà sự suy yếu ấy sẽ gây ra. Nhưng đó là lý do tại sao các nhà hoạch định chính sách nên bắt đầu tập trung vào nó ngay từ bây giờ.

Jonathan Tepperman là Tổng Biên tập của tạp chí Foreign Policy từ năm 2017 đến năm 2020. Trước đó, ông là Thư ký tòa soạn của tạp chí Foreign Affairs. Ông là tác giả cuốn sách “The Fix: How Countries Use Crises to Thrive and Survive.”

Sức mạnh quân sự của Trung Quốc đang vươn ra toàn cầu

10/09/2023

Capture à partir de : [nghiencuuquocte](https://www.nghiencuuquocte.org)

How China is expanding its military presence

Countries where China currently has military facilities or agreements, or is likely to develop them in the future.

- Existing military facilities
- Suspected military facilities under construction
- High-risk location for potential military access
- Reportedly evaluated for potential military access



Source: Foundation for Defense of Democracies • By Sara Chodosh

Nguồn: Craig Singleton, “[中国的军事力量正走向全球](#)”, *The New York Times*, 08/09/2023

Biên dịch: Nguyễn Hải Hoành

Địa điểm các quan chức Mỹ suy đoán là tiền đồn quân sự ở nước ngoài đầu tiên của Trung Quốc trong vùng Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương sắp được xây dựng xong tại căn cứ hải quân Ream trên lãnh thổ Campuchia. Điều này thể hiện một diễn biến lớn trong chiến lược phòng thủ khu vực của Bắc Kinh. Ngoài việc tạo điều kiện cho các cuộc phiêu lưu quân sự của Trung Quốc ở Biển Đông, căn cứ địa mới này còn có thể cung cấp cho Quân đội Giải phóng Nhân dân Trung Quốc một điểm tập kết, giám sát và tác động đến các tuyến đường biển quan trọng như eo biển Malacca, nơi ước tính khoảng 40% hàng hoá thương mại của thế giới đi qua.

Thế nhưng căn cứ hải quân Ream cũng làm sáng tỏ việc Bắc Kinh sử dụng rộng rãi hơn các chiến lược sáng tạo đổi mới để thách thức sức mạnh quân sự của Mỹ, điều có thể tác động nghiêm trọng đến Washington và các đồng minh.

Nhiệm vụ tăng cường quân sự của Trung Quốc tập trung vào việc thiết lập cái gọi là các “địa điểm chiến lược quan trọng” dọc theo các tuyến đường thương mại, năng lượng và tài nguyên chính của Trung Quốc, đặc biệt là các tuyến từ Trung Quốc đi qua eo biển Malacca đến Ấn Độ Dương và Vịnh Aden. Trung Quốc đã nói rõ rằng những địa điểm chiến lược đó nhằm mục đích “hỗ trợ cho các hoạt động quân sự ở nước ngoài” và “thực thi ảnh hưởng chính trị và quân sự” của họ ở nước ngoài.

Tin tình báo và hình ảnh có nguồn công khai cho thấy Trung Quốc đang đặt nền móng cho mạng lưới này, từ Djibouti ở Đông Phi, tới Guinea Xích Đạo trên bờ biển Đại Tây Dương của châu Phi và Quần đảo Solomon ở Nam Thái Bình Dương đều có các dự án đã hoàn thành hoặc có thể được xây dựng trong tương lai.

Chiến lược quốc phòng của Trung Quốc xưa nay luôn tập trung vào việc bảo vệ lãnh thổ gần nước mình. Thế nhưng khi sức mạnh quân sự và lợi ích ở nước ngoài ngày càng tăng, Bắc Kinh đã chuyển sang triển khai các thiết bị quân sự ở nước

ngoài xa hơn. So với Mỹ, Trung Quốc vẫn ở thế rất bất lợi về mặt chiến thuật. Mỹ có hàng trăm căn cứ quân sự ở hơn 80 quốc gia, đây là một mạng lưới rộng lớn và tốn kém. Nhưng Trung Quốc hiện có lực lượng hải quân lớn nhất thế giới. Điều đó, cộng với chiến lược mới của họ – chiến lược tinh giản hơn và tiết kiệm chi phí hơn chiến lược trải rộng “ở khắp mọi nơi” của Mỹ – có thể làm suy yếu các lợi thế của Mỹ, làm cho khi xảy ra xung đột, Bắc Kinh sẽ có khả năng tấn công các mục tiêu quân sự hoặc các mục tiêu có giá trị cao khác, hoặc khi xung quanh Trung Quốc xảy ra xung đột khu vực, Trung Quốc có thể làm suy yếu khả năng của Mỹ trong việc chuyển quân đến các vùng đó.

Khi xây dựng cấu trúc nói trên, Trung Quốc đang tận dụng nền tảng đã được xây dựng bởi Sáng kiến không lồ “Một Vành đai, một Con đường” của mình. Sáng kiến này bắt đầu từ 10 năm trước và tập trung vào việc khôi phục cơ sở hạ tầng tại các cảng trên khắp thế giới với mục tiêu mở rộng sức mạnh kinh tế và chính trị của Trung Quốc. Các dự án từng là dự án thương mại này nay đang chuyển đổi thành tài sản quân sự.

Các nhà hoạch định chính sách Mỹ đầy lo lắng không cần nhìn đâu xa ngoài Djibouti — “cứ điểm chiến lược” đầu tiên ở nước ngoài của Trung Quốc. Năm 2015, Trung Quốc bắt đầu xây dựng một cảng dân dụng đa năng ở Djibouti, nằm tại giao điểm giữa Biển Đỏ với Ấn Độ Dương. Cảng này ở gần Trại Lemonnier của quân đội Mỹ và đã phát triển thành một căn cứ được bảo vệ nghiêm ngặt. Theo cơ quan tình báo Stratfor, nó bao gồm hơn 2,3 hecta công sự ngầm — một kỹ thuật Quân Giải phóng Trung Quốc thường dùng để giấu các khẩu pháo và các loại đạn dược tránh bị vệ tinh do thám phát hiện.

Những thay đổi tương tự cũng đang được thực hiện tại Cảng Khalifa ở Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất, nơi một tập đoàn vận tải biển Trung Quốc xây dựng và vận hành một cảng container thương mại. Các quan chức chính quyền Biden tin

rằng Trung Quốc đang xây dựng một cơ sở quân sự bí mật ở đó, cách căn cứ không quân UAE, nơi đóng quân của một đơn vị Không quân Mỹ quan trọng, khoảng 80 dặm. Tại Pakistan, Bắc Kinh gần đây đã bàn giao hai tàu hộ vệ hải quân để bảo vệ một dự án cơ sở hạ tầng trị giá hàng tỷ USD, bao gồm cảng Gwadar do Trung Quốc đầu tư, nơi Trung Quốc được cho là đang xem xét việc thiết lập một căn cứ hải quân.

Trong tương lai, các địa điểm chiến lược mới của Trung Quốc có thể được hình thành, các căn cứ ấy có thể trở thành địa điểm tập trung cấp cao cho các lực lượng vũ trang hoặc cơ sở để giám sát quân đội nước ngoài. Trong các trường hợp khác, Trung Quốc có thể ký kết thỏa thuận với các quốc gia sở tại cho phép tài sản quân sự hoặc quân nhân của Trung Quốc được tiếp liệu, sửa chữa và lưu trú trong thời gian ngắn.

Nhưng các cuộc chiến trong tương lai sẽ không chỉ liên quan đến tàu chiến và máy bay. Chúng sẽ bao gồm các yếu tố chiến tranh mạng, chiến tranh điện tử và chiến tranh không gian. Chính phủ Trung Quốc cũng đang chuẩn bị giành chiến thắng trong lĩnh vực mới này.

Khoảng 10 năm trước, Chủ tịch Tập Cận Bình đã yêu cầu Quân đội Giải phóng Nhân dân xây dựng “các lý thuyết, chế độ, hệ thống thiết bị, chiến lược và chiến thuật quân sự mới” để triển khai “chiến tranh thông tin”. Lực lượng chi viện chiến lược của Trung Quốc là đơn vị phụ trách không gian, không gian mạng, thông tin liên lạc và chiến tranh tâm lý của Quân Giải phóng, chịu trách nhiệm biến ý tưởng đó thành hiện thực. Lực lượng này hiện duy trì hiện diện tại 4 tiền đồn đã biết ở Argentina, Pakistan, Kenya và Namibia, nơi vận hành những trạm theo dõi và đo lường từ xa cho chương trình không gian quân sự của Trung Quốc. Theo các nguồn tin, gần đây người ta phát hiện thấy Trung Quốc đã thiết lập một trạm nghe trộm ở Cuba; và các hình ảnh vệ tinh cho thấy Trung Quốc đã thiết lập cơ sở hạ tầng tình báo tín hiệu trên các đảo nhân tạo ở Biển Đông.

Theo các báo cáo tình báo bị rò rỉ của Mỹ, nhân viên [Trung Quốc] tại những địa điểm này và các địa điểm tiềm năng khác có thể tiến hành các hoạt động “tù chối, khai thác hoặc chiếm đoạt” các vệ tinh của Mỹ. Họ cũng có thể tiến hành chiến tranh mạng và chiến tranh nhận thức chống lại các thiết bị hạ tầng của Mỹ hoặc đồng minh – đây là một thành phần cốt lõi trong chiến lược của Trung Quốc nhằm làm suy yếu ưu thế quân sự của Mỹ, kể cả việc phát tán thông tin giả trên sóng điện của đối thủ để làm suy yếu khả năng ra quyết định của họ.

Những “địa điểm quan trọng” này có thể làm cho Trung Quốc có khả năng phân tán sức chú ý của lực lượng Mỹ và đồng minh ở các chiến trường khác nhau, làm cho các lực lượng đó quá căng thẳng, đồng thời lợi dụng mối quan hệ kinh tế và quân sự chặt chẽ hơn của Bắc Kinh với các nước khác để gây áp lực với các nước đó, hạn chế việc sử dụng các căn cứ của Mỹ. Nếu Trung Quốc sử dụng bộ khung ở nước ngoài này trong cuộc xung đột về Đài Loan, điều đó sẽ tạo ra tình thế tiến thoái lưỡng nan cho các nhà hoạch định chính sách của Mỹ, buộc họ phải lựa chọn giữa việc bảo vệ Đài Loan và đối phó với các hành động dương đông kích tây của Trung Quốc ở những nơi khác.

Tuy nhiên, trong vài năm qua, khi Trung Quốc triển khai chiến lược có ảnh hưởng sâu rộng này, chính phủ Mỹ dường như thường ở thế phản ứng bị động. Khi còn làm việc trong chính phủ Mỹ, tôi nhận thấy Washington luôn đợi cho đến khi các thỏa thuận tiếp cận của Trung Quốc tại Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất, Guinea Xích đạo và Quần đảo Solomon được hoàn tất hoặc gần như hoàn tất thì mới cử các phái đoàn cấp cao đến thông báo cho các chính phủ đó biết về những rủi ro tiềm ẩn của thiết bị quân sự Trung Quốc.

Các nhà hoạch định chính sách ở Washington cần phải nhận thấy chiều sâu chiến lược trong các hành động của Trung Quốc và vạch ra một chiến lược phủ đầu bao gồm việc áp dụng các

biện pháp khuyến khích hoặc trừng phạt để thuyết phục chính phủ sở tại từ chối việc mở rộng quân sự của Trung Quốc. Nên cử một quan chức cấp cao được trao quyền lãnh đạo công tác này.

Đầu tiên, các nhà hoạch định chính sách của Mỹ nên chuyển sự chú ý sang quốc gia Gabon nhỏ bé ở Tây Phi. Trong những năm gần đây Trung Quốc đã phát triển mối quan hệ quân sự đáng kể với Gabon. Các căn cứ ở Gabon hoặc Guinea Xích đạo gần đó – vốn đã được Mỹ xác định có thể là mục tiêu căn cứ của Quân Giải phóng – sẽ cho phép Trung Quốc lần đầu tiên triển khai sức mạnh vào Đại Tây Dương.

Bắc Kinh đang bí mật áp dụng các hành động có thể định hình lại cục diện quân sự toàn cầu. Mỹ nhất định không thể lại đuổi theo một cách bị động mà cần phải xây dựng chiến lược duy trì vị thế dẫn đầu.

Craig Singleton là nhà nghiên cứu cấp cao về Trung Quốc tại Quỹ Bảo vệ các nền Dân chủ (Foundation for Defense of Democracies). Trước đây ông từng đảm nhiệm một số cương vị an ninh quốc gia trong chính phủ Mỹ hơn một thập kỷ, chủ yếu tập trung vào Đông Á.

Căn cứ quân sự của Trung Quốc và Biển Đông: Thách thức mối quan hệ Việt Nam - Campuchia

Trường Sơn

2022.01.28

Capture à partir de :[RFA](#)



Hình chụp do Truyền hình Quốc gia Campuchia công bố hôm 21/12/2021: Chủ tịch VN Nguyễn Xuân Phúc bắt tay Thủ tướng Campuchia Hun Sen ở Phnom Penh. AFP

Sau mười năm, ghế chủ tịch Hiệp hội các Quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) lại quay vòng trở về với Campuchia trong năm 2022. Tuy nhiên lần này bối cảnh tình hình khu vực có nhiều thay đổi, khi tranh chấp Biển Đông và sự đối đầu Mỹ-Trung đã trở nên gay gắt hơn rất nhiều.

Ở lần giữ ghế chủ tịch khối ASEAN trước đó, Campuchia đã tạo ra ấn tượng tiêu cực từ việc ngăn chặn ASEAN ra tuyên bố chung, mà theo nhiều chuyên gia là vì sợ làm mất lòng Trung Quốc.

Vì vậy, với dự báo năm 2022 này sẽ là một năm thách thức đối với mối quan hệ Trung Quốc -ASEAN, Campuchia một lần nữa ở vào trung tâm của sự chú ý từ không chỉ các nước trong khu vực, mà còn từ các nước lớn bên ngoài như Hoa Kỳ.

Đối với Việt Nam, quan hệ với nước láng giềng phía tây nam trong năm 2022 không chỉ dừng lại ở vai trò của Campuchia là chủ tịch ASEAN, và ảnh hưởng của nó đối với quá trình đàm phán với Trung Quốc về vấn đề Biển Đông; mà một vấn đề cũng hết sức hệ trọng khác có ảnh hưởng trực tiếp đến an ninh

của Việt Nam: đó là các động thái quân sự của Trung Quốc ở sát biên giới Việt Nam bên phía Campuchia.

Biển Đông tiếp tục dậy sóng

Các tranh chấp chủ quyền trên Biển Đông được các chuyên gia cho rằng sẽ tiếp tục trở nên căng thẳng trong năm 2022, khi Trung Quốc được cho là sẽ ngày càng trở nên hung hăng.

Bình luận về vấn đề này, Thạc sĩ Hoàng Việt - chuyên gia nghiên cứu Biển Đông, cho hay:

“Cái vấn đề Biển Đông trong năm 2022 báo hiệu sự căng thẳng. Tại sao? Vì Trung Quốc năm 2022 này sẽ có đại hội đảng thứ 20. Mặc dù bây giờ ông Tập Cận Bình vẫn là người lãnh đạo cao nhất và nắm quyền lực rất mạnh ở Trung Quốc, nhưng không có nghĩa là ông ta không có những lực lượng chống lại ông ta, thứ hai là ngay cả những vấn đề bất ổn, âm ỉ trong lòng Trung Quốc vẫn có.

Và Trung Quốc là hay sử dụng cái cách là chuyển lửa ra bên ngoài, tức là sử dụng cái vấn đề bên ngoài để mà đẩy cái mâu thuẫn nội bộ ra ngoài, và Biển Đông sẽ là vấn đề quan trọng để Trung Quốc đẩy nó ra.”

Ngoài yếu tố nội bộ, ông Hoàng Việt còn cho rằng cuộc cạnh tranh ảnh hưởng ở khu vực với Hoa Kỳ còn là một tác nhân khác khiến Trung Quốc trở nên hung hăng hơn trong năm nay, ông nói:

“Ngay trong năm 2022 này thì ngày 19 tháng 1 Trung Quốc tuyên bố tập trận bắn đạn thật trên Biển Đông, còn phía Mỹ thì năm 2021 thì có 11 lần FONOPs, tức là tuần tra bảo đảm tự do hàng hải trên Biển Đông, và 13 lần điều động các tàu sân bay và tàu hộ tống vào trong khu vực Biển Đông.

Chưa kể là chúng ta đã thấy những lực lượng khác trong đó có tàu chiến của các quốc gia Châu Âu, rồi các đồng minh khác của Mỹ như là Nhật Bản, Australia, Ấn Độ cùng tham gia tập

trận cũng như là tuần tra trên khu vực Biển Đông. Và như vậy thì cho thấy là Biển Đông trở thành nguy cơ rất căng thẳng, và cái nguy cơ chiến tranh luôn luôn cận kề.”

Trong năm 2022 này các quốc gia ASEAN và Trung Quốc sẽ tiếp tục cuộc đàm phán xoay quanh việc thành lập Bộ Quy tắc Ứng xử trên Biển Đông (COC). Trước khi nhận chức chủ tịch ASEAN, Thủ tướng Campuchia Hun Sen đã tuyên bố rằng hy vọng sẽ giúp ASEAN và Trung Quốc hoàn thành việc đàm phán về bộ quy tắc này.

Tuy nhiên, Giáo sư Carlyle Thayer từ trường Đại học New South Wales thì cho rằng triển vọng đó là không cao, vì tiến trình đàm phán mới chỉ diễn ra ở giai đoạn mở đầu, chứ chưa đụng tới những vấn đề gai góc, vậy nên một năm là không đủ. Ông nói:

“Sẽ không có Bộ Quy tắc Ứng xử năm nay. Họ vẫn đang xử lý các vấn đề cơ bản và dễ trước, như phần mở đầu và các mục tiêu chung. Họ thậm chí còn chưa đàm phán đến phần hai, nơi chứa đựng vô vàn đề nghị từ các nước, bản thân Việt Nam cũng có đề nghị riêng ở phần cuối đòi quy định những gì các nước được làm và không được làm. Vậy nên chúng ta phải chờ xem mọi chuyện diễn ra như thế nào.”



Chiến hạm HMAS Parramatta của Hải quân Australia và tàu chiến USS America, USS Bunker Hill, USS Barry của Hải quân Hoa Kỳ ở Biển Đông hôm 18/4/2020. Reuters

Nguy cơ Trung Quốc đặt căn cứ quân sự sát vách

Hôm 21 tháng 1 năm 2022, Trung tâm Nghiên cứu Chiến lược và Quốc tế (CSIS) công bố phát hiện tàu hút cát tại căn cứ hải quân Ream của Campuchia. Điều này dấy lên nghi vấn chính quyền Phnom Penh đang cải tạo quân cảng Ream để tàu chiến cỡ lớn có thể hoạt động được.

Kể từ khi thông tin Trung Quốc và Campuchia đạt thoả thuận về việc quốc gia Đông Nam Á này cho phép Trung Quốc sử dụng căn cứ hải quân Ream, nằm sát biên giới với Việt Nam, được công bố với báo chí Hoa Kỳ năm 2019, các hoạt động xây dựng ở cơ sở này đã được phát hiện thường xuyên.

Tiến sĩ Lê Hồng Hiệp, nghiên cứu viên cao cấp tại Viện Nghiên cứu Đông Nam Á, cho rằng sự hiện diện quân sự của Trung Quốc sẽ đe dọa đến an ninh của Việt Nam, do vậy đây là vấn đề cần được theo dõi sát sao trong thời gian tới. Ông nói thêm:

“Cái vấn đề mà chúng ta cần theo dõi trong thời gian tới là sự hiện diện quân sự của Trung Quốc ở Campuchia. Nếu như Trung Quốc thực sự có một cái sự hiện diện quân sự ở Campuchia thì nó sẽ tạo ra một cái gọi là game changer, một cái nhân tố mà có thể làm thay đổi cái nhận thức của Việt Nam về Campuchia, cũng như là nhận thức của Việt Nam về quan hệ giữa Campuchia với Trung Quốc.”

Ông Hiệp cũng gọi việc hiện diện quân sự của Trung Quốc ở Campuchia là lấn ranh đỏ, sẽ khiến Việt Nam phải nhìn nhận lại chính sách của mình với nước láng giềng phía nam, và có thể quan hệ hai bên bị tổn hại.

Báo chí Việt Nam trong những năm gần đây có được sự tự do đáng kể trong việc đưa tin về các diễn biến liên quan đến vấn đề này.

Trong bối cảnh môi trường báo chí tại quốc gia độc đảng này trước nay là rất ngột ngạt, báo giới không được đề cập đến những vấn đề nhạy cảm trong bang giao giữa Việt Nam và các nước láng giềng, vậy nên theo Giáo sư Carlyle Thayer thì đây

là dấu hiệu cho thấy Việt Nam rất quan ngại trước sự hiện diện quân sự của Trung Quốc ở phía nam Việt Nam.

“Điều đáng cho thấy Việt Nam nhìn nhận vấn đề này một cách rất nghiêm túc, thay vì cho người phát ngôn Bộ Ngoại giao, hay Bộ trưởng Bộ Ngoại giao nói về vấn đề này, thì họ để cho báo chí lên tiếng.

Điều này phục vụ cho mục đích đàm phán của Việt Nam, vì nước này có thể chơi chữ theo cách mà Trung Quốc vẫn làm. Chúng ta thấy người Trung Quốc vẫn hay viện dẫn một tỉ dân cho các lập luận của họ, thì Việt Nam cũng có thể nói rằng người dân nước mình đang bất bình trước vấn đề này, và đang đòi hỏi thêm thông tin.

Đây là mưu kế nhằm tạo áp lực lên Campuchia.”



Căn cứ Hải quân Ream của Campuchia ở tỉnh Preah Sihanouk hôm 26/7/2019. AFP

Việt Nam nên ứng phó thế nào?

Trước việc ảnh hưởng của Trung Quốc ngày càng gia tăng ở Campuchia, Việt Nam đang phải đối diện với thách thức to lớn để đảm bảo lợi ích của mình trong năm mà nước láng giềng làm chủ tịch ASEAN.

Về vấn đề Biển Đông, Thạc sĩ Hoàng Việt cho rằng Việt Nam có thể sẽ theo đuổi mục tiêu giữ nguyên hiện trạng, và tránh gây sức ép lên Campuchia, ông nói:

“Nói chung tôi hiểu rằng chính sách của Việt Nam là thứ nhất là giữ nguyên hiện trạng, thứ hai là ủng hộ tối đa Campuchia và qua đó sẽ kiềm chế được phần nào Campuchia có những tuyên bố, hay hành động gây bất lợi cho cái sự đoàn kết của ASEAN về vấn đề Biển Đông.”

Trên thực tế, các lãnh đạo cấp cao của Việt Nam trong thời gian gần đây đã liên tiếp thực hiện các chuyến thăm đến Campuchia.

Hồi cuối tháng 12 năm 2021, Chủ tịch nước Nguyễn Xuân Phúc đã có chuyến thăm cấp nhà nước đến nước này, và sau đó gần một tháng thì đến lượt Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Việt Nam, Bùi Thanh Sơn, sang thăm Campuchia.

Điều này, theo tiến sĩ Lê Hồng Hiệp, cho thấy Việt Nam coi trọng duy trì và thúc đẩy mối quan hệ với Campuchia để đảm bảo các lợi ích của mình. Nhưng ông Hiệp cũng cho biết sẽ rất khó để Việt Nam có thể cạnh tranh ảnh hưởng với Trung Quốc ở Xứ Chùa tháp.

Giáo sư Carlyle Thayer thì cho rằng Việt Nam sẽ phải hành động một cách thực dụng đối với vấn đề Trung Quốc đặt căn cứ hải quân ở gần biên giới phía nam, ông nói:

“Việt Nam sẽ không thực hiện các động thái mang tính trả đũa, vì như vậy sẽ dồn Campuchia vào chân tường, và như thế thì lợi bất cập hại.”

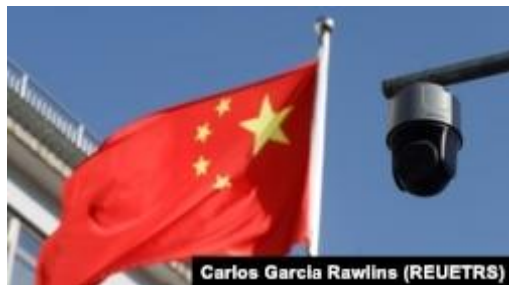
Vậy nên Việt Nam sẽ phải làm việc với Campuchia một cách thực dụng, cần phải cho thấy lợi ích của mình nằm ở đâu, đặc biệt là giờ các khối như AUKUS và QUAD đã hình thành. Khi đàm phán với các khối này thì Việt Nam rất giỏi ở việc dùng cách như ở trong một chương trình hài có tên Vâng thưa Bộ trưởng, khi người cố vấn luôn luôn biết cách khiến ngài Bộ trưởng làm theo ý mình, thì Việt Nam có thể thuyết phục Hoa Kỳ, Úc, và Nhật Bản rằng các nước đó nên lo lắng về hoạt động của hải quân Trung Quốc ở Campuchia.”

Đôi phó lâu dài với Tập Cận Bình

06/12/2021

Ngô Nhân Dụng

Capture à partir de : [voatiengviet](https://voatiengviet.com)



Carlos Garcia Rawlins (REUTERS)

Trong nước Trung Quốc, Tập Cận Bình sẽ thành một Mao Trạch Đông mới. Nhưng với thế giới bên ngoài, mối đe dọa của Tập Cận Bình còn nguy hiểm hơn Mao rất nhiều.

Trong nước Trung Quốc, Tập Cận Bình sẽ thành một Mao Trạch Đông mới. Nhưng với thế giới bên ngoài, mối đe dọa của Tập Cận Bình còn nguy hiểm hơn Mao rất nhiều. Mao Trạch Đông chỉ hô hào “cách mạng thế giới” nhưng không đủ tiền và vũ khí để thực hiện. Tập Cận Bình có cả hai, đem tiền trải ra trên “Vòng Đai” và “Con Đường” và đang chế tạo thêm các hàng không mẫu hạm cũng như hỏa tiễn liên lục địa và vệ tinh nhân tạo.

Trên nhật báo *Wall Street Journal*, ngày 13 tháng 8, 2021, George Soros viết rằng Tập Cận Bình là “kẻ thù nguy hiểm nhất của các ‘xã hội mở’ trên thế giới.” Sau khi yên vị làm “chủ tịch mãi đời” thì trong 10 năm hay 20 năm tới, Tập Cận Bình sẽ còn nguy hiểm hơn.

Muốn tiếp tục nắm quyền sinh sát trên 1.4 tỷ người Trung Hoa, họ Tập sẽ phải kích động dân chúng bằng tình tự chủng tộc, bằng giấc mộng bành trướng, và cuộc cạnh tranh với thế giới bên ngoài. Đó không phải chỉ là một cuộc chạy đua kinh tế hay quân sự, mà còn là một cuộc thi tài coi hệ thống xã hội nào đem lại trật tự, phồn vinh và hạnh phúc cho loài người hơn.

“Trung Quốc Mộng” do Tập Cận Bình khởi xướng không phải chỉ là một “giấc mộng của người Trung Hoa.” Đó chính là giấc mộng muốn cả thế giới cũng “được” sống theo lối người Trung Quốc. Cả thế giới được sống dưới cùng một chế độ! Như thời Tần Thủy Hoàng, Tư Mã Thiên viết trong *Sử Ký*, “Bất cứ nơi nào có dấu tích người sống, không ai không phải là thần dân” (Nhân tích sở chí, vô bất thần giả).

Theo Tập Cận Bình, chế độ cộng sản lối Trung Hoa là siêu việt, tốt đẹp hơn tất cả các chế độ dân chủ ở nước khác. Cuộc cạnh tranh ý thức hệ đang diễn ra một cách cụ thể. Ngày 9 tháng 12 này, Tổng thống Mỹ Joe Biden sẽ khai mạc một cuộc “Họp Thượng Đỉnh Dân Chủ” (Summit for Democracy). Ông mời Đài Loan tham dự, nhưng không mời Trung Cộng.

Để phản bác, Thứ Bảy 4 tháng 12, Bắc Kinh công bố một “Bạch thư.” Họ đề cao một thể chế dân chủ khác, đang thi hành trong nước, được Tập Cận Bình tuyên dương từ năm 2019, gọi là chế độ “Dân chủ Nhân dân Toàn Quá trình” (Toàn Quá trình Nhân dân Dân chủ, 全过程人民民主), (dịch sang tiếng Anh là “whole-process democracy”). Trong phiên họp quốc hội ngày 13 và 14 tháng 10 vừa qua, danh từ này, được ghi thành luật lệ, đã được toàn thể các đại biểu chấp nhận. Trong chế độ đó, dân chúng sẽ được tham khảo ý kiến, nhưng chỉ được bỏ phiếu ở cấp địa phương, không có bầu cử toàn quốc, quyền tư pháp không độc lập, báo chí không được tự do.

Với tham vọng về ý thức hệ lớn lao đến thế, Tập Cận Bình có thể so sánh với Stalin trong thời Chiến tranh Lạnh. Stalin tin tưởng rằng Liên Xô sau cùng sẽ thắng Mỹ và các nước tự do

dân chủ, áp dụng chế độ cộng sản khắp thế giới. Tập Cận Bình cũng muốn giúp cả thế giới thực hiện chế độ “Dân chủ Nhân dân Toàn Quá trình.”

Đứng trước mối đe dọa lâu dài này, chúng ta có thể rút ra những bài học thời Chiến tranh Lạnh, để đối phó với tham vọng bành trướng của Trung Cộng.

Trước hết, cuộc chạy đua giữa Liên Xô và Mỹ kéo nửa thế kỷ nhưng không gây ra một cuộc đại chiến. Không có một chính phủ Mỹ, hay các nước Tây phương nào tính chuyện lật đổ chế độ cộng sản ở Nga. Chiến lược chính là “ngăn chặn” (containment), do nhà ngoại giao George Kennan đưa ra năm 1947: Chấp nhận thế giới bị chia thành hai khối đối nghịch; kiên nhẫn chờ đến khi chế độ cộng sản tự tan rã vì không thể giải quyết những mâu thuẫn tự bên trong.

Căn bản của “chiến lược ngăn chặn” là xác định một mục tiêu lâu dài với các hành động uyển chuyển tùy thời cơ. Thời Đại chiến Thứ Hai, Tổng thống Mỹ Franklin Roosevelt đã hợp tác với Stalin. Sau đó, Tổng thống Harry Truman giúp Hy Lạp và Thổ Nhĩ Kỳ để cộng sản không cướp được chính quyền, rồi bảo vệ Nam Hàn và Đài Loan và cản không cho Mao Trạch Đông tiến xuống vùng Đông Nam Á. Ông cũng bắt đầu ngăn chặn cuộc bành trướng của Stalin ở Âu châu, với kế hoạch Marshall và thiết lập NATO. Các đời tổng thống Mỹ sau đó tiếp tục chiến lược này.

Chiến lược “ngăn chặn” Trung Cộng dễ thi hành hơn thời trước. Trong Chiến tranh Lạnh, nhiều dân tộc còn bị chủ nghĩa cộng sản quyến rũ. Ngày nay, từ Âu châu, Á Đông cho tới các nước nghèo ở châu Phi, ai cũng thấy mối lo Trung Cộng bành trướng. Dân các nước Á Đông, từ Nhật Bản, Nam Hàn, Đài Loan, cho tới Philippines và các nước Đông Nam Á đều ý thức về mối đe dọa này. Ấn Độ sẽ là một cường quốc giữ vững miền Nam Á châu. Dân các nước châu Phi, châu Mỹ La tinh cũng bắt

đầu lo lắng trước các món nợ mà Bắc Kinh đang muốn trù lên đầu họ.

Nhưng ngược lại, Tập Cận Bình cũng có nhiều lợi thế hơn Stalin. Kinh tế Trung Quốc đã phát triển, mạng lưới giao thương của Trung Quốc lan rộng tạo một ràng buộc với nhiều nước nhất trên thế giới. Trung Cộng sẽ ủng hộ các chế độ độc tài, tả hoặc hữu, khắp nơi. Bắc Kinh có thể tung tiền ra mua chuộc các nhà chính trị và chính phủ các nước nghèo.

Nhưng đằng sau những lợi thế đó là những nhược điểm nằm sẵn trong chế độ, kinh tế, và xã hội Trung Quốc.

Một chế độ độc tài không thể nào giúp cho kinh tế phát triển như trong các xã hội tự do dân chủ. Khi con người không được sống tự do thì óc sáng tạo không được phát huy, kinh tế sẽ tới lúc đình trệ. Liên Xô ngày xưa đã thành công trong các chương trình công nghiệp hóa trong nửa thế kỷ, rồi cũng bế tắc. Cho tới nay, kinh tế Trung Quốc phát triển mạnh nhờ lực lượng lao động lớn và có khả năng học hỏi nhanh. Nhưng hầu hết các thành công kinh tế ở Trung Quốc đều dựa trên những phát minh có sẵn, học từ các nước Âu Mỹ. Giống như Nhật Bản đã phát triển trong các thập niên 1960 cho đến 80. Một nhược điểm lớn nhất của Trung Quốc là càng ngày càng nhiều người già, sinh đẻ ít hơn, dân số sẽ giảm xuống không thể tránh được.

“Chiến lược Ngăn chặn” trong 10 năm, 20 năm, sẽ chờ đến khi các các mâu thuẫn bên trong bắt buộc Trung Quốc thay đổi; không khác gì tình trạng Liên Xô từ thập niên 1980. Stalin tin tưởng rằng chế độ cộng sản là ưu việt, thế giới tư bản sẽ sụp đổ. Tập Cận Bình cũng tin rằng “chủ nghĩa xã hội với đặc tính Trung Hoa” và chế độ “Toàn Quá trình Nhân dân Dân chủ” của ông ta sẽ được cả loài người áp dụng.

Sau cùng giấc mộng của Stalin đã tan tành. Giấc mộng của Tập Cận Bình cũng vậy. Dân Trung Quốc sẽ còn tin tưởng vào đảng

Cộng sản cho đến khi các nhược điểm kinh tế và xã hội ở Trung Quốc hiển hiện rõ ràng. Khi đó, giới lãnh đạo Trung Quốc sẽ nhìn thấy nhu cầu cải thiện đời sống của người dân khẩn thiết hơn tham vọng toàn cầu, như Yuri Andropov và Mikhail Gorbachev ở Liên Xô đã từng ngộ.

Ông Biden có đưa ra những hứa hẹn với ông Tập hay không?

29/06/2023

VOA News

Capture à partir de :[voatiengviet](https://www.voatiengviet.com)



Ảnh phối hợp Tổng thống Hoa Kỳ Joe Biden (trái) và Chủ tịch Tập Cận Bình của Trung Quốc.

Những nỗ lực của Hoa Kỳ nhằm giảm bớt căng thẳng với Trung Quốc rất phức tạp bởi sự khác biệt rõ ràng về quan điểm đối với những cam kết mà bên này đưa ra với bên kia.

Các quan chức và truyền thông nhà nước Trung Quốc nhấn mạnh rằng Tổng thống Hoa Kỳ Joe Biden đã đưa ra một loạt lời hứa với Chủ tịch Tập Cận Bình của Trung Quốc - được Bắc Kinh mô tả là “bốn không và một không có ý định” – vốn hướng dẫn hành vi chính thức của Hoa Kỳ đối với Trung Quốc.

“Tôi hy vọng phía Hoa Kỳ sẽ... tuân thủ sự đồng thuận mà Tổng thống Biden và tôi đã đạt được trong cuộc gặp của chúng tôi ở Bali [Indonesia] và biến những bày tỏ tích cực thành thực tiễn,” ông Tập được truyền thông nhà nước Trung Quốc dẫn lời khi nói với Ngoại trưởng Hoa Kỳ Antony Blinken đang thăm nước này vào ngày 19/6 vừa qua.

Tân Hoa Xã, cơ quan truyền thông nhà nước hàng đầu của Trung Quốc, dẫn lời ông Blinken nói rằng phía Hoa Kỳ “sẽ tuân thủ những lời hứa của Tổng thống Biden.”

Lướt qua danh sách bốn lời hứa mà họ nói đã được đưa ra, Tân Hoa xã loan tin ông Blinken nói rằng Hoa Kỳ “không tìm kiếm ‘một cuộc chiến tranh lạnh mới’, không tìm cách thay đổi hệ thống [chính trị] của Trung Quốc, không tìm cách chống lại Trung Quốc thông qua tăng cường liên minh, không ủng hộ Đài Loan độc lập, không có ý định xung đột với Trung Quốc.”

Nhưng khi được yêu cầu xác nhận rằng ông Blinken đã đưa ra những nhận xét đó, Bộ Ngoại giao Mỹ yêu cầu VOA tham khảo một loạt cuộc phỏng vấn mà ông Blinken đã thực hiện sau cuộc gặp với ông Tập ở Bắc Kinh, cũng như những phát biểu mà ông Blinken đưa ra khi có báo chí.

Mặc dù một số cam kết được báo cáo thường phản ánh chính sách hiện tại của Hoa Kỳ, ông Blinken đã không đề cập đến bất kỳ lời hứa nào mà ông Biden đã đưa ra với ông Tập trong bài phát biểu công khai của mình. Ông nhắc lại những nỗ lực của chính quyền nhằm củng cố vị thế công nghệ và công nghiệp của Hoa Kỳ trong nước cũng như các liên minh và quan hệ đối tác ở nước ngoài.

Về vấn đề Đài Loan, ông Blinken nói rằng mặc dù chính quyền Biden không ủng hộ nền độc lập của Đài Loan, nhưng “mối quan ngại mà chúng tôi có là Trung Quốc đang thay đổi chính sách của mình, xét về phương diện giải quyết những khác biệt này một cách hòa bình.”

Ông Blinken nói về quan điểm chung của chính quyền Biden đối với Trung Quốc, bao gồm cả chuyến đi của ông tới Bắc Kinh: “Chúng tôi đang sử dụng sự giao tiếp để cố gắng thúc đẩy lợi ích của chúng tôi và bảo vệ chúng”.

Chính sách Trung Quốc

Bản mô tả toàn diện nhất của chính quyền Biden về chính sách Trung Quốc đã được ông Blinken đưa ra vào tháng 5 năm 2022.

“Chúng tôi không tìm cách chuyển đổi hệ thống chính trị của Trung Quốc,” Ngoại trưởng nói. “Nhiệm vụ của chúng tôi là chứng minh một lần nữa rằng nền dân chủ có thể đáp ứng những thách thức cấp bách, tạo ra cơ hội, nâng cao phẩm giá con người; rằng tương lai thuộc về những người tin vào tự do và rằng tất cả các quốc gia sẽ được tự do vạch ra con đường của riêng mình mà không bị ép buộc.”

Ông Biden được trích dẫn vào năm 2021

Truyền thông nhà nước Trung Quốc lần đầu tiên dẫn lời ông Biden như là đưa ra những lời hứa với ông Tập khi hai người gặp nhau trong hội nghị thượng đỉnh trực tuyến vào tháng 11 năm 2021.

Ông Biden được trích dẫn nói: “Tôi muốn nhắc lại rõ ràng rằng Hoa Kỳ không tìm cách thay đổi hệ thống chính trị của Trung Quốc, không tìm cách chống lại Trung Quốc thông qua việc củng cố các liên minh, không có ý định xung đột với Trung Quốc, rằng Hoa Kỳ cam kết thực hiện chính sách ‘một Trung Quốc’ đã có từ lâu, không ủng hộ nền độc lập của Đài Loan, mong muốn thấy hòa bình và ổn định ở Eo biển Đài Loan.”

Năm sau, Ủy viên Quốc vụ kiêm Ngoại trưởng lúc bấy giờ của Trung Quốc Vương Nghị đã tìm cách viện dẫn những điểm đó để chỉ trích các thành viên của chính quyền Biden trong một bài phát biểu quan trọng tại Asia Society vào tháng 9 năm 2022.

“Tổng thống Biden đã nhiều lần nhấn mạnh rằng Hoa Kỳ không tìm cách chiến đấu một ‘cuộc chiến tranh lạnh mới’, không tìm cách thay đổi hệ thống chính trị của Trung Quốc, không tìm cách chống lại Trung Quốc thông qua củng cố các liên minh, không ủng hộ nền độc lập của Đài Loan, không có ý định

xung đột với Trung Quốc,” ông Vương tuyên bố, trước khi bày tỏ sự phẫn nộ của Bắc Kinh.

“Để hai dàn nhạc hợp tác với nhau, điều bắt buộc là hai nhạc trưởng trước tiên phải thiết lập một giai điệu chung, nhưng đồng thời, tất cả các nhạc công được yêu cầu phát ra các nốt hài hòa của họ, theo cùng một bản nhạc. Tuy nhiên, những gì chúng tôi thấy là Đội Hoa Kỳ dường như đã làm việc với hai nhóm âm lượng và đã thất bại trong việc biến ý chí chính trị mà nhà lãnh đạo của họ thể hiện thành các chính sách hợp lý, điều này đã gây ra sự bối rối cho người dân Trung Quốc cũng như người dân của các quốc gia khác nhau,” theo ông Vương.

“Ba nguyên tắc do Chủ tịch Tập đề ra [liên quan đến quan hệ song phương], tức là Trung Quốc và Hoa Kỳ phải tôn trọng lẫn nhau, cùng tồn tại hòa bình, hợp tác cùng có lợi, cùng với ‘bốn không’ và một ‘không ý định’ mà Tổng thống Biden bày tỏ, tạo thành một khuôn khổ hoàn hảo,” ông Vương nói.

“Điều mà Đội ngũ Hoa Kỳ nên làm ngay bây giờ là thực hiện những gì Tổng thống Biden đã nói về ‘bốn không và một không có ý định’ và đưa quan hệ song phương trở lại đúng hướng”, ông Vương tiếp tục.

Ông Ngụy Kinh Sinh, một trong những nhà bất đồng chính kiến nổi bật nhất của Trung Quốc hiện đang sống lưu vong, lưu ý sự khác biệt giữa một lời tuyên bố và một lời hứa trong cuộc phỏng vấn với VOA.

“Mặc dù các tuyên bố chỉ đơn giản là các tuyên bố, nhưng từ ‘hứa hẹn’ ngụ ý nghĩa vụ và một hiệp ước đạt được giữa hai bên,” ông Ngụy chỉ ra.

Kế hoạch kiềm chế Trung Quốc ở Thái Bình Dương đã khởi động

07/12/2021

Trần Văn

Capture à partir de :[voatiengviet](https://www.voatiengviet.com)



Bộ Trưởng Lloyd Austin trong một chuyến thăm Hàn Quốc. Hình minh họa.

Ông Lloyd Austin – Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ - lại vừa nhắc tới Trung Quốc như một ẩn họa thật sự đáng ngại bởi Trung Quốc đang vừa chạy nước rút để gia tăng sức mạnh quân sự, vừa thực thi nhiều hành động khiến trật tự quốc tế rối loạn, thậm chí còn cưỡng bức các quốc gia khác, đặc biệt là những quốc gia trong khu vực Thái Bình Dương.

Khi tham gia thảo luận tại *Hội thảo Quốc phòng Reagan*, diễn ra ở Simi Valley, California hồi cuối tuần vừa qua, Austin cho biết, ông đã đến thăm bảy quốc gia ở khu vực Ấn Độ - Thái Bình Dương và các đối tác của Mỹ tại đó đều mong muốn Mỹ hành động để duy trì sự ổn định trong khu vực.

Theo Austin, Mỹ đã cũng như đang hành động để kiềm chế một Trung Quốc càng ngày càng hung hăng và độc đoán ở khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương. Cách tốt nhất để đối phó với một Trung Quốc đang chạy đua vũ trang, nâng cao năng lực hạt nhân là mở rộng liên minh, gia tăng liên kết trong khu vực (1).

Hạ tuần tháng trước, Bộ Quốc phòng Mỹ công bố Global Posture Review (Thẩm định vị thế toàn cầu). Tuy Bộ Quốc phòng Mỹ không công bố toàn bộ nội dung Global Posture Review nhưng lõi của cuộc nghiên cứu kéo dài chín tháng này xác định Trung Quốc là trọng tâm và khu vực Ấn Độ - Thái Bình Dương là trọng điểm.

Mục tiêu của Global Posture Review là hỗ trợ Bộ Quốc phòng Mỹ tính toán – quyết định việc phân bổ nguồn lực quân sự, bảo đảm có đủ quân số ở đúng những vị trí cần thiết trong giai đoạn sắp tới và người ta tin rằng, Bộ Quốc phòng Mỹ sẽ dồn nguồn

lực quân sự vốn dành cho các khu vực khác vào Ấn Độ - Thái Bình Dương.

Trong tương lai, Bộ Quốc phòng Mỹ sẽ gia tăng quân số, đầu tư cho hạ tầng quân sự ở Guam, Úc và phát triển hạ tầng quân sự trên các đảo ở Thái Bình Dương đồng thời tiếp tục thảo luận với các đồng minh và đối tác trong khu vực để xác định vị trí đồn trú của quân đội Mỹ tại đó trong vài năm tới, nâng cao khả năng sẵn sàng tham chiến tại đó (2).

Có vẻ như “tương lai” đã là thực tế ngay trước mắt. Báo chí Úc vừa loan báo, Úc và Papua New Guinea đã hoàn tất phần đầu kế hoạch sửa chữa và nâng cấp một căn cứ hải quân cũ của Mỹ trên đảo Manus của Papua New Guinea. Quân đội Mỹ đã xây dựng và sử dụng căn cứ này hồi Thế chiến thứ hai.

Trung Quốc từng ngỏ ý “đầu tư” vào căn cứ này nhưng những thông tin mới nhất liên quan đến sự hợp tác giữa Úc và Papua New Guinea để sửa chữa – nâng cấp căn cứ ở đảo Manus cho thấy nỗ lực đó đã thất bại. Úc và Papua New Guinea mới hoàn tất việc kiện toàn hàng rào bảo vệ, cơ sở y tế, trung tâm liên lạc và nhà nguyện của căn cứ.

Chắc chắn căn cứ trên Manus – hòn đảo có diện tích 2.100 cây số vuông, tiếp giáp cả Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương, trong Thế chiến thứ hai, từng có sẵn cầu cảng cho các chiến hạm Mỹ ra vào và một phi đạo dài khoảng 2.700 mét – sẽ sớm hoạt động trở lại vào năm tới hoặc trễ lắm là năm tới nữa.

Manus từng là nơi đồn trú của hàng chục ngàn quân nhân Mỹ trong Thế chiến thứ hai. Úc mong muốn quân cảng ở Manus sẽ được nạo vét, mở rộng để trở thành một căn cứ chiến lược mà tầm vóc ngang với Guam của Mỹ, giúp hải quân Úc mở rộng hoạt động cùng với hải quân của Papua New Guinea.

Ông Carlyle Thayer, Giảng viên Học viện Quốc phòng Úc, một chuyên gia về châu Á và biển Đông, bảo rằng: Tham vọng xây

dựng một quân cảng chiến lược ở *Manus cần hỗ trợ của Mỹ*. Bộ trưởng Hải quân Mỹ mới thăm Manus hồi tháng 10, sau khi gửi một tiểu đoàn công binh kiến tạo của hải quân đến Manus để hỗ trợ tái thiết (3).

Tháng trước, ông Joe Biden – Tổng thống Mỹ và ông Tập Cận Bình – Chủ tịch Trung Quốc có một cuộc hội đàm viễn liên kéo dài khoảng ba giờ. Chủ tịch Trung Quốc cho rằng, hai bên cần phải hợp tác. Sau đó, Mỹ và Trung Quốc đã hợp tác để mở kho dự trữ dầu thô nhằm giúp giá xăng dầu hạ nhiệt.

Tuy nhiên, sau khi chính phủ Mỹ mời Đài Loan tham gia Hội nghị Thương đỉnh về dân chủ sẽ diễn ra vào cuối tuần này (trong hai ngày 9 và 10/12/2021) cùng với hơn 100 quốc gia khác, Trung Quốc đã liên tục điều động nhiều phi đội chiến đấu cơ xâm nhập không phận Đài Loan...

Khác với trước, tại *Hội thảo Quốc phòng Reagan*, Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ thản nhiên nhấn mạnh: *Mỹ sẽ tìm cách để có thể làm nhiều hơn cho Đài Loan mà không cần đắn đo*. Austin xem nỗ lực đua tranh của Trung Quốc kể cả trong không gian và mạng Internet – những nơi mà chuẩn mực hành xử chưa định hình, chưa được thiết lập – tiềm ẩn nhiều rủi ro và rất dễ xảy ra sai lầm. Đó cũng là lý do bên cạnh việc gia tăng tập trận chung về quân sự, Austin kêu gọi nghiên cứu phát triển quan hệ, khuyến khích châu Âu tham gia và nâng cao vai trò gìn giữ an ninh khu vực... Dường như 2022 sẽ là năm mà nhiều tuyên bố, kế hoạch được thực thi...

Chú thích

(1)

<https://www.stripes.com/theaters/us/2021-12-05/Austin-china-comments-reagan-national-defense-forum-3861776.html>

(2)

<https://www.stripes.com/theaters/us/2021-11-29/pentagon-military-global-posture-review-indo-pacific-china-3797592.html>

(3)

https://www.stripes.com/theaters/asia_pacific/2021-12-06/australia-papua-new-guinea-lombrum-naval-base-3874916.html

Biển Đông sau QUAD và AUKUS

Bài phân tích của Nguyễn Trường

2021.11.23

Capture à partir de : [RFA](#)



Hình minh họa: Tổng thống Mỹ Joe Biden và Thủ tướng Australia Scott Morrison tại Khách sạn Intercontinental Barclay ở New York hôm 21/9/2021. AP

Cuộc họp đầu tiên của lãnh đạo "Bộ tứ" gồm Mỹ, Nhật, Úc và Ấn Độ đã diễn ra tối 12/3/2021, Tổng thống Mỹ Joe Biden cùng thủ tướng ba nước còn lại đã bàn cách đối phó sức mạnh quân sự và kinh tế ngày càng lên của Trung Quốc. Và sau đó ngày 15/9, Mỹ, Anh và Australia ra thông báo chính thức về thiết lập mối quan hệ đối tác an ninh ba bên, (gọi tắt là AUKUS), ở Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương.

Biển Đông sẽ bị cuốn vào dòng xoáy như thế nào? Tác động như thế nào đến Việt Nam?

Theo thông cáo mới nhất của Lực lượng Phòng vệ hàng hải Nhật (JMSDF), hải quân Nhật và Mỹ ngày 16/11/2021 đã lần

đầu tiên tiến hành cuộc tập trận chung chống tàu ngầm ở Biển Đông.

Về phía Nhật, cuộc tập trận có sự tham gia của tàu khu trục trực thăng JS Kaga (DDH-184), tàu khu trục JS Murasame (DD101) cùng trực thăng SH-60J, một tàu ngầm lớp Oyashio và một máy bay tuần tra hàng hải P-1.

Phía Mỹ có sự tham gia của tàu khu trục USS Milius (DDG-69) và một máy bay tuần tra hàng hải P-8A.

Theo USNI, đây là lần đầu tiên tàu ngầm của JMSDF tham gia một cuộc tập trận tác chiến chống ngầm với Hải quân Mỹ trên Biển Đông.

Hồi tuần trước, cả hai tàu khu trục Kaga và Murasame của Nhật đều đã tiến hành một cuộc tập trận ở Biển Đông với tàu Milius của Mỹ, và sau đó đã ghé cảng ở vịnh Subic, Philippines.

Sau khi rời vịnh Subic, hai tàu khu trục của Nhật đã tiến hành một cuộc tập trận ở Biển Đông với khinh hạm BRP Jose Rizal (FF-150) của Hải quân Philippines.

Theo USNI, Nhóm đặc nhiệm Indo-Pacific Deployment 2021 (IPD21) của JMSDF đã rời Nhật hồi tháng 8, và dự kiến sẽ trở về nước vào ngày 25/11/2021. Ngoài các tàu chiến nêu trên, IPD21 còn có tàu khu trục JS Shiranui.

Trước đó, Hải quân Mỹ và Lực lượng quân đội Hoàng gia Brunei (RBAF) hôm 15/11/2021 đã bắt đầu hoạt động diễn tập trong khuôn khổ cuộc tập trận thường niên "Hợp tác huấn luyện và sẵn sàng chiến đấu trên biển" (CARAT) lần thứ 27.

Cuộc tập trận CARAT 2021, kéo dài năm ngày, được tiến hành theo hình thức trực tuyến cũng như trên thực địa tại Biển Đông.

Cuộc tập trận tập trung vào toàn bộ năng lực hải quân, cũng như các nội dung nhằm thúc đẩy hợp tác giữa Mỹ và Brunei, hướng tới mục tiêu chung là đảm bảo môi trường an ninh hàng hải Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương tự do và rộng mở.

Trước đó, các nguồn tin cho biết, trong vài ngày qua, một số tàu chiến Trung Quốc đã xuất hiện tại vùng biển của Indonesia, nơi tàu Hải Dương Địa Chất 10 từng tiến hành hoạt động khảo sát trong tháng 9 và tháng 10/2021.

Số tàu này bao gồm tàu hộ vệ Type 054A Nhạc Dương (575) và tàu khu trục lớp 052C Hải Khẩu (171). Ngoài ra, có thông tin cho biết một biên đội tàu gồm một tàu khu trục Type 052D, một tàu hộ vệ Type 054A, một tàu hộ vệ Type 056 và một tàu trinh sát Type 815 cũng vừa được nhìn thấy di chuyển trong vùng biển Indonesia thời gian gần đây.



Các tàu hải quân của Nhật Bản và Mỹ tiến hành cuộc diễn tập chống tàu ngầm ở Biển Đông, ngày 16/11/2021. Ảnh: Lực lượng Phòng vệ trên Biển của Nhật Bản

Trung Quốc tập trận

Trong tháng 11/2021, Cục Hải sự tỉnh Hải Nam cũng đã thông báo nước này tiến hành tập trận tại khu vực phía bắc quần đảo Hoàng Sa từ ngày 31/10 đến 3/1/2021. Cuộc tập trận diễn ra giữa lúc có nhiều chuyển động quân sự trong khu vực.

Đáp lại hành động của Trung Quốc, tàu chiến Mỹ, Nhật, Trung tập trung ở phía nam Biển Đông

Hình ảnh vệ tinh ngày 31/10/2021 cho thấy nhóm tác chiến tàu sân bay USS Carl Vinson của Mỹ cùng nhóm tàu thuộc Hoạt động triển khai Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương của Nhật Bản

(IPD21) cùng xuất hiện tại vùng biển phía đông bắc quần đảo Natuna của Indonesia.

Nhiều khả năng hai nhóm tàu này đang tiến hành tập trận ở khu vực, theo như thông báo trước đó của Hải quân Mỹ ngày 25/10/2021.

Đáng chú ý, hình ảnh vệ tinh còn cho thấy một số là tàu chiến Trung Quốc bám theo rất sát đội hình của Mỹ và Nhật Bản. Các tàu này bao gồm tàu hộ vệ Type 056 và tàu hộ vệ Type 054A.

Diễn biến này gợi ý Indonesia xem hoạt động của tàu Hải Dương Địa Chất 10 là sự vi phạm đối với quyền chủ quyền của họ ở vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa.

Nhưng giới quan sát thấy rằng Indonesia đã nhiều lần làm việc với Trung Quốc về sự việc này qua con đường ngoại giao. Việc Jakarta không công khai lên tiếng vẫn là một vấn đề khó hiểu đối với giới quan sát.

Trước đó, theo thông báo của Bộ Quốc phòng Nhật Bản, ngày 24/8/2021, một nhóm ba tàu chiến Trung Quốc gồm tàu khu trục 052D Trí Bạc, tàu khu trục 052C Trịnh Châu và tàu hộ vệ 054A Ích Dương đã băng qua eo biển Miyako ra Biển Philippines.

Nghĩa là nhóm tàu này hướng tới gần vị trí tập trung lực lượng của Mỹ, Nhật Anh và Hà Lan.

Đài truyền hình Trung ương Trung Quốc ngày 19/8/2021 đưa tin tàu đổ bộ tấn công, tàu hộ vệ và các tàu chiến khác của Trung Quốc vừa mới tiến hành tập trận bắn đạn thật ở Biển Đông và Hoàng Hải cách đây vài ngày.

Trong một bài viết ngày 20/8/2021, trang Energy Voice cho biết tàu hải cảnh Trung Quốc đã can thiệp vào chiến dịch khoan do giàn khoan Clyde Boudreaux tiến hành ở lô Tuna, ở Indonesia.

Một tàu Trung Quốc đã can thiệp vào chiến dịch khoan đang diễn ra của Harbour Energy tại lô Tuna của họ ở Biển Natuna

ngoài khơi Indonesia. Đáng chú ý, việc khoan thăm định được tài trợ bởi công ty quốc doanh Nga Zarubezhneft và vụ việc nhấn mạnh thực tế rằng lợi ích năng lượng của Moscow ở Biển Đông đang ngày càng bị Trung Quốc đe dọa.

Energy Voice dẫn một báo cáo mới của tập đoàn tư vấn năng lượng Westwood Global Energy cho hay tàu Hải cảnh 5202 đã đến gần khu vực hoạt động của giàn khoan ở lô Tuna không lâu sau khi chiến dịch được tiến hành.

Bất chấp sự cố xảy ra, các nguồn tin trong ngành nói với Energy Voice rằng các hoạt động khoan vẫn theo lịch trình và đang diễn ra theo kế hoạch. Cho đến nay, không có sự gián đoạn nào đối với các hoạt động thượng nguồn ở lô Tuna.

Vấn đề biển Đông và Việt Nam

Thông báo của Nhà Trắng về cuộc gặp trực tuyến của hai nhà lãnh đạo Mỹ-Trung vừa qua đã cho biết:

“Tổng thống Biden nêu quan ngại về các hoạt động của CHND Trung Hoa ở Tân Cương, Tây Tạng và Hồng Kông, cũng như nhân quyền trên phạm vi rộng hơn. Ông nói rõ về sự cần thiết phải bảo vệ người lao động và các ngành công nghiệp Mỹ khỏi các hoạt động kinh tế và thương mại không công bằng của CHND Trung Hoa. Ông cũng thảo luận về tầm quan trọng của một Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương tự do và rộng mở, đồng thời thể hiện quyết tâm tiếp tục của Hoa Kỳ trong việc duy trì các cam kết của Hoa Kỳ trong khu vực. Tổng thống Biden nhắc lại tầm quan trọng của tự do hàng hải và an toàn hàng không đối với sự thịnh vượng của khu vực. Về Đài Loan, Tổng thống Biden nhấn mạnh rằng Hoa Kỳ vẫn cam kết với chính sách "một Trung Quốc", được hướng dẫn bởi Đạo luật Quan hệ Đài Loan, ba Thông cáo chung và Sáu đảm bảo, nhưng Hoa Kỳ phản đối mạnh mẽ các nỗ lực đơn phương nhằm thay đổi hiện trạng hoặc phá hoại hòa bình và ổn định trên eo biển Đài Loan”.

Như vậy, vấn đề Biển Đông cũng đã được phía Mỹ nhắc tới, dù không trực tiếp, nhưng được thể hiện thông qua cụm từ “tự do hàng hải và an toàn hàng không”.



Tổng thống Mỹ Joe Biden trong cuộc gặp trực tuyến với Chủ tịch TQ Tập Cận Bình ở Nhà Trắng hôm 15/11/2021. Reuters

Một nhà báo ở Mỹ đã trao đổi với tôi: “Chẳng ngạc nhiên về điều này. Không chỉ Hoa Kỳ mà tất cả những quốc gia có quan hệ ngoại giao với Trung Quốc đều có cùng quan điểm và lập trường như thế về Đài Loan. Riêng với Hoa Kỳ, nước Mỹ có hẳn luật giúp bảo vệ an ninh và bán vũ khí cho Đài Loan. Tôi còn nhớ hồi 2001, Tổng thống Mỹ W. Bush nói rằng Hoa Kỳ sẽ bảo vệ Đài Loan “trong trường hợp bị Trung Quốc tấn công”. Gần đây ông Biden cũng đưa ra lời phát biểu tương tự (yes the US will defend Taiwan if China invades and we have a commitment to do it). Hồi 2001 thì White House tức khắc khéo léo làm nhẹ vấn đề, 20 năm sau White House cũng làm chuyện y chang như thế.

Một nhà báo khác nói: “tốt hơn hết nên giữ nguyên trạng cho tới khi Trung Quốc vỡ ra thành nhiều nước nhỏ thì may ra Đài Loan mới độc lập được. Đài Loan độc lập trong lúc này thì cũng mệt với Trung Quốc, mà Trung Quốc đánh chiếm Đài Loan thì cũng không giữ được, rồi sẽ có chiến tranh liên miên. Các nước cũng sẽ bị lao vào cuộc chiến này”.

Một nhà quan sát về Đông Nam Á mới đây cho biết, mặc dù Mỹ-Trung không đề cập chi tiết vấn đề Biển Đông nhưng Đài Loan là cái gương phản chiếu cho Biển Đông. Mỹ sẽ bảo vệ Biển Đông nếu Trung Quốc gây chiến và ngược lại Trung Quốc sẽ không khởi chiến ở Biển Đông nếu các nước trong khu vực Đông Nam Á không ngã theo Mỹ chống lại Trung Quốc [???].

Các nhà quan sát quốc tế thì cho rằng, việc cân bằng quan hệ giữa Mỹ và Trung Quốc trong bối cảnh cạnh tranh quyết liệt giữa hai cường quốc này, đã khiến Việt Nam hưởng lợi.

“Xu hướng quan hệ kinh tế Việt - Trung dường như cho thấy Việt Nam sẽ tiếp tục được hưởng lợi về kinh tế từ Trung Quốc chừng nào nước này vẫn duy trì đáng về không hợp lực với Mỹ. Mọi ý định chống đối Trung Quốc sẽ làm gián đoạn quan hệ kinh tế giữa hai nước, dẫn đến thiệt hại kinh tế cho Việt Nam, nước có nền kinh tế phụ thuộc nhiều vào Trung Quốc”.

Tuy nhiên, mọi việc dường như không dễ dàng như và đơn giản như vậy. Trong quan hệ Việt - Trung thì vấn đề Biển Đông luôn là “cục xương khó gặm”.

Trung Quốc không dễ gì mà từ bỏ tham vọng độc chiếm Biển Đông của họ. Trung Quốc sẵn sàng dùng sức mạnh để đe dọa việc các quốc gia khu vực Biển Đông thăm dò và khai thác dầu khí trên EEZ của họ, với lý do “nằm trong đường lưỡi bò” của họ. Cho dù, “đường lưỡi bò” này không có cơ sở nào trong luật pháp quốc tế và đã bị Tòa trọng tài trong vụ Philippines kiện Trung Quốc bác bỏ nó.

Trang Sáng kiến Minh bạch Hàng hải cho biết: “Trong vòng bốn tháng qua, các tàu Trung Quốc đã tranh giành và thách thức các hoạt động khai thác dầu mỏ và khí đốt của Indonesia và Malaysia tại Biển Đông, những diễn biến dường như đã quá quen thuộc”.

Mới đây nhất, tàu Trung Quốc lại tiếp tục quấy phá hoạt động thăm dò của Malaysia trên vùng biển của họ, mặc dù Malaysia

cố gắng thân thiết với Trung Quốc, đến mức Ngoại trưởng Malaysia còn gọi Ngoại trưởng Vương Nghị là “anh cả”. Nhưng sự thân thiết đó cũng không ngăn cản được việc Trung Quốc tiếp tục lấn tới trên Biển Đông.

Chính vì vậy, nếu quốc gia nào chỉ mong “trục lợi” mà không có những sự đoàn kết, nhất trí với các quốc gia Biển Đông khác, thì sớm muộn gì Việt Nam cũng sẽ bị lặp lại các sự kiện như Trung Quốc đã từng làm với Việt Nam trên Biển Đông, trong đó có sự kiện Giàn khoan HD 981 năm 2014.

ASEAN vừa thông báo nâng cấp bang giao với Trung Quốc lên “đối tác chiến lược toàn diện” (CSP) chỉ một ngày sau khi đạt thỏa thuận tương tự với Úc. Quyết định này được nêu trong điều 4 Tuyên bố của Chủ tịch sau Hội nghị Cấp cao ASEAN – Trung Quốc ngày 26/10/2021, nhưng chỉ được đăng tải trên website của ASEAN ngày 28/10. Tuy nhiên, hiện vẫn chưa rõ kế hoạch chi tiết của quan hệ đối tác này.

Trong khi đó, những căng thẳng ở Biển Đông với yêu sách chủ quyền của Trung Quốc được nêu trong hai điểm cuối 26 và 27 của Tuyên bố Chủ tịch. Hai bên nhắc lại “tầm quan trọng của việc áp dụng đầy đủ và hiệu quả Tuyên bố 2002 về ứng xử các bên ở Biển Đông (DOC) và nỗ lực để “nhanh chóng đúc kết Bộ Quy tắc ứng xử (COC) hiệu quả, thực chất, phù hợp với luật pháp quốc tế, trong đó có UNCLOS 1982”.

Cả trên lời nói lẫn hành động, rõ ràng, ASEAN, trong đó đặc biệt là Việt Nam hẳn nhiên là coi trọng quan hệ kinh tế – thương mại với Trung Quốc. Còn những căng thẳng do các hành động lấn lướt và bắt nạt của Trung Quốc trên Biển Đông thì cả Việt Nam lẫn ASEAN tiếp tục đấu tranh bằng con đường ngoại giao. Nhấn nhẹn nhưng vẫn nhìn thẳng được hạn chế của CSP khi cả Việt Nam lẫn ASEAN đánh giá những hành động và chính sách an ninh của Trung Quốc “đang làm xói mòn niềm tin, làm gia tăng căng thẳng và có thể phá hoại hòa bình, an ninh, ổn định trong vùng”.

Ngày 9/11/2021, những gì tại Hội nghị chuyên đề về Hợp tác Hàng hải và Quản trị Đại dương Toàn cầu 2021 theo hình thức trực tuyến tại thành phố Tam Á (Hải Nam, Trung Quốc) càng bộc lộ ý đồ của Trung Quốc muốn chia rẽ ASEAN cũng như đẩy Mỹ và phương Tây ra khỏi khu vực. Ngoại trưởng Trung Quốc Vương Nghị đã tuyên bố rằng nước này cam kết hợp tác với các nước trong khu vực để mở rộng hợp tác hàng hải, bảo vệ các chuỗi cung ứng hàng hải toàn cầu và đối phó vấn đề biến đổi khí hậu để xây dựng Biển Đông trở thành “vùng biển hòa bình, hữu nghị và hợp tác”.

Tuy nhiên, trước hội nghị nói trên, một số đại diện của các nước ASEAN đã bày tỏ quan ngại về tình hình bất ổn trong khu vực. Còn nhớ hồi tháng 3 năm nay, quan hệ giữa Philippines và Trung Quốc đã trở nên căng thẳng khi hơn 200 tàu cá Trung Quốc bao vây khu vực Đá Ba Đầu. Hồi đầu tháng 6, Malaysia đã phải triển khai máy bay chiến đấu khi phát hiện 16 máy bay vận tải quân sự của Trung Quốc bay gần không phận của Malaysia mà không thông báo trước. Sau đó, Bộ trưởng Ngoại giao Malaysia Saifuddin Abdullah ngày 20/10/2021 phải khẳng định: “Chừng nào Petronas còn làm việc tại Kasawari, chúng tôi có thể khẳng định Trung Quốc sẽ xâm phạm khu vực đó thường xuyên hơn. Chúng tôi đã luôn luôn phản đối sự xâm lấn ấy. Không thể đếm được số công hàm phản đối mà chúng tôi đã gửi đến Trung Quốc. Song, chúng tôi sẽ kiên định và tiếp tục phản đối thông qua con đường ngoại giao.

Đầu tháng 9 năm nay, tàu Hải Dương Địa Chất 10 của Trung Quốc được hộ tống bởi ít nhất sáu tàu quân sự khác, trong đó bao gồm cả tàu khu trục Côn Minh 172, đã xâm phạm trong EEZ của Indonesia. Philippines đã lại phản đối tàu Trung Quốc tái xuất hiện tại khu vực Đá Ba Đầu lần nữa.

Còn Việt Nam mới đây cũng lên tiếng yêu cầu Trung Quốc rút tàu cá khỏi các vùng biển trên, tôn trọng chủ quyền Việt Nam. Các hành động này của Trung Quốc cho thấy đã tâm thực sự

của Trung Quốc đối với biển Đông, cho thấy sự dai dẳng của Bắc Kinh trong việc thách thức các hoạt động dầu khí của các nước láng giềng trong vùng đặc quyền kinh tế của họ... Bắc Kinh sẵn sàng tiến hành một cuộc leo thang song song để gây áp lực buộc các bên tranh chấp khác phải lùi bước.



Tàu Trung Quốc ở đá Ba Đầu, quần đảo Trường Sa hôm 27/3/2021. AFP

Chuyến thăm Việt Nam và ba thành viên khác trong ASEAN của Ngoại trưởng Úc từ 5/11/2021 cho thấy, nước Úc sau AUKUS đã bắt tay triển khai ngay “mũi xung kích” trong chính sách đối với khu vực Đông Nam Á. Chuyến công du này với các điểm dừng chân là Malaysia, sau đó là Campuchia, nước sẽ đóng vai trò chủ tịch luân phiên ASEAN vào năm sau, tiếp đến là Việt Nam và cuối cùng là Indonesia. Một số nhà quan sát cho rằng việc đạt được thỏa thuận nâng cấp quan hệ CSP này là một thắng lợi mang tính biểu tượng đối với Canberra trong việc “đi trước Bắc Kinh một bước” để có được một thỏa thuận đầu tiên như vậy với Đông Nam Á, khu vực đang tăng trưởng năng động nhưng cũng đang trở thành đấu trường chiến lược giữa Bắc Kinh và Washington.

Tuyên bố có đoạn: “Một số nhà lãnh đạo ASEAN đã nêu vấn đề liên quan đến các hoạt động và sự cố nghiêm trọng trong khu vực, bao gồm thiệt hại đối với môi trường biển, làm xói mòn lòng tin và sự tự tin, làm gia tăng căng thẳng và có nguy cơ phá

hoạt hòa bình, an ninh và ổn định trong khu vực”. Tuyên bố không nêu tên Trung Quốc, song các hình ảnh vệ tinh và các nhà quan sát khu vực đều nhắm về phía Trung Quốc. ASEAN đang cố gắng cân bằng quan hệ với tất cả các cường quốc, cho dù, cuộc đối đầu Mỹ – Trung càng lúc càng gay gắt. Sự đối đầu này đã lan sang cả mối quan hệ Úc – Trung, khi hai quốc gia này cáo buộc lẫn nhau gây ra cuộc chiến thương mại giữa hai bên. Trước mối đe dọa nhiều mặt từ Trung Quốc, Úc đã đứng về phía đồng minh truyền thống của mình là Mỹ, khiến Anh, Mỹ và Úc đã thành lập liên minh AUKUS.

Chuyến thăm của Ngoại trưởng Marise Payne tới Việt Nam diễn ra trong bối cảnh Thủ tướng hai nước vừa đưa ra Chiến lược tăng cường hợp tác kinh tế Australia-Việt Nam (EEES), nhằm giúp hai nước trở thành đối tác thương mại hàng đầu của nhau và tăng gấp đôi đầu tư hai chiều. Trong chuyến thăm này, bà Ngoại trưởng không chỉ gặp các lãnh đạo Chính phủ Việt Nam, mà còn tham dự và đồng chủ trì Đối thoại Phụ nữ, Hòa bình và An ninh ASEAN – Úc lần thứ hai. Trước đó, trong thông cáo báo chí phát đi hôm 3/11/2021, Thủ tướng Úc Scott Morrison cho biết ông và Thủ tướng Phạm Minh Chính đã có cuộc thảo luận hiệu quả vào ngày 1/11/2021 bên lề Hội nghị COP26 ở Glasgow, Vương quốc Anh. Hai Thủ tướng thông báo về việc hoàn tất Chiến lược EEES Úc – Việt nhằm củng cố cam kết chung của hai nước về tự do hóa thương mại và kết nối kinh tế, đồng thời sẽ giúp cả hai nước tận dụng các cơ hội thị trường mới nổi, bao gồm năng lượng và nền kinh tế xanh, tiếp tục phục hồi kinh tế sau đại dịch COVID-19.

Trong khi đó, với Trung Quốc, Việt Nam tiếp tục phản đối tàu cá Trung Quốc hoạt động ở cụm Sinh Tồn. Khoảng vài chục tàu cá Trung Quốc trở lại hoạt động ở đá Ba Đầu (Whitsun Reef), thuộc cụm đảo Sinh Tồn (Union Banks), quần đảo Trường Sa, mà Việt Nam khẳng định chủ quyền.

Trả lời họp báo trực tuyến ngày 4/11/2021, phó phát ngôn viên bộ Ngoại Giao Phạm Thu Hằng tuyên bố: “Việc các tàu Trung Quốc hoạt động trong phạm vi lãnh hải Sinh Tồn Đông thuộc quần đảo Trường Sa của Việt Nam đã xâm phạm nghiêm trọng chủ quyền của Việt Nam, vi phạm các quy định của Công ước Liên Hợp Quốc về Luật Biển 1982 và đi ngược lại tinh thần của Tuyên bố về ứng xử của các bên ở Biển Đông (DOC)”. Một lần nữa, bà Phạm Thu Hằng khẳng định “Việt Nam có đầy đủ cơ sở pháp lý và chứng cứ lịch sử để khẳng định chủ quyền với quần đảo Trường Sa phù hợp với luật pháp quốc tế”, đồng thời yêu cầu Trung Quốc rút hết số tàu này khỏi cụm Sinh Tồn.

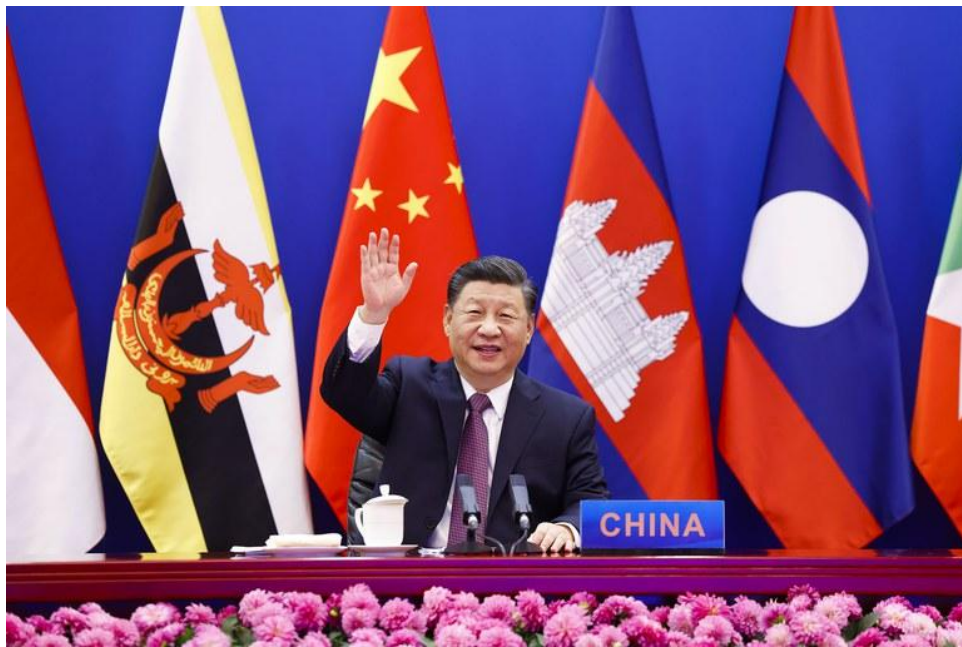
Tóm lại, Biển Đông chưa phải dậy sóng trong tương lai gần, bọt biển và sóng ngầm vẫn giữ nguyên trạng ở Biển Đông. Trái bóng trong chân của Việt Nam và các nước ASEAN khi quan hệ với Trung Quốc.

Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình sáng ngày 22/11/2021 nói với lãnh đạo các nước ASEAN nhân Thượng đỉnh ASEAN - Trung Quốc rằng Bắc Kinh không tìm cách bắt nạt các nước láng giềng nhỏ hơn và sẽ không bao giờ lấy lợi thế nước lớn để tìm bá quyền trong khu vực.

Phát biểu của người đứng đầu Đảng và Nhà nước Trung Quốc đưa ra vào khi đang có những căng thẳng ở khu vực Biển Đông giữa Trung Quốc và các nước láng giềng có tranh chấp về chủ quyền ở vùng nước này.

Truyền thông Nhà nước Trung Quốc trích lời ông Tập Cận Bình nói rằng: “Trung Quốc đã, đang, và sẽ luôn là láng giềng tốt, người bạn tốt và là đối tác tốt của ASEAN”.

Nếu ai thích Mục Lân, An Lân và Phú Lân thì cứ thích, nhưng ngay sau lời tuyên bố của Tập Cận Bình được phát đi, trên trên mạng xã hội ở Việt Nam đồng loạt xuất hiện một câu duy nhất: “Không nghe cave kể chuyện, không nghe thẳng nghiệm trình bày”.



Chủ tịch TQ trong cuộc gặp trực tuyến với lãnh đạo các nước ASEAN hôm 22/11/2021. AP

Lửa thì gần mà nước thì không quá xa

Việt Nam có tuân thủ “3 KHÔNG”, “4 KHÔNG” thì chưa biết vì sức ép trên Biển Đông đến từ Trung Quốc Việt Nam vẫn còn chịu được. Nhưng nhìn các chuyến công du của các nguyên thủ Việt Nam đến Liên Hiệp Quốc, Châu Âu, Nhật Bản, Nga...trong thời gian gần đây và nhất là tại cuộc gặp tại trụ sở Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam ngày 26/9/2021, ba nhà lãnh đạo của ba đảng ở Việt Nam. Lào và Campuchia để trao đổi về tình hình hợp tác trong thời gian qua; thảo luận về phương hướng hợp tác trong thời gian tới; cùng nhất trí về tầm quan trọng của quan hệ truyền thống, đoàn kết hữu nghị, gắn bó giữa ba đảng, ba nước trước thềm Campuchia nhận ghế Chủ tịch luân phiên của ASEAN trong năm 2022 đã cho thấy Việt Nam có kinh nghiệm với lửa và nước.

Theo tin từ một nhà quan sát an ninh khu vực Đông Nam Á, Quốc hội Mỹ đã có quyết định về việc tàu Douglas Munro sẽ được chuyển giao cho Việt Nam trong tương lai gần. Đây sẽ là tàu tuần duyên lớp Hamilton thứ ba mà Mỹ chuyển giao cho Việt Nam sau các tàu Morgenthau và John Midgett.

Có nhiều khả năng, đầu năm 2022, sẽ có một đại diện cấp cao của Nhà Trắng hoặc Quốc hội Mỹ sang thăm Việt Nam và tàu

Douglas Munro sẽ được chuyển giao cho Việt Nam trong chuyến thăm này.

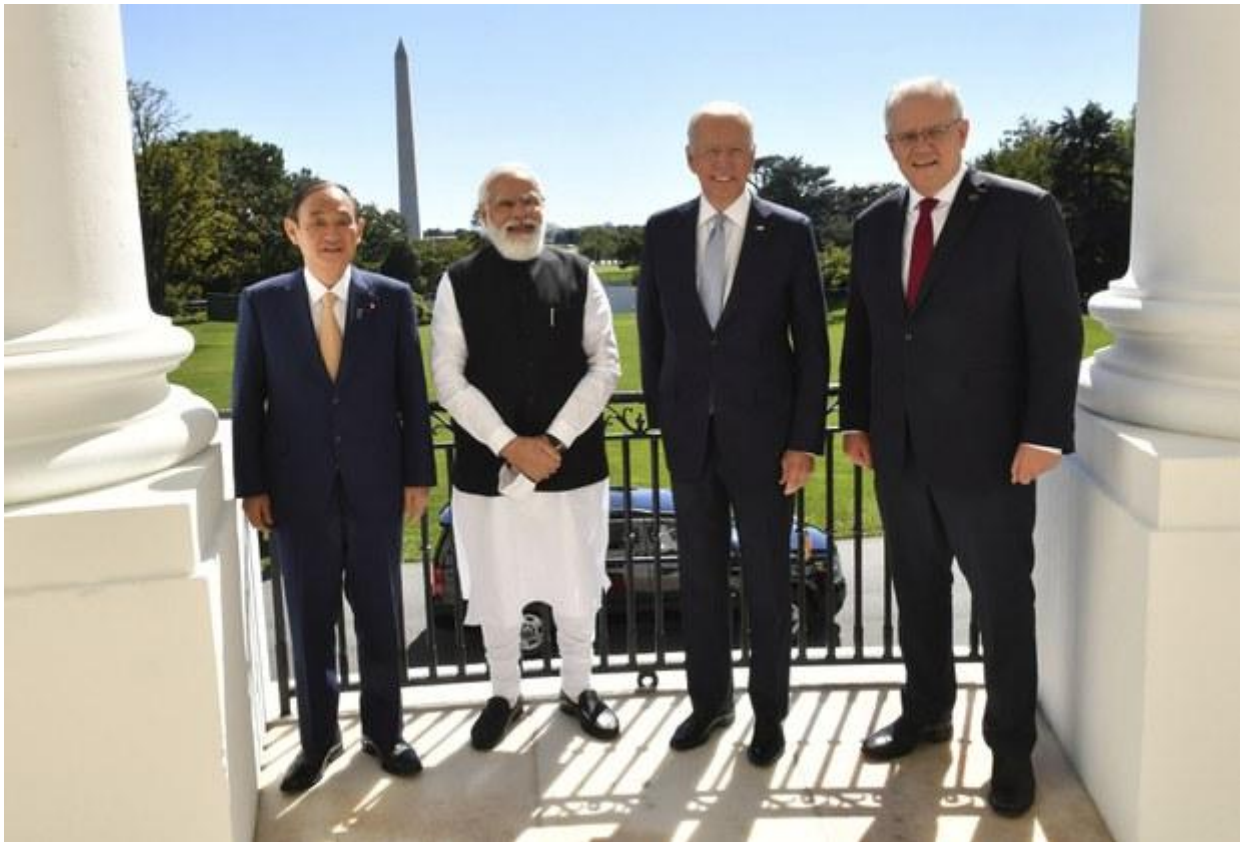
Xung đột trên Biển Đông không còn là nguy cơ tiềm ẩn nhưng duyên cớ để bùng xung đột lên đỉnh điểm thì chưa thấy. Cả Mỹ, phương Tây, Nhật Bản, Trung Quốc... ASEAN và Việt Nam chưa muốn có chiến tranh.

Thông điệp Bộ tứ gửi đến Trung Quốc

Bài bình luận của. Phạm Ngọc Phương Đoan

2021.09.30

Capture à partir de :[RFA](#)



Nhóm Bộ tứ ở Nhà Trắng hôm 24/9/2021: (từ trái qua) Thủ tướng Nhật Yoshihide Suga, Thủ tướng Ấn Độ Narendra Modi, Tổng thống Mỹ Joe Biden, Thủ tướng Úc Scott Morrison. AP

Tuyên bố chung của Bộ tứ

Trong những năm gần đây, cơ chế Đối thoại an ninh bốn bên (Bộ tứ), và khái niệm Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương tự do và cởi mở làm nền tảng cho cơ chế này, đã có động lực thúc đẩy để phản ứng trước sự quyết đoán ngày càng tăng của Trung Quốc.

Mới đây, ngày 24/9 Bộ tứ đã có cuộc gặp thượng đỉnh trực tiếp đầu tiên. Sau cuộc gặp, các bên đã ra Tuyên bố chung.

Tuyên bố chung của cuộc họp trực tiếp đầu tiên của nhóm Bộ tứ không chỉ cho thấy sức mạnh của nhóm đã được củng cố mà còn truyền tải một thông điệp mạnh mẽ tới Trung Quốc để chống lại cách tiếp cận bành trướng và cưỡng ép của họ ở Biển Hoa Đông và Biển Đông.

Các khía cạnh quan trọng trong Tuyên bố chung của nhóm Bộ tứ đều rất đáng chú ý.

Đầu tiên, tuyên bố nhấn mạnh sự cần thiết của khu vực Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương rộng mở và "không bị ép buộc". Mặc dù Trung Quốc không được nhắc tới, nhưng các thông tin truyền thông thường dẫn lời các chuyên gia để nhấn mạnh sự ám chỉ tới Trung Quốc.

Thứ hai, tuyên bố chỉ ra rằng các quốc gia “đứng về pháp quyền, tự do hàng hải và hàng không, giải quyết hòa bình các tranh chấp, các giá trị dân chủ và toàn vẹn lãnh thổ của các quốc gia”. Các nước thành viên của Nhóm Bộ tứ quyết tâm tiếp tục ủng hộ việc tuân thủ luật pháp quốc tế, đặc biệt như được phản ánh trong Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển (UNCLOS), để đối phó với các thách thức đối với trật tự dựa trên quy tắc hàng hải, bao gồm cả ở Biển Hoa Đông và Biển Đông. Nhóm Bộ tứ cũng khẳng định hỗ trợ các quốc đảo nhỏ, đặc biệt là các quốc đảo ở Thái Bình Dương, nhằm tăng cường khả năng phục hồi về kinh tế và môi trường của họ.

Thứ ba, hợp tác trong lĩnh vực công nghệ được quan tâm nhiều hơn. Nhóm Bộ tứ đã công bố một số hiệp ước mới, bao gồm một hiệp ước để tăng cường bảo mật chuỗi cung ứng cho chất bán dẫn. Nhóm cũng triển khai quan hệ đối tác 5G và quyết tâm làm việc cùng nhau để tạo thuận lợi cho hợp tác công tư và chứng minh khả năng mở rộng và đảm bảo an ninh mạng.

Thứ tư, tuyên bố chung ghi nhận "sự hợp tác mở rộng" giữa 4 quốc gia.

Thứ năm, nhóm Bộ tứ cho thấy rõ ý định lôi kéo các nước khác tham gia vào việc đạt được mục tiêu của họ. Trong khi tái khẳng định vai trò trung tâm của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) và sự hội tụ với Triển vọng của ASEAN về Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương, Nhóm Bộ tứ cũng hoan nghênh chiến lược của EU đối với Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương được công bố vào tháng 9/2021.

Thứ sáu, Nhóm Bộ tứ quyết định thúc đẩy phát triển cơ sở hạ tầng bền vững và hỗ trợ Mạng lưới Điểm Xanh, đồng thời nhấn mạnh tầm quan trọng của các hoạt động hỗ trợ công khai, công bằng và minh bạch phù hợp với các quy tắc và tiêu chuẩn quốc tế đối với các quốc gia chủ nợ lớn, bao gồm cả về tính bền vững và trách nhiệm giải trình nợ, đồng thời kêu gọi tất cả các chủ nợ tuân thủ các quy tắc và tiêu chuẩn này. Điều này sẽ giúp chống lại chính sách bẫy nợ của Trung Quốc dưới vỏ bọc của sáng kiến "Vành đai và Con đường" (BRI).

Tất cả những điều trên cho thấy các nước trong nhóm Bộ tứ đang hợp tác chặt chẽ để chống lại các xu hướng tiêu cực như cưỡng ép và chủ nghĩa bành trướng của Trung Quốc, đồng thời quyết tâm duy trì pháp quyền ở khu vực Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương. Giờ đây, nhóm Bộ tứ đã có nền tảng vững chắc hơn và đã cụ thể hóa các kế hoạch thay vì đề cập đến chúng một cách chung chung.

Tuy nhiên, thay vì nhận ra rằng các hành vi quấy rối các quốc gia nhỏ hơn và chính sách bành trướng sẽ thúc đẩy các quốc gia khác thực hiện các hành động cần thiết để bảo vệ lợi ích của họ, Trung Quốc lại đang tiếp tục các hoạt động vi phạm các chuẩn mực và luật pháp quốc tế. Trung Quốc đã gọi nhóm Bộ tứ là một NATO phiên bản châu Á hay một nhóm chống Trung Quốc.

Không chỉ Bộ tứ mà Liên minh AUKUS mới thành lập gần đây cũng bị Trung Quốc liệt vào như là NATO châu Á để chống Trung Quốc.

Mặc dù AUKUS không có liên hệ với nhóm Bộ tứ, nhưng các liên minh như vậy nhất định sẽ phát triển để chống lại các hoạt động bất hợp pháp của Trung Quốc.



Cuộc họp của lãnh đạo Bộ tứ ở Nhà Trắng hôm 24/9/2021. AP

Đông Nam Á đón nhận về Bộ tứ ra sao?

Bộ tứ đã tìm cách thu hút được sự chú ý ở Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương, đặc biệt là các nước Đông Nam Á, bằng cách nhấn mạnh chức năng hoạt động và lợi ích hữu hình, chẳng hạn như phân phối vắc-xin ngừa COVID-19, biến đổi khí hậu và các công nghệ mới nổi.

Ở Đông Nam Á, không thể xác định được một hình ảnh rõ ràng, nhất quán và gắn kết về Bộ tứ. Một số nước dường như hoài nghi về nhóm này, trong khi một số nước khác phần nào hoan

nghe. Trong cuộc khảo sát Hiện trạng Đông Nam Á năm 2021, chưa đến một nửa số người được hỏi cho rằng Bộ tứ có đóng góp tích cực hoặc rất tích cực cho an ninh khu vực (1). Trong một cuộc khảo sát khác do Viện chính sách chiến lược Australia tiến hành, gần 40% số người được hỏi cho rằng Bộ tứ mang nhiều giá trị ngoại giao và biểu tượng hơn là một sáng kiến trọng yếu đối với khu vực (2). Sự mâu thuẫn chung này phần nào là do ASEAN quan ngại rằng Bộ tứ sẽ làm suy yếu các thể chế đa phương do ASEAN dẫn dắt. Có thể nói, bằng việc công bố Quan điểm của ASEAN về Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương năm 2019, ASEAN đã tìm cách “đóng dấu thông qua” các khái niệm đang phát triển về Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương - cụ thể là đưa khu vực vào một khuôn khổ địa lý với trọng tâm là những khái niệm cụ thể như an ninh hàng hải và tính kết nối, thay vì đưa khu vực vào một khuôn khổ địa chính trị nhằm chống lại Trung Quốc.

Việt Nam cần hợp tác với Bộ tứ

Việt Nam đang đóng một vai trò ngày càng quan trọng hơn trong chuỗi cung ứng toàn cầu. Tuy nhiên, nền kinh tế Việt Nam vẫn phụ thuộc rất nhiều vào Trung Quốc. Bộ tứ đã có lần ngỏ ý mời Việt Nam tham gia như một “thành viên mở rộng”.

Nếu Việt Nam tham gia Bộ tứ, đây sẽ là cơ hội tốt cho cả Việt Nam và Bộ tứ để giảm bớt sự phụ thuộc vào Trung Quốc. Trong những năm gần đây, Việt Nam đã ký nhiều hiệp định thương mại tự do đa phương, song phương với nhiều đối tác (FTAs). Tuy nhiên, do thiếu liên kết giữa doanh nghiệp nội địa và doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) trong định hướng xuất khẩu, chất lượng lao động thấp và một số lý do khác, Việt Nam chưa thể tham gia sâu vào chuỗi cung ứng toàn cầu. Chính vì vậy, đây chính là cơ hội đẩy mạnh phát triển kinh tế, thoát khỏi sự phụ thuộc vào thị trường Trung Quốc. Bởi vì sự phụ thuộc về kinh tế cũng sẽ dẫn đến những phụ thuộc về chính trị và chiến lược trong bối cảnh Trung Quốc ngày

càng có các hành vi hung hăng trên biển Đông, đe dọa các quốc gia khác, mà Việt Nam là một trong số đó.

Từ AUKUS đến Bộ Tứ : Gọng kèm Mỹ đang siết lại với Trung Quốc ở Thái Bình Dương

Đăng ngày: 24/09/2021 - 17:16

Điểm báo

Capture à partir de : [RFI](#)

Với AUKUS, các quốc gia châu Á và Thái Bình Dương nay phải chọn phe giữa Washington và Bắc Kinh. Bộ Tứ trước đây bị Bắc Kinh coi thường, nay là một trong những thách thức lớn nhất cho tham vọng Trung Quốc những năm tới.



Hàng không mẫu hạm Anh HMS Queen Elizabeth cùng với các tàu hộ tống và hai chiến hạm JS Izumo, JS Ise của Nhật Bản, chiến hạm HMCS Winnipeg của Canada cùng tuần tra tại Thái Bình Dương. Ảnh của bộ Quốc Phòng Anh ngày 23/09/2021. AP - Jay Allen

Châu Á trong chiếc bẫy zero Covid

Tại châu Á trên lãnh vực dịch tễ, *Le Figaro* nhận thấy châu lục này đang bị dính vào chiếc bẫy của chiến lược zero Covid. Trừ Trung Quốc, các nước còn lại chậm trễ trong việc tiêm chủng, đang vất vả trước sự lây lan của biến thể Delta.

Năm năm tù giam : Lê Văn Trí phải trả giá đắt cho việc đi xe gắn máy từ Sài Gòn về quê nhà Cà Mau, giấu diếm việc khai

báo đi lại trong 21 ngày qua, rất cuộc làm cho 8 người bị lây nhiễm Covid. Một bản án nặng nề của chế độ đang tự hào trước thành công chống dịch, nhưng giờ đây bị biến thể Delta khiến đất nước phải phong tỏa chưa từng thấy.

« Ông anh » Trung Quốc thậm chí còn buộc những hành khách hiếm hoi từ Bồ Đào Nha hay Bahrein đến phải cách ly ba tuần trước đó, và khi đến Bắc Kinh lại thêm ba tuần cách ly nữa. Trung Quốc không muốn mở cửa Vạn lý Trường thành y tế trước cuối năm 2022, và một đại hội đảng quan trọng cho tương lai của Tập Cận Bình.

Các quốc gia xuất khẩu ở châu Á với chiến lược zero Covid nay khó thể ra khỏi khủng hoảng, có nguy cơ làm ảnh hưởng đến việc phục hồi kinh tế của thế giới. Với hơn 2 tỉ liều đã được tiêm, Trung Quốc có vẻ khả quan hơn nhưng hiệu quả vac-xin thấp đã làm u ám đi thành tích, và khiến Bắc Kinh thêm lo lắng vì quản lý đại dịch làm nên tính chính danh của đảng.

AUKUS : Châu Á-Thái Bình Dương sẽ phải chọn phe

Liên minh AUKUS giữa Mỹ-Anh-Úc, cuộc họp Bộ Tứ (Quad), thủ tướng Đức Angela Merkel chuẩn bị rời chính trường sau cuộc bầu cử, là những chủ đề chính trên báo chí Pháp hôm nay. Về AUKUS, theo *Le Figaro*, các quốc gia châu Á và Thái Bình Dương nay buộc phải chọn phe giữa Washington và Bắc Kinh. Sau loan báo bất ngờ của Joe Biden, Tập Cận Bình kêu gọi « chống đế quốc », trong buổi khai mạc cuộc họp thượng đỉnh Tổ chức Hợp tác Thượng Hải tại Tadjikistan.

Việc này cho thấy AUKUS khiến Bắc Kinh lo sợ bị bao vây, đánh dấu một ngưỡng mới trong việc ngăn chặn Trung Quốc. Khi lần đầu tiên chấp nhận chia sẻ công nghệ nguyên tử kể từ thời chiến tranh lạnh, Biden tạo niềm tin về quyết tâm của Mỹ, trấn an những đồng minh châu Á đang thất vọng vì sự dè dặt của Obama trước sự bành trướng trên Biển Đông của Tập Cận Bình.

Các đồng minh đang bị Bắc Kinh đe dọa như Nhật Bản, Đài Loan lập tức hoan nghênh, Philippines cũng có phản ứng tích cực dù tổng thống Duterte không ưa Mỹ. Hàn Quốc, đang có 28.000 quân Mỹ trú đóng, không muốn khiêu khích Bắc Triều Tiên và Trung Quốc, nhưng hài lòng vì AUKUS tăng cường khả năng răn đe trên Biển Đông.

Chuyên gia Collin Koh ở Singapore nhận xét, trước mắt « *AUKUS không thay đổi cơ bản ván cờ an ninh khu vực, vì dường như không phải là khúc dạo đầu cho một NATO Ấn Độ-Thái Bình Dương* ». Mỹ và Úc biết rằng nhiều nước ngần ngại trước ý định này, đặc biệt là Đông Nam Á.

Indonesia, Malaysia lo ngại trở thành nạn nhân liên đới trong một cuộc chiến tại Biển Đông, tuy nhiên theo ông Koh, các nước Đông Nam Á vẫn sẽ tiếp đón các tàu ngầm Úc ghé cảng trong tương lai. Singapore ủng hộ Mỹ tái cam kết tại Biển Đông, nhưng e ngại leo thang. Sự nhập nhằng này cũng nhìn thấy tại Việt Nam : chính quyền hoan nghênh Hải quân Mỹ gia tăng hiện diện ở Trường Sa, nhưng không muốn đối đầu trực diện với người láng giềng khổng lồ Trung Quốc. Sự đi dây này mở ra cánh cửa cho các cường quốc xuất khẩu vũ khí như Nga và cả Pháp.

Bộ Tứ được nâng tầm do Trung Quốc xung đột với cả bốn thành viên

Le Figaro nhận định « *Với Quad, Biden tăng cường liên minh ở Thái Bình Dương* ». Thở ra nhẹ nhõm nhờ Pháp đã hòa dịu lại sau cuộc điện đàm với Emmanuel Macron, hôm nay tổng thống Mỹ Joe Biden lần đầu tiên tiếp đón các nhà lãnh đạo của nhóm Bộ Tứ (Mỹ, Úc, Ấn, Nhật) tại Nhà Trắng. Sự kiện chính của tuần này như vậy diễn ra tại Washington chứ không còn ở New York, nơi Pháp đã lên tiếng, còn Trung Quốc lặng lẽ một cách đáng ngạc nhiên về AUKUS trên diễn đàn Liên Hiệp Quốc.

Bộ Tứ được thành lập năm 2007 bên lề hội nghị thượng đỉnh ASEAN ở Philippines, rồi bị quên lãng trong suốt 10 năm, rồi lại

được nhắc đến từ 2017. Hồi đó Vương Nghị coi thường liên minh này, nhưng nay theo cựu thủ tướng Úc Kevin Rudd, nay « Bắc Kinh coi Bộ Tứ là một trong những thách thức lớn nhất đối với tham vọng Trung Quốc trong những năm tới ».

Quad được ông Biden hôm thứ Ba 21/09 tại Liên Hiệp Quốc xếp là ưu tiên thứ ba trong các liên minh, sau NATO và EU, là « chiến mã » mới của Mỹ. Cho dù chưa có cơ cấu chính thức, bộ chỉ huy quân sự thậm chí một hiệp ước hỗ trợ, diễn đàn này là cần thiết trước sự bành trướng của Trung Quốc. Dù ai cũng thận trọng không nêu đích danh Bắc Kinh, nhưng ý đồ kiểm soát Biển Đông và xâm chiếm Đài Loan gây lo ngại một cuộc chiến tranh thế giới lần thứ ba. Nhà nghiên cứu Michael Kugelman thuộc Wilson Center khẳng định, không phải là tình cờ mà Bộ Tứ được quan tâm như vậy sau một thời gian dài do dự : quan hệ giữa các thành viên với Trung Quốc chưa bao giờ tệ hại đến thế.

Một công thức « Quad Plus » đưa ra từ tháng Ba bổ sung thêm ba nước Việt Nam, New Zealand và Hàn Quốc. Pháp bị đứng ngoài, nhưng thời gian tới có thể xích lại gần một « Quad » mở rộng được đặt tên lại, trong trường hợp căng thẳng trầm trọng với Trung Quốc trên biển. Tuy vậy, trục Pháp-Ấn có thể gây xích mích với Mỹ khi New Delhi muốn mua tàu ngầm nguyên tử Suffren-Barracuda của Pháp.

Pháp-Mỹ có nhiều lợi ích chung tại Ấn Độ-Thái Bình Dương

Nước Pháp liệu có thắng lợi sau cuộc khủng hoảng ngoại giao với Hoa Kỳ ? Trả lời câu hỏi này của *La Croix*, giáo sư Frédéric Charillon cho rằng đôi bên đều tìm cách xuống thang, để có được lối thoát đúng mực, không bao giờ có việc Pháp giận dữ rút khỏi NATO, hay ngã về phía Nga, Trung Quốc.

Trong vòng một tháng, chính quyền Biden đã gây choáng váng với việc rút quân khỏi Afghanistan gợi nhớ đến hình ảnh Sài Gòn năm 1975, và gây khủng hoảng với một đồng minh lâu đời, từng căng thẳng về cuộc chiến Irak năm 2003. Tuy nhiên, hai

cường quốc này có nhiều lợi ích chung tại Ấn Độ-Thái Bình Dương. Washington cần đến tất cả các đồng minh trong cuộc đối đầu với Bắc Kinh. Là thành viên thường trực Hội Đồng Bảo An, có lãnh hải rộng lớn với 7.000 quân nhân đồn trú và hai triệu dân, Pháp có vai trò tại Ấn Độ-Thái Bình Dương. Paris cũng cần đến Mỹ để kiểm soát vùng đặc quyền kinh tế mênh mông tại khu vực.

Việc Hoa Kỳ nhìn nhận « *tầm quan trọng của quốc phòng châu Âu* », « *bổ sung cho NATO* » chứng tỏ ý định hòa giải, nhưng còn nhiều việc phải làm. Trở ngại không hẳn từ phía Mỹ, mà quả bóng đang ở trên phần sân châu Âu. Hai mươi bảy nước EU chia rẽ về thứ tự các mối đe dọa Nga hay Trung Quốc, về quan niệm quốc phòng chung châu Âu, một số nước chịu ảnh hưởng nặng từ Matxcova, số khác từ Bắc Kinh.

Úc chọn Washington vì Bắc Kinh hà hiếp : Vụ Kabul không làm yếu đi sức mạnh Mỹ

Tác giả Alain Frachon trên *Le Monde* rút ra ba bài học trong vụ tàu ngầm. Thứ nhất, « thất bại Kabul » không làm yếu đi uy tín chiến lược của Hoa Kỳ. Sự ra đi vội vã không mấy vinh quang của quân đội Mỹ ở Afghanistan và sự quay lại của Taliban vẫn không gây ấn tượng nhiều nơi Úc. Trước một Trung Quốc ngày càng hiếu chiến tại Thái Bình Dương, Canberra đã chọn lựa đặt dưới sự bảo vệ của Mỹ, chứ không phải Pháp. Úc quyết định mua 8 tàu ngầm nguyên tử của Mỹ-Anh từ nay đến 2040, thay vì mua 12 chiếc Shortfin Barracuda từ nay đến 2030.

Ngay cả trên thị trường vũ khí mà mọi chiêu trò đều có thể được sử dụng, Canberra đã xử sự rất tệ với Pháp. Nhưng sự thô bạo này không thể làm mờ đi ý nghĩa chiều sâu của vụ này. Đó không phải là vấn đề chất lượng tàu ngầm, mà là một bước tiến dài trong cuộc đối đầu Mỹ-Trung.

Sau Kabul, liên minh AUKUS khẳng định ưu tiên chiến lược của Hoa Kỳ, đó là Trung Quốc. Úc vốn là đồng minh lâu đời, nay trở thành đối tác thân cận của Mỹ. Một nhân tố tiền phương tại

Châu Á-Thái Bình Dương để chống lại ý đồ thống trị của Bắc Kinh trong khu vực, bất chấp nguy cơ hạt nhân.

Bắc Kinh đã làm đủ mọi trò khiến Canberra phải vội vã ngã vào vòng tay Washington. Trung Quốc liên tục quân sự hóa các đảo nhỏ đã chiếm được bằng vũ lực ở Biển Đông, không ngừng dò thám và gây ảnh hưởng lên chính trường Úc. Để trả thù việc Úc dám đòi mở điều tra quốc tế về nguyên nhân xảy ra đại dịch Covid, Trung Quốc tung ra một cuộc chiến tranh thương mại không thương tiếc nhắm vào Úc. Sự kiện đầy ý nghĩa : AUKUS được hoan nghênh khắp nơi ở châu Á, tại Tokyo, New Delhi, Đài Bắc.

Bị Mỹ thờ ơ, châu Âu cần một chính sách quốc phòng chung

Bài học thứ hai : Barack Obama, tổng thống của « xoay trục » sang châu Á, vốn đã tương đối thờ ơ với châu Âu. Donald Trump tỏ ra đối nghịch với châu Âu và ngờ vực sự hữu ích của NATO. Joe Biden nói lời ngọt ngào với đồng minh, nhưng cách đối xử đáng ngờ, như vậy chủ thuyết của Biden đối với châu Âu là « thô bạo », theo tác giả.

Hồi tháng Sáu, Biden buộc NATO, mà khu vực hoạt động là Bắc Đại Tây Dương, phải đưa Trung Quốc vào trong số các quan ngại về an ninh. Châu Âu ưng thuận, Đức, Pháp cầu nhau. Từ đó trở đi, lẽ ra Washington phải thông báo cho NATO về dự án AUKUS, nhưng không, kế hoạch trong đó hai thành viên NATO là Mỹ và Anh tham gia lại được tiến hành trong bí mật, « đấm sau lưng » đồng minh Pháp. Có thể Luân Đôn vừa có ưu thế cùng ngôn ngữ Anh, và lại từ chối Hoa Vi (Huawei), trong khi châu Âu không muốn đối đầu trực diện.

Bài học thứ ba : AUKUS cho thấy chủ trương quốc phòng châu Âu của tổng thống Emmanuel Macron là đúng đắn. Liên Hiệp Châu Âu (EU) cần tự chủ tối thiểu về chiến lược, có phương tiện để đối phó với các thủ đoạn của Putin, và hiện hữu trong một thế giới đã chia thành các khối.

Rút khỏi Việt Nam và Afghanistan, không có nghĩa siêu cường Mỹ suy tàn

Tương tự, nhà sử học Anh Paul Kennedy khi trả lời phỏng vấn của *Le Figaro* không đồng ý với nhận định của một số nhà phân tích là siêu cường Mỹ đang suy tàn. Quyết định rút khỏi Afghanistan của Joe Biden có thể coi là khôn ngoan, nếu nhờ đó mà Hoa Kỳ có thể tập trung vào các khu vực quan trọng hơn, và củng cố các liên minh để đối phó với Trung Quốc. Quân đội Mỹ có thể giảm bớt lực lượng, để hiện đại hóa hải quân, không quân và điều khiển học.

Bốn thập niên thế giới lưỡng cực khiến người ta quen với việc đôi khi một cuộc gọi giữa Matxcova và Washington có thể giải quyết được vấn đề. Trong thế giới đa cực ngày nay, ngoại giao cần tinh tế hơn, Hoa Kỳ phải quan tâm đến các thế lực khác như EU, Nga, Trung Quốc, Ấn Độ hoặc Nhật Bản.

Theo Paul Kennedy, thất bại ở những khu rừng miền Nam Việt Nam hay trên những ngọn núi Afghanistan chỉ là thua trong những cuộc phiêu lưu quân sự, không có nghĩa là mất đi vị trí siêu cường. Hoa Kỳ có những nguồn lực khổng lồ, chưa kể vị trí địa lý vô cùng ưu đãi. Trung Quốc có khoảng 11, 12 láng giềng, trong đó nhiều nước không mấy thuận thảo ; Nga có 13 ông hàng xóm luôn nhìn mình bằng cặp mắt nghi ngờ ; còn Mỹ chỉ có Canada và Mêhicô bên cạnh.

Bộ Tứ - QUAD tuyên bố « không dung thứ » cho việc thay đổi nguyên trạng ở Châu Á – Thái Bình Dương

Đăng ngày: 24/05/2022 - 12:20

Capture à partir de :[RFI](#)

Ngày 24/05/2022, tại Nhật Bản, Bộ Tứ - QUAD quy tụ bốn nước Ấn Độ, Hoa Kỳ, Nhật Bản và Úc, đã họp và ra tuyên bố phản đối mọi « thay đổi nguyên trạng bằng vũ lực », đặc biệt là tại vùng Châu Á – Thái Bình Dương, nhưng tránh chỉ trích công khai Nga và Trung Quốc.



Thủ tướng Nhật Bản Fumio Kishida trong cuộc họp báo sau cuộc họp của Bộ Tứ - Quad, tại Tokyo, Nhật Bản, ngày 24/05/2022. AP - Kiyoshi Ota

Trong buổi họp báo, thủ tướng Nhật Bản Fumio Kishida tuyên bố: « Vào lúc cuộc xâm lăng Ukraina do Nga tiến hành làm lung lay các nguyên tắc cơ bản của trật tự thế giới », lãnh đạo các nước Mỹ, Ấn Độ, Úc và « chính bản thân tôi cùng đồng tình về việc mọi ý tưởng đơn phương thay đổi nguyên trạng bằng vũ lực sẽ không bao giờ được dung thứ, đặc biệt là tại vùng Ấn Độ - Thái Bình Dương ».

Nỗi lo lắng về những ý đồ « gặm nhấm » các đảo tại Thái Bình Dương của Trung Quốc còn được Bộ Tứ - QUAD nêu rõ trong tuyên bố chung, khi nhắc đến hiện tượng « quân sự hóa » nhiều khu vực đang có tranh chấp, việc « sử dụng tàu tuần duyên và hải cảnh một cách nguy hiểm, cũng như những nỗ lực nhằm gây xáo trộn các hoạt động khai thác nguồn tài nguyên biển của nhiều nước khác », đó là các hoạt động mà Trung Quốc bị tố cáo đang tiến hành trong khu vực.

AFP cho biết, kết thúc cuộc họp tại Tokyo, bốn nước thành viên QUAD đã đạt được một đồng thuận cho việc khởi động một sáng kiến mới nhằm tăng cường giám sát các hoạt động hàng hải của Trung Quốc trong khu vực. Các thành viên Quad muốn

đầu tư ít nhất 50 tỷ đô la cho các dự án cơ sở hạ tầng và đầu tư cho khu vực.

Tuy nhiên, tuyên bố chung của Bộ Tứ - QUAD lại không công khai lên án Trung Quốc và Nga, do Ấn Độ đã từ chối chỉ trích Nga về cuộc chiến xâm lược Ukraina.

Cuộc họp Bộ Tứ còn phản ánh nỗi lo lắng trước việc Trung Quốc gần đây gia tăng thắt chặt quan hệ với các đảo quốc Thái Bình Dương, đặc biệt là việc Trung Quốc ký với Quần Đảo Salomon một thỏa thuận về an ninh. Giờ đây, câu hỏi đặt ra, liệu Hàn Quốc sẽ tham gia vào Diễn đàn An Ninh Bốn Bên này hay không? Trên đài RFI, chuyên gia Đông Bắc Á, Antoine Bondaz, thuộc Quỹ Nghiên Cứu Chiến Lược (FRS) nhận định:

« Điều có thể xảy ra nhất, hơn là việc gia nhập Bộ Tứ - QUAD, là Hàn Quốc có thể hợp tác với QUAD trong một số chủ đề có lợi ích chung. Hiện tại Tokyo vẫn phản đối Seoul tham gia QUAD, nhưng tân tổng thống Yoon không những tìm cách xích lại gần hơn với Mỹ mà còn cả với Nhật Bản. Tổng thống Hàn Quốc Yoon còn chỉ trích Trung Quốc mạnh hơn người tiền nhiệm. Do vậy, có thể có một sự xích lại gần nhau, và trong mọi trường hợp, đó không phải là một sự liên kết mà đúng hơn là một sự xích lại gần nhau giữa Hàn Quốc, Mỹ và Nhật Bản. »

Cơ sở nào để khẳng định Việt Nam ủng hộ AUKUS?

Đăng ngày: 02/12/2021 - 13:40

Capture à partir de : [RFI](#)

Sự hình thành liên minh tam cường AUKUS đã tạo nên những cơn sóng phản ứng khác nhau đến từ nhiều quốc gia, thậm chí là giữa các nước thành viên trong khối ASEAN. Nếu như Philippines và Singapore ủng hộ liên minh ba bên, thì Indonesia và Malaysia lại lên tiếng phản đối. Trong khi đó, mặc dù không tuyên bố chính thức, nhưng nhiều chuyên gia cho rằng, sự trung lập của Việt Nam có thể ngầm hiểu là một sự chấp nhận và ủng hộ AUKUS.



Ngoại trưởng Úc Maryse Payne (thứ 2, trái) trong chuyến thăm Hà Nội và gặp đồng nhiệm Việt Nam Bùi Thanh Sơn ngày 09/11/2021. © AP Photo/Hau Dinh

Để tìm hiểu rõ hơn lập trường từ Hà Nội, RFI Tiếng Việt phỏng vấn tiến sĩ Nguyễn Hồng Hải. Ông là nghiên cứu viên của Trung tâm Tương lai Chính sách, thuộc Khoa Nhân văn và Xã hội học, Trường Đại học Queensland, Úc Châu.

RFI Tiếng Việt : Cách đây không lâu, trong một bài viết được đăng tải, ông cho rằng, sự trung lập của Hà Nội có thể được hiểu là sự ủng hộ của Việt Nam đối với dự án hạm đội tàu ngầm năng lượng hạt nhân của Úc cùng liên minh AUKUS. Vậy, dựa trên cơ sở nào để khẳng định được điều này?

TS. Nguyễn Hồng Hải : Trước hết, tôi xin cập nhật thêm rằng, ngày 22/11 vừa qua, sau hơn 2 tháng hình thành AUKUS, bộ trưởng Quốc Phòng Úc Peter Dutton, đại biện lâm thời Mỹ Michael Goldman và cao ủy Anh Victoria Treadell đã thay mặt chính phủ ba nước chính thức ký thỏa thuận trao đổi thông tin nhạy cảm về hệ thống động cơ tàu ngầm hạt nhân, hiện thực hóa một bước thỏa thuận AUKUS. Theo tôi, có bốn cơ sở chính để nhận định sự ủng hộ “ngầm” của Hà Nội đối với liên minh AUKUS.

Thứ nhất, chính sách đối ngoại của Việt Nam là đặt lợi ích quốc gia dân tộc lên trên hết. Điều này có nghĩa là những gì không ảnh hưởng và xâm hại đến lợi ích quốc gia dân tộc của Việt Nam, thì Việt Nam sẽ không phản đối; và điều gì cần thiết để bảo vệ lợi ích quốc gia dân tộc thì Việt Nam cũng sẽ làm. Cũng có thể coi đây là chính sách ngoại giao thực dụng. Nhưng, thử hỏi trên thế giới này có nước nào mà không đặt lợi ích quốc gia dân tộc lên trên hết trong quan hệ quốc tế? Đây là bài học lịch sử, và cũng là điểm then chốt mà tôi muốn nhấn mạnh rằng từ nay trở đi mọi đánh giá về phản ứng hay ứng xử của Việt Nam đối với các vấn đề quốc tế cần phải nhìn qua lăng kính chính sách này của Việt Nam.

Thủ tướng Scott Morrison khi bảo vệ quyết định tham gia liên minh AUKUS và chấm dứt hợp đồng với phía Pháp đóng tàu ngầm chạy diesel thông thường để chuyển sang xây dựng lực lượng 8 tàu ngầm hạt nhân cũng nói đó là vì lợi ích quốc gia. Đã là lợi ích quốc gia thì không ai có thể phản bác. Việt Nam hiểu điều đó, vì thế, nếu có phản đối thì cũng không thay đổi được gì mà chỉ tổn hại tới quan hệ đang tốt đẹp giữa hai bên.

Thứ hai, môi trường an ninh truyền thống mà Việt Nam quan tâm nhất hiện nay chính là khu vực Biển Đông. Và, mối đe dọa trực tiếp nhất đối với an ninh và chủ quyền biển đảo của Việt Nam cũng đến từ và ở Biển Đông, mà ai cũng hiểu đó là Trung Quốc. Mặc dù, không ai có thể xem nhẹ ý chí bảo vệ chủ quyền của Việt Nam, nhưng nếu so sánh lực lượng thì quả là sự bất tương xứng quá lớn. Việt Nam sẽ khó có thể tự mình chống chọi với Trung Quốc nếu có xung đột xảy ra. Vì vậy, nếu có một lực lượng hỗ trợ Việt Nam thì tại sao Việt Nam lại phản đối? Lưu ý rằng, cả Việt Nam và Úc đều chia sẻ nhận thức chung về mối đe dọa an ninh từ Trung Quốc, chỉ có điều công khai thể hiện hay không.

Thứ ba là mối quan hệ mang tính chiến lược của Hà Nội với Canberra, Luân Đôn, và Washington. Hiện tại Việt Nam đang có

quan hệ đối tác chiến lược với Anh và Úc. Riêng với Mỹ, tuy mới chỉ là quan hệ đối tác toàn diện, nhưng thực chất đã mang tính chiến lược. Tạm thời gác khía cạnh kinh tế sang một bên, thì có thể thấy mối quan hệ đối tác chiến lược sâu sắc với ba nước AUKUS sẽ giúp Việt Nam nâng cao được năng lực quốc phòng. Và, sự can dự của các nước này vào khu vực Biển Đông cũng sẽ gián tiếp nâng cao sức mạnh của Việt Nam chống lại Trung Quốc.

Cuối cùng, đó là sự can dự của các nước lớn, nước có tiềm lực vào khu vực. Việt Nam chủ trương hoan nghênh sự can dự của các nước nhằm bảo đảm sự ổn định, an ninh ở khu vực nhất là Biển Đông. Điều này thể hiện rõ trong tuyên bố của phát ngôn viên bộ Ngoại Giao Việt Nam khi được hỏi về liên minh AUKUS và việc Úc phát triển tàu ngầm hạt nhân.

Ông đã cho rằng, lý do được coi là « *sự nhạy cảm* » mà Việt Nam không công khai ủng hộ AUKUS là vì tránh việc Bắc Kinh cho là Hà Nội đứng về phía các nước dân chủ phương Tây. Đây cũng là việc làm nhất quán của Hà Nội với đường lối đối ngoại thực dụng và chính sách « *bốn không* ». Vấn đề đặt ra, thực chất chính sách này có thật sự hiệu quả cho Việt Nam, nếu như các nước dân chủ phương Tây không can thiệp vào các vấn đề tại Biển Đông, Việt Nam sẽ ứng phó thế nào trước một Trung Quốc hung hăng xâm lấn?

TS. Nguyễn Hồng Hải : Sách trắng Quốc Phòng của Việt Nam 2019 cho thấy chính sách quốc phòng của Việt Nam đã chuyển từ « *ba không* » sang « *bốn không* », « *một tùy* » và « *đồng thời, tăng cường hợp tác quốc phòng với các nước để nâng cao khả năng bảo vệ đất nước và giải quyết các thách thức an ninh chung* », mà theo tôi tạm gọi là một « *không bổ sung* ». Nó có ý nghĩa cực kỳ quan trọng khi cho thấy chính sách quốc phòng của Việt Nam hiện nay là phù hợp và có hiệu quả ở mức độ nào đó. Nói cách khác, điều này khẳng định Việt Nam « *không* » hạn chế hợp tác quân sự với các nước, trong đó bao gồm cả

các nước thuộc Bộ Tứ (QUAD, gồm Úc, Nhật Bản, Ấn Độ và Mỹ) và AUKUS (Anh, Úc, và Mỹ).

Thông qua hợp tác « *không* » giới hạn với từng nước, Việt Nam đang có quan hệ chiến lược hoặc mang tính chiến lược với những nước trong các liên minh sẽ gián tiếp đưa Việt Nam trở thành một phần mà không cần phải trực tiếp tham gia các liên minh này. Như vậy, chính sách quốc phòng của Việt Nam là « 5 *không* » và « *một tùy* », trong đó tôi chia ra là « 4 *không ngoại giao* », « 1 *không thực chất* » và « 1 *tùy có điều kiện* ».

Ngoài ra, trong thời gian qua, Việt Nam đã không ngừng tăng cường và đi vào chiều sâu hợp tác quốc phòng với các nước. Ví dụ mới nhất là các thỏa thuận với Nhật Bản về việc sẽ xuất khẩu các thiết bị quân sự và vũ khí cho Việt Nam (2020), chủ yếu là trong lĩnh vực hải quân, và hai bên tăng cường hợp tác về an ninh mạng (2021).

Về giả định, « *nếu như các nước dân chủ phương Tây không can thiệp vào các vấn đề tại Biển Đông* », tôi cho rằng điều này chắc chắn sẽ không xảy ra. Sự trỗi dậy của Trung Quốc kèm theo đó là tham vọng và cách hành xử trong quan hệ quốc tế của họ đã thay đổi (nói theo cách các nước phương Tây nhìn nhận) đã khiến thế giới và các nước phương tây cũng thay đổi chính sách của họ với Trung Quốc. Sân chơi và sàn đấu mới trong thế kỷ 21 đã được xác lập – đó là khu vực Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương rộng lớn, trong đó khu vực Biển Đông là trung tâm. Nên cả thế giới, đặc biệt là Mỹ, Anh và Liên Hiệp Châu Âu (EU) với tư cách là một khối, hoặc từng nước riêng lẻ trong EU như Đức và Pháp, đang dồn mắt theo dõi và điều chỉnh chiến lược của họ vào khu vực này.

Vì thế, Trung Quốc sẽ không dễ dàng gì « *làm vương làm tướng* » và « *lộng hành* » ở khu vực này hay ở Biển Đông. Tuy nhiên, các nước phương Tây đừng vì lợi ích kinh tế của riêng họ mà hy sinh luật pháp quốc tế do chính họ xây dựng. Họ cần phải hiểu rằng lợi ích kinh tế chỉ là lợi ích nhỏ trước mắt và

ngắn hạn, còn mất quyền tự chủ và luật lệ đã được xác lập mới là điều tệ hại dài hạn. Các nước phương Tây và chúng ta đừng ai ảo tưởng rằng, khi chế độ của Trung Quốc chuyển đổi thì họ sẽ từ bỏ tham vọng xác lập chủ quyền.

Có thể nói, sự hiện diện của AUKUS có tác động tích cực đến Việt Nam và các nước trong khu vực khi liên minh này được ngầm hiểu là để chống lại sự thống trị hàng hải của Trung Quốc ở Ấn Độ - Thái Bình Dương. Vì vậy, đã có nhận định cho rằng, sự im lặng của Hà Nội không phải là một sự lựa chọn mang tính chiến lược. Từ góc nhìn cá nhân, ông nhìn nhận như thế nào ?

TS. Nguyễn Hồng Hải : Nói một cách thẳng thắn và có phần thông tục rằng bạn không nên quá tin vào bất kỳ điều gì trong ngôn ngữ ngoại giao. Những gì các nhà ngoại giao nói chưa hẳn đã đúng với hành động trên thực tế họ làm đằng sau đó và không nhất thiết cái gì cũng phải nói thẳng, nói thật. Hơn nữa, trong vấn đề AUKUS và việc Úc xây dựng lực lượng tàu ngầm hạt nhân, Hà Nội đâu có im lặng. Hà Nội đã thông qua người phát ngôn bộ Ngoại Giao bày tỏ quan điểm.

Ở đây, tôi đặt câu hỏi ngược lại một cách khách quan thẳng thắn thế này. Nếu Việt Nam lên tiếng phản đối, hoặc công khai ủng hộ, thì Việt Nam được lợi gì? Thứ nhất, tiếng nói phản đối có khiến AUKUS tan rã và Úc từ bỏ xây dựng lực lượng tàu ngầm hạt nhân khi mà điều này đã được khẳng định trong thỏa thuận AUKUS hay không? Hãy lấy trường hợp của Indonesia và Malaysia làm ví dụ. Ở đây, tôi lưu ý rằng ngôn ngữ của hai nước này chỉ dừng lại ở bày tỏ quan ngại, chứ không phải phản đối hay lên án. Không nên hiểu nhầm và suy diễn sai ngôn ngữ của họ.

Thứ hai, lên tiếng ủng hộ thì Việt Nam có được các nước AUKUS hoan nghênh và được chia sẻ hay hỗ trợ về công nghệ tàu ngầm hay không? Từ xưa đến nay, ít nhất là từ khi Việt Nam thực hiện chính sách đổi mới, triển khai chính sách đa dạng hóa và đa phương hóa quan hệ quốc tế, Hà Nội chưa bao giờ lên tiếng ủng hộ hay phản đối công khai một liên minh nào.

Hơn nữa, nếu bày tỏ ủng hộ cũng đồng nghĩa Hà Nội đã gián tiếp phá vỡ chính sách « *không liên minh* » của mình.

Thay vì nghĩ việc Hà Nội im lặng « *không phải là một sự lựa chọn mang tính chiến lược* » thì có thể cho rằng đó là lựa chọn mang tính chiến lược được không? Cách trả lời trung lập như vậy sẽ dễ dàng cho Hà Nội ứng xử với sự phát triển của AUKUS và việc Úc sở hữu lực lượng tàu ngầm hạt nhân, đồng thời để ngỏ cho khả năng hợp tác ứng phó với các thách thức trong tương lai nếu cần thiết – ý nghĩa của ‘1 không thực chất’ và ‘1 tùy có điều kiện’ ở trên là ở chỗ này.

Từ một góc nhìn khác, sự hình thành AUKUS và việc Trung Quốc quân sự hóa các đảo tranh chấp, khai thác tài nguyên hàng hải đã làm gia tăng căng thẳng khu vực và kìm hãm quyền tự do hàng hải có tầm quan trọng sống còn đối với thương mại toàn cầu. Vậy nên, việc hoàn thiện Bộ Quy tắc Ứng xử ở Biển Đông (COC) và Bản Tuyên bố Ứng xử của các bên ở Biển Đông (DOC) lại càng khẩn thiết hơn bao giờ hết. Xin ông cho biết tiến trình thực hiện DOC và đàm phán COC giữa khối ASEAN và Trung Quốc tính đến thời điểm hiện tại đã có những bước tiến nào đáng kể?

TS. Nguyễn Hồng Hải : Kể từ khi DOC ra đời năm 2002 cho đến nay, ở mức độ nào đó nó đã xác lập được khuôn khổ để các bên liên quan, trước hết là các bên có tranh chấp trên Biển Đông, ứng xử về tuyên bố chủ quyền của họ trên vùng biển này. Tuy nhiên, có thể nói DOC có ý nghĩa nhưng hiệu quả không đáng kể bởi vì DOC chỉ là một tuyên bố mang tính kêu gọi và khuyến nghị, chứ không mang tính ràng buộc. Chính vì thế, các bên trong ASEAN vẫn quyết tâm thúc đẩy đàm phán để đạt được một văn bản COC có tính ràng buộc và thực chất.

Tuy nhiên, cho đến nay vẫn chưa có tiến triển gì hơn. Sự trì hoãn này do nhiều yếu tố, trong đó một phần vì còn nhiều bất đồng về những quy định trong dự thảo COC, một phần vì tác động của đại dịch COVID-19 khiến các cuộc họp bị hoãn; và một phần nữa là do Trung Quốc cố tình trì hoãn trong khi tiếp tục có một loạt những hành động hung hăng và bắt nạt trên

Biển Đông. Những hành động của Trung Quốc đi ngược lại tinh thần của DOC.

Ngày 22/11/2021 vừa qua, tại Hội nghị Thượng đỉnh Đặc biệt kỷ niệm 30 năm quan hệ đối tác, ASEAN và Trung Quốc tiếp tục khẳng định cam kết thực hiện đầy đủ và hiệu quả DOC và sự cần thiết phải duy trì, tạo môi trường thuận lợi đàm phán về COC. Và, hy vọng sớm ký một COC thực chất và hiệu quả phù hợp với luật pháp quốc tế, trong đó có UNCLOS 1982 theo thời gian đã được hai bên nhất trí. Có thể thấy, tuyên bố này không có gì mới, và cũng vẫn chỉ là những lời cam kết trên giấy tờ, còn việc khi nào tiếp tục đàm phán để tiến tới ký kết COC là một tương lai bất định.

Tôi cho rằng rất khó để có thể nói về giá trị thực chất của COC, nếu không thỏa mãn hai điều kiện: đảm bảo giá trị thực thi UNCLOS 82 và lợi ích của các nước liên quan đến Biển Đông, bao gồm cả các nước bên ngoài hoặc không liên quan đến tranh chấp, phải được đảm bảo. Đây lại là hai điều cốt yếu mà Trung Quốc luôn không muốn.

Thực tế, Việt Nam cũng như các thành viên khác của ASEAN đang đối mặt với tình thế « tiến thoái lưỡng nan » trong việc thể hiện sự phản ứng của mình với AUKUS. Một mặt, Việt Nam cần một đồng minh để duy trì trật tự trong khu vực và các xung đột tại Biển Đông. Mặt khác, Hà Nội cần duy trì mối quan hệ với Bắc Kinh vì kinh tế. Tuy nhiên, chúng ta thử hình dung một giả định, vì một lý do hay một biến cố chính trị xã hội nào đó xảy ra, trong hoàn cảnh bắt buộc, Việt Nam sẽ phải chọn Trung Quốc hoặc Mỹ và các đồng minh dân chủ phương Tây. Theo ông, để đưa ra quyết định, Việt Nam phải dựa trên những yếu tố nào?

TS. Nguyễn Hồng Hải : Tôi vẫn khẳng định lại quan điểm của tôi từ đầu và nhất quán rằng Việt Nam đã gửi đi tín hiệu rõ quan điểm của mình mà tôi cho là ủng hộ AUKUS.

Còn về giả định, và câu hỏi liên quan, tôi hiểu là chị muốn nói đến biến cố chính trị trong nước dẫn đến việc Việt Nam phải

chọn phe. Câu hỏi này là rất khó với bất kỳ ai muốn trả lời. Việt Nam có mối liên hệ về lịch sử, văn hóa, kinh tế và tranh chấp lãnh thổ trên thực tế còn tồn tại với Trung Quốc trên Biển Đông – đó là sự thật; có một vị trí địa chính trị-chiến lược quan trọng ở khu vực Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương với những diễn biến đầy phức tạp trong quan hệ quốc tế; và ngày nay cũng là một phần của thế giới toàn cầu hóa và hội nhập. Vì thế, nếu có bị cuốn vào những diễn biến phức tạp ở khu vực này là điều khó tránh khỏi.

Lý tưởng nhất là không phải chọn phe, bởi dù ở phe nào cũng đều bất lợi cho Việt Nam, ảnh hưởng tới việc thực hiện mục tiêu phát triển một Việt Nam hùng cường như các nhà lãnh đạo Việt Nam hiện nay nói. Đó cũng là mong muốn và khát vọng chính đáng của người dân Việt Nam sau hàng thập kỷ chiến tranh. Song, theo tôi, điều quan trọng là dù bất kỳ trong hoàn cảnh nào, yếu tố quan trọng nhất để đưa ra một quyết định đối ngoại chính là lợi ích quốc gia-dân tộc, trong đó có chủ quyền lãnh thổ, là tối thượng.

Trong những năm vừa qua, quan hệ song phương Việt Nam và Úc có những điểm nổi bật nào ?

TS. Nguyễn Hồng Hải : Nhìn một cách tổng thể, quan hệ Việt Nam và Úc đã trải qua những thăng trầm, song đến thời điểm này tôi cho rằng quan hệ song phương đang ở thời điểm tốt đẹp nhất kể từ khi hai nước thiết lập quan hệ ngoại giao năm 1973. Hợp tác song phương toàn diện trên tất cả các mặt, từ kinh tế, thương mại và đầu tư đến an ninh và quốc phòng, giáo dục và đào tạo. Hàng năm, hai bên vẫn tiến hành trao đổi đoàn cấp cao và lãnh đạo cấp cao hai nước đều tranh thủ gặp gỡ, tiếp xúc trong dịp dự các diễn đàn đa phương. Sự tin cậy chính trị ngày càng tăng giữa đôi bên. Năm 2019, trong chuyến thăm chính thức Việt Nam, Thủ tướng Scott Morrison đã phát biểu, quan hệ Việt Nam và Úc là mối quan hệ tình bạn thân thiết (mateship).

Quan hệ thương mại hai chiều giữa Việt Nam và Úc thực sự là một điểm sáng trong quan hệ song phương, nhất là khi Úc đang tìm kiếm và đẩy mạnh đa dạng thị trường trong bối cảnh căng thẳng thương mại với Trung Quốc. Trong suốt 20 năm qua, tăng trưởng kim ngạch thương mại hai nước trung bình đạt gần 9%, là một trong những quan hệ thương mại phát triển nhanh nhất của Úc với các đối tác nước ngoài. Hai nước đang nỗ lực xây dựng và sớm ký Chiến lược Hợp tác Kinh tế Tăng cường, tạo động lực mới cho quan hệ đầu tư thương mại giữa hai bên, đặc biệt là giúp phục hồi kinh tế do tác động của COVID-19.

Trong thời gian đại dịch COVID-19 diễn ra, hai nước đã có những hỗ trợ cho nhau. Ngoài ra, từ đầu năm 2021 cho đến nay, dù đại dịch diễn biến phức tạp, song lãnh đạo và quan chức cấp cao hai nước vẫn duy trì tiếp xúc và trao đổi. Đáng lưu ý là cuộc điện đàm giữa Bộ trưởng Quốc phòng Việt Nam Phan Văn Giang và Bộ trưởng Quốc phòng Úc vào tháng 11/2021 vừa qua. Theo đó, ông Peter Dutton đã cảm ơn Việt Nam ủng hộ nâng cấp quan hệ ASEAN-Úc lên thành đối tác chiến lược toàn diện, cũng như tuyên bố của Chủ tịch ASEAN sau Hội nghị cấp cao ASEAN-Úc trong bối cảnh có tiếng nói quan ngại trong ASEAN về thỏa thuận AUKUS và kế hoạch Úc sở hữu tàu ngầm hạt nhân. Đồng thời, ông xác nhận Úc sẽ tiếp tục vận chuyển Bệnh viện dã chiến cấp 2 của Việt Nam tới Phái bộ Gìn giữ Hòa bình năm 2022 và các lực lượng những năm sắp tới nếu điều kiện cho phép. Hai bộ trưởng quốc phòng cũng đã mời nhau sang thăm chính thức mỗi nước.

Hiện tại, Việt Nam và Úc đang thảo luận để tiến tới nâng cấp quan hệ thành đối tác chiến lược toàn diện vào năm 2023 nhân kỷ niệm 50 năm thiết lập quan hệ ngoại giao như trước đó thủ tướng hai nước đã thống nhất.

RFI Tiếng Việt cảm ơn TS. Nguyễn Hồng Hải.

Quỹ đạo quan hệ Việt Nam với “Bộ tứ”

Thiều Quang

2020.12.29

Capture à partir de : [RFA](#)



Hình minh họa. Hình chụp hôm 21/11/2020: Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc và Cố vấn An ninh Quốc gia Hoa Kỳ Robert O'Brien tại Hà Nội. AFP

Cuộc điện đàm ngày 22/12/2020 giữa Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc với Tổng thống Donald Trump chủ yếu tập trung trao đổi về ‘thao túng tiền tệ’ để thanh minh việc điều hành chính sách tiền tệ của Hà Nội không nhằm tạo lợi thế cạnh tranh thương mại quốc tế. Cuộc điện đàm này là nỗ lực mới nhất từ cả hai phía, xuất phát từ ý đồ khác nhau của mỗi bên. Trước mắt, nhất trí giao cho các bộ và các ngành của Việt Nam lẫn Hoa Kỳ tiếp tục hợp tác để giải quyết khúc mắc.

Lo lắng trước thời kỳ chuyển giao

Việc Cơ quan đại diện thương mại Mỹ (USTR) tiến hành điều tra chính sách tiền tệ và nguyên liệu gỗ của Việt Nam theo điều khoản 301 của Luật thương mại năm 1974 của Mỹ đang làm cho Hà Nội lo lắng thực sự trước thời kỳ chuyển giao chính quyền ở Washington. Bộ Tài chính Mỹ gắn mác “thao túng tiền tệ” cho Việt Nam là có nhiều ẩn ý. Mặc dù một số chuyên gia

Mỹ cho rằng Việt Nam không thực sự “thao túng tiền tệ” nhưng chính quyền Mỹ vẫn đưa Việt Nam vào danh sách các quốc gia bị gắn mác này.

Quyết định trên của chính quyền Mỹ diễn ra sau chuyến thăm của Ngoại trưởng Mỹ và tiếp đó của Cố vấn An ninh Mỹ. Các nhà nghiên cứu quốc tế cho rằng, việc đưa Việt Nam vào danh sách bị gắn mác “thao túng tiền tệ” là một quyết định chính trị của chính quyền Trump vào thời điểm nhiệm kỳ sắp chấm dứt.

Cùng vào thời điểm nói trên, tướng 3 sao Nguyễn Chí Vịnh lại cố tình loại Hoa Kỳ ra khỏi tầm ưu tiên chiến lược trong quan hệ giữa Việt Nam với các nước. Nhân ngày thành lập quân đội 22/12, ông Vịnh tuyên bố công khai: *“Trong hoạt động đối ngoại, đầu tiên chúng ta quan tâm đến quan hệ với các nước láng giềng Lào, Campuchia và Trung Quốc...”*

Trong khi tướng Vịnh dùng xảo ngôn để uốn lượn các mối bang giao với Trung Cộng và với hai lân bang Lào và CPC bắt đầu bước trên con đường “thoát Việt” dưới sự dẫn dắt của Bắc Kinh, thì mùa hè năm nay, Trung Quốc đã liên tục bắn tin về 5 cuộc tập trận tiếp nối trên Biển Đông. Tuy những tin tức này khó kiểm chứng, vì nó phát đi từ Bắc Kinh, nhưng rõ ràng Việt Nam buộc phải bày tỏ quan ngại về điều mà ngôn ngữ ngoại giao nói là “sự xâm phạm nghiêm trọng quyền chủ quyền và quyền tài phán của Việt Nam”.

Đây là một thực tế đe dọa trực tiếp tới môi trường an ninh của Việt Nam và khu vực trong thời gian qua nhưng đã bị tướng Vịnh phớt lờ. Với các dự báo về khả năng Trung Quốc sẽ tiếp tục các hoạt động leo thang quân sự trên Biển Đông, đáng ra Việt Nam phải có sự đột phá về chính sách cả trong quan hệ với Mỹ lẫn Trung Quốc thay vì “đi hàng hai” như tướng Vịnh vừa trình diễn.

Quan hệ Mỹ – Trung tới đây có khả năng ít đối đầu hơn nếu Biden nắm quyền, so với thời Trump. Việt Nam sẽ thấy rằng áp

lực từ Hoa Kỳ trong việc “đứng về bên nào” sẽ giảm xuống dưới chính quyền mới. Tuy nhiên, áp lực từ Bắc Kinh thì nguyên vẹn, nếu như không nói sẽ còn gia tăng. Căng thẳng vẫn sẽ tiếp tục giữa Bắc Kinh và Washington, trong khi Trung Quốc luôn có hàm ý ngăn Việt Nam tiệm tiến gần hơn với quỹ đạo của “Bộ tứ” (Mỹ – Ấn – Úc – Nhật).

Chính quyền trong thời kỳ chuyển giao ở Mỹ vẫn đánh giá Việt Nam là “đối tác có chất lượng chiến lược”. Điều này thật ra là sự hỗ trợ công khai từ Hoa Kỳ đối với vai trò lãnh đạo của Việt Nam trong ASEAN. Giới hoạch định chính sách ở Washington vẫn luôn khẳng định, một Việt Nam mạnh, độc lập, thịnh vượng có vai trò ngày càng quan trọng tại khu vực là mong muốn của người dân Việt Nam và cũng phù hợp với lợi ích của Mỹ.

Quan hệ Việt – Ấn, Việt – Úc

Có thể Hà Nội tiếp tục cảm nhận ngày càng rõ hơn sức ép của Bắc Kinh từ những thao túng lên kinh tế và chính trường trong nước. Việt Nam cũng hiểu rằng, chính Trung Quốc là vật cản trong sự phát triển của mối quan hệ Việt – Mỹ thời gian gần đây. Bắc Kinh còn tăng cường đe dọa để khống chế, hòng làm cho Việt Nam phải khuất phục trước tham vọng “độc chiếm Biển Đông”. Buộc phải “đi hàng hai” nhưng trước các hiểm nguy thường trực ấy, Việt Nam gần đây đẩy mạnh hơn quỹ đạo quan hệ với các thành viên khác trong “Bộ tứ”.

Ngày 21/12/2020, Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc và Thủ tướng Narendra Modi đã đồng chủ trì hội đàm cấp cao trực tuyến Việt Nam – Ấn Độ. Tại hội đàm, Hai nhà lãnh đạo nhấn mạnh hợp tác quốc phòng và an ninh là một trụ cột trong quan hệ song phương; nhất trí tiếp tục thúc đẩy, phát huy các cơ chế tham vấn, đối thoại, mở rộng hợp tác công nghiệp quốc phòng, huấn luyện và phối hợp trong các hoạt động gìn giữ hòa bình Liên Hiệp Quốc, đẩy mạnh hợp tác ứng phó các thách thức an ninh truyền thống và phi truyền thống.

Kết thúc hội đàm, hai Thủ tướng đã thông qua “Tuyên bố tầm nhìn chung Việt Nam – Ấn Độ về hòa bình, thịnh vượng và người dân” để định hướng phát triển quan hệ “Đối tác Chiến lược Toàn diện” (CSP) giữa hai nước trong những năm tới. Theo đó, hai Thủ tướng khẳng định lại tầm quan trọng của việc duy trì hòa bình, ổn định, an ninh và tự do hàng hải, hàng không tại biển Đông, giải quyết hòa bình các tranh chấp theo luật pháp quốc tế.

Tầm nhìn chung nói trên chính là Ấn Độ muốn hàm ý “Chiến lược FOIP” (một Indo-Pacific tự do và rộng mở), nhưng phiên bản của Ấn Độ là “Sáng kiến IPOI” (Indo Pacific Oceans Initiative/ Sáng kiến hai không gian biển: Ấn độ dương và Thái bình dương). Trên cơ sở đó cũng tạo nên được một “Tầm nhìn ASEAN” về Quan niệm mới đối với địa-chính trị khu vực (*the ASEAN Outlook on Indo-Pacific/ AOIP – Outlook towards the new geopolitical concept*).

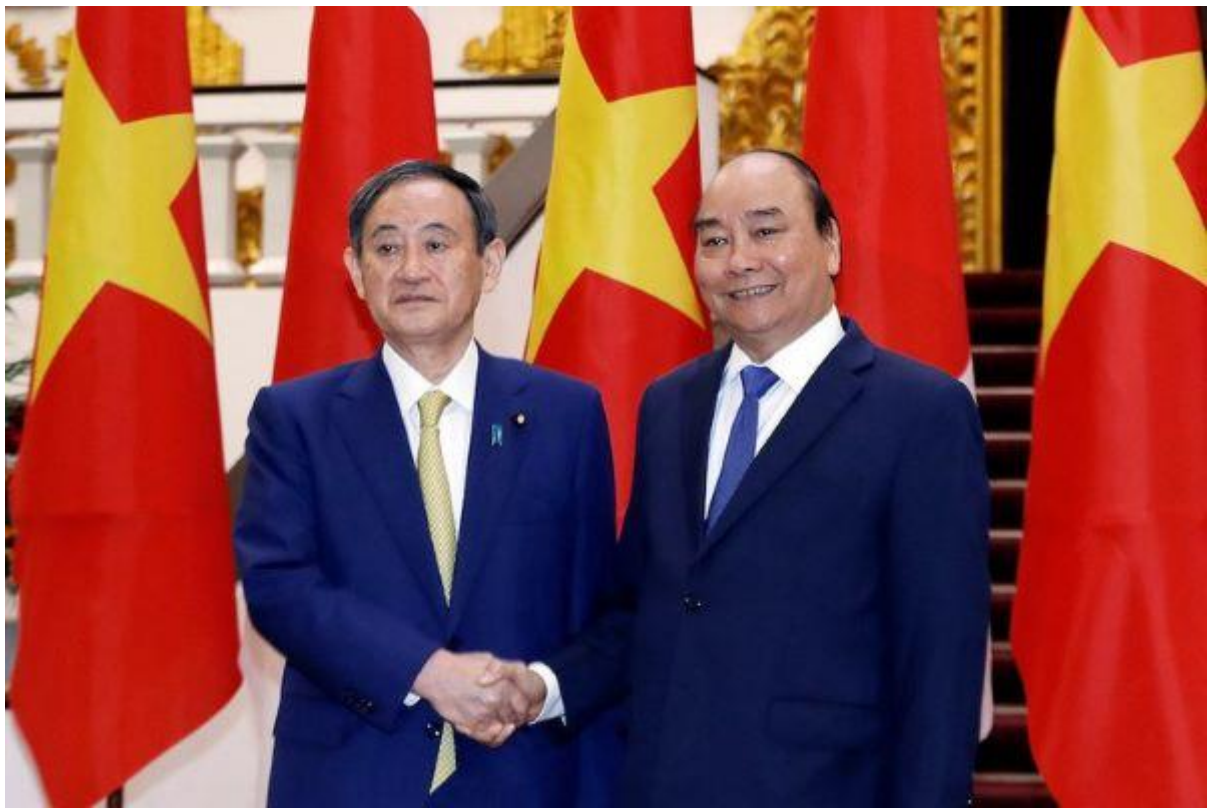
Truyền thông trong nước đã lược bỏ thành tố quan trọng nhất mà báo “Hindustan Times” (Dec, 21) nhấn mạnh khi Thủ tướng Modi tuyên bố *Việt Nam là một trụ cột trong chính sách Hướng Đông của Ấn và cũng là đồng minh quan trọng trong “Tầm nhìn Indo-Pacific của chúng ta” (Vietnam as an important ally of our Indo-Pacific vision)*. Sự cắt bỏ này thì không còn là “đi hàng hai” nữa, đó là sự khiếp nhược trước các đe dọa liên tục của Trung Quốc.

Trước đó không lâu, với Australia, ngày 5/11/2020, Ngoại trưởng Phạm Bình Minh, cùng Ngoại trưởng Marise Payne đã đồng chủ trì Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao thường niên Việt Nam – Australia lần thứ hai theo hình thức trực tuyến. Chính phủ Australia tiếp tục đặt ưu tiên cao với Việt Nam trong chính sách đối ngoại, coi Việt Nam là một trong những đối tác chủ chốt ở khu vực Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương (FOIP) và hai nước đều chấp thuận sớm nâng cấp quan hệ lên “Đối tác Chiến lược Toàn diện” (CSP).

Kết thúc hội đàm, hai bên đã ký “Chương trình hành động triển khai quan hệ Đối tác Chiến lược Việt Nam – Australia giai đoạn 2020-2023”. Chương trình tập trung vào 3 trụ cột là tăng cường gắn kết kinh tế; làm sâu sắc hơn hợp tác chiến lược, quốc phòng và an ninh; xây dựng quan hệ đối tác tri thức và đổi mới; giúp quan hệ Đối tác Chiến lược giữa hai nước phát triển mạnh mẽ, ngày càng sâu rộng. Ngoại trưởng Marise Payne khẳng định, Australia tiếp tục đặt ưu tiên cao với Việt Nam trong chính sách đối ngoại, coi Việt Nam là một trong những đối tác chủ chốt ở khu vực Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương và mong muốn hai nước sớm nâng cấp quan hệ lên cấp độ CSP.

Nhật Bản – “Đối tác Chiến lược Toàn diện”

Nhật Bản – “Đối tác Chiến lược Toàn diện” (CSP) của Việt Nam – cần dẫn dắt Đông Nam Á trong sáng kiến “Indo-Pacific tự do và rộng mở” (FOIP) là mong muốn chung của nhiều nước trong khu vực trước những bất định từ dịch bệnh đến an ninh biển đảo. Động thái mới nhất của Thủ tướng Suga trong chuyến thăm Việt Nam (18 – 20/10/2020) nên được hiểu là hình thức làm phong phú thêm FOIP bằng cách khiến tầm nhìn ấy không chỉ áp dụng cho Việt Nam thông qua CSP, mà còn có thể áp dụng cho các nước thành viên ASEAN khác.



Thủ tướng Nhật Yoshihide Suga và Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc ở Hà Nội hôm 19/10/2020. AFP

Theo RFA ngày 10/12/2020, qua các chuyến thăm cấp nhà nước tới Việt Nam và Indonesia, tân Thủ tướng Nhật Bản đã thể hiện sự nắm bắt tuyệt vời tình hình khu vực ASEAN. Việc Việt Nam được chọn làm điểm đến đầu tiên cho chuyến thăm, Tokyo đánh giá vị thế quan trọng của Hà Nội trong tranh chấp Biển Đông với Trung Quốc, cũng như vai trò chủ tịch của Việt Nam trong việc thúc đẩy lập trường thống nhất của ASEAN về vấn đề an ninh cụ thể này.

Trong bài phát biểu tại Đại học Việt-Nhật (Hà Nội), tân Thủ tướng Suga bày tỏ sự ủng hộ của Nhật Bản đối với AOIP, dù điều này dựa trên vai trò trung tâm của ASEAN là chính và do đó, tương đối khác với FOIP. Đầu tiên, ông Suga nhấn mạnh các nguyên tắc chung giữa FOIP và AOIP (*the ASEAN Outlook on Indo-Pacific*). Đó là các chính phủ phải tôn trọng pháp quyền, cởi mở, tự do, minh bạch và hòa nhập, đồng thời phải góp tay xây dựng một tương lai hòa bình và thịnh vượng với các nước ASEAN phù hợp với các giá trị cơ bản.

Thời gian tới, Nhật Bản được kỳ vọng sẽ thúc đẩy hơn nữa tầm nhìn FOIP ở các nước thành viên ASEAN khác. Với 2 trụ cột là

tính tương thích và lợi ích, FOIP của Nhật Bản đang phát triển thành một nỗ lực bổ sung cho toàn bộ chương trình nghị sự AOIP.

Điều nói trên không chỉ mang lại lợi ích kinh tế và an ninh của ASEAN thông qua quan hệ hợp tác cởi mở với tất cả các cường quốc, mà còn giúp làm phong phú thêm tầm nhìn FOIP, trong đó các diễn ngôn và cách tiếp cận của Mỹ không có sức thuyết phục đối với các nước Đông Nam Á. Liên quan đến vấn đề này, Nhật Bản đang cho các nước thành viên khác của “Bộ tứ” thấy rằng họ hoàn toàn có khả năng dẫn dắt FOIP trong khu vực ASEAN.

*

Trong khi môi trường quốc tế năm tới vẫn còn nhiều bất định, việc Việt Nam từng nâng cấp và hiện đang đẩy mạnh các mối quan hệ với Ấn Độ, Australia và Nhật Bản trên tầm CSP cho thấy Việt Nam cố gắng bứt phá theo chiều hướng quỹ đạo của “Bộ tứ”. Đây không phải là vấn đề chọn phe, chọn bên, mà là chọn xu thế. Tuy nhiên, do hoàn cảnh đặc thù từ phía Mỹ lẫn phía Việt Nam, quá trình triển khai này chưa được “tối ưu hoá” trong bang giao với Hoa Kỳ.

Buộc “phải đi hàng hai”, nhưng rõ ràng Việt Nam ngầm đồng ý với các chiến dịch FONOP của Mỹ, mà mục đích là để cảnh báo Trung Quốc tránh đưa ra các hành động khiêu khích quá đáng nhằm vào giai đoạn chuyển giao chính trị hiện nay. “Tình trong như đã mặt ngoài còn e”. Tới đây, nếu Bắc Kinh tiếp tục bắt nạt Hà Nội, dưới sức ép của dư luận bên trong Việt Nam, liệu dàn lãnh đạo sau Đại hội 13 có thoát khỏi “hiệu ứng bóng đèn” của Tàu hay không, cho đến giờ này vẫn chưa có câu trả lời nào chắc chắn cả./.

RCEP – Khu vực mậu dịch tự do lớn nhất thế giới đã ra đời

Thiều Quang

2020.11.16

Capture à partir de :[RFA](#)



Hình minh hoạ. Lãnh đạo các nước ASEAN trên màn hình tại Thượng đỉnh RCEP lần thứ 4 ở Hà Nội hôm 15/11/2020. Reuters

Xuất xứ và mục tiêu

Ngày 15/11/2020, Cấp cao ASEAN lần thứ 37 qua truyền hình trực tuyến, đã kết thúc tại Hà Nội, với sự kiện 15 nước châu Á – Thái Bình Dương vừa ký kết hiệp định đối tác thương mại gọi tắt là RCEP – Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực. Đây là vùng thương mại tự do giữa 10 nước Đông Nam Á, cùng với Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc từ phía Bắc kéo xuống tận Nam Thái Bình Dương với Úc và New Zealand, đã được hình thành.

Cho đến nay có thể nói rằng, RCEP là sáng kiến của ASEAN, do chính ASEAN dẫn dắt. Bởi vì Hiệp định này được xây dựng trên nền tảng của 6 Hiệp định thương mại tự do (FTA) “ASEAN+1” và đảm bảo được vị trí của ASEAN là trung tâm của các thể chế kinh tế khu vực. Tuy nhiên, động lực đằng sau Hiệp định này của mỗi khối cũng có những khác biệt.

Mục tiêu của RCEP là “hoà đồng bộ” mạng lưới các hiệp định FTA “ASEAN+1” hiện có để trở thành một hiệp định thống nhất, tạo ra một bộ quy tắc thương mại thống nhất và duy nhất cho

khu vực châu Á – Thái Bình Dương. RCEP cũng bao gồm các điều khoản quản lý đối với nhiều vấn đề thương mại của thế kỷ 21, bao gồm dịch vụ, đầu tư, thương mại điện tử, viễn thông và sở hữu trí tuệ.

Theo ý kiến của giới chuyên gia, Trung Quốc – Nhật Bản – Hàn Quốc đều là các nước Đông Á đã tham gia nhiều Hội nghị “ASEAN+1” nhưng mỗi nước chống lưng cho RCEP với các động cơ khác nhau. Hàn Quốc và đặc biệt là Nhật Bản đều muốn chiếm lĩnh thị trường Đông Nam Á với hơn 650 triệu dân, lớn gấp rưỡi khối EU, tương đương châu Mỹ Latinh và lớn gấp 3 lần thị trường Mỹ.

Trung Quốc thì muốn dùng RCEP để ngăn chặn sự kiểm chế của Mỹ. RCEP còn phục vụ cho tham vọng địa-chính trị của Bắc Kinh trong khu vực, qua một chiến lược phát huy ảnh hưởng bao quát hơn, dưới tên gọi thuở ban đầu “Một vành đai, một con đường” (OBOR). Đây còn là cơ hội để tạo thêm khả năng phá thế kiểm tỏa của Mỹ ở châu Á – Thái Bình Dương và tiếp tục hiện thực hoá “Sáng kiến Vành đai – Con đường” (BRI), một phiên bản sau này của OBOR.

Các nước khác trong khu vực kỳ vọng vào RCEP để tăng cường phát triển kinh tế nhờ vào quy định giảm hàng rào thuế quan, hài hòa thủ tục xuất nhập khẩu, tạo điều kiện sinh hoạt dễ dàng hơn cho xí nghiệp. Hiệp định có những quy định bảo vệ sở hữu trí tuệ, nhưng lại thiếu hai lĩnh vực thiết yếu khác là “tôn trọng môi trường và quyền lợi người lao động”.

Đối mặt với chủ nghĩa đơn phương dưới thời Donald Trump, khi mà chính sách bảo hộ mậu dịch gia tăng, các hàng rào thuế quan liên tiếp được Mỹ dựng lên để “tự vệ” trong hoàn cảnh sản xuất nội địa của Mỹ suy giảm. Từ đó, dẫn đến phản ứng thái quá bằng cuộc thương chiến Mỹ – Trung. Cuộc thương chiến này đã đặt các nước ASEAN vào một hoàn cảnh cọ xát gay gắt, rất khác xa so với năm 2012, buộc các nước phải kết thúc đàm phán RCEP.

Hơn nữa, đại dịch COVID-19 bùng phát toàn cầu năm 2020 làm cho Trung Quốc và Mỹ không thể tiếp tục triệt hại lẫn nhau. Hai cường quốc này buộc phải quay về giải quyết vấn đề sinh mạng của người dân mình, nhưng theo hai hướng khác nhau. Trong bối cảnh ấy, Mỹ thúc đẩy chiến lược “Ấn Thái Dương tự do và rộng mở” (FOIP) mà thực chất là chuyển trọng tâm chiến lược sang đại khu vực Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương để đối phó với “Sáng kiến Vành đai – Con đường” (BRI) của Trung Quốc đang trên đà đẩy Mỹ ra khỏi châu Á.

Mỹ lùi, Trung Quốc tiến?

Thế giới đang chờ đợi phản ứng của Mỹ trước sự ra đời của RCEP. Liệu tân Tổng thống Biden có quyết định đưa Mỹ trở lại Hiệp định CPTPP hay đề xuất một liên minh kinh tế khác để thay thế? Liệu chính quyền mới sẽ công bố một chiến lược cập nhật, cứng rắn hơn chính sách “xoay trục” hay “tái cân bằng” thời Obama? Có thể hình dung Mỹ sẽ củng cố các mối liên hệ xuyên Đại Tây Dương, đồng thời gắn bó hơn với các đối tác Á châu trong mọi lĩnh vực?



Hình minh họa. Bộ trưởng Thương mại Trung Quốc Zhong Shan (phải) ký hiệp định cạnh Thủ tướng TQ Lý Khắc Cường tại lễ ký trực tuyến nhân Thượng đỉnh ASEAN 37 ở Hà Nội hôm 15/11/2020 Reuters

Sự kiện 15 nước châu Á – Thái Bình Dương hợp nhất ký kết RCEP là một biểu hiện của thái độ không ủng hộ chủ trương “tách rời” (decoupling) kinh tế và công nghệ ra khỏi Trung Quốc do Tổng thống Donald Trump quảng bá trước đây. Hơn nữa, cuộc thương chiến Mỹ – Trung đã đặt các nước ASEAN vào một hoàn cảnh mới và tạo thêm động lực thúc đẩy khối này đi đầu thành lập RCEP. Hiệp định này được xem là một cố gắng chung của các nước chống lại chính sách bảo hộ thương mại của Trump.

Trước đây cũng có ý kiến cho rằng, RCEP thật ra là do Trung Quốc đề xuất vào hồi 2012 để đáp trả lại sáng kiến thành lập Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) của Washington đã bị Donald Trump sau này bỏ rơi. RCEP của Trung Quốc bao trùm một vùng năng động liên quan đến 3,5 tỷ người, chiếm khoảng 40 % tổng thương mại thế giới. Trong khi TPP được coi là một hiệp định thương mại thế hệ mới thì RCEP chỉ mang tính chất của một hiệp định thương mại truyền thống không có thêm điểm gì nổi trội.

Đáng chú ý là ngày đầu Ấn Độ cũng có mặt trong RCEP. Nhưng vì Ấn đã tham gia “Bộ tứ Kim cương” (QUAD) nên quốc gia này về sau đã tính toán lại một đối sách khác. Lo ngại hàng Trung Quốc giá rẻ sẽ tràn ngập thị trường, Ấn Độ không tham gia vào RCEP. Rồi đây không loại trừ sẽ có một Hiệp ước Tự do Thương mại riêng rẽ giữa Ấn Độ với ASEAN để tránh đụng chạm với đối thủ Trung Quốc.

Liệu RCEP tạo nên một sự cân bằng mới trong khu vực, tránh cho ASEAN khỏi bị lôi vào vòng xoáy cạnh tranh địa chính trị giữa “chiến lược Ấn Thái Dương” (FOIP) của Mỹ và “sáng kiến Vành đai Con đường” (BRI) của Trung Quốc? Giới phân tích đặt câu hỏi, liệu đây là thời điểm thích hợp để Trung Quốc suy nghĩ lại chính sách “Ngoại giao chiến lang”, quay về thực tiễn

đổi thoại và hợp tác, thay vì thường xuyên răn đe bằng “cơ bắp” trên Biển Đông?

Theo một số chuyên gia, RCEP có một nghĩa đặc biệt quan trọng không kém các hiệp định kinh tế giữa các nước Tây Âu trước đây nửa thế kỷ để tạo nên một Liên minh EU ngày nay. Tuy nhiên, không giống với Tây Âu, EU liên kết nội khối trước rồi mới đặt quan hệ đối ngoại sau. ASEAN không làm như vậy, mà tạo ra thế gắn kết trong sự cởi mở và ngược lại, cũng tạo được sự cởi mở trong quá trình gắn kết.

Một đặc điểm khác biệt nữa là các nước ASEAN không có tư duy khép kín như EU hay độc tôn như Mỹ hoặc Trung Quốc, mà ngược lại là tư duy làm bạn với tất cả các nước do Việt Nam dẫn dắt. Chính vì vậy RCEP là một hiệp ước mở. Nó khuyến khích các quốc gia ngoài khu vực tham gia với tư cách là quan sát viên hoặc cao hơn là thành viên hạn chế trước khi muốn trở thành thành viên đầy đủ của hiệp ước.

Với Việt Nam, sau khi thực thi Hiệp định CPTPP và ký kết Hiệp định Thương mại Tự do với Liên minh châu Âu (EVFTA) vào tháng 6/2019, RCEP ra đời từ nay sẽ mở thêm cơ hội cho doanh nghiệp Việt Nam đẩy mạnh xuất khẩu, tham gia vào các chuỗi giá trị mới trong khu vực và tăng cường thu hút đầu tư nước ngoài. RCEP được ký kết và có hiệu lực sẽ giúp mở cửa để nhập khẩu hàng hóa rẻ hơn, đặc biệt là các nguyên vật liệu đầu vào phục vụ sản xuất./.

Nguyên nhân nào gây ra cuộc chiến Ukraine?

Capture à partir de : [kimthemdo](https://www.kimthemdo.com)

Project-Syndicate

[Joseph S. Nye, Jr.](#)

Đỗ Kim Thêm dịch



Chris McGrath/Getty Images

Giữa những cuộc tranh luận sôi nổi về các yếu tố khiến Nga xâm lăng Ukraine vào ngày 24 tháng 2 năm 2022, nó giúp phân biệt giữa các nguyên nhân sâu xa, trung gian và trực tiếp. Nhưng trong khi mỗi nguyên nhân có thể gây ra vấn đề theo những cách riêng của nó, chiến tranh không cần phải được coi là không thể tránh được ngay cả khi tất cả các nguyên nhân đều hiện diện.

Cuộc chiến của Nga ở Ukraine là sự xung đột gây rối loạn nhất mà châu Âu đã chứng kiến kể từ năm 1945. Trong khi nhiều người ở phương Tây thấy một cuộc chiến là do Tổng thống Nga Vladimir Putin lựa chọn, ông nói rằng quyết định của khối NATO vào năm 2008 để ủng hộ tư cách thành viên của Ukraine cuối cùng đã mang lại một mối đe dọa sinh tồn đối với các biên giới của Nga, và những người khác vẫn theo dõi cuộc xung đột trở lại kể từ lúc kết thúc Chiến tranh Lạnh và sự thất bại của phương Tây trong việc hỗ trợ cho Nga một cách phù hợp sau khi Liên Xô sụp đổ. Làm thế nào chúng ta có thể phân biệt được các nguồn gốc của một cuộc chiến mà nó có thể kéo dài trong nhiều năm?

Đệ nhất Thế chiến đã xảy ra hơn một thế kỷ, nhưng các nhà sử học vẫn viết các cuốn sách tranh luận về nguyên nhân gây chiến. Cuộc chiến khởi đầu do một kẻ khủng bố người Serbia đã ám sát Công tước người Áo vào năm 1914, hay nguyên

nhân có liên quan nhiều hơn đến sức mạnh của nước Đức trở dậy đang thách thức nước Anh, hay tinh thần dân tộc đang dâng trào trên khắp châu Âu? Câu trả lời là „tất cả những điều trên, cộng với nhiều hơn nữa.“ Nhưng chiến tranh không phải là không thể tránh khỏi cho đến khi nó thực sự bùng nổ vào tháng Tám năm 1914 và thậm chí sau đó, chiến tranh không thể tránh khỏi việc bốn năm tàn sát theo sau.

Để phân loại mọi thứ, nó giúp phân biệt giữa nguyên nhân sâu xa, trung gian và cấp thời. Hãy nghĩ về việc xây một đồng lửa: chất đồng các khúc gỗ là một nguyên nhân sâu xa; thêm mỗi nhủ và giấy là một nguyên nhân trung gian; và nỏ lửa là một nguyên nhân thúc đẩy. Nhưng ngay cả khi đó, một đồng lửa là không thể tránh khỏi. Một cơn gió mạnh có thể dập tắt ngọn lửa, hoặc một cơn mưa bất chợt có thể đã làm ướt gỗ. Trong cuốn sách về nguồn gốc của Đệ nhất Thế chiến Những kẻ mộng du (*The Sleepwalkers*), nhà sử học Christopher Clark đã ghi nhận là vào năm 1914, „*tương lai vẫn còn rộng mở – đơn giản.*“ Lựa chọn chính sách kém cỏi là nguyên nhân quan trọng của thảm họa.

Tại Ukraine, không có nghi ngờ gì về việc Putin đã nỏ lửa khi ra lệnh cho quân đội Nga xâm lược vào ngày 24 tháng Hai. Giống như các nhà lãnh đạo của các cường quốc trong năm 1914, có lẽ Putin tin rằng, đó sẽ là một cuộc chiến ngắn, sắc bén với một chiến thắng nhanh chóng, nó có phần giống như việc Liên Xô chiếm giữ Budapest năm 1956 hoặc Prague năm 1968. Các không lực sẽ chiếm sân bay và các xe tăng tiến công sẽ chiếm giữ Kyiv, loại bỏ Tổng thống Ukraine Volodymyr Zelensky và thiết lập một chính phủ bù nhìn.

Putin nói với người dân Nga rằng, ông đang tiến hành một „chiến dịch quân sự đặc biệt“ để làm cho Ukraine không còn bị Nazi hoá và ngăn ngừa khối NATO mở rộng sang các biên giới của Nga. Nhưng đứng trước việc Putin đã tính toán sai lạc một cách nghiêm trọng, chúng ta phải hỏi Putin thực sự đang nghĩ

gì. Chúng ta biết từ các tác phẩm của chính Putin, và từ nhiều nhà viết tiểu sử khác nhau như Philip Short, họ nói rằng nguyên nhân trung gian là Putin từ chối coi Ukraine là một quốc gia chính danh hợp pháp.

Putin than phiền về sự tan rã của Liên Xô, nơi ông từng phục vụ như là sĩ quan KGB, và do mối quan hệ văn hóa chặt chẽ của Ukraine và Nga, Putin coi Ukraine là một quốc gia giả mạo. Hơn nữa, Ukraine đã vô ơn, xúc phạm Nga bằng cuộc nổi dậy Maidan năm 2014, loại bỏ một chính phủ thân Nga và tăng cường thêm các mối quan hệ mật dịch với Liên minh châu Âu.

Putin muốn khôi phục lại cái mà ông gọi là “thế giới Nga”, và khi đã bước sang tuổi 70, Putin đã suy nghĩ về di sản của mình. Các nhà lãnh đạo trước đó, như Đại đế Peter đã mở rộng quyền lực Nga trong thời đại của mình. Đứng trước việc yếu kém trong các biện pháp trừng phạt của phương Tây sau khi Nga xâm lược Ukraine và sáp nhập bán đảo Crimea vào năm 2014, Putin dường như đã tự hỏi mình: Tại sao không đi xa hơn?

Triển vọng mở rộng khối NATO là một nguyên nhân trung gian ít hơn. Trong khi phương Tây đã thành lập một Hội đồng NATO – Nga, thông qua đó các sĩ quan quân đội Nga có thể tham dự một số cuộc họp của khối NATO, Nga mong đợi nhiều hơn từ mối quan hệ này. Và trong khi Ngoại trưởng Hoa Kỳ James Baker đã nói với người đồng cấp Nga của mình vào đầu những năm 1990 rằng khối NATO sẽ không mở rộng, các nhà sử học như Mary Sarotte đã chỉ ra rằng, Baker đã nhanh chóng đảo ngược sự đảm bảo bằng lời nói của mình, vốn chưa bao giờ có một văn bản thỏa thuận cho việc này.

Khi Tổng thống Mỹ Bill Clinton thảo luận vấn đề này với Tổng thống Nga Boris Yeltsin vào những năm 1990, đã có sự chấp nhận miễn cưỡng của Nga đối với một số việc mở rộng của khối NATO, nhưng các kỳ vọng của cả hai bên đều khác nhau. Quyết định của khối NATO tại Hội nghị Thượng đỉnh ở

Bucharest năm 2008 bao gồm Ukraine (và Georgia) là những thành viên tiềm năng trong tương lai chỉ đơn giản là xác nhận những kỳ vọng tồi tệ nhất của Putin về phương Tây.

Trong khi quyết định của khối NATO vào năm 2008 có thể đã sai lầm, tuy nhiên, sự thay đổi thái độ của Putin đã có trước đó. Ông đã giúp Hoa Kỳ sau vụ tấn công ngày 11 tháng 9 năm 2001, nhưng bài phát biểu tại Hội nghị An ninh Munich năm 2007 của ông cho thấy rằng, ông đã tỏ ra chua chát với phương Tây trước Hội nghị Thượng đỉnh Bucharest. Do đó, khả năng mở rộng của khối NATO chỉ là một trong một số nguyên nhân trung gian – một nguyên nhân trở nên ít nổi bật hơn ngay sau Hội nghị Thượng đỉnh Bucharest của Pháp và Đức thông báo rằng họ sẽ phủ quyết tư cách thành viên trong khối NATO của Ukraine.

Đằng sau tất cả những điều này là những nguyên nhân xa xôi hoặc sâu rộng sau khi Chiến tranh Lạnh kết thúc. Ban đầu, ở cả Nga và phương Tây có rất nhiều vẻ tinh thần lạc quan rằng sự sụp đổ của Liên Xô sẽ cho phép nền dân chủ và kinh tế thị trường Nga trỗi dậy. Trong những năm đầu, Clinton và Yeltsin đã nỗ lực nghiêm túc để phát triển mối quan hệ tốt đẹp. Nhưng trong khi Mỹ cung cấp các khoản vay và hỗ trợ kinh tế cho chính phủ của Thủ tướng Nga Yegor Gaidar, nhiều người Nga mong đợi nhiều hơn nữa.

Hơn nữa, sau bảy thập kỷ theo kế hoạch tập trung, một sự chuyển đổi đột ngột thành một nền kinh tế thị trường hưng thịnh là chuyện không thể. Những nỗ lực để buộc thông qua những thay đổi nhanh chóng như vậy không thể không tạo ra sự gián đoạn to lớn, tham nhũng và tình trạng bất bình đẳng cùng cực. Trong khi một số nhà tài phiệt và chính trị gia trở nên cực kỳ giàu có từ việc tư nhân hóa nhanh chóng các tài sản thuộc sở hữu nhà nước, hầu hết mức sống của người Nga đã suy giảm.

Tại Davos vào tháng 2 năm 1997, Thống đốc Nizhny Novgorod, Boris Nemtsov (sau đó bị ám sát), báo cáo rằng không ai ở Nga

đang nộp thuế, và chính phủ chậm trễ trong việc trả lương. Sau đó, vào tháng Chín năm sau, trong một bữa tối tại Trường Harvard Kennedy, Nghị sĩ có khuynh hướng tự do Grigory Yavlinsky nói rằng: „*Nga hoàn toàn tham nhũng và Yeltsin không có tầm nhìn.*“ Không thể đối phó với hậu quả chính trị của tình hình kinh tế xấu đi, Yeltsin, khi đó trong tình trạng sức khỏe suy giảm, đã chuyển quyền sang cho Putin, cựu đặc vụ KGB vô danh, để giúp ông khôi phục trật tự.

Không có điều nào trong số này có nghĩa là cuộc chiến Ukraine là chuyện không thể tránh khỏi. Nhưng nó đã trở nên ngày càng có thể xảy ra theo thời gian. Vào ngày 24 tháng Hai năm 2022, Putin đã tính toán sai và đốt lửa gây ra đám cháy. Thật khó để thấy là Putin thoát ra khỏi đám cháy này.

Joseph S. Nye Jr. là Giáo sư Đại học Harvard và tác giả sách [Do Morals Matter? Presidents and Foreign Policy from FDR to Trump](#) (Oxford University Press, 2019).

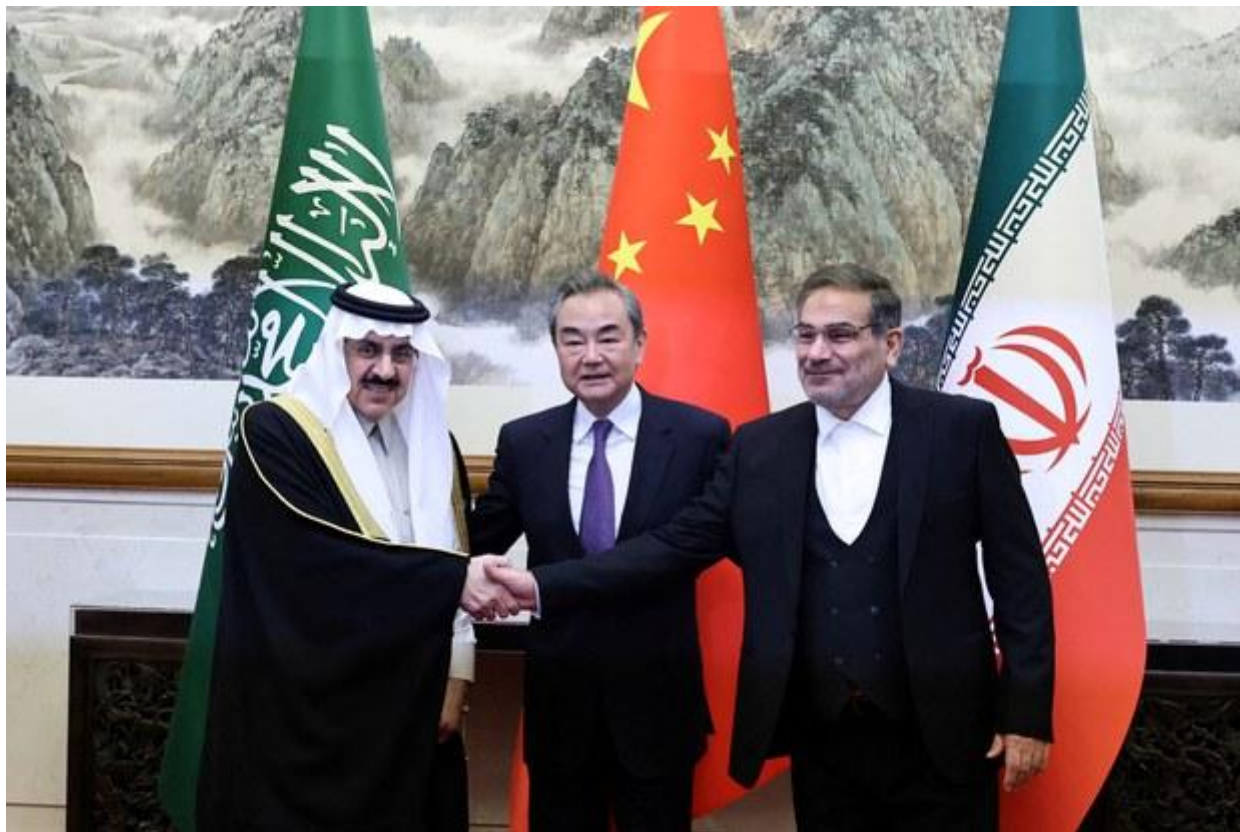
Bài liên quan: [Chiến tranh hạt nhân không thể tránh khỏi? Liệu cuộc chiến tranh Ukraine có thúc đẩy việc phổ biến hạt nhân? Tám bài học từ chiến tranh Ukraine](#)

Trò môi giới của Trung Quốc sẽ dẫn đến cái gì?

Bình luận của Kỳ Duyên

2023.03.17

Capture à partir de :[RFA](#)



Chủ nhiệm Văn Phòng Ủy ban Đối ngoại Trung ương của Đảng Cộng sản Trung Quốc (ĐCSTQ) Vương Nghị (giữa) và ông Ali Shamkhani - thư ký Hội đồng An ninh Quốc gia Tối cao Iran (phải) và cố vấn an ninh quốc gia Ả-rập Saudi Musaad bin Mohammed Al Aiban hội kiến tại Bắc Kinh, ngày 10 tháng 3, 2023. Reuters

Iran và Ả Rập Xê-út vừa nối lại quan hệ ngoại giao sau bảy năm căng thẳng. Riyadh cảm ơn Tập Cận Bình đã hỗ trợ cho việc phát triển quan hệ giữa hai nước Hồi giáo. Teheran nhắc lại chuyến thăm Bắc Kinh của Tổng thống Ebrahim Raisi và các trao đổi với Tập Chủ tịch là nền tảng cho đàm phán vừa qua. Liệu Hà Nội có cảm nhận được sức nóng từ những phản ứng ngược của Mỹ và phương Tây đối với sự “lấn sân” của Bắc Kinh?

Trung Quốc “dấu đầu hờ đuôi”

Trợ lý Ngoại trưởng Mỹ Daniel Russel dưới thời cựu Tổng Thống Barack Obama thừa nhận rằng, vai trò môi giới của Trung Quốc trong thỏa thuận giữa Ả Rập Xê-út và Iran ngày 10/03/2023 có “ý nghĩa quan trọng” đối với Washington. Theo ông, hành động lần này của Trung Quốc khá bất thường. Ông nghi ngờ, đây là điềm báo về nỗ lực môi giới khác của Trung Quốc đối với cuộc chiến tranh của Nga ở Ukraine. Nhà phân tích cao cấp Naysan Rafati tại Tổ Chức Khủng Hoảng Quốc Tế

cũng cho rằng, kết quả lần này chưa chắc là điều tốt với Mỹ. Khi Mỹ và Tây phương đang chống lại Iran, thì phi vụ môi giới của Trung Quốc khiến Tehran tin rằng, mình có thể phá vỡ thế bị cô lập mà vẫn thu hút được sự che chở từ các cường quốc khác (ngoài Mỹ). Dù sao phải thừa nhận đường hướng ngoại giao của Tập Cận Bình đã thành tựu qua cuộc thử nghiệm này [\(1\)](#).

Lần Mỹ ở Trung Đông một cách quyết liệt và không khoan nhượng, nhưng Trung Quốc lại muốn quảng bá nền ngoại giao “hòa bình” của tân Chủ nhiệm Vương Nghị (Wang Yi) được sinh ra với sứ mệnh của các “nhà điều giải đáng tin cậy”. Hình ảnh được phổ biến trên các mạng xã hội cho thấy ba cái bàn lớn, xếp hình tam giác, quốc kỳ của Ả Rập Xê-út, Trung Quốc và Iran trên nền những bức tranh đông phương như thường được trang trí tại các sảnh đường của các tòa nhà chính thức của Cộng hòa Nhân dân Trung hoa. Đứng giữa các đại diện cao cấp về an ninh của Teheran và Riyadh, Chủ nhiệm Văn Phòng Ủy ban Đối ngoại Trung ương của Đảng Cộng sản Trung Quốc (ĐCSTQ) Vương Nghị hoan nghênh “thắng lợi của đối thoại và hòa bình” [\(2\)](#).

Hệ thống truyền thông của Hà Nội, kể cả các trang mạng “quốc doanh” từ các tỉnh thành, đều đồng loạt đưa tin, sau bốn ngày đàm phán bí mật tại thủ đô Bắc Kinh, Tehran và Riyadh đã đồng ý ký tuyên bố chung về việc nối lại quan hệ ngoại giao và mở lại các đại sứ quán trong vòng hai tháng. Ngoài ra, hai quốc gia Hồi giáo ở Trung Đông cũng đồng ý kích hoạt lại Hiệp định hợp tác an ninh năm 2001, cũng như một Hiệp định khác trước đó về thương mại, kinh tế và đầu tư. Đại diện các bên trong lễ ký kết gồm: Thư ký Hội đồng An ninh Tối cao Iran Ali Shamkhani, Cố vấn an ninh quốc gia Ả Rập Xê-út Musaed bin Mohammed Al-Aiban và Chủ nhiệm Văn phòng Ủy ban Công tác Đối ngoại Trung ương ĐCSTQ Vương Nghị [\(3\)](#).

Bộ Ngoại giao Trung Quốc dẫn lời một phát ngôn viên không nêu tên nói rằng Trung Quốc “không theo đuổi bất kì lợi ích vị kỉ nào” và phản đối cạnh tranh địa chính trị trong khu vực. “Trung Quốc không có ý định và sẽ không tìm cách lấp đầy cái gọi là khoảng trống hoặc thiết lập các khối độc quyền,” phát biểu nói, dường như ám chỉ Mỹ. “Trung Quốc sẽ tiếp tục đóng góp những hiểu biết và đề xuất của mình cho việc hiện thực hóa hòa bình và yên ổn ở Trung Đông và đóng vai trò là một quốc gia lớn có trách nhiệm trong quá trình này.” Trước nay, Trung Quốc đã bị chỉ trích nặng nề vì không lên án cuộc xâm lược của Nga và cáo buộc Mỹ và NATO kích động xung đột. Một đề xuất của Trung Quốc kêu gọi ngừng bắn và đàm phán hòa bình giữa Nga và Ukraine đã không đi đến đâu, phần lớn là do nhận thức rằng Trung Quốc hậu thuẫn cho Nga.

Trước “Bộ Ngũ” nguy hiểm của Trung Quốc

Dự luận lâu nay vẫn hết sức cảnh giác khi Trung Quốc tuyên bố tới đây sẽ triển khai các chủ trương lớn như Sáng kiến BRI (*Vành đai con đường*), GDI (*Phát triển toàn cầu*) và GSI (*An ninh toàn cầu*) như là những trụ cột cho một “Pax Sinica” (Trật tự Trung Hoa mới) nhằm thay thế cho trật tự hiện hành “Pax America” dựa trên luật lệ của Mỹ và thế giới phương Tây. Với cái gọi là “thắng lợi của đối thoại và hòa bình” giữa Iran và Ả Rập Xê-út như cách nói của tân Chủ nhiệm Vương nghị, cùng với kế hoạch 12 điểm để tái lập hòa bình đối với cuộc chiến ở Ukraine – Dù kế hoạch này chưa đi đến đâu – *thế giới từ nay có thể nhìn thấy rõ hơn bản chất nguy hiểm của cái gọi là “Sáng kiến An ninh Toàn cầu” (GSI) đầy tham vọng. Trung Đông không phải là địa bàn đầu tiên để Trung Quốc áp dụng “pe-rơ-đam” này. Trước đây, Trung Quốc đã thành công trong việc lần lượt “thuyết phục” cả ba nước Việt – Miên – Lào tham gia vào quá trình này (4).*

Các tuyên bố chung Trung – Việt, Trung – Lào và Trung Quốc – Campuchia từ cuối năm ngoái đến gần đây đều tung hô cả ba sáng kiến “vĩ đại” nói trên của Bắc Kinh như là những nền tảng

của “Trật tự mới”. Sau một thời gian dài “thò ra thụt vào”, cuối cùng, Việt Nam cũng đã chấp thuận tham gia vào “cộng đồng chung vận mệnh” hay còn có tên gọi khác là “cộng đồng có tương lai cùng sẻ chia” với Trung Quốc. Điều này khiến dư luận phải cảnh giác: Rồi đây Trung Quốc sẽ triển khai tiếp mạng lưới “Bộ Ngũ” này ở Đông Nam Á đến quy mô nào? “*Bộ Ngũ*” này vốn có hỗn danh khác là “*Trục ma quỷ*” gồm Trung Quốc, LB Nga, Bắc Triều Tiên, Iran và Ả rập Xê-út”. Liệu nay mai, cái trục này có được mở rộng thêm thành 8 nước, sau khi cả ba nước Đông Dương đều “bỏ phiếu” cho “Pax Sinica”? Trong đó, Campuchia sẽ đóng vai trò dẫn dắt, vì chính Samdech Hun Sen từng tuyên bố: “Ngày nay không dựa vào Trung Quốc thì dựa vào ai?” Và lúc đó, Việt Nam và Lào sẽ trở thành những thành viên “phôi thuộc”? (5)

Giờ đây, nhìn lại các mũi tiến công ngoại giao của Trung Quốc ở Trung Đông, Nam Thái bình Dương và ngay tại Đông Nam Á, không mấy ngạc nhiên thấy “ngoại giao cây tre” của Việt Nam đang trở nên thật chông chênh. Nếu bất chấp những nỗ lực từ nay đến cuối năm mà quan hệ Việt – Mỹ vẫn dậm chân tại chỗ, thì Việt Nam quả thật sẽ rất khó chống đỡ trước những cám dỗ của sự mở rộng “Bộ Ngũ”. Việc mở rộng thêm “Bộ Ngũ” rất có thể sẽ là tham vọng mới của Bắc Kinh. Về phần Hoa Kỳ, Tổng thống Joe Biden đang phải đối mặt với những thách thức trong việc lấy lại lòng tin cho các thành viên ASEAN. Mặc dù các cam kết cấp cao đã được khởi xướng, nhưng Mỹ buộc phải làm nhiều hơn nữa để lấy lại niềm tin của khu vực vào tính nhất quán và độ tin cậy đối với các chính sách của Washington.

Ngày 13/03/2023, tại California, Hoa Kỳ, Tổng thống Joe Biden, cùng với hai Thủ tướng Úc và Anh, đã công bố kế hoạch hợp tác chưa từng có về tàu ngầm chạy bằng năng lượng hạt nhân, nhằm đối phó với các thách thức của Trung Quốc tại khu vực châu Á – Thái Bình Dương, bất chấp việc Bắc Kinh ngay lập tức lên án gay gắt, gọi đây là một “hướng đi sai lầm và nguy hiểm”. Dự án Mỹ bán tàu ngầm cho Úc, và phối hợp với Anh

sản xuất tàu ngầm hạt nhân “thế hệ mới” tại Úc, kéo dài ít nhất hai thập niên. Thủ tướng Úc Anthony Albanese cho biết đây là “đầu tư lớn nhất” trong lịch sử quốc gia này. Ngay trong những năm đầu tiên, chi phí của Úc ước tính gần 40 tỷ đô la (6). Chiến dịch “phản đòn” này của Mỹ khiến Trung Quốc có thể phải đưa ra một quyết định quan trọng. Liệu nước này có nên giới hạn cuộc tấn công của mình vào Đài Loan, với hy vọng tạo ra một việc đã rồi? Hay Trung Quốc sẽ tấn công các lực lượng của Mỹ trong khu vực, tạo ra một Trân Châu Cảng mới? Lựa chọn đầu tiên tạo cho Mỹ tự do tấn công hạm đội xâm lược. Lựa chọn thứ hai sẽ khiến Mỹ phải toàn tâm toàn ý tham gia vào cuộc chiến và có thể cả Nhật Bản nữa, nếu Trung Quốc tấn công các căn cứ của Mỹ ở đó (7).

Tham khảo:

1.

<https://www.wsj.com/articles/china-plans-summit-of-persian-gulf-arab-and-iranian-leaders-as-new-middle-east-role-takes-shape-357cfd7e>

2.

<https://www.rfi.fr/vi/ch%C3%A2u-%C3%A1/20230311-t%E1%BA%A1i-b%E1%BA%AFc-kinh-%E1%BA%A3-r%E1%BA%ADp-x%C3%AA-%C3%BAt%E2%80%93iran-th%C3%B4ng-b%C3%A1o-kh%C3%B4i-ph%E1%BB%A5c-quan-h%E1%BB%87-ngo%E1%BA%A1i-giao>

3.

<https://truyenhinhthanhhoa.vn/iran-a-rap-xe-ut-noi-lai-quan-he-va-phan-ung-cua-cac-nuoc-180230311174629695.htm>

4.

<https://www.voatiengviet.com/a/trung-quoc-gianh-giat-tung-inch-mot-con-viet-na-m-van-bap-benh-nhu-mot-an-so/7002279.html>

5.

<https://vnexpress.net/hun-sen-khong-dua-vao-trung-quoc-thi-dua-vao-ai-4281581.html>

6. <https://au.usembassy.gov/aucus-joint-leaders-statement/>

7.

https://www.economist.com/briefing/2023/03/09/america-and-china-are-preparing-for-a-war-over-taiwan?fbclid=IwAR2vJ20YZ4T71WbMWY1e_e_7YzziTekgQ7_I3y69E4-dYRAF-BoM8o8Kaug

Kỷ nguyên của các liên kết tiểu đa phương

20/01/2023



Nguồn: Husain Haqqani và Narayanappa Janardhan, "[The Minilateral Era](#)," *Foreign Policy*, 10/01/2023

Biên dịch: Nguyễn Thị Kim Phụng

Các cường quốc tầm trung từ Ấn Độ đến Israel hiện đang theo đuổi các quan hệ đối tác nhỏ, dựa trên những vấn đề cụ thể, nằm ngoài các thể chế chính thức.

Tháng 9 năm ngoái, bên lề cuộc họp của Đại hội đồng Liên Hiệp Quốc, các ngoại trưởng Ấn Độ, Pháp, và Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất (UAE) đã vạch ra một chiến lược ba bên. Mỗi bên đều đã có quan hệ song phương mạnh mẽ với hai bên còn lại, vì vậy họ nhất trí sẽ theo đuổi quan hệ đối tác nhóm rộng lớn hơn. Ấn Độ và Pháp cũng vừa tham gia một nỗ lực tương tự nhằm tạo ra một chương trình nghị sự chung với Australia.

Trước đó, cũng trong năm 2022, một hội nghị thượng đỉnh trực tuyến giữa Ấn Độ, Israel, UAE và Mỹ – Nhóm I2U2 – đã thiết lập một "quan hệ đối tác vì tương lai" và công bố các dự án an ninh lương thực trị giá 2,3 tỷ USD. Sáng kiến này bao gồm các khoản đầu tư vào cái gọi là công viên thực phẩm ở Ấn Độ, nơi

sẽ liên kết các trang trại với thị trường tiêu dùng bằng công nghệ nông nghiệp của Israel và Mỹ.

Được khuyến khích bởi sự phân mảnh của trật tự thế giới, các nhóm nằm giữa chủ nghĩa song phương (bilateralism) và chủ nghĩa đa phương (multilateralism) này – được gọi là các nhóm tiểu đa phương (minilateral/plurilateral) – đang ngày càng trở nên quan trọng. Ngôn ngữ của chính sách đối ngoại Mỹ hiện vẫn tập trung vào cạnh tranh ngang hàng với Trung Quốc và Nga, nhưng hầu hết các cường quốc hạng trung đã bày tỏ mong muốn hình thành một thế giới đa liên kết và đa mạng lưới – thậm chí là một thế giới “không phân cực.” Bằng cách làm việc cùng nhau trong một chương trình nghị sự cụ thể, các nhóm nhỏ sẽ tránh được sự phức tạp của việc ra quyết định trong các tổ chức lớn hơn.

Với việc các tổ chức đa phương như Liên Hiệp Quốc và Liên minh châu Âu thất bại trong việc điều phối chính sách đối ngoại của mình, một vài quốc gia đã chuyển sang hoạt động bên ngoài các thể chế chính thức, lựa chọn các quan hệ đối tác ngắn hạn và dựa trên từng vấn đề cụ thể. Các cơ chế tiểu đa phương có phạm vi hẹp hơn so với các cơ chế đa phương, thường không có tính chính thức, và chỉ gồm một số ít quốc gia có cùng lợi ích. Chúng mang tính thực tế, dễ thích nghi, tiết kiệm, và tự nguyện – không chứa đựng những ràng buộc thể chế. Trong khi đó, hầu hết các thể chế đa phương phải phục vụ cho những kỳ vọng và tham vọng cạnh tranh của nhiều quốc gia, theo đó làm chậm quá trình ra quyết định và phát sinh chi phí lớn về hành chính.

Năm 2022, các nhà lãnh đạo Singapore, Ấn Độ, UAE đã nhắc đi nhắc lại rằng họ không muốn lựa chọn giữa Trung Quốc và Mỹ. Hầu hết các quan hệ tiểu đa phương cũng được thiết kế để tăng cường hợp tác chức năng giữa các quốc gia có cùng chí hướng và tránh các xung đột địa chính trị. Ví dụ, Nhóm I2U2 được gọi là “Bộ tứ mới.” Nhưng đây là một cách gọi sai: Khác

với nhóm Bộ tứ – Đối thoại An ninh Bốn bên (Quad) gồm Australia, Ấn Độ, Nhật Bản, và Mỹ – Bộ tứ mới tập trung vào cơ sở hạ tầng công nghệ hơn là cạnh tranh với Trung Quốc hoặc đối đầu với Iran.

Thực ra, ngay cả Bộ tứ đầu tiên cũng không phải là một liên minh quân sự hay một quan hệ đối tác quốc phòng, nguyên nhân chủ yếu là do các thành viên của khối này vẫn đang do dự trong việc tự ràng buộc mình bằng một hiệp ước quân sự chính thức. Tại thượng đỉnh Quad gần đây nhất ở Tokyo vào tháng 5/2022, các thành viên đã xác định an ninh y tế toàn cầu, khí hậu, các công nghệ quan trọng và mới nổi, mạng, không gian, và cơ sở hạ tầng là các lĩnh vực hợp tác. Họ cũng đã công bố Hiệp định Đối tác Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương về Định vị Hàng hải, theo đó cho phép theo dõi các tàu không bắt thiết bị định tuyến (dark shipping) ở Quần đảo Thái Bình Dương, Đông Nam Á, và Ấn Độ Dương.

Hầu hết các nhóm tiểu đa phương cũng dựa trên cơ sở tự nguyện và không bị ràng buộc về mặt pháp lý. Chúng gồm nhiều bên liên quan, kể cả các tập đoàn và tổ chức phi chính phủ, thay vì lấy các quốc gia làm trung tâm. Điều này khiến việc ra quyết định là từ dưới lên thay vì từ trên xuống. Các nhóm tiểu đa phương dựa trên vấn đề cụ thể có xu hướng không gắn gũ về mặt địa lý, nghĩa là chúng khác với các nhóm khu vực như Hiệp hội Hợp tác Khu vực Nam Á, Hiệp hội các Quốc gia Đông Nam Á, Liên minh Châu Phi, Tổ chức các Quốc gia Châu Mỹ, và Liên minh Châu Âu.

Chủ nghĩa tiểu đa phương đã tạo điều kiện thuận lợi cho hợp tác kinh tế theo những cách mà chủ nghĩa đa phương không làm được. Hầu hết các thể chế đa phương đều bị trì trệ bởi các lợi ích cạnh tranh với nhau. Điều đáng chú ý là một số cơ chế tiểu đa phương, bao gồm cả nhóm I2U2, đã phát triển quan hệ đối tác công-tư, mà ví dụ nổi bật là sự hợp tác giữa Israel, Ấn Độ, và UAE. Mỹ đã giúp I2U2 có thêm động lực khi tham gia,

nhưng liên hệ giữa ba bên còn lại đã luôn hiện diện kể từ Hiệp định Abraham. Israel, Ấn Độ, và UAE là các cường quốc tầm trung đang lên với tổng GDP khoảng 4 nghìn tỷ USD, sở hữu nguồn vốn, công nghệ, và thị trường dồi dào.

Các nỗ lực ngoại giao kênh 2 – tức thảo luận không chính thức giữa các quan chức và cựu quan chức do các viện chính sách hoặc các tổ chức phi chính phủ tổ chức – đang xem xét tiềm năng cho một quan hệ đối tác mới, bổ sung Hàn Quốc vào nhóm I2U2 hiện có bốn thành viên. Động lực của các nhóm tiểu đa phương gồm các cường quốc tầm trung kiểu này có thể tạo cơ sở để tiếp tục bổ sung thêm nhiều quốc gia khác. Nhưng thách thức là phải đảm bảo rằng nhóm không trở nên quá lớn, khiến các bên tham gia phải giải quyết các lợi ích và kỳ vọng quá khác biệt.

Ấn Độ đã trở thành nước đi đầu trong việc ủng hộ chủ nghĩa tiểu đa phương, một yếu tố quan trọng để đạt được tình trạng đa cực mà nước này mong muốn. Các cơ chế tiểu đa phương cho phép Ấn Độ duy trì chính sách tự chủ chiến lược – không liên minh với bất kỳ cường quốc lớn nào – đồng thời tạo điều kiện cho quan hệ đối tác chặt chẽ với Mỹ và các nước khác trong từng lĩnh vực cụ thể. Chẳng hạn, năm 2019, Ấn Độ đã hợp tác với Nhật Bản và UAE để khởi động hai dự án ba bên ở châu Phi, gồm một bệnh viện ung thư ở Kenya và một trung tâm giáo dục từ xa ở Ethiopia. Các dự án này hoạt động song song với các dự án phát triển của Trung Quốc nhưng không thể hiện rõ sự cạnh tranh với Trung Quốc. Chủ nghĩa tiểu đa phương của Ấn Độ đã phản ánh sự mở rộng của các quan hệ đối tác. Chẳng hạn, Ấn Độ và UAE hiện đang có quan hệ song phương, ba bên và bốn bên.

Chủ nghĩa tiểu đa phương cũng đang phát triển mạnh mẽ ở Mỹ Latinh. Là những nước nắm giữ hơn một nửa trữ lượng lithium của thế giới, Argentina, Bolivia, Chile, và Mexico, đã thành lập một nhóm để đảm bảo rằng các nước khác không khai thác tài

nguyên của họ. Giá của lithium carbonate đã tăng gần 500% trong hai năm qua và dự kiến sẽ tiếp tục tăng khi nhu cầu về pin và xe điện lên cao, khiến cho sự hợp tác này trở nên cần thiết. Argentina thậm chí còn xem xét thành lập một hiệp hội lithium khu vực tương tự như Tổ chức Các nước Xuất khẩu Dầu mỏ (OPEC).

Các nhóm tiểu đa phương cho phép các quốc gia có cùng chí hướng hợp tác với nhau trong các lĩnh vực thường bị cản trở bởi các cơ chế đa phương hoặc các nhóm quốc gia lớn hơn. Ví dụ, có nhiều nhóm tiểu đa phương đang theo đuổi mục tiêu chung, thực tế về khí hậu, trong khi việc đạt được thỏa thuận về vấn đề khí hậu trong những tổ chức đa phương rộng lớn hơn là rất khó. Trong một diễn biến quan trọng, UAE và Indonesia đã công bố một cơ chế tiểu đa phương cam kết thúc đẩy bảo tồn rừng ngập mặn trên toàn thế giới trong hội nghị thượng đỉnh về khí hậu của Liên Hiệp Quốc tại Ai Cập vào tháng 11 năm ngoái. Được gọi là Liên minh Rừng ngập mặn vì Khí hậu, nhóm này cũng bao gồm Ấn Độ, Sri Lanka, Australia, Nhật Bản và Tây Ban Nha.

Trong khi đó, Mỹ đang đẩy mạnh tham gia vào các cơ chế tiểu đa phương, biến chúng thành một công cụ quan trọng cho ngoại giao kinh tế. Liên minh Chip 4 gồm Mỹ, Đài Loan, Nhật Bản, và Hàn Quốc đã tạo ra một nhóm chuỗi cung ứng của các nhà sản xuất chip hàng đầu. Dù sáng kiến này dựa trên quan ngại về kinh tế, nhưng đằng sau nó còn có một yếu tố địa chính trị: Mục đích của nó là chống lại sự thống trị của Trung Quốc trong việc thiết kế và sản xuất chất bán dẫn tiên tiến. Sự tham gia của Mỹ vào các nhóm tiểu đa phương có thể được thúc đẩy bởi những cân nhắc về địa chính trị, nhưng cơ chế này cũng cho phép các quốc gia không muốn tập trung vào cạnh tranh địa chính trị cộng tác với Mỹ trong các vấn đề mà hai bên cùng quan tâm.

Bối cảnh địa chiến lược đang thay đổi đã tạo ra những cơ hội hợp tác mới giữa các cường quốc tầm trung. Chủ nghĩa tiểu đa phương cũng có thể trở thành mô hình cho các thị trường mới nổi và các nước đang phát triển. Dù lợi ích của các nhóm tiểu đa phương dường như vượt xa chi phí, nhưng chúng vẫn đi kèm với một số rủi ro. Chủ nghĩa tiểu đa phương có thể khiến các tổ chức quốc tế vốn đã kém hiệu quả lại càng trở nên kém hiệu quả và có thể dẫn đến các tranh chấp. Nhưng trong nhiều trường hợp, quan hệ song phương đã đạt đến điểm bão hòa, còn các thể chế đa phương lại hoạt động không hiệu quả. Dù có hay không có Mỹ, chủ nghĩa tiểu đa phương vẫn sẽ phát triển mạnh trong những năm tới, giống như phong trào không liên kết đã đạt được sức hút trong Chiến tranh Lạnh.

Husain Haqqani là nhà ngoại giao thường trú tại Học viện Ngoại giao Anwar Gargash ở Abu Dhabi và là nghiên cứu viên cấp cao tại Viện Hudson. Ông từng là Đại sứ Pakistan tại Mỹ từ năm 2008 đến năm 2011.

Narayanappa Janardhan là nghiên cứu viên cấp cao tại Học viện Ngoại giao Anwar Gargash và là nghiên cứu viên không thường trú tại Viện Các quốc gia vùng Vịnh Ả Rập ở Washington.